

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
NGÔN NGỮ ANH**

(Trình độ đại học)

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Giai đoạn đánh giá: 01/01/2020-31/12/2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 02 – năm 2025

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
NGÔN NGỮ ANH**

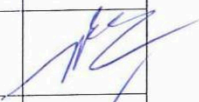
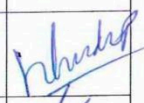
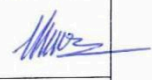
(Trình độ đại học)

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Giai đoạn đánh giá: 01/01/2020-31/12/2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 02 – năm 2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Nguyễn Thị Hải Hằng	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch	
2.	Cổ Tấn Anh Vũ	Phó Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch	
3.	Nguyễn Thị Như Diệp	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch	
4.	Vũ Hoàng Minh	Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
5.	Nguyễn Nữ Tường Vi	Phụ trách Phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên	
6.	Nguyễn Minh Tùng	Trưởng Phòng tuyển sinh và Công tác sinh viên	Thành viên	
7.	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	Chủ tịch công đoàn Học viện	Thành viên	
8.	Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất	Thành viên	
9.	Nguyễn Thị Thu Trà	Phụ trách Phòng KHCN và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
10.	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Trưởng Bộ môn Ngữ học và Văn chương, Khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
11.	Hoàng Thị Kim Quy	Thành viên Hội đồng Học viện	Thành viên	
12.	Nguyễn Thanh Hào	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên	
13.	Nguyễn Tuấn Định	Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	1
PHẦN I. KHÁI QUÁT	2
1.1. Đặt vấn đề	2
1.2. Tổng quan chung	9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	19
Tiêu chuẩn 1..	19
Mở đầu.....	19
Tiêu chí 1.1.....	19
Tiêu chí 1.2.....	28
Tiêu chí 1.3.....	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....</i>	<i>40</i>
Tiêu chuẩn 2.	41
Mở đầu.....	41
Tiêu chí 2.1.....	42
Tiêu chí 2.2.....	44
Tiêu chí 2.3.....	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....</i>	<i>49</i>
Tiêu chuẩn 3.	50
Mở đầu.....	50
Tiêu chí 3.1.....	50
Tiêu chí 3.2.....	56
Tiêu chí 3.3.....	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....</i>	<i>61</i>
Tiêu chuẩn 4.	62
Mở đầu.....	62
Tiêu chí 4.1.....	62
Tiêu chí 4.2.....	67
Tiêu chí 4.3.....	73

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....</i>	<i>77</i>
Tiêu chuẩn 5.	78
Mở đầu.....	78
Tiêu chí 5.1.....	78
Tiêu chí 5.2.....	83
Tiêu chí 5.3.....	87
Tiêu chí 5.4.....	92
Tiêu chí 5.5.....	95
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....</i>	<i>98</i>
Tiêu chuẩn 6.	99
Mở đầu.....	99
Tiêu chí 6.1.....	99
Tiêu chí 6.2.....	104
Tiêu chí 6.3.....	110
Tiêu chí 6.4.....	114
Tiêu chí 6.5.....	118
Tiêu chí 6.6.....	122
Tiêu chí 6.7.....	126
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....</i>	<i>131</i>
Tiêu chuẩn 7.	132
Mở đầu.....	132
Tiêu chí 7.1.....	132
Tiêu chí 7.2.....	137
Tiêu chí 7.3.....	140
Tiêu chí 7.4.....	143
Tiêu chí 7.5.....	147
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 7.....</i>	<i>151</i>
Tiêu chuẩn 8.	151
Mở đầu.....	151

Tiêu chí 8.1.....	152
Tiêu chí 8.2.....	156
Tiêu chí 8.3.....	159
Tiêu chí 8.4.....	164
Tiêu chí 8.5.....	167
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8.....</i>	<i>174</i>
Tiêu chuẩn 9.	175
Mở đầu.....	175
Tiêu chí 9.1.....	176
Tiêu chí 9.2.....	179
Tiêu chí 9.3.....	182
Tiêu chí 9.4.....	185
Tiêu chí 9.5.....	191
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....</i>	<i>195</i>
Tiêu chuẩn 10.	196
Mở đầu.....	196
Tiêu chí 10.1.....	196
Tiêu chí 10.2.....	199
Tiêu chí 10.3.....	202
Tiêu chí 10.4.....	208
Tiêu chí 10.5.....	209
Tiêu chí 10.6.....	215
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....</i>	<i>220</i>
Tiêu chuẩn 11.	222
Mở đầu.....	222
Tiêu chí 11.1.....	222
Tiêu chí 11.2.....	224
Tiêu chí 11.3.....	226
Tiêu chí 11.4.....	228

Tiêu chí 11.5.....	230
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....</i>	233
PHẦN III. KẾT LUẬN	235
PHẦN IV. PHỤ LỤC	257

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBGVNV	Cán bộ, giảng viên và nhân viên
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CGCN	Chuyên gia công nghệ
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐT	Đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GTVT	Giao thông vận tải
GV	Giảng viên
HKVN	Hàng không Việt Nam
HN&TVVL	Hướng nghiệp và tư vấn việc làm
HVHKVN	Học viện Hàng không Việt Nam
KHCN	Khoa học công nghệ
KHCN&HTQT	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
KHTC	Kế hoạch – Tài chính
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
LĐTĐ&XH	Lao động Thương binh và Xã hội
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NN	Ngoại ngữ
NNA	Ngôn ngữ Anh
SV	Sinh viên
TCHC	Tổ chức – Hành chính
TS&CTSV	Tuyển sinh và Công tác sinh viên

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá: gồm 04 phần như sau:

- Phần I: Khái quát, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) theo các tiêu chuẩn, tổng quan chung về cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT là Khoa Ngoại ngữ (NN).

- Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: 1/Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; 2/Nêu những điểm mạnh của CTĐT; 3/Nêu những tồn tại của CTĐT; 4/Kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng và 5/Tự đánh giá – Tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức (từ 1 đến 7).

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị thực hiện CTĐT (được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng (được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); kế hoạch cải tiến chất lượng và bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

- Phần IV: Phụ lục, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và văn bản liên quan khác, danh sách các bảng biểu tổng hợp, thống kê..., danh mục minh chứng.

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá:

Sau quá trình rà soát và cập nhập giai đoạn 2021-2024, mục tiêu của CTĐT Khoa NN xác định rõ ràng “Mục tiêu chung” và “Mục tiêu cụ thể”; trong đó, “Mục tiêu chung” trình bày 3 tiểu mục tiêu và “Mục tiêu cụ thể” bao gồm 3 nhóm mục tiêu về “kiến thức”, “kỹ năng”, “năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm” và mỗi nhóm mục tiêu có 2 tiểu mục tiêu.

Mục tiêu đào tạo của CT NNA phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện HKVN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong giai đoạn đánh giá, CĐR

của CTĐT được rà soát, điều chỉnh 03 lần (vào các năm 2022, 2023 và 2024) với sự tham gia đóng góp ý kiến của nhiều doanh nghiệp trong ngành hàng không, các chuyên gia, cựu sinh viên, lãnh đạo Học viện, quản lý các phòng chức năng có liên quan.

Bản mô tả CTĐT Khoa NN hiện đầy đủ thông tin và được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT về ngành đào tạo, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo, CĐR, điều kiện tốt nghiệp, học phần, số tín chỉ... giúp cho sinh viên có hiểu biết tổng thể cũng như chủ động tham gia khoá học. Nội dung chi tiết từng học phần thể hiện rõ mục tiêu, có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức, 102 đề cương học phần (20 học phần thuộc khối kiến thức GDDC và 82 học phần thuộc khối kiến thức GDCN) có đầy đủ các thông tin về đơn vị đào tạo, tên giảng viên; số tín chỉ; CĐR; cấu trúc học phần; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá... Các cơ quan quản lý, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động... dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần CTĐT Khoa NN bằng nhiều hình thức khác nhau như tại buổi gặp mặt đầu khóa học, trang thông tin điện tử của Học viện, trang thông tin sinh viên, hệ thống quản lý học tập điện tử (LMS), sổ tay sinh viên...

CTDH được thiết kế phù hợp yêu cầu của CĐR và được rà soát, điều chỉnh 03 lần (năm 2022, năm 2023 và 2024). Các học phần xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chi tiết từng học phần thể hiện rõ mục tiêu, có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức.

Cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên và sinh viên KTHK hiểu rõ và vận dụng mục tiêu/triết lý giáo dục trong các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, được thể hiện rõ trong các đề cương học phần và được giảng viên sử dụng giúp sinh viên chủ động đạt được CĐR, rèn luyện các kỹ

năng mềm, thiết yếu và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Các kết quả khảo sát cho thấy đa số giảng viên và sinh viên ngành KTHK hài lòng với các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập.

Học viện HKVN đã xây dựng một hệ thống các quy định, quy trình về đánh giá kết quả sinh viên, bao gồm: các phương pháp, công cụ đánh giá; cơ chế phản hồi, khiếu nại kết quả đánh giá. Các văn bản này được phổ biến đến sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau: sổ tay sinh viên, thông qua CVHT, giảng viên giảng dạy học phần. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên phân định rõ ràng mức độ đạt/không đạt nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

Chiến lược phát triển Học viện quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên theo từng giai đoạn. Nhiều chính sách như “Kinh phí thu hút một lần”, “trợ cấp hàng tháng” được sử dụng để thu hút giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ; chính sách hỗ trợ kinh phí học tập, tạo điều kiện về thời gian để học tập nâng cao trình độ, chuẩn hóa chức danh được thực hiện để nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, chuyên viên và nhân viên. Lực lượng giảng viên ngành NNA, chuyên viên, nhân viên của Học viện đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng giờ giảng, giờ NCKH của giảng viên, khối lượng công việc chuyên viên, nhân viên được quy định rõ ràng, có kế hoạch thực hiện và đánh giá kết quả. Năm 2020, Học viện HKVN đã ban hành Quy chế đánh giá năng lực thực hiện để áp dụng KPIs trong việc đánh giá năng lực thực hiện của từng đơn vị, giảng viên, chuyên viên và nhân viên.

Từ năm 2019 đến nay, hằng năm, Học viện tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh ngành NNA thông qua việc khai báo các điều kiện đảm bảo và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ GD&ĐT theo quy định về tuyển sinh với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn rõ ràng, hợp lý và được cập nhật. Trong thời gian học tập tại Học viện HKVN, quá trình học tập, rèn luyện và các hoạt động của sinh viên được giám sát và hỗ trợ bởi hệ thống CVHT, cán bộ các đơn vị chức năng

về quản lý đào tạo, công tác quản lý sinh viên... ;Các kết quả khảo sát cho thấy hơn 80% sinh viên ngành KNN hài lòng với các hoạt động tư vấn hỗ trợ tại Học viện HKVN.

Tỷ lệ phòng học/sinh viên ngành NNA đạt mức 7,7 m²/người. Hệ thống công nghệ thông tin ổn định, wifi phủ sóng tại giảng đường, thư viện, văn phòng làm việc; các phần mềm quản lý hành chính, quản lý đào tạo đầy đủ tính năng, giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên dễ dàng truy cập tìm kiếm, trao đổi thông tin bằng cách sử dụng tài khoản được cung cấp miễn phí.

Thư viện có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho CTĐT NNA với 122 (tính đến hết năm học 2023-2024) nhan đề, đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu cho CTĐT NNA. Bên cạnh tài liệu giấy, Học viện đã mua cơ sở dữ liệu điện tử tailieu.vn từ năm 2018 đến năm 2021; năm 2019 mua cơ sở dữ liệu Thư viện Pháp Luật phục vụ các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Từ năm 2022, để tăng cường nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến, Học viện mua tài khoản sử dụng của Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh với 18 CSDL trực tuyến nước ngoài và 07 cơ sở dữ liệu trực tuyến trong nước đảm bảo nhu cầu học tập, giảng dạy nghiên cứu của người học và giảng viên. Trong giai đoạn 5 năm từ năm 2019 đến năm 2023, Học viện đã đầu tư gần 450 triệu đồng cho cơ sở dữ liệu trực tuyến.

Định kỳ, Học viện HKVN thực hiện thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan bằng hệ thống các công cụ, phương pháp, để cung cấp thông tin cho hoạt động thiết kế và phát triển CTDH. Các hoạt động dạy, học, đánh giá kết quả học tập, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được rà soát và đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau như khảo sát giảng viên, sinh viên, họp sơ kết, tổng kết khoa, trường... để đưa ra các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

Phòng Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi số lượng và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, thôi học, để phân tích, đánh giá và tìm những giải pháp hỗ trợ sinh viên tiếp tục việc học tập. CVHT tư vấn sinh viên chọn thời điểm phù hợp để trả nợ học phần. Định kỳ, Học viện

khảo sát giảng viên, chuyên viên, nhân viên và sinh viên đang học về các hoạt động/phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả học tập, môi trường làm việc, học tập và CTĐT; khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát sinh viên tốt nghiệp sau một năm về khả năng đáp ứng của CTĐT và tình hình việc làm; khảo sát nhà sử dụng lao động về khả năng đáp ứng của CTĐT và chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Các dữ liệu khảo sát được so sánh, phân tích, đánh giá để làm căn cứ đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng mọi hoạt động.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Các minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo nguyên tắc:

Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

b. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá; sự tham gia của các bên liên quan, cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo

Mục đích tự đánh giá:

Học viện HKVN và Khoa NN tiến hành tự đánh giá nhằm mục đích tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành NNA; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Học viện HKVN và Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp

với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để đăng ký đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng CTĐT.

Quy trình tự đánh giá:

Để hoàn thành tự đánh giá, Học viện HKVN đã thực hiện các công việc chính sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành NNA bao gồm đại diện Hội đồng Học viện, Ban giám đốc Học viện, trưởng đơn vị thực hiện CTĐT, trưởng đơn vị đảm bảo chất lượng, quản lý bộ môn, đại diện giảng viên, sinh viên, tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên.

2. Thành lập Ban thư ký giúp viện Hội đồng và 04 nhóm chuyên trách. Các nhóm chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin minh chứng, viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn; viết các nội dung cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục theo nhiệm vụ được phân công.

3. Lập kế hoạch tự đánh giá và phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

4. Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng; viết báo cáo tiêu chí theo 11 tiêu chuẩn tự đánh giá CTĐT.

5. Ban thư ký, chuyên gia tư vấn làm việc với từng nhóm chuyên trách để rà soát, chỉnh sửa các tiêu chí, tiêu chuẩn, danh mục minh chứng; Ban thư ký tổng hợp Dự thảo báo cáo tự đánh giá (2 lần dự thảo).

6. Họp hội đồng để góp ý Dự thảo và gửi lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt và toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, sinh viên.

7. Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá chính thức.

8. Công bố báo cáo tự đánh giá CTĐT trong toàn Học viện.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Học viện HKVN tự xem xét, phân tích, báo cáo thực trạng và kết quả triển khai các hoạt động của CTĐT ngành NNA căn cứ vào Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ

trưởng Bộ GD&ĐT; Văn bản số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của Giáo dục Đại học của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; Văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31 tháng 12 năm 2020, về hướng dẫn từ đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 744/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng ban hành ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của CV2085/QLCL-KĐCLGD; Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của Giáo dục Đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

Báo cáo tự đánh giá sử dụng các thông tin, số liệu chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024 để tập trung phân tích:

1. Mô tả, phân tích, giải thích và đưa ra những nhận định để làm rõ thực trạng.
2. Chỉ ra những điểm mạnh.
3. Phân tích và lý giải những điểm tồn tại.
4. Đưa ra được kế hoạch đầu tư nguồn lực để phát huy mặt mạnh và những giải pháp khắc phục các tồn tại nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động.
5. Tự đánh giá mức ĐẠT hoặc mức CHƯA ĐẠT theo thang đánh giá 7 mức.

Sự tham gia của các bên liên quan, cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo:

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT ngành NNA được thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Học viện, một Phó chủ tịch là Phó Giám đốc Học viện, một Phó Chủ tịch là Phụ trách Khoa NN (đơn vị thực hiện CTĐT), cán bộ quản lý bộ môn và đại diện giảng viên thuộc khoa; thành viên đại diện Hội đồng Học viện; thành viên thuộc các phòng chức năng có liên quan; thành viên đại diện tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, sinh viên. Hội đồng Tự đánh giá chỉ đạo triển khai tự đánh giá CTĐT ngành NNA và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT.

Các nhóm chuyên trách viết các tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng bao gồm các thành viên là giảng viên thuộc Khoa NN, chuyên viên, nhân viên các phòng chức năng, đại diện tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên.

Dự thảo Báo cáo Tự đánh giá CTĐT ngành NNA được gửi đến các bên liên quan góp ý: Gửi qua hệ thống quản lý hành chính điện tử (Base.vn) đến toàn thể cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên; gửi đến sinh viên thông qua trang thông tin sinh viên.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan về Học viện Hàng không Việt Nam

Học viện HKVN là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của nước CHXHCN Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường HKVN. Học viện HKVN có lịch sử phát triển hơn 40 năm và 13 năm đào tạo trình độ đại học, 8 năm đào tạo trình độ cao học.

Học viện HKVN là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GTVT, được giao quyền tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự... theo quy định của pháp luật; là cơ sở giáo dục đại học đầu ngành trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước về lĩnh vực hàng không dân dụng, giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho ngành hàng không Việt Nam.

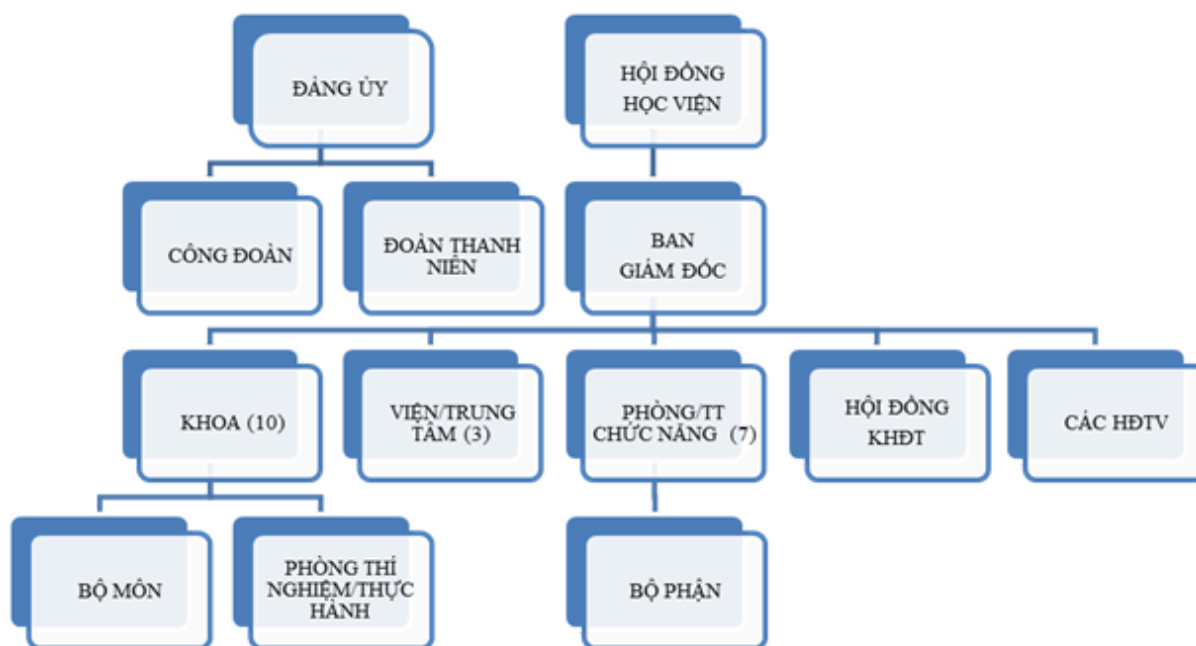
Học viện HKVN được Bộ GTVT, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTB&XH và Cục HKVN phê duyệt là cơ sở đào tạo: đa cấp độ; đa hình thức và đa ngành, nghề chuyên ngành hàng không.

Các CTĐT của Học viện HKVN được xây dựng theo quy định của Việt Nam, phù hợp với chuẩn quốc tế. Mỗi CTĐT đảm bảo kiến thức, kỹ năng cho sinh viên theo định hướng ứng dụng đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng trong ngành hàng không cũng như xã hội.

Ngoài ra, Học viện HKVN được Cục HKVN, Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế phê duyệt là cơ sở đào tạo ngắn hạn các nghề chuyên ngành hàng không nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có được chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí công việc theo yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Cơ cấu tổ chức của Học viện HKVN đã được hoàn thiện theo quy định của pháp luật đối với một CSGD đại học theo Quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08/8/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN. Bao gồm:

- Đảng ủy Học viện
- Hội đồng Học viện;
- Giám đốc và các Phó giám đốc;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các Hội đồng tư vấn;
- 10 khoa thực hiện đào tạo, 7 phòng/trung tâm chức năng, 3 viện/trung tâm...
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên.



Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của Học viện hàng không Việt Nam

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Học viện Hàng không Việt Nam:

Sứ mạng Học viện HKVN:

Học viện Hàng không Việt Nam thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ ngành hàng không và các ngành kinh tế kỹ thuật khác đạt tiêu chuẩn quốc tế cho Việt Nam và các nước trong khu vực.

Tầm nhìn Học viện HKVN:

Trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ngành hàng không và các ngành kinh tế khác có uy tín trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi của Học viện HKVN:

- a) Chất lượng và hiệu quả: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất.
- b) Độc lập và sáng tạo: Đào tạo người học tư duy độc lập và sáng tạo.
- c) Toàn diện và hội nhập: Đào tạo con người phát triển toàn diện, sẵn sàng hội nhập xã hội, hội nhập quốc tế.

Triết lý giáo dục của Học viện HKVN:

“Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập”

Triết lý giáo dục là tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt làm định hướng phát triển cho Học viện HKVN. Học viện HKVN hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thành thực kỹ năng nghề nghiệp, tư duy độc lập sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng:

Chính sách chất lượng của Học viện đã được điều chỉnh theo Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội về việc ban hành Luật Giáo dục đại học và được xác định rõ trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN (ban hành theo Quyết định số 24/QĐ-HĐHK, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Học viện HKVN về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN). Đến năm 2021, Chính sách chất lượng của Học viện được điều chỉnh và nêu tại tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, gồm 7 nội dung:

1. Tất cả các hoạt động của Học viện được triển khai theo sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi đã công bố để nâng cao chất lượng đào tạo.
2. Nhất quán quan điểm lấy người học là trung tâm, lấy giảng viên là động lực trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.
3. Xây dựng môi trường học thuật tích cực, thân thiện, giàu trải nghiệm nhằm nuôi dưỡng nhân cách, phát huy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và hội nhập quốc tế của người học.
4. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức chuẩn về trình độ, phẩm chất và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của người học.
5. Gắn kết chặt chẽ Học viện với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội; mở rộng hợp tác quốc tế, cung cấp các chương trình đào tạo chất lượng cao và tiên tiến đáp ứng nhu cầu của người học.

6. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quá trình dạy – học và quản lý, triển khai đánh giá người học theo chuẩn đầu ra.

7. Cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng tổng thể nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Năm 2012, Học viện HKVN đã thành lập Phòng KT&ĐBCL, là đơn vị chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến giúp Giám đốc Học viện tổ chức quản lý và thực hiện công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng đào tạo tại Học viện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Năm 2016, Học viện HKVN đã ban hành và áp dụng Bộ tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 để quy trình hóa các hoạt động cốt lõi của Học viện. Tổ công tác duy trì, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ rà soát, đánh giá, cập nhật hàng năm; thành viên của Tổ là đại diện các phòng, khoa, trung tâm trong Học viện. Đến năm 2021, Học viện HKVN đã điều chỉnh, cập nhật, ban hành lần 2 và áp dụng Bộ tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 để quy trình hóa các hoạt động cốt lõi của Học viện.

Để khẳng định chất lượng đào tạo, tháng 12 năm 2017, Học viện HKVN đã mời Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp Hội các Trường Đại học, cao đẳng Việt Nam thực hiện đánh giá ngoài cấp cơ sở theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học (ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Đến tháng 5/2018, Học viện đã được cấp Chứng nhận Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục. Những khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài là cơ sở để Học viện xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng và khắc phục tồn tại. Đến năm 2022, Học viện thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục chu kỳ 2 theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được cấp

Chúng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục vào tháng 9/2023. Năm 2021, Học viện thực hiện tự đánh giá 03 CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông, Quản lý hoạt động bay và được cấp Chứng nhận kiểm định chất lượng cho 03 CTĐT ngày vào tháng 5/2022. Năm 2023, Học viện thực hiện tự đánh giá 02 CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh và đại học ngành Kỹ thuật hàng không và được cấp Chứng nhận kiểm định chất lượng cho 02 CTĐT ngày vào tháng 11/2024. Những khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài là cơ sở để Học viện xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng và khắc phục tồn tại. Hằng năm, kế hoạch này được tổng kết, đánh giá và có những điều chỉnh kịp thời.

Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện (được thành lập năm 2020 và kiện toàn năm 2022) thực hiện chức năng tư vấn cho Giám đốc Học viện xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong đó, Giám đốc Học viện là Chủ tịch Hội đồng, một Phó Giám đốc là Phó Chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng KT&DBCL là thư ký Hội đồng, thành viên là lãnh đạo các các Phòng, Khoa Trung tâm; đại diện tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên. Nắm giữ vị trí lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm thuộc Học viện, các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng của đơn vị (bao gồm kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng và các kế hoạch đảm bảo chất lượng khác theo chức năng nhiệm vụ được giao), tích lũy minh chứng tương ứng với cơ sở dữ liệu theo quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng cơ sở và chương trình đào tạo, định kỳ báo cáo Hội đồng việc triển khai các kế hoạch. Định kỳ 6 tháng/lần, Hội đồng họp để rà soát các kế hoạch đảm bảo chất lượng.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch hoạt động, nâng cao chất lượng các công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế....và giao nhiệm cho các phòng, khoa, trung tâm thực hiện.

1.2.2. Tổng quan về Khoa Ngoại ngữ

Ngày 24/3/1979, Trường Sĩ quan và Trung cấp nghiệp vụ Hàng không thuộc Tổng cục Hàng không Dân dụng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ – QP, của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng (tiền thân của Học viện HKVN ngày nay). Ngày 14/11/1994, Bộ trưởng Bộ GTVT ra quyết định số 2318/QĐ-TCCCB-LĐ chuyển đổi tổ chức “Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Hàng không” thành “Trường Hàng không Việt Nam” trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam ” thực hiện nhiệm vụ đào tạo bậc dưới đại học các nghề chuyên ngành hàng không: Kiểm soát viên không lưu; Khai thác cảng hàng không; Vận tải hàng không và điện tử viễn thông hàng không.

Ngày 17/7/2006, Học viện HKVN được thành lập theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường HKVN. Lúc này, Học viện HKVN có 03 khoa thực hiện đào tạo trình độ đại học: Khoa Không lưu, Khoa Vận tải Hàng không và Khoa Điện tử viễn thông Hàng không.

Năm 2021, Khoa NN đã tuyển sinh khóa đầu tiên ngành Ngôn ngữ Anh (NNA) trình độ đại học (mã ngành 7220201). Qua thời gian phát triển, đến nay Khoa NN được giao nhiệm vụ đào tạo 01 CTĐT trình độ đại học ngành NNA.

Để triển khai sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Học viện, Khoa NN đã xác định rõ mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành NNA bao gồm:

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề

thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không.

Mục tiêu cụ thể

- Có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe để sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Kiến thức: Được trang bị kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành hệ thống, hiện đại, có khả năng thực hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, sử dụng tiếng Anh trong công việc thực tế và học tập nâng cao. Có năng lực tự học và nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành. Sử dụng công nghệ thông tin và một ngoại ngữ phụ ở mức độ giao tiếp cơ bản.

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có năng lực đạt các vị trí phù hợp, hoạt động trong nền công nghiệp tri thức đang phát triển một cách mạnh mẽ, cả trong các cơ quan quản lý nhà nước lẫn các công ty đa quốc gia:

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước và các viện nghiên cứu trong lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ có sử dụng tiếng Anh như: nhân viên văn phòng, nhân viên hành chính sự nghiệp, nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên ngoại giao, v.v...

- Làm nhân viên, chuyên viên hành chính, thư ký, trợ lý trong các văn phòng công ty, doanh nghiệp, trường học, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh;

- Biên-phiên dịch cho các chuyên ngành có liên quan đến Thương mại tại các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước;

- Tham gia làm việc trong các lĩnh vực ngành nghề cần vận dụng kỹ năng sử dụng tiếng Anh theo nhu cầu của nhà tuyển dụng như dịch vụ du lịch – lữ hành, nhà hàng – khách sạn, vận tải hàng không...

- Giảng dạy tiếng Anh tại các trường tiểu học, THCS, THPT, trung tâm ngoại ngữ hoặc các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh.

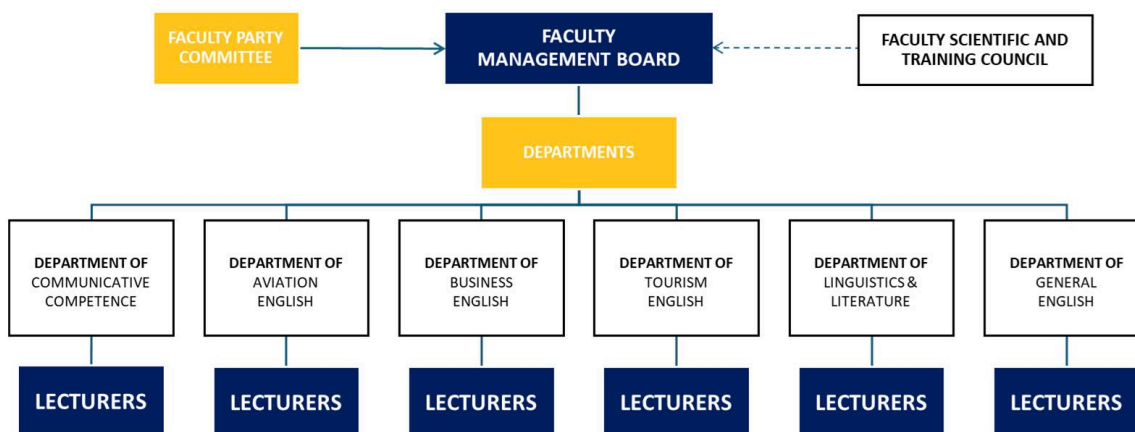
Hiện nay, văn phòng khoa đóng tại Cơ sở 2 của Học viện HKVN, 18A/1 Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, có 01 phòng với tổng diện tích sử dụng là 32m². Đồng thời Khoa cũng được sử dụng 90 phòng học dùng chung, 03 phòng thực hành tin học dùng chung.

Thư viện có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho CTĐT NNA đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu cho CTĐT NNA. Bên cạnh tài liệu giấy, Học viện đã mua cơ sở dữ liệu điện tử tailieu.vn từ năm 2018 đến năm 2021; năm 2019 mua cơ sở dữ liệu Thư viện Pháp Luật phục vụ các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Từ năm 2022, để tăng cường nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến, Học viện mua tài khoản sử dụng của Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP HCM với cơ sở dữ liệu trực tuyến nước ngoài và 07 cơ sở dữ liệu trực tuyến trong nước đảm bảo nhu cầu học tập, giảng dạy nghiên cứu của GV và SV.

Sau khi tuyển sinh từ năm 2021 đến thời điểm 31/12/2024, quy mô đào tạo sinh viên đại học ngành NNA là 1273 sinh viên, tổng số sinh viên tốt nghiệp là 04 sinh viên. Từ năm 2021 đến năm 2024, tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên đại học ngành NNA là 100%.

Tính đến thời điểm 31/12/2023, Khoa NN có 28 GV (bao gồm 05 tiến sĩ và 23 thạc sĩ). Lực lượng GV của Khoa NN đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của CTĐT NN.

Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa NN đã được hoàn thiện theo sơ đồ cơ cấu tổ chức ở hình dưới đây:



Hình 1.2: Cơ cấu tổ chức của Khoa NN

Trong giai đoạn đánh giá, GV và sinh viên ngành NNA đã có đóng góp trong NCKH: GV khoa KTHK đã thực hiện 01 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế khác; 01 bài tại Hội thảo quốc tế; sinh viên ngành NNA đã thực hiện 02 đề tài cấp cơ sở cùng với GV. Kết quả NCKH của GV và sinh viên ngành NNA có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, có đề tài nghiệm thu đã được ứng dụng vào giảng dạy tại Học viện HKVN góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Khoa Ngoại ngữ từ khi thành lập tháng 7/2021 đến nay, có 100% NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 05 lượt NV được tặng Giấy khen, 03 lượt NV được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 01 lượt NV được tặng Bằng khen Bộ trưởng Bộ GTVT. Tập thể Khoa Ngoại ngữ được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và Giấy khen cấp Học viện HKVN, tập thể lao động xuất sắc..

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo.

Mở đầu

CTĐT ngành NNA trình độ đại học tại Học viện HKVN có đầy đủ mục tiêu, CĐR, khung CTĐT và đề cương chi tiết các học phần và được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành.

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học được Quốc hội Việt Nam ban hành.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà học viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT cũng nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của các giảng viên, nhà khoa học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện. Đồng thời, mục tiêu và CĐR của CTĐT cũng phản ánh được yêu cầu, ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước và các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Mục tiêu, CĐR, khung CTĐT và đề cương chi tiết các môn học được cung cấp đầy đủ đến sinh viên thông qua các kênh thông tin như Website của trường, của khoa, sổ tay sinh viên và qua việc giảng dạy các học phần của giảng viên.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành NNA tại Học viện HKVN được xác định rõ ràng. Từ khi được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo chuyên ngành này vào năm 2021, CTĐT ngành NNA đã liên tục được rà soát và cập nhật nhằm đảm bảo

phù hợp với nhu cầu đào tạo nhân lực và các yêu cầu mới trong ngành. Tuy nhiên, qua các năm 2022 và 2023, các mục tiêu chung và cụ thể của chương trình không thay đổi, duy trì sự thống nhất trong việc đào tạo sinh viên với kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng thực hành, và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội và ngành hàng không. Năm 2024, CTĐT có sự thay đổi về mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được trình bày trong các tiểu mục sau.

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng:

Từ năm 2021, Học viện HKVN được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo chuyên ngành NNA trình độ đại học [H1.01.01.01]. CTĐT này được xây dựng với mục tiêu xác định rõ ràng, thể hiện trong Mục 7, Phần II - Thông tin chung về CTĐT của các năm 2021, 2022, và 2023. Mục tiêu CTĐT được tách biệt thành hai phần gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, giúp định hướng rõ ràng cho người học.

Mục tiêu chung của CTĐT được quy định tại tiểu mục 7.1, thể hiện rõ định hướng tổng quát trong việc "trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành NNA, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực NNA cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Đây là mục tiêu chung xuyên suốt qua các năm, định hướng rõ ràng về kiến thức và kỹ năng mà sinh viên sẽ được trang bị, từ đó đóng góp vào nhu cầu nguồn nhân lực trong các lĩnh vực, đặc biệt là ngành hàng không.

Mục tiêu cụ thể được quy định tại tiểu mục 7.2, tập trung vào ba lĩnh vực: phẩm chất, kiến thức, và kỹ năng. Sinh viên được yêu cầu "có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe để sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]; "được trang bị kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành hệ thống, hiện đại, có khả năng thực

hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]; và có khả năng "vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, sử dụng tiếng Anh trong công việc thực tế và học tập nâng cao, có năng lực tự học và nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành; sử dụng công nghệ thông tin và một ngoại ngữ phụ ở mức độ giao tiếp cơ bản" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Trong lần điều chỉnh năm 2024, mục tiêu của CTĐT đã được cập nhật với những thay đổi quan trọng. Cụ thể, **mục tiêu chung** của CTĐT năm 2024 được quy định tại tiểu mục 7.1, mục 7, phần II – thông tin chung về CTĐT [H1.01.01.07] được bổ sung thêm ý “có khả năng nghiên cứu khoa học” và “đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không tại Việt Nam và các nước trong khu vực.”

Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2024 được quy định tại tiểu mục 7.2, mục 7, phần II – thông tin chung về CTĐT. [H1.01.01.07] đã được điều chỉnh. Mục tiêu cụ thể được định hướng rõ ràng và chi tiết, chia thành 03 lĩnh vực kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Về kiến thức bao gồm 02 mục tiêu cụ thể: PO1-Trang bị cho học viên kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức thực tế cho cuộc sống, học tập và công việc và PO2-Trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ngôn ngữ Anh và kiến thức nghề nghiệp cho công việc theo chuyên ngành đào tạo. Về kỹ năng: gồm hai mục tiêu. PO3-Trang bị cho học viên kỹ năng tự học, kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề, kỹ năng truyền đạt, phản biện, đánh giá chất lượng công việc; biết tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm. PO4-Trang bị cho học viên kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như: giảng dạy tiếng Anh, biên - phiên dịch, thương mại, du lịch, dịch vụ hàng không, v.v. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm, PO5-Rèn luyện cho học viên tinh thần tự chủ, trách nhiệm, sáng tạo, hội nhập, sẵn sàng học tập suốt đời và PO6-Rèn luyện cho học viên ý thức kỷ luật, trung thực, chuyên nghiệp và khả năng thích nghi khi làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Các mục tiêu chung và cụ thể này đảm bảo rằng học viên được chuẩn bị một cách toàn diện để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và phát triển bản thân trong các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ và dịch vụ, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ và tinh thần trách nhiệm khi làm việc trong môi trường chuyên nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD:

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành NNA các năm 2021, 2022, 2023 và điều chỉnh năm 2024 nói trên cho thấy sự phù hợp rõ ràng với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện HKVN ban hành theo Quyết định 944/QĐ-HVHK ngày 08/12/2015 [H1.01.01.04] và khoản 1 điều 4 trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN ban hành theo Quyết định số 24/QĐ-HĐHV ngày 09/11/2020 [H1.01.01.05].

Về tầm nhìn, Học viện HKVN đặt ra mục tiêu "trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ngành hàng không và các ngành kinh tế khác có uy tín trong nước và quốc tế" [H1.01.01.04]. Mục tiêu chung của CTĐT ngành NNA nhằm “nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng nghiên cứu khoa học, làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không tại Việt Nam và các nước trong khu vực.” [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03] và [H1.01.01.07]. Điều này phù hợp với tầm nhìn của Học viện HKVN khi CTĐT ngành NNA chú trọng vào việc đào tạo nhân lực có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, phù hợp với mục tiêu phát triển và uy tín của Học viện HKVN trong các lĩnh vực liên quan đến hàng không và kinh tế.

Về sứ mạng, Học viện HKVN thực hiện nhiệm vụ "cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao; nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự phát triển của ngành hàng không nói riêng và kinh tế đất nước nói chung" [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành NNA năm

2021, 2022, 2023 về phẩm chất đạo đức và sức khỏe yêu cầu sinh viên "có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe để sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Điều này không chỉ đảm bảo sinh viên có đầy đủ năng lực và phẩm chất để làm việc trong môi trường quốc tế mà còn phù hợp với việc đào tạo nguồn nhân lực có trách nhiệm, đạt tiêu chuẩn cao để phục vụ xã hội và ngành hàng không như sứ mạng của Học viện HKVN đặt ra. Trong phần điều chỉnh mục tiêu của CTĐT năm 2024 nhóm mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm, bao gồm PO5 và PO6, khuyến khích học viên phát triển tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, và sẵn sàng học tập suốt đời, phù hợp sứ mạng của HVHKVN [H1.01.01.07].

Mục tiêu cụ thể về kiến thức yêu cầu sinh viên "được trang bị kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành hệ thống, hiện đại, có khả năng thực hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Việc trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành vững chắc hoàn toàn phù hợp với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và việc đáp ứng các yêu cầu phát triển quốc tế mà Học viện HKVN hướng tới, bao gồm cả chuyển giao công nghệ và tư vấn khoa học cho các ngành kinh tế và hàng không.

Ngoài ra, mục tiêu cụ thể về kỹ năng yêu cầu sinh viên "vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, sử dụng tiếng Anh trong công việc thực tế và học tập nâng cao, có năng lực tự học và nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành; sử dụng công nghệ thông tin và một ngoại ngữ phụ ở mức độ giao tiếp cơ bản" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Điều này phù hợp với sứ mạng của Học viện HKVN về "đạt tiêu chuẩn quốc tế" khi sinh viên được trang bị không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn các kỹ năng ngôn ngữ, công nghệ thông tin – những yêu cầu cốt lõi để đáp ứng nhu cầu nhân lực quốc tế trong ngành hàng không và các ngành kinh tế khác.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT được điều chỉnh năm 2024 bám sát hơn với sứ mạng của Học viện và được phân thành ba nhóm chính: Kiến thức, Kỹ năng, và

Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong nhóm kiến thức, **PO1** và **PO2** định hướng trang bị cho học viên “kiến thức đại cương và kiến thức nghề nghiệp” nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và năng động, phù hợp với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân lực có nền tảng học thuật vững chắc trong các lĩnh vực như “giảng dạy tiếng Anh, biên - phiên dịch, thương mại, du lịch, dịch vụ hàng không” [H1.01.01.07]. Nhóm kỹ năng của CTĐT gồm **PO3** và **PO4**, tập trung phát triển năng lực tự học, thích ứng, và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, và kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn, tất cả đều là những yếu tố thiết yếu để đáp ứng yêu cầu về sự hội nhập và hợp tác quốc tế của ngành hàng không và dịch vụ liên quan, phù hợp với tầm nhìn của HVHKVN. Cuối cùng, nhóm mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm, bao gồm **PO5** và **PO6**, khuyến khích học viên phát triển tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, và sẵn sàng học tập suốt đời, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của HVHKVN [H1.01.01.07].

Kết luận, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành NNA năm 2021,2022,2023 và điều chỉnh năm 2024 rõ ràng phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện HKVN. Từ việc đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng ngôn ngữ, nghề nghiệp, kỹ năng mềm đến việc xây dựng phẩm chất đạo đức, sức khỏe, tinh thần tự chủ, trách nhiệm để đáp ứng nhu cầu xã hội và ngành hàng không, CTĐT ngành NNA góp phần trực tiếp vào việc thực hiện tầm nhìn "trở thành cơ sở cung ứng dịch vụ đào tạo,... uy tín trong nước và khu vực" và sứ mạng "cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế" mà Học viện HKVN đặt ra [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.07].

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học:

Mục tiêu của CTĐT ngành NNA tại Học viện HKVN phù hợp chặt chẽ với các mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Điều 5 về mục tiêu của

giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 [H1.01.01.06].

Theo Điều 5, mục tiêu chung của giáo dục đại học là "đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế" [H1.01.01.06]. Mục tiêu chung của CTĐT ngành NNA thể hiện rõ sự phù hợp với quy định này khi chương trình nhấn mạnh "trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành NNA, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực NNA cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Mục tiêu chung được sửa đổi năm 2024 phù hợp hơn với mục tiêu của giáo dục đại học với “khả năng nghiên cứu khoa học” và “đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không tại Việt Nam và các nước trong khu vực.”

Điều này chứng tỏ CTĐT không chỉ đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực mà còn phù hợp với các mục tiêu về hội nhập quốc tế và phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học quy định rằng "đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo" [H1.01.01.06]. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành NNA khi chương trình nhấn mạnh việc "trang bị kiến thức chuyên ngành hệ thống, hiện đại, có khả năng thực hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Mục tiêu cụ thể về kiến thức được điều chỉnh trong CTĐT ngành NNA năm 2024 trang bị cho

học viên kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng tự học, thích ứng hoàn toàn phù hợp với Mục tiêu giáo dục đại học.

Hơn nữa, quy định tại Điều 5 còn yêu cầu sinh viên được đào tạo "có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp" [H1.01.01.06]. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành NNA năm 2021, 2022, 2023 cũng đề cao việc sinh viên "có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe để sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" và "vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, sử dụng tiếng Anh trong công việc thực tế và học tập nâng cao, có năng lực tự học và nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành" [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], điều này đảm bảo rằng sinh viên không chỉ có kiến thức và kỹ năng mà còn có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với quy định của luật giáo dục đại học. Mục tiêu cụ thể của CTĐT đã được điều chỉnh năm 2024 cũng nhấn mạnh đến “tinh thần tự chủ, trách nhiệm, sáng tạo”, “ý thức kỷ luật, trung thực, chuyên nghiệp và khả năng thích ứng khi làm việc độc lập và làm việc theo nhóm”. [H1.01.01.07]

Tóm lại, các mục tiêu chung và cụ thể của CTĐT ngành NNA trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024 hoàn toàn phù hợp với mục tiêu được quy định trong Luật giáo dục đại học năm 2012, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về đào tạo nhân lực, bồi dưỡng đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, phục vụ phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành NNA tại Học viện HKVN thể hiện rõ ràng sự phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện HKVN cũng như các quy định trong Luật giáo dục đại học. Mục tiêu của chương trình nhấn mạnh việc trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, kỹ năng thực hành và phẩm chất đạo đức, từ đó đáp ứng nhu cầu nhân lực không chỉ cho ngành hàng không mà còn cho xã hội. Điều này

cho thấy chương trình đã xây dựng một nền tảng vững chắc để phát triển nhân lực chất lượng cao.

3. Điểm tồn tại

Do khóa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên của ngành NNA ra trường vào năm 2024, 2025 do đó sinh viên chưa có kinh nghiệm và ý kiến góp ý về mục tiêu của CTĐT. Ngoài ra các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp cũng chưa sử dụng nhiều nguồn nhân lực của ngành để xác định những khía cạnh cần cải thiện. Việc này giúp điều chỉnh chương trình nhằm nâng cao khả năng thích ứng với yêu cầu thay đổi trong thị trường lao động, và đáp ứng tốt nhất nhu cầu thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức hội thảo với giảng viên, sinh viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng để rà soát nội dung chương trình, đảm bảo cập nhật các kiến thức mới và phù hợp với yêu cầu thực tế.	Khoa NN	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng biểu mẫu khảo sát có nội dung khảo sát về mục tiêu CTĐT phù hợp hơn để có thể lấy ý kiến phản hồi nhiều hơn của các bên liên quan từ đó có cơ sở để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT một cách hợp lý.	Khoa NN	Lần rà soát, điều chỉnh CTĐT tiếp theo	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. CĐR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT năm 2021 được xác định rõ ràng tại Mục 8, phần II – thông tin chung về CTĐT, bao gồm CĐR về Kiến thức, Kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó, 05 CĐR về kiến thức (02 CĐR kiến thức chung, 02 CĐR kiến thức cơ sở ngành và kiến thức cốt lõi, 01 CĐR kiến thức chuyên ngành) [H1.01.02.01], 12 CĐR về kỹ năng (09 CĐR kỹ năng cứng và 03 CĐR kỹ năng mềm) và 04 CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Qua các năm 2022, 2023, CĐR của ngành Ngôn Ngữ Anh được rà soát theo kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022, 2023 [H1.01.03.10], [H1.01.03.12] nhưng không có sự điều chỉnh về CĐR. CĐR của chương trình học ngành Ngôn Ngữ Anh đến năm 2024 được điều chỉnh qua các lần rà soát theo QĐ [H1.01.03.15]. Cụ thể, tại Mục 8, phần II, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Ngôn Ngữ Anh năm 2024 [H1.01.02.07], sinh viên được trang bị 03 CĐR về kiến thức (01 CĐR kiến thức đại cương, 02 CĐR kiến thức chuyên ngành) [H1.01.02.08], 04 CĐR về kỹ năng (02 CĐR kỹ năng mềm, 02 CĐR kỹ năng chuyên ngành) [H1.01.02.09], 03 CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.10]

1.1. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh trình độ Đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam được ban hành lần đầu theo quyết định 986/QĐ-HVHK, ngày 31 tháng 12 năm 2021 [H1.01.01.01]. Cụ thể, CĐR – Kết quả mong đợi của CTĐT được xác định rõ ràng tại Mục 8, phần II – thông tin chung về CTĐT, bao gồm CĐR về Kiến thức, Kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó, 05 CĐR về kiến thức (02 CĐR kiến thức chung, 02 CĐR kiến thức cơ sở ngành và kiến thức cốt lõi, 01 CĐR kiến thức chuyên ngành) [H1.01.02.01], 12 CĐR về kỹ năng (09 CĐR kỹ năng cứng và 03 CĐR kỹ năng mềm) và 04 CĐR

về Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Nhìn chung, CDR của CTĐT năm 2021 được xác định rõ ràng, dễ dàng quan sát và đánh giá. Cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh năm 2021 được thể hiện như sau:

Về CDR kiến thức, về kiến thức chung: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và đặc biệt là kiến thức ngành Ngôn ngữ Anh cho công việc và học tập nâng cao. Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật đại cương, các kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên nhằm đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. Xét về kiến thức cơ sở ngành: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở cần thiết và nền tảng của ngành Ngôn ngữ Anh như có kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp, phát âm và kiến thức cốt lõi: Trang bị cho sinh viên các kiến thức trọng tâm nâng cao hơn về lý thuyết dịch, biên dịch, dẫn luận ngôn ngữ học, ngữ âm và âm vị học, hình vị học, cú pháp học, nghiên cứu khoa học, văn hoá, văn học, kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh. Cuối cùng là kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức sâu về từng chuyên ngành lựa chọn, có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành kết hợp với kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cốt lõi để giải quyết hầu hết các vấn đề thuộc các chuyên môn sâu do người học lựa chọn. *Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại*: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng tiếng Anh thương mại, thương tín thương mại, tiếng Anh Logistics, kỹ năng giao tiếp thương mại. *Tiếng Anh chuyên ngành Hàng không*: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về tiếng Anh trong Khai thác thương mại hàng không, kỹ thuật hàng không và quản lý bay, vận tải hàng hóa hàng không. *Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch*: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành dịch vụ Du lịch và lữ hành, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, quản trị du lịch, điều hành du lịch [H1.01.02.02].

Về CDR kỹ năng, 09 kỹ năng cứng, hình thành thông qua các kiến thức ngôn ngữ và thương mại để giải quyết vấn đề trong công việc và các biến động

trong môi trường làm việc. Trong đó, *06 kỹ năng trong việc lập luận và giải quyết vấn đề*: Có thể hiểu và nhận biết được nội dung và hàm ý của bài hội thoại, bài nói chuyện, các văn bản dài với phạm vi chủ đề rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết (tương đương bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ áp dụng tại Việt Nam, thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) [H1.01.02.03]. Có kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực thương mại, hàng không hay du lịch tùy theo chuyên ngành lựa chọn. Có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học để nghiên cứu sâu hơn, giải quyết những vấn đề cơ bản cũng như đòi hỏi sự sáng tạo phục vụ cho công tác chuyên môn. Kết hợp các kỹ năng ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề liên quan đến biên, phiên dịch trong công việc. Kết hợp các kiến thức lý thuyết tiếng và thực hành tiếng để lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong nghiên cứu. Giải quyết các vấn đề liên quan đến marketing, nhân sự, giao dịch mua – bán dựa trên kiến thức thương mại được trang bị. *01 kỹ năng về suy nghĩ hệ thống*: Nhận thức về mối quan tâm toàn cầu và xã hội, tầm quan trọng của họ trong việc phát triển các giải pháp kỹ thuật thuộc ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành liên quan. *02 kỹ năng liên quan đến thái độ cá nhân*: Có ý thức trách nhiệm công dân và mong muốn phục vụ cộng đồng. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp, không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp chuyên môn và những phẩm chất của cử nhân.

Và 03 kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc; Kỹ năng giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng, có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc. Có kỹ năng hội nhập quốc tế, kỹ năng giao tiếp và quan hệ với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp

dưới,... là người nước ngoài nâng cao hiệu quả giải quyết công việc [H1.01.02.04].

Về CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm của ngành Ngôn ngữ Anh năm 2021, có 04 kỹ năng đó là: Khả năng phối hợp làm việc theo nhóm, khả năng phối hợp làm việc, tự giải quyết các vấn đề đơn giản, để giải quyết các vấn đề lớn phức tạp, có năng lực tổ chức một hoặc nhiều nhóm làm việc để giải quyết công việc cụ thể. Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, có ý thức và hành động cụ thể tham gia bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình hỗ trợ đồng bằng những việc làm thiết thực. Trách nhiệm với đồng nghiệp, với đơn vị công tác; trách nhiệm với công việc, đồng cam, cộng khổ với đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, nêu cao ý thức đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân, đề cao tinh thần tất cả vì công việc. Có sức khỏe tốt, hình thành được thói quen rèn luyện sức khỏe, tham gia thể dục thể thao đều đặn [H1.01.02.05].

Qua các năm 2022, 2023, CDR của ngành Ngôn Ngữ Anh được định kỳ rà soát theo kế hoạch [H1.01.03.10], [H1.01.03.12], tuy nhiên không có sự điều chỉnh. Bắt đầu năm 2024, chuẩn đầu ra của ngành ngôn ngữ Anh được rà soát và cụ thể hoá theo từng cấp độ đáp ứng với mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh [H1.01.02.07]. Đối với **CDR kiến thức** năm 2024, yêu cầu về kiến thức đại cương, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn Ngữ Anh có thể vận dụng hiệu quả kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức khoa học và kiến thức thực tế vào cuộc sống, công việc, học tập (PL01), 2 yêu cầu về kiến thức chuyên ngành bao gồm vận dụng hiệu quả kiến thức về ngôn ngữ Anh và văn hoá trong giao tiếp và trong môi trường công việc (PL02); vận dụng hiệu quả kiến thức nghề nghiệp và tiếng Anh chuyên ngành để đáp ứng các nhu cầu trong công việc (PL03) [H1.01.02.08].

Chương trình đào tạo năm học 2024-2025 của ngành Ngôn Ngữ Anh đã chi tiết hoá **CDR về kỹ năng** gồm kỹ năng mềm (PL04, PL05) và kỹ năng chuyên ngành (PL06, PL07) [H1.01.02.09]. Người học sau khi tốt nghiệp cần vận dụng hiệu quả kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng thích ứng và giải

quyết vấn đề trong cuộc sống, công việc và học tập (PL04), vận dụng hiệu quả kỹ năng tin học, giao tiếp, phản biện, đánh giá chất lượng công việc, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm vào công việc chuyên môn (PL05). Các kỹ năng chuyên ngành cần đáp ứng như vận dụng hiệu quả kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh ở cấp độ cao cấp, và một ngoại ngữ phụ ở cấp độ trung cấp trong các bối cảnh đời sống và nghề nghiệp (PL06) ; và vận dụng kỹ năng nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh ứng dụng, Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch, Tiếng Anh hàng không (PL07) [H1.01.02.09].

Năm 2024, ***CĐR năng lực tự chủ và trách nhiệm*** của ngành Ngôn ngữ Anh được điều chỉnh, theo đó, yêu cầu người học thể hiện tinh thần tự chủ, trách nhiệm, sáng tạo, hội nhập, cống hiến, sẵn sàng học tập suốt đời trong cuộc sống và công việc (PL08), Thể hiện trách nhiệm với bản thân, tổ chức và xã hội, sẵn sàng hợp tác và hỗ trợ những người xung quanh (PL09) và thể hiện ý thức, kỷ luật, trung thực, và chuyên nghiệp khi làm việc độc lập và làm việc theo nhóm (PL10) [H1.01.02.10].

Nhìn chung, chuẩn đầu ra ngành Ngôn Ngữ Anh càng được thể hiện cụ thể qua các lần rà soát điều chỉnh càng chi tiết và bao quát, rõ ràng làm tăng mục tiêu đào tạo sau khi tốt nghiệp cho người học được đào tạo ở Học viện Hàng không Việt Nam.

1.2. CĐR của CTĐT phải nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Ngoài những nội dung về CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm, CTĐT ban hành năm 2021 cũng xác định ***cơ hội việc làm*** sau khi tốt nghiệp của người học CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại Học viện Hàng không Việt Nam. Sinh viên có năng lực đạt các vị trí phù hợp, hoạt động trong nền công nghiệp tri thức đang phát triển một cách mạnh mẽ, cả trong các cơ quan quản lý nhà nước lẫn các công ty đa quốc gia, làm việc tại các cơ quan nhà nước và các viện nghiên cứu trong lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ có sử

dụng tiếng Anh như nhân viên văn phòng, nhân viên hành chính sự nghiệp, nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên ngoại giao; Làm nhân viên, chuyên viên hành chính, thư ký, trợ lý trong các văn phòng quan ty, doanh nghiệp, trường học, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh; Biên – phiên dịch cho các chuyên ngành có liên quan đến Thương mại tại các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước; Tham gia làm việc trong các lĩnh vực ngành nghề cần vận dụng kỹ năng sử dụng tiếng Anh theo nhu cầu của nhà tuyển dụng như dịch vụ du lịch – lữ hành, nhà hàng – khách sạn, vận tải hàng không; Giảng dạy tiếng Anh tại các trường tiểu học, THCS, THPT, trung tâm ngoại ngữ hoặc các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh [H1.01.02.06].

Yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt về chuẩn đầu ra (CĐR) kiến thức và kỹ năng của ngành Ngôn ngữ Anh nhấn mạnh sự kết hợp giữa kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, và chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên khả năng làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực thương mại, hàng không, và du lịch. Cụ thể, sinh viên sẽ được học lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiến thức về pháp luật và khoa học tự nhiên, cũng như các kiến thức ngành Ngôn ngữ Anh như ngữ pháp, phát âm, biên dịch, và ngôn ngữ học. Ngoài ra, sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng tiếng Anh chuyên ngành cho các lĩnh vực như thương mại, quản lý bay, và du lịch; các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm liên quan trong các tình huống học thuật và chuyên môn.

Năm 2021, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành theo Quyết định số 1235/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2022 [H1.01.01.02]; CĐR trong CTĐT năm 2022, 2023 qua các lần rà soát chưa điều chỉnh và cập nhật thể hiện các yêu cầu đã đáp ứng đầy đủ điều kiện mà người học cần đạt được. Đến năm 2024, CĐR của ngành được cập nhập, bao quát và cụ thể hoá hơn nhằm nâng cao chất lượng đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp. [H1.01.02.07]

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, có hệ thống và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

CĐR giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về các yêu cầu học tập, cũng như chuẩn bị cho các cơ hội nghề nghiệp trong nhiều lĩnh vực như thương mại, dịch vụ du lịch, và giáo dục sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng mẫu khảo sát rộng rãi các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, các chuyên gia và nhà tuyển dụng để đánh giá được hiệu quả chuẩn đầu ra chương trình đào tạo còn hạn chế.

- Chương trình đào tạo chưa chú trọng đầy đủ đến công nghệ dịch thuật và biên phiên dịch tự động, thiếu trang bị cho sinh viên các công cụ, phần mềm và kỹ năng cần thiết. Điều này có thể gây khó khăn cho sinh viên khi làm việc với công nghệ hiện đại sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng khảo sát các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng) để thu thập dữ liệu đánh giá hiệu quả của chương trình.	Khoa Ngoại Ngữ	Định kỳ khí rà soát, điều chỉnh CTĐT & Sau 6 tháng mỗi đợt tốt nghiệp	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại	Tích hợp các công nghệ dịch thuật và biên phiên dịch tự động vào chương trình giảng dạy, bổ sung các khóa học về phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ.	Khoa Ngoại Ngữ chủ trì phối hợp với các bộ phận liên quan.	Mỗi học kì của năm học	
		Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về công nghệ dịch thuật cho sinh viên và giảng viên.	Khoa Ngoại Ngữ chủ trì phối hợp với Khoa NN, phòng TS&CTSV.	3-6 tháng	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành NNA tại Học viện HKVN thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, thông qua quá trình tham khảo ý kiến từ giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp và các cơ quan tuyển dụng. CĐR được định kỳ rà soát để đảm bảo phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động, mặc dù trong giai đoạn 2022 và 2023 không có thay đổi lớn về CĐR. Trong năm 2024, CĐR của CTĐT ngành NNA đã có sự điều chỉnh. Đồng thời, CĐR cũng được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin như Sổ tay sinh viên,

trang web chính thức của Học viện, và các quyết định ban hành hằng năm, đảm bảo tính minh bạch và dễ dàng tiếp cận cho sinh viên cùng các bên liên quan.

1.1. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CDR của CTĐT ngành NNA đã được xây dựng và phản ánh đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan, với sự tham gia ý kiến từ nhiều đối tượng, bao gồm giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp và cơ quan lao động.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, học viện đã thực hiện các bước theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Đầu tiên, tổ đề án mở ngành đào tạo đã được thành lập, bao gồm các giảng viên sẽ trực tiếp tham gia giảng dạy ngành NNA, đảm bảo rằng CDR được xây dựng dựa trên quan điểm chuyên môn và thực tiễn giảng dạy tại Học viện HKVN [H1.01.03.01].

Thêm vào đó, quá trình xây dựng CDR còn dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực ngành NNA, phản ánh mức độ cần thiết và khả năng tìm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát này cho thấy sinh viên tốt nghiệp có triển vọng nghề nghiệp cao và khả năng tiếp tục học tập, phát triển chuyên môn [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. CDR cũng được đối sánh với các trường đại học có uy tín trong cùng lĩnh vực, như Đại học Ngoại ngữ và Tin học TP.HCM (HUFLIT) và Đại học Mở TP.HCM (HOU), nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và hợp lý của chương trình đào tạo [H1.01.03.04], [H1.01.03.05].

Để đảm bảo CDR đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động, HVHK đã tổ chức hội thảo với các giáo sư, chuyên gia đầu ngành và đại diện từ các doanh nghiệp sử dụng lao động. Hội thảo đã thảo luận về nhu cầu nguồn nhân lực, chuẩn đầu ra, và các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, kết luận rằng chương trình phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.06]. Bên cạnh đó, hội đồng thẩm định đề án mở ngành đã được thành lập với sự tham gia của các chuyên gia giàu kinh nghiệm gồm 09 thành viên, bao gồm phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ. Hội đồng đã thực hiện thẩm

định và đưa ra kết luận đồng ý thông qua chương trình [H1.01.03.07], [H1.01.03.08].

Sau khi nhận được ý kiến đánh giá từ hội đồng thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện HKVN đã họp và chính thức thông qua đề án mở ngành NNA vào năm học 2021-2022, hoàn tất quá trình xây dựng CĐR [H1.01.03.09].

Như vậy, CĐR của CTĐT không chỉ phản ánh yêu cầu của các bên liên quan mà còn được xây dựng thông qua quy trình tham vấn chuyên sâu, đảm bảo phù hợp với cả yêu cầu chuyên môn và thực tiễn.

1.2. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường.

CĐR của CTĐT ngành NNA được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường để đảm bảo CTĐT luôn đáp ứng yêu cầu thực tiễn và theo kịp những thay đổi trong nhu cầu của xã hội và thị trường lao động. Theo kế hoạch, năm 2022 và 2023, khoa Ngoại ngữ đã tiến hành rà soát CTĐT. Cụ thể, kế hoạch rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học đã được thực hiện vào năm 2022 [H1.01.03.10], cùng với việc thành lập Ban rà soát điều chỉnh CTĐT theo quyết định của nhà trường [H1.01.03.11]. Quá trình rà soát cũng diễn ra tương tự vào năm 2023 với kế hoạch và quyết định [H1.01.03.12], [H1.01.03.13]. Năm 2024 CTĐT cũng được rà soát với kế hoạch và quyết định [H1.01.03.14], [H1.01.03.15].

Mặc dù việc rà soát đã được tiến hành để đảm bảo rằng chương trình luôn được xem xét và điều chỉnh khi cần thiết, nhằm đáp ứng sự phát triển và thay đổi của xã hội. Tuy nhiên, kết quả cho thấy CĐR không nhận được nhiều góp ý và không có sự thay đổi trong năm 2021, 2022, 2023.

Trong lần điều chỉnh năm 2024, Mục tiêu chung đã thể hiện rõ sứ mạng tầm nhìn và giá trị cốt lõi của HV nói chung và CTĐT NNA nói riêng: “Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo

đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng nghiên cứu khoa học, làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không tại Việt Nam và các nước trong khu vực”. Từ mục tiêu chung, CTĐT cử nhân NNA giúp người học đạt các mục tiêu cụ thể- Pos: (1) Kiến thức (PO1, PO2); (2) Kỹ năng (PO3, PO4); (3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm (PO5, PO6). Trên cơ sở mục tiêu cụ thể này, sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đạt được các chuẩn đầu ra (PLO) về: Kiến thức đại cương, Kiến thức chuyên ngành, Kỹ năng mềm, Kỹ năng chuyên ngành, và Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tóm lại, CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh trong các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 theo quy định kế hoạch của nhà trường.

1.3. CĐR của CTĐT được công bố công khai

CĐR của CTĐT ngành NNA được công bố rộng rãi và công khai nhằm đảm bảo sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và nắm bắt thông tin đầy đủ. Trước hết, CĐR được đưa vào Sổ tay sinh viên hàng năm, một nguồn thông tin chính thức và dễ tiếp cận dành cho sinh viên. Trong các năm học 2021-2022, 2022-2023, và 2023-2024 CĐR đã được công khai rõ ràng trong các phiên bản Sổ tay sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tham khảo trong quá trình học tập [H1.01.03.16], [H1.01.03.17] [H1.01.03.18].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành NNA cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của Học viện Hàng không Việt Nam, cung cấp cho sinh viên, giảng viên và các bên liên quan một kênh truy cập tiện lợi và minh bạch [H1.01.03.19]. Bên cạnh đó, mỗi năm học, các quyết định chính thức về việc ban hành CTĐT, bao gồm các CĐR, đều được công bố và cập nhật qua các quyết định của Học viện. Cụ thể, CTĐT ngành NNA cho các năm 2021, 2022, và 2023 đã được ban hành thông qua các quyết định số 986/QĐ-HVHK

[H1.01.01.01], số 1235/QĐ-HVHK [H1.01.01.02], và số 123/QĐ-HVHK [H1.01.01.03].

Việc công khai và minh bạch CĐR giúp đảm bảo rằng sinh viên và các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, góp phần thúc đẩy sự minh bạch và đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành NNA được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin chính thức như Sổ tay sinh viên, trang web của Học viện Hàng không Việt Nam, và các quyết định ban hành CTĐT hàng năm. Điều này giúp tăng tính minh bạch và dễ dàng tiếp cận cho sinh viên và các bên liên quan. Quá trình xây dựng CĐR có sự tham gia của các bên liên quan, từ giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp đến các cơ quan sử dụng lao động, góp phần phản ánh đúng nhu cầu của thị trường lao động. CĐR được cập nhật vào năm 2024 đáp ứng yêu cầu thực tiễn và theo kịp những thay đổi trong nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù CTĐT được rà soát định kỳ, nhưng trong các năm 2022 và 2023 không có thay đổi đáng kể nào về CĐR. Điều này có thể cho thấy sự ổn định của chương trình, nhưng cũng có nguy cơ thiếu sự cập nhật, đặc biệt là khi thị trường lao động và yêu cầu xã hội thay đổi nhanh chóng. Điều này đã được khắc phục phần nào trong lần điều chỉnh năm 2024. Tuy nhiên, do khóa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên của ngành NNA ra trường vào năm 2024, 2025 do đó chưa có nhiều ý kiến góp ý về CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát và điều chỉnh CDR theo sự thay đổi của thị trường lao động và yêu cầu thực tiễn.	Phòng ĐT chủ trì phối hợp với Khoa NN	Quý 3 năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại	Khảo sát dữ liệu về tình trạng việc làm, mức độ phù hợp của kiến thức và kỹ năng với công việc thực tế của cựu SV. Tạo nhóm kết nối cựu sinh viên để duy trì liên lạc và nhận phản hồi về CTĐT một cách liên tục.	Phòng TS&CTSV phối hợp Khoa NN	Quý 3 năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành NNA được xác định rõ ràng, phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của HVHKVN. Mục tiêu này không chỉ hướng đến đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực ngôn ngữ mà còn đáp ứng yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự học, tư duy phản biện và hội nhập quốc tế. Các mục tiêu phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học, bao gồm việc trang bị cho sinh viên năng lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mục tiêu của CTĐT ngành NNA đã được rà soát trong các năm 2021, 2022, 2023 và điều chỉnh trong năm 2024 để phản ánh rõ nét hơn tầm nhìn, sứ mạng và phù hợp hơn với mục tiêu chung của Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT ngành NNA được xây dựng rõ ràng, bao quát các yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ, trách nhiệm mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR không chỉ tập trung vào kiến thức chuyên ngành mà còn bao gồm các kỹ năng mềm cần thiết trong môi trường làm việc thực tế. Cụ thể, sinh viên được trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến ngành ngôn ngữ. Đồng thời, chương trình chú trọng phát triển khả năng tự học và tư duy sáng tạo, giúp sinh viên thích nghi và phát triển trong môi trường quốc tế.

Quá trình xây dựng CĐR có sự tham gia ý kiến từ nhiều bên liên quan, bao gồm giảng viên, doanh nghiệp và các chuyên gia trong ngành. Yêu cầu của thị trường lao động cũng được phản ánh rõ trong các CĐR, nhờ vào việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực và đánh giá cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. CTĐT cũng được đối sánh với các chương trình đào tạo của những trường đại học uy tín khác nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và chất lượng.

CĐR của CTĐT ngành NNA được rà soát định kỳ để đảm bảo tính phù hợp với thực tế thị trường lao động và yêu cầu của các bên liên quan. Trong các lần rà soát năm 2022 và 2023, không có thay đổi về CĐR. CĐR đã được điều chỉnh đáng kể trong đợt rà soát năm 2024 giúp phản ánh sát hơn yêu cầu của xã hội. Ngoài ra, CĐR được công bố công khai qua các kênh như sổ tay sinh viên, trang thông tin điện tử của Học viện và các văn bản chính thức khác, đảm bảo tính minh bạch và dễ tiếp cận cho sinh viên và các bên quan tâm.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành NNA đã được xây dựng rõ ràng, khoa học, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan. Quá trình rà soát, điều chỉnh định kỳ và việc công khai thông tin giúp đảm bảo chất lượng đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát triển và hội nhập.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của nhà trường, giúp người học và học sinh có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp nhà tuyển dụng biết được thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm người học được trang bị thông qua chương trình; giúp các tổ chức nghề nghiệp và cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình, nhờ đó định hướng nghề nghiệp và hành nghề; giúp đội ngũ giảng viên, cán bộ thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CDR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành NNA của Học viện Hàng không Việt Nam được xây dựng và ban hành năm 2021, áp dụng cho khoá đào tạo 2021-2022 và được cập nhật 03 lần vào năm 2022, 2023 và 2024. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin chi tiết theo yêu cầu.

CTĐT, Bản mô tả CTĐT, ĐCCT cho từng học phần của ngành NNA được công bố công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho người học, các cơ quan doanh nghiệp ... nắm được các thông tin cơ bản về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ trách nhiệm mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin.

Bản mô tả CTĐT ngành NNA được xây dựng trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT và biểu mẫu của Học viện Hàng không Việt Nam. Bản mô tả CTĐT ngành NNA được ban hành chính thức năm 2021, nhằm cung cấp thông tin cho (i) các đối tác bên ngoài trường và người học tiềm năng có mong muốn hoặc nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn ngành NNA, (ii) sinh viên có định hướng kế hoạch học tập cho phù hợp, và (iii) giảng viên dễ dàng nắm bắt, theo dõi kế hoạch

giảng dạy, đồng thời tư vấn cho sinh viên lộ trình học tập phù hợp để đạt được CĐR của CTĐT. Bản mô tả CTĐT được sử dụng theo mẫu thống nhất trong toàn Học viện và cung cấp đầy đủ các nội dung, gồm 03 phần cốt lõi, gồm:

Phần I - Tổng quan về Học viện Hàng không Việt Nam: cung cấp các thông tin tổng quan về Học viện, bao gồm tên gọi; sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; nhiệm vụ, quyền hạn; quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm; cơ cấu tổ chức; đội ngũ cán bộ; quy mô đào tạo năm 2020-2021; công tác nghiên cứu khoa học; công tác hợp tác quốc tế; cơ sở vật chất; nguồn lực tài chính.

Phần II – Thông tin chung về CTĐT, gồm tên và mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu đào tạo; CĐR; điều kiện tốt nghiệp; văn bằng sau khi tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; tiêu chí tuyển sinh.

Phần III - Nội dung CTĐT, gồm cấu trúc CTĐT; khung CTĐT; Mô tả tóm tắt ĐCCT các học phần; phương pháp dạy/học và cách thức đánh giá; tiến trình đào tạo; ma trận kỹ năng; chương trình chuẩn tham khảo; hướng dẫn thực hiện đào tạo; các căn cứ xây dựng/sửa đổi; và thời điểm ban hành/ sửa đổi [H02.01.01].

Bản mô tả CTĐT được cập nhật.

Bản mô tả CTĐT ngành NNA được rà soát, cập nhật nhỏ vào năm 2022 [H02.01.02], 2023 [H02.01.03] và điều chỉnh lớn trong năm 2024 [H02.01.04].

Bản mô tả CTĐT ngành NNA được cập nhật kịp thời mỗi khi có sự thay đổi trong CTĐT. Các thông tin thay đổi chủ yếu tập trung ở Phần II và III [H02.01.05]. Việc điều chỉnh CTĐT năm 2024 có sự góp ý từ các bên liên quan về nội dung và chất lượng học phần [H02.01.06]. Hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT và Bản mô tả CTĐT được tiến hành theo quy trình, kế hoạch cụ thể của Học viện [H02.01.07], thông qua các buổi họp triển khai ở Khoa và Tổ bộ môn [H02.01.08].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành NNA có đầy đủ thông tin và được cập nhật hằng năm dựa trên cơ sở văn bản pháp lý, theo kế hoạch chung của toàn Học viện, theo đúng quy trình, từ việc rà soát thông qua thu thập thông tin từ các bên liên quan, đến xử lý thông tin và tiến hành điều chỉnh dựa trên kết quả thu được.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT năm 2022 và 2023 chỉ được điều chỉnh nhỏ, không dựa trên kết quả khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Bám sát các thông tin được cập nhật hàng năm theo quy định của Học viện để thực hiện điều chỉnh Bản mô tả CTĐT, ngày càng nâng cao chất lượng của CTĐT.	Khoa Ngoại ngữ	Định kỳ theo kế hoạch chung của Học viện	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, các văn bản pháp lý để thực hiện việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.	Khoa Ngoại ngữ	Năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên mục tiêu đào tạo, CĐR, bản mô tả CTĐT ngành NNA, tổ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT cấp Khoa tiếp tục triển khai xây dựng nội dung ĐCCT các học phần trong CTĐT đến Trưởng bộ môn và toàn thể các giảng viên đang phụ trách giảng dạy các học phần liên quan. ĐCCT học phần được thực hiện theo mẫu chung thống nhất toàn trường do Phòng Đào tạo học viện Hàng không Việt Nam ban hành qua các năm 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025 [H02.02.01], [H02.02.02], [H02.02.03], [H02.02.04], [H02.02.05]

Đề cương các học phần đầy đủ thông tin

ĐCCT học phần của CTĐT Ngôn ngữ Anh năm 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025 bao gồm các nội dung sau [H02.02.03], [H02.02.04], [H02.02.05]:

(1). Thông tin chung về HP gồm: mã HP, điều kiện, loại HP, nhóm HP, ngành đào tạo, số TC, yêu cầu phục vụ cho HP.

(2). Mô tả tóm tắt HP: mô tả tóm tắt cấu trúc, các nội dung chính của học phần và sự đóng góp của học phần đối với sự hình thành, phát triển năng lực của sinh viên.

(3). Mục tiêu và CĐR HP:

- Mục tiêu của học phần (O): các mục tiêu của học phần được xác định cụ thể và kết nối với các CĐR của CTĐT.

- Chuẩn đầu ra học phần (CLO): từ mục tiêu học phần, cụ thể hoá thành các CĐR.

- Ma trận kết nối giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

(4). Nội dung HP: tóm tắt các nội dung chính của HP dưới dạng các phần.

(5). Kế hoạch dạy học: thể hiện rõ tuần/ buổi học/ số tiết, nội dung, CĐR HP, hình thức, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và tài liệu chính, tài liệu tham khảo bổ trợ. Kế hoạch dạy học thể hiện mối liên hệ kết nối giữa nội dung dạy học với CĐR của học phần, các PP, kỹ thuật dạy học được sử dụng để tổ chức NH khám phá, tìm hiểu, vận dụng, các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu, CĐR.

(6). Học liệu gồm: tài liệu tham khảo chính và tài liệu tham khảo bổ trợ, trang web/ phần mềm sử dụng cho HP. Các giáo trình và tài liệu phải có trong danh mục sách của thư viện Nhà trường và phải được cập nhật mới nhất.

(7). Đánh giá kết quả học tập: gồm kế hoạch kiểm tra đánh giá; hình thức, nội dung, thời lượng đánh giá; rubrics (bảng tiêu chí đánh giá); ma trận đáp ứng CDR của các bài đánh giá.

(8). Quy định của HP: quy định về nộp bài, thảo luận, kênh phản hồi, tác phong ...

(9). Thông tin về GV xây dựng đề cương: họ tên, học hàm, học vị, chức danh, đơn vị, email và các hướng nghiên cứu chính.

Đề cương các học phần được cập nhật

Tất cả đề cương HP được định kì rà soát, điều chỉnh theo Quy trình cải tiến CTĐT [H02.02.01], [H02.02.02] do Phòng Đào tạo chủ trì và triển khai đến các khoa ít nhất 1 đến 2 năm/1 lần.

Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2024-2025
Về mặt cấu trúc, mỗi ĐCCT học phần có logo trường, kí hiệu, ngày ban hành đề cương; về mặt nội dung, ĐCCT đã chỉnh sửa mục tiêu cho phù hợp với CDR [H02.02.03].	ĐCCT học phần tiếp tục được chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật theo mẫu mới của nhà trường ban hành và đã được sửa đổi theo hướng tiếp cận năng lực, sử dụng các động từ hành động theo Thang đo Bloom [H02.02.04].	ĐCCT học phần tiếp tục được chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật theo mẫu mới của nhà trường ban hành với các thông tin như ma trận môn học, trọng số đánh giá môn học, hình thức đánh giá môn học, giờ tự học...[H02.02.05].

Như vậy, 100% ĐCCT ngành Ngôn ngữ Anh đã được định kì rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung theo Quy trình cải tiến CTĐT và các biểu mẫu do Học viện ban hành 1-2 năm/lần. ĐCCT học phần được giới thiệu người học vào đầu mỗi học phần. Khi bắt đầu giảng dạy, các GV đều cung cấp ĐCCT hoặc Lịch trình giảng dạy dựa trên ĐCCT của học phần cho người học để nắm được

mục tiêu, nội dung môn học, tài liệu học tập, hình thức kiểm tra đánh giá, lịch trình giảng dạy của GV,... Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành Ngôn ngữ Anh đều được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thẩm định [H02.02.06], [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

ĐCCT học phần của CTĐT ngành NNA thể hiện đầy đủ các thông tin về xây dựng và thực hiện học phần. ĐCCT HP được định kì rà soát, điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp CDR của CTĐT 2 năm/lần.

3. Điểm tồn tại

ĐCCT chưa chi tiết hóa tài liệu tham khảo dành cho mỗi nội dung học trong mục Kế hoạch dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu cập nhật, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung đề cương chi tiết HP.	Khoa Ngoại ngữ	Theo kế hoạch rà soát chung của Nhà trường	
2	Khắc phục tồn tại	Chi tiết hóa tài liệu tham khảo dành cho mỗi nội dung học trong mục Kế hoạch dạy học trong lần rà soát kế tiếp.	Khoa Ngoại ngữ	Theo kế hoạch rà soát chung của Nhà trường	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT được sử dụng cho công tác quản lý, công tác giảng dạy, học tập, đánh giá và cải tiến chương trình. Văn bản này được phổ biến thông tin bằng nhiều hình thức khác nhau như:

- In bản cứng tại văn phòng khoa để các cán bộ quản lý, GV nắm rõ thông tin phục vụ cho hoạt động giảng dạy và rà soát CTĐT theo đúng quy định; [H02.03.01], [H02.03.02], [H02.03.03], [H02.03.04].

- Đăng tải thông tin chung về ngành trên website của Phòng đào tạo và của khoa để cung cấp thông tin cho SV đang học, các SV tiềm năng và phụ huynh tìm hiểu về CTĐT để đưa ra quyết định lựa chọn ngành học phù hợp với mục đích của mình, đồng thời hỗ trợ cho các tổ chức kiểm định CTĐT [H02.03.05].

- Đăng vấn tất một số thông tin quan trọng trên tờ rơi tuyển sinh để giới thiệu về ngành nghề đào tạo [H02.03.06].

- Giới thiệu trực tiếp đến SV trong “Tuần lễ sinh hoạt đầu khóa” theo từng ngành học [H02.03.07].

Đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

ĐCCT của tất cả học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan nắm được đầy đủ thông tin về môn học. Khi giảng dạy, GV công khai ĐCCT đến SV để SV có kế hoạch học tập phù hợp ngay khi bắt đầu môn học. Khi học tập bằng hình thức E-learning, GV đăng tải ĐCCT lên trang bài giảng ngay từ buổi học đầu tiên [H02.03.08].

Để các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng, giảng viên, người học, cựu người học đều có thể tiếp cận với thông tin về các học phần, ĐCCT các học phần thuộc CTĐT của các khóa cũng được đăng tải trên website của Học viện [H02.03.09 – Link đăng tải ĐCCT trên website của Học viện].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, dễ dàng cho các bên liên quan tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Thông tin về CTĐT ngành NNA được in chung với thông tin của các ngành khác đang được đào tạo tại Học viện trong Tờ rơi tuyển sinh, vì vậy nên thông tin chi tiết về từng chuyên ngành chưa được thể hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đăng tải các Bản mô tả CTĐT và ĐCCT cập nhật trên nhiều kênh để sinh viên, các bên liên quan và những người quan tâm dễ dàng tiếp cận.	Khoa Ngoại ngữ	Định kỳ hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại	Khoa Ngoại Ngữ sẽ phối hợp với các phòng ban liên quan để thiết kế, công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT, thiết kế và in tờ rơi tuyển sinh riêng cho Khoa Ngoại Ngữ.	Khoa Ngoại ngữ Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bảng mô tả CTĐT và ĐCCT của ngành NNA được thiết kế tuân thủ đúng quy định của BGDDT cũng như của Học viện. CTĐT liên tục được rà soát, điều chỉnh và bổ sung theo yêu cầu của xã hội và người sử dụng lao động. Quá trình

điều chỉnh và cập nhật được thực hiện dựa trên đánh giá từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, như ý kiến đóng góp từ Hội đồng khoa học cấp Khoa, cấp Trường, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên, chuyên gia và nhà khoa học.

Ma trận hiển thị kết quả theo CĐR được minh họa rõ trong Bản mô tả CTĐT và được chi tiết hoá trong các ĐCCR. Thông tin trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của ngành NNA được công khai rộng rãi, giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành NNA tự đánh giá đạt 3/3 tiêu chí theo tiêu chuẩn 2, với tất cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học ngành NNA được thiết kế hợp lý và có hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện HKVN với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành NNA. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo sinh viên đạt CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

CTDH ngành NNA được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ban hành về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học và

được thể hiện trong bản mô tả CTĐT các năm 2021 [H3.03.01.01] và 2022 [H3.03.01.02]. Cụ thể, CTDH năm 2022 được thiết kế để đáp ứng 17 CĐR của CTĐT ngành NNA, bao gồm:

05 CĐR về kiến thức (kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành NNA – 03 CĐR, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật - 03 CĐR, kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc – 02 CĐR, kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong học tập, nghiên cứu và các lĩnh vực công việc sử dụng NNA– 03 CĐR và kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn sử dụng NNA – 03 CĐR).

08 CĐR về kỹ năng (kết hợp kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp – 03 CĐR, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác – 03 CĐR, kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi – 03 CĐR, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm – 03 CĐR, kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp – 03 CĐR, kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ 2 theo bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam – 03 CĐR, kỹ năng giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng – 01 CĐR, kỹ năng hội nhập quốc tế - 01 CĐR).

04 CĐR về mức độ tự chủ trách nhiệm (làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm – 03 CĐR, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định – 03 CĐR, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân – 03 CĐR, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động – 03 CĐR) [H3.03.01.03].

Nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học, CTDH ngành NNA năm 2022 được thiết kế gồm 64 HP với tổng số 120 TC chia làm 04 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành; khối kiến thức ngành; khối kiến thức chuyên ngành.

Về kiến thức

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (gồm 18 HP với 30 TC): Vận dụng kiến thức khoa học xã hội và đặc biệt là kiến thức ngành NNA cho công việc và học tập nâng cao. Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về pháp luật, tư tưởng và lý luận chính trị; kiến thức về tin học đại cương nhằm phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu và chuẩn bị cho công việc tương lai.

2. Khối kiến thức cơ sở ngành (15 HP với 45 TC): Trang bị cho SV kiến thức cơ sở cần thiết và nền tảng của ngành NNA qua việc củng cố và nâng cao hiểu biết về ngữ pháp, phát âm, lý thuyết và thực hành kỹ năng ngôn ngữ phối hợp nghe – nói, đọc – viết.

3. Khối kiến thức ngành (09 HP với 24 TC): Trang bị cho SV các kiến thức trọng tâm cao hơn về lý thuyết dịch, biên dịch, phiên dịch, dẫn luận ngôn ngữ học, ngữ âm và hình vị học, hình vị học, cú pháp học, nghiên cứu khoa học, kỹ năng đàm phán và thuyết trình bằng Tiếng Anh.

4. Khối kiến thức chuyên ngành (05 HP với 14 TC): Cung cấp cho SV khối kiến thức sâu về từng chuyên ngành lựa chọn, có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành kết hợp với kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cốt lõi để giải quyết hầu hết các vấn đề thuộc các chuyên môn sâu do người học lựa chọn.

+ *Tiếng Anh chuyên ngành thương mại*: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh Thương mại, thư tín thương mại, tiếng Anh Logistics, kỹ năng giao tiếp thương mại.

+ *Tiếng Anh chuyên ngành Hàng không*: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về tiếng Anh khai thác thương mại hàng không, kỹ thuật hàng không và quản lý bay, vận tải hàng hóa hàng không.

+ *Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch*: Sinh viên được trang bị kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành dịch vụ Du lịch và lễ hành, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, quản trị và điều hành du lịch.

Các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ giữa khối kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành, mỗi học phần đóng vai trò nhất định để đạt được CDR CTĐT - CDR môn học. Khối kiến thức nêu trên bao gồm: các học phần thuyết trình; các học phần làm việc nhóm; các học phần động não; các học phần tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp. Các học phần trong mỗi khối kiến thức thể hiện tính gắn kết với nhau; hỗ trợ và bổ sung cho nhau, kết hợp giáo dục kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ với việc rèn luyện kỹ năng, thái độ nhằm đạt được CDR.

Về mặt kỹ năng

Trong quá trình học, SV được trang bị và rèn luyện cả những kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.

+ Về kỹ năng cứng: hình thành kỹ năng cần thiết thông qua các kiến thức ngôn ngữ và thương mại để giải quyết vấn đề trong công việc và các biến động trong môi trường làm việc.

Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết trình bằng tiếng Anh thông thạo. Có thể trình bày lưu loát, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu một vấn đề; có khả năng phát biểu tự tin trước công chúng; có khả năng viết đúng về hình thức và chính xác về nội dung các văn bản. Có kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực thương mại, hàng không hay du lịch tùy theo chuyên ngành lựa chọn. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng để nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết những vấn đề cơ bản cũng như trong công việc đòi hỏi sự sáng tạo liên quan đến NNA. SV kết hợp được các kỹ năng ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề trong công việc thuộc lĩnh vực

biên – phiên dịch và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong nghiên cứu học thuật.

+ Về kỹ năng mềm: SV có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc. Có kỹ năng giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng, quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

CTDH có bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai, tin học văn phòng, giúp sinh viên có kỹ năng làm việc, khả năng ngoại ngữ tối ưu, khả năng tin học trước khi ra trường, đồng thời có quy định cụ thể về CĐR đối với Tin học và Tiếng Anh được thể hiện trong quy chế 829/QĐ-HVHK được ban hành ngày 23/09/2019 [H3.03.01.04].

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Các khối kiến thức trong CTDH giúp sinh viên có khả năng tự mình giải quyết các vấn đề đơn giản; có khả năng phối hợp làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề lớn phức tạp; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, tham gia bảo vệ môi trường; hỗ trợ cộng đồng bằng những việc làm thiết thực; có trách nhiệm với đồng nghiệp và với công việc; hướng sinh viên về thái độ, tính tự chủ, chịu trách nhiệm trong học tập, cuộc sống.

(ii) Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Bắt đầu từ năm 2019, Học viện HKVN đã ban hành tổ hợp các phương pháp giảng dạy-học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập tại quyết định số 646/QĐ-HVHK ngày 07/08/2019 [H3.03.01.07], đồng thời các phương pháp này cũng được thể hiện trong CTĐT, CTDH và đề cương chi tiết các học phần được ban hành năm 2021, 2022 [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]. Các phương pháp sau đây đã được áp dụng ở ngành NNA: một là thuyết trình; hai là làm việc nhóm; ba là dạy học dựa trên vấn đề gồm các đề án và chuyên đề; bốn

là động não; năm là dạy học thông qua làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết yếu cho ngành NNA.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên của 100% các môn học/học phần trong CTDH đều phù hợp và góp phần đạt được CĐR. Hình thức thi đang áp dụng gồm có: thi trắc nghiệm và tự luận, vấn đáp, thuyết trình hoặc viết tiểu luận. Ở phần thi trắc nghiệm, hệ thống câu hỏi trắc nghiệm được bao quát hết các phần kiến thức được học trong học phần, phân loại mức độ khó dễ, quy định số lượng câu khó, câu dễ trong bài thi để máy tính tự chọn đề thi, đánh giá khách quan kết quả học của sinh viên. Đối với các học phần thực hành, thực tập, tiểu luận thì giảng viên giới thiệu học phần, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến thực hành, đề cương hướng dẫn nội dung kiến tập, thực tập. Kết quả đánh giá là điểm trung bình chung của các điểm thành phần trong quá trình học. Số lượng điểm thành phần (điểm kiểm tra định kỳ và điểm chuyên cần) phụ thuộc vào số tín chỉ môn học đều được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần năm 2021 [H3.03.01.08] và đề cương chi tiết học phần năm 2022 [H3.03.01.09].

2. Điểm mạnh

CTDH đã được thiết kế dựa trên các yêu cầu CĐR của CTĐT ngành NNA về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH phù hợp với yêu cầu của CĐR.

3. Điểm tồn tại

Công cụ hỗ trợ giảng dạy chưa được thể hiện cụ thể trong ĐCCT.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát	Trong đợt điều chỉnh CTDH từ	Khoa	Năm 2025	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	huy điểm mạnh	năm 2024 trở về sau, Khoa Ngoại ngữ tiếp tục phát huy thế mạnh của việc thiết kế CTDH dựa trên các yêu cầu CĐR của CTĐT ngành NNA về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH với CĐR.	Ngoại ngữ		
2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm phần mềm hỗ trợ giảng dạy phù hợp với từng học phần vào đề cương chi tiết	Khoa Ngoại ngữ	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi học phần có vai trò nhất định trong khối kiến thức/ kỹ năng giúp SV đạt CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có CTDH, CTDH của từng học phần mã ngành NNA được xây dựng dựa trên CĐR. Đồng thời ĐCCT do các GV biên soạn và rà soát, thống nhất trong nhóm chuyên môn giảng dạy phù hợp với CĐR của CTĐT. Hệ thống CTDH của các học phần được thiết kế hướng đến việc thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và phẩm chất đạo đức cho SV với từng vị trí việc làm cụ thể. CTDH mỗi học phần đều được xây dựng theo sát CĐR và thể hiện sự liên quan giữa các học phần với nhóm năng lực chuyên ngành. Đồng thời, CTDH còn thể hiện rõ số tín chỉ, CĐR của môn

học về phẩm chất và năng lực nghiên cứu, năng lực phát triển bản thân và phát triển nghề nghiệp [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Ngoài ra CTDH của từng học phần cũng thể hiện rõ mục tiêu cụ thể của từng chương, từng bài theo các cấp độ (Hiểu, vận dụng bậc thấp, vận dụng bậc cao), nội dung chi tiết của môn học và phương pháp kiểm tra và đánh giá đảm bảo đóng góp trong việc đạt được CĐR của ngành. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR của SV. Phương pháp dạy học (Lấy người học làm trung tâm, học cách giải quyết vấn đề, học qua thực tế, vv..), hình thức tổ chức dạy học (thuyết trình, đọc tài liệu, hoạt động nhóm được thiết kế cho từng bài, từng phần; CTDH đề cập chi tiết các hình thức và thời lượng cụ thể không chỉ với các hoạt động trên lớp mà còn được quy định rõ cho các phần tự học ở nhà. Giờ học trên lớp được chia thành các phần với thời lượng cụ thể: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, tự học có hướng dẫn, vv.

Các học phần đều có các hoạt động KTĐG. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của SV cũng được thiết kế rõ ràng, với 2 hình thức đánh giá: đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Trong ĐCCT các học phần đều thể hiện rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV, bao gồm: thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của học phần. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm thường xuyên, điểm định kỳ) (có trọng số 50%), điểm thi kết thúc học phần (có trọng số 50%). Trong đó, đối với từng hình thức, phương pháp kiểm tra và đánh giá đều miêu tả rõ về: năng lực cần đạt và yêu cầu, nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá, trọng số (%), thời điểm đánh giá và người đánh giá. Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của NH. Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức KTĐG, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học

phần được tuân theo quy định về thi, KTĐG người học và được phổ biến cho SV vào buổi dạy đầu tiên. Mỗi năm, CTDH luôn được cập nhật hoàn thiện dựa trên sự góp ý của các chuyên gia, và phản hồi của SV [H3.03.02.04],[H3.03.02.05].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTĐT ngành NNA được xây dựng theo ma trận các năng lực đáp ứng CĐR của ngành. CTĐT được cấu trúc thành từng khối kiến thức vừa độc lập vừa gắn kết chặt chẽ với nhau tạo thành một thể thống nhất, hướng tới mục tiêu CĐR. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, đáp ứng CĐR của ngành đào tạo. Phương pháp dạy học, hình thức dạy học và ĐCCT được mô tả rõ ràng, cụ thể hướng tới đáp ứng CĐR của CTDH.

Các học phần trong CTDH đã được lấy ý kiến của các bên liên quan, từ đó được điều chỉnh theo hướng tích hợp các môn có nội dung trùng lặp, tăng số tín chỉ thực hành, thay đổi phương pháp dạy học để đảm bảo thực hiện CĐR về kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

3. Điểm tồn tại

Các thông tin phản hồi về nội dung CTDH của NH, chuyên gia, GV trực tiếp giảng dạy là chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tham khảo CTDH chuyên ngành tương đương tại các cơ sở đào tạo khác, tham vấn ý kiến của các chuyên gia GD trong nước	Khoa NN, Phòng Khảo thí và KĐCL Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		để cải tiến CTDH.			
2.	Khắc phục tồn tại	Tăng cường việc lấy thông tin phản hồi của NH, đơn vị thực tập, đơn vị sử dụng lao động và GV về nội dung CTĐT.	Khoa NN, Phòng Khảo thí và KĐCL, Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện Hàng không Việt Nam[H3.03.03.01],[H3.03.03.02]. Kế hoạch giảng dạy hàng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Học viện [H3.03.03.03]. Trong tổng 120 tín chỉ được xây dựng trong CTDH bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chuyên ngành đều thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic trong từng học kỳ, từng năm học và toàn bộ khóa học [H3.03.03.04]. Các học phần trong CTDH nêu rõ mục tiêu học phần về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm sinh viên cần đạt được; nội dung giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện rõ ràng và bám sát với mục tiêu và CDR của học phần.

Cấu trúc chương trình được sắp xếp theo trình tự học phần thể hiện năng lực cần đạt được từ thấp lên cao đối với người học; thể hiện rõ học phần tiên

quyết và hỗ trợ học phần tiếp theo hoặc học phần được tiến hành song song cùng phân kỳ. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTDH có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. CTDH cũng thể hiện tính cập nhật và bám sát yêu cầu của CĐR của CTĐT khi hàng năm cập nhật CTĐT [H3.03.03.05]. CTDH thể hiện chi tiết năng lực cần đạt được theo 4 yếu tố cốt lõi là kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và năng lực thực hành nghề nghiệp. Trình tự khung năng lực cần đạt được thiết kế theo CĐR của CTĐT và theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, gắn liền với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ nghề nghiệp.

Nội dung kiến thức được trình bày một cách lôgic và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm. Các đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín trong nước và trên thế giới. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn [H3.03.03.06].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần trong CTDH được bố trí theo cấu trúc, trình tự logic và có tính tích hợp. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần thực tập thực tế so với các học phần lý thuyết chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH dựa trên các khảo sát ý kiến của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng	Khoa NN, Phòng Khảo thí và KĐCL, Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm	
2.	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát CTĐT, các ĐCCT để tăng phần thực tập thực tế nhằm chuẩn bị tốt hơn cho SV khi gia nhập thị trường lao động	Khoa NN, Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn 3 về "Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học" đã được thiết kế một cách hệ thống, đảm bảo sự hợp lý và tính nhất quán với mục tiêu đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh. Cấu trúc chương trình dạy học tuân thủ theo các quy định hiện hành của Học viện Hàng không Việt Nam, đồng thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho

sinh viên. Nội dung chương trình được sắp xếp khoa học, logic, có sự phát triển từ cơ bản đến nâng cao và đảm bảo tính tích hợp giữa các học phần.

Chương trình dạy học đã xây dựng rõ ràng các tiêu chuẩn đầu ra, từ đó tạo nên một khung chương trình đào tạo có cấu trúc logic, phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp của ngành. Các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá được áp dụng một cách hiệu quả, góp phần giúp sinh viên đạt được các tiêu chuẩn đầu ra theo đúng mục tiêu đề ra.

Mặc dù đã có những thành tựu đáng kể trong việc xây dựng và thực hiện chương trình, vẫn còn một số tồn tại liên quan đến việc tích hợp công cụ hỗ trợ giảng dạy và thu thập phản hồi từ các bên liên quan. Trong tương lai, chương trình sẽ tiếp tục hoàn thiện, không ngừng cải tiến để đảm bảo chất lượng và tính cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Học viện đã đặt trọng tâm vào việc xây dựng các chương trình đào tạo, đồng thời áp dụng phương pháp dạy và học phù hợp để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Bên cạnh đó, Học viện luôn đặt mục tiêu xây dựng và phổ biến triết lý giáo dục “Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập” lên hàng đầu. Học viện cũng chú trọng việc phát triển đề cương chi tiết của mỗi học phần với các phương pháp giảng dạy thích hợp nhằm khai thác tiềm năng và phát triển kỹ năng của người học. Điều này nhằm giúp sinh viên ngành Ngôn Ngữ Anh rèn luyện các kỹ năng cần thiết của ngành, các kỹ năng mềm, cũng như khả năng tự học, tự nghiên cứu, và trên hết là đạt được chuẩn đầu ra của chương trình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục của Học viện. Triết lý giáo dục “**Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập**” của Học Viện được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển Học viện Hàng không Việt Nam đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐHV ngày 31/8/2020) [H04.01.01] và được ghi nhận trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HĐHV ngày 09/11/2020 [H04.01.02] và được điều chỉnh, cập nhật theo Quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08/08/2022) [H04.01.03].

Bên cạnh đó, Học viện cũng đưa ra mục tiêu giáo dục song hành và tương ứng với triết lý giáo dục nói trên. Học viện khẳng định mục tiêu giáo dục của Học viện chính là “*Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, có kiến thức và thành thực kỹ năng nghề nghiệp các chuyên ngành Hàng không, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy độc lập sáng tạo, có tính tổ chức kỷ luật, phát triển toàn diện và sẵn sàng hội nhập*” tại nghị quyết 353-NQ/ĐU ngày 23/01/2018 của Đảng ủy Học viện và nghị quyết của Ban chấp hành Đảng Bộ Học viện Hàng không Việt Nam về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học [H04.01.04]. Qua đó có thể thấy tinh thần sáng tạo, chất lượng đào tạo và khả năng hội nhập luôn được đề cao. Điều này cũng là mục tiêu ngành Ngôn Ngữ Anh luôn hướng tới.

Học viện đã giới thiệu và công khai triết lý cùng mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan, bao gồm cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, cơ quan truyền thông, doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu có nhu cầu tìm hiểu về Học viện thông qua nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể, triết lý và mục tiêu giáo dục được đăng tải công khai trên website của Học viện, trang thông tin dành cho giảng viên và sinh viên, cũng như trên các poster treo tại các cơ sở của Học viện. [H04.01.05, H04.01.06, H04.01.07, H04.01.08, H4.04.01.09, H04.01.10, H04.01.11, H04.01.12]

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Học viện được thể hiện trong hoạt động giảng dạy các học phần trong CTĐT hàng năm. Giảng viên hiểu rõ và thực hiện mục tiêu của học phần chính là góp phần thể hiện mục tiêu CTĐT của ngành NNA ban hành kèm theo Quyết định về việc ban hành các CTĐT, CTDH trình độ đại học hệ chính quy tại Học viện HKVN các năm 2021, 2022, 2023, 2024 [H04.01.13], và đề cương chi tiết các học phần của ngành NNA [H04.01.14].

Cán bộ, giảng viên hiểu rõ triết lý, mục tiêu giáo dục thông qua việc đóng góp ý kiến điều chỉnh CTĐT [H04.01.15]. Ngoài ra, hàng năm, Học viện thực hiện khảo sát về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H04.01.16]. Để cải thiện chất lượng đào tạo, Học viện đã tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và thường xuyên duy trì, cập nhật các phần mềm quản lý. Đồng thời, kho học liệu số, các bài giảng E-learning, và ngân hàng câu hỏi trực tuyến cũng đã được xây dựng và phát triển thêm. Học viện cũng đã tiến hành sửa chữa, cải tạo các phòng học, không gian chức năng, và bổ sung thiết bị giảng dạy để đảm bảo yêu cầu học tập và giảng dạy, tất cả được tổng kết và báo cáo chi tiết trong các báo cáo hàng năm và kế hoạch triển khai cho năm học mới [H04.01.17]. Điều này cho thấy triết lý và mục tiêu của học viện không chỉ được truyền thông đến đội ngũ giảng viên, nhân viên và học viên mà còn được giảng viên, nhân viên và học viên thấm nhuần và áp dụng vào thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Học viện đã công bố triết lý và mục tiêu giáo dục một cách cô đọng và rõ ràng. Cả hai yếu tố này đều gắn kết chặt chẽ với nhau, trong đó mục tiêu thể hiện rõ ràng tinh thần của triết lý giáo dục. Đồng thời, triết lý và mục tiêu giáo dục được công khai rộng rãi và minh bạch trên nhiều phương tiện khác nhau, nhờ đó giúp các bên liên quan và những người quan tâm dễ dàng tiếp cận, hiểu rõ và thực hiện theo đúng hướng mà Học viện đã đề ra. Trong đó đối tượng cán

bộ, giảng viên, và nhân viên trong học viện, nắm bắt rất rõ ràng và vận dụng tối đa sự hiểu biết về triết lý và mục tiêu giáo dục của học viện trong công việc hàng ngày, nhằm xây dựng và phát triển Học viện theo kỳ vọng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù thông tin đã được phổ biến truyền thông đến các bên có liên quan, trong đó có các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Hàng không, tuy nhiên sự tiếp cận của các đơn vị trên về Học Viện còn chưa sâu sát và cụ thể. Các cơ quan, doanh nghiệp, nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong và ngoài ngành hàng không, có thể nắm bắt được một số thông tin chung và cơ bản về Học Viện, mà chưa thật sự hiểu biết rõ ràng về triết lý và mục tiêu giáo dục của Học Viện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thông qua các phương tiện đa dạng và các cuộc họp, hội nghị giữa các bộ phận đơn vị trong và ngoài học viện, tiếp tục truyền thông và phổ biến sâu rộng về triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện tới các bên liên quan, trong đó lực lượng nòng cốt là cán bộ viên chức người lao động của học viện, đồng thời tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để ngày càng hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục và phù hợp với triết lý giáo dục đã đề ra của học viện.	Phòng TCHC, Phòng TS&CT SV Và Khoa Ngoại ngữ	Hằng năm, xuyên suốt năm	
2	Khắc phục tồn tại	Thực hiện quảng bá và truyền thông một cách rộng rãi và sâu sát các triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện tới các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, nhà khoa học trong và ngoài ngành hàng không, thông	Phòng TCHC, Phòng TS&CT SV, Phòng KH&CN& HTQT,	Hằng năm, xuyên suốt năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		qua các hoạt động thực tế như hội thảo khoa học, hội nghị, tiếp xúc giao lưu, họp mặt, tọa đàm, workshop, ký kết hợp tác giữa Học viện và các đối tác, doanh nghiệp. Nhờ đó, Học viện và các bên liên quan này có cơ hội tiếp xúc, gắn kết gần gũi hơn, tạo điều kiện để họ hiểu biết cụ thể, chi tiết và sâu sắc hơn về triết lý, mục tiêu giáo dục của học viện, tranh thủ sự hợp tác và liên kết, để phát triển Học viện đi theo định hướng đã đề ra.	Khoa Ngoại ngữ		

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên Khoa Ngoại Ngữ được thiết kế với mục tiêu đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu từ thị trường lao động. Chương trình học tập giúp sinh viên tiếp thu kiến thức, phát triển kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, đồng thời khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tinh thần tích cực trong quá trình học. Ngành Ngôn Ngữ Anh đã áp dụng các phương pháp giảng dạy đa

dạng, kết hợp giữa bài giảng của giảng viên và các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp, thực hiện dự án, bài tập lớn, và nghiên cứu khoa học. Phương pháp học tập được thiết kế linh hoạt, kết hợp giữa học tại lớp và tự học tại nhà, bao gồm đọc tài liệu và hoàn thành bài tập cá nhân, cùng với các hoạt động khác như làm bài tập nhóm, thực tập, thực hành trải nghiệm thực tế. [H04.02.01, H04.02.02, H04.02.03, H04.02.04]. (CTĐT + ĐCCT trình độ đại học chính quy ngành Ngôn Ngữ Anh từ năm 2021)

Ngoài ra, phương pháp giảng dạy được thiết kế để phù hợp với đặc thù từng môn học, nhằm đảm bảo sinh viên học tập tích cực, hiệu quả các môn học, giúp đạt được chuẩn đầu ra của học phần, nhờ đó đạt được các yêu cầu đầu ra đã đề ra trong chương trình đào tạo. Điều này được thể hiện rõ ràng trong phương pháp giảng dạy của các đề cương chi tiết học phần [H04.02.01, H04.02.02, H04.02.03, H04.02.04].

Các phương pháp giảng dạy tại Khoa Ngoại Ngữ ngoài việc được triển khai một cách đa dạng, linh hoạt và phù hợp với từng môn học, thì còn đề cao vai trò của sinh viên, trong đó nhấn mạnh tiêu chí lấy sinh viên làm trung tâm trong các hoạt động giảng dạy và học tập. Các phương pháp này không chỉ giúp giảng viên truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả mà còn tạo ra môi trường học tập năng động, nơi sinh viên có thể chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, phát huy thế mạnh và tính tích cực chủ động, tự nghiên cứu, học tập, làm việc nhóm. Một số hoạt động nổi bật bao gồm: thuyết trình báo cáo [H04.02.05], hoạt động trải nghiệm [H04.02.06], thảo luận nhóm [H04.02.07] và tham gia nghiên cứu khoa học [H04.02.08].

Đặc biệt, sinh viên còn có cơ hội ứng dụng kiến thức vào thực tế thông qua các kỳ thực tập tại doanh nghiệp và thực hành trải nghiệm nghề nghiệp. Từ năm 2021 đến nay, sinh viên năm cuối của ngành Ngôn Ngữ Anh đều có cơ hội đi thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp nơi tiếng Anh được sử dụng thường xuyên, giúp họ tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ trong công việc.

Bên cạnh đó, SV còn được tạo điều kiện trải nghiệm các hoạt động nghề nghiệp mô phỏng công việc thực tế, giúp SV làm quen với môi trường làm việc trong tương lai, bao gồm: hoạt động trải nghiệm vai trò phiên dịch viên trong hội thảo khoa học giả định do khoa Ngoại ngữ tổ chức, vai trò hướng dẫn viên, điều hành tour trong nước.

Không chỉ giới hạn trải nghiệm ở trong nước, sinh viên còn có cơ hội tham gia các chương trình thực hành trải nghiệm ngắn hạn tại nước ngoài, tham quan các cơ sở đào tạo về ngành hàng không ở nước ngoài, tham gia các khóa học giảng dạy bằng tiếng Anh và nhận chứng chỉ quốc tế, mở rộng tầm nhìn, trải nghiệm văn hóa và phát triển kỹ năng giao tiếp quốc tế. Những trải nghiệm thực tế này không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức học thuật mà còn trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp. [H04.02.09, H04.02.10]

Để hỗ trợ sinh viên thích nghi với môi trường học tập ở đại học và thực hiện hiệu quả các phương pháp học tập đa dạng, linh hoạt và đặc thù, và phát huy tính chủ động tích cực của mình, GV và CVHT của khoa Ngoại ngữ đã hướng dẫn sinh viên biết cách làm chủ việc học, tự học, tự nghiên cứu, biết **sử dụng** các phương pháp học tập phù hợp, để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, và tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy và học tập phong phú được triển khai tại khoa Ngoại ngữ, từ đó giúp SV từng bước đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Khi bước vào năm học mới, đội ngũ lãnh đạo khoa, giảng viên, cố vấn học tập và cán bộ trong khoa luôn sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong việc hướng dẫn phương pháp học tập và sử dụng các công cụ học tập, nhằm nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức và hoàn thành các chuẩn đầu ra của chương trình, thông qua buổi tiếp đón Tân sinh viên vào đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp giữa CVHT và sinh viên, các buổi tọa đàm, workshop, và giao lưu trao đổi giữa SV và lãnh đạo học viện, lãnh đạo khoa, lãnh đạo các phòng ban và các GV. [H04.02.11]

Trong giai đoạn 2021, 2022, 2023 và 2024, chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của ngành Ngôn Ngữ Anh đã được **rà soát, cập nhật và điều chỉnh để** phản ánh tình hình thực tế, đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động giảng dạy và học tập. Mục tiêu của quá trình này là đảm bảo tính hiệu quả và chất lượng của hoạt động giảng dạy và học tập, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên phát triển toàn diện kỹ năng ngôn ngữ cũng như kiến thức chuyên ngành. Đồng thời, chương trình cũng hướng đến việc nâng cao tính ứng dụng thực tiễn của kiến thức, giúp sinh viên có thể tự tin hội nhập vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2024-2024 Học viện đã khảo sát giảng viên ngành NNA và giảng viên Khoa Cơ bản (giảng dạy các môn chung) về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H04.02.12]. Kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng 4.2.1 dưới đây:

Bảng 4.2.1. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ giảng viên hài lòng (%)					
	GV Khoa Ngoại ngữ			GV Khoa Cơ bản		
	Năm 2021- 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023 -2024	Năm 2021- 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023- 2024
1. Các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập trong đề cương học phần đa dạng	66,67	100	100	100		
2. Các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập có hiệu quả để đạt CDR của học phần	66,67	100	100	94		

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ giảng viên hài lòng (%)					
	GV Khoa Ngoại ngữ			GV Khoa Cơ bản		
	Năm 2021- 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023 -2024	Năm 2021- 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023- 2024
3. Thiết bị/chương trình chuyên dụng được sử dụng trong giảng dạy và học tập có hiệu quả để đạt CĐR của học phần	60,00	90,91	93,75	100		

Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ hài lòng của GV đối với các hoạt động giảng dạy trong năm học 2021-2022 chưa cao (khoảng 60%-67%), điều này cũng dễ dàng thấu hiểu, là vì năm học 2021-2022 do bị ảnh hưởng bởi dịch COVID19, các hoạt động dạy và học thực hiện hoàn toàn trên các nền tảng online, không thể tổ chức đa dạng các hoạt động dạy học trực tiếp, đồng thời cơ sở hạ tầng, nền tảng và trang thiết bị dạy học online năm học 2021-2022 cũng mới được xây dựng và phát triển, do đó cũng chưa đáp ứng tốt các yêu cầu và mong muốn của GV trong việc thực hiện các hoạt động và phương pháp dạy và học. Tuy nhiên, các năm học 2022-2023, 2023-2024, thì tình hình trên đã được cải thiện và khắc phục, và kết quả là GV cảm thấy hài lòng về các hoạt động/phương pháp/ thiết bị dạy học tại học viện.

Bên cạnh việc tiến hành khảo sát sinh viên về GV, Học Viện / Khoa NN cũng thực hiện khảo sát ngành NNA về mức độ hài lòng đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên KNN [H04.02.13]. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của giảng viên (khoảng 90%), và số liệu cụ thể được thể hiện qua bảng 4.2.2 dưới đây:

Bảng 4.2.2. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đang học ngành NNA về phương pháp giảng dạy của giảng viên

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)		
	Năm 2021-2022	Năm 2022 - 2023	Năm 2023-2024
Phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp để sinh viên đạt được CDR học phần	89,53	89,69	90,95

Trong năm học 2023-2024, Học viện đã khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp ngành NNA về chất lượng đào tạo của khóa học [H04.02.14]. Trong đó, có nội dung khảo sát về hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng 4.2.3 dưới đây:

Bảng 4.2.3. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp ngành NNA đợt 10/2024 về hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên năm học 2023-2024

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)
1. Trình bày bài giảng dễ theo dõi	92,31
2. Thường xuyên cập nhật kiến thức mới trong bài giảng	92,30
3. Tạo điều kiện để sinh viên phát triển khả năng học tập của bản thân	95,60

Kết quả khảo sát ở bảng 4.2.2 và 4.2.3 cho thấy tỷ lệ hài lòng của sinh viên ngành NNA đối với hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy của giảng viên ở mức cao và tăng dần qua các năm.

Tuy nhiên, các khảo sát của giảng viên chưa có nội dung đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với hoạt động/ phương pháp giảng dạy và học tập [H04.02.12].

2. Điểm mạnh

Khoa Ngoại Ngữ đã xây dựng và thực hiện các hoạt động dạy học/ phương pháp giảng dạy đa dạng, chủ động, tích cực, phù hợp để đạt được CDR. Bên cạnh đó, giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù

hợp từ đó giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nội dung khảo sát về mức đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với các phương pháp giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng hiệu quả các hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy hiện tại	Giảng viên Khoa NN	Hàng năm, từ năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung khảo sát về mức đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với các phương pháp giảng dạy	Phòng KT&ĐBCL phối hợp cùng Khoa NN	Hàng năm, từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

1. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

3. GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tất cả **67** đề cương môn học các học phần trong chương trình ban hành năm 2021 đều có mô tả tại mục 10 “Hướng dẫn thực hiện”[H04.03.01] về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập theo Ma trận phương pháp giảng dạy – học tập trong Chương trình dạy học (áp dụng tại HVHKVN từ năm học 2019) [H04.03.02] nhằm giúp cho việc giảng dạy - học tập đạt mục tiêu hiệu quả. Tại mục 6.2 “Nội dung và kế hoạch giảng dạy chi tiết của học phần” [H04.03.03] có mô tả phương pháp dạy và học cho từng nội dung của học phần, đã được khoa NN thống nhất trong cuộc họp chuyên môn [H04.03.04]. Thống kê các phương pháp giảng dạy trong các đề cương chi tiết ngành NNA năm 2021 bao gồm: giải thích cụ thể (59/66 học phần), thuyết giảng (56/66 học phần), tham luận (14/66 học phần), câu hỏi gợi mở (55/66 học phần), giải quyết vấn đề (59/66 học phần), học theo tình huống (56/61 học phần), tranh luận (6/66 học phần), thảo luận (59/66 học phần), học nhóm (55/66 học phần), và bài tập ở nhà (58/66 học phần) giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết yếu ngành NNA và các kỹ năng mềm.

Năm 2024, tất cả **90** đề cương chi tiết của các học phần trong chương trình đào tạo năm 2024 được cập nhật hình thức mới và hoàn thiện, và đều có yêu cầu nêu rõ Phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp cho từng nội dung của học phần trong mục 10 “Phân bố thời gian chi tiết”, và nêu rõ cụ thể hoạt động dạy và học trong mục 11 “Hoạt động dạy và học” theo từng nội dung của học phần [H04.03.05]. Trong đó các phương pháp giảng dạy được nêu trong đề cương phải được lựa chọn theo Tài liệu Phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của HVHKVN [H04.03.06] và phải được lựa chọn phù hợp với đặc điểm của từng nội dung, và được khoa NN thống nhất trong cuộc họp chuyên

môn [H04.03.07]. Thông qua các phương pháp giảng dạy/ học tập phù hợp, sinh viên được thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu của ngành NNA và các kỹ năng mềm.

Tất cả 67 đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2021 [H3.03.01.08] và 66 đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2022 [H3.03.01.09], 66 đề cương chi tiết các học phần ban hành kèm theo CTĐT ngành NNA năm 2023 [H3.03.01.10] đều có các nội dung liên quan đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các đề cương chi tiết học phần của CTĐT Đại học ngành NNA năm 2021 [H3.03.01.08], đều có Mục 1, “Thông tin tổng quát”, trong đó nêu rõ số tiết tự học yêu cầu đối với sinh viên, đặc biệt số tiết tự học, tự nghiên cứu của từng chương trong mỗi học phần được ghi rõ trong Mục 6.1 “Phân bổ thời gian tổng quát”, đồng thời ở cột Phương pháp dạy và học trong Mục 6.2 “Nội dung và kế hoạch giảng dạy chi tiết của học phần” có yêu cầu Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học nhằm thúc đẩy việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Thêm vào đó, Mục 10, “Phần hướng dẫn thực hiện” có hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch, tự học và tự tìm hiểu. Việc chỉ rõ các hoạt động tự học và tự nghiên cứu ở từng học phần thông qua đề cương chi tiết các học phần giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu và học tập suốt đời.

Tuy nhiên, đề cương chi tiết học phần chưa có hướng dẫn cụ thể nội dung việc tự học, và chưa quy định rõ ràng sinh viên cần đọc trước tài liệu gì trước buổi học kế tiếp. Chính vì vậy, các đề cương chi tiết năm học 2022-2023 [H3.03.01.09] được cập nhật theo hướng bổ sung thêm nội dung tự học (Self-study) vào từng nội dung giảng dạy của từng tuần/ buổi học.

Năm 2024, Học viện Hàng Không Việt Nam nói chung và Khoa Ngoại ngữ nói riêng tiến hành cải tiến chỉnh sửa và cập nhật đề cương chi tiết [H04.03.08], trong đó chú trọng vào việc tự học tập nghiên cứu của sinh viên. Cụ thể là, ở Mục 1 “Thông tin về học phần” có yêu cầu ghi rõ số giờ tự học, và

tỉ lệ % điểm đánh giá cho phần tự học này, và chú thích rõ căn cứ để tính giờ tự học là tính theo đơn vị tín chỉ. Đặc biệt, Mục 12 “Hướng dẫn tự học” yêu cầu ghi rõ nội dung tự học và hoạt động tự học của sinh viên trong từng chương/mục và có so sánh đối chiếu với CDR học phần. Trong mục này, có thể ghi yêu cầu sinh viên đọc trước tài liệu cho bài/ chương sau.

GV sử dụng các hoạt động dạy học/ phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Trong các hoạt động dạy học tại lớp, giảng viên sử dụng các phương pháp thích hợp được ghi nhận lại trong nhật ký giảng dạy ở các năm học [H04.03.09] phổ biến là thuyết giảng, làm việc nhóm, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập ở nhà ở các học phần thiên về lý thuyết, đối với các học phần đồ án, chuyên đề giảng viên sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, dạy học thông qua làm đồ án, giải quyết vấn đề nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết yếu đối với ngành NNA, các kỹ năng mềm (tìm kiếm tài liệu, thuyết trình, viết báo cáo, phân tích vấn đề). Khoa NN thực hiện kiểm tra việc áp dụng các phương pháp giảng dạy ở từng học phần thông qua kết quả biên bản dự giờ của giảng viên [H04.03.10]. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tiến hành khảo sát NH về phương pháp giảng dạy [H04.03.11]. Từ các kết quả tổng hợp, trong các cuộc họp chuyên môn của Khoa có đề cập và đánh giá lại việc sử dụng các phương pháp dạy và học hàng năm từ 2021 đến 2023 [H04.03.12] về các mặt tích cực và hạn chế của tổ hợp các phương pháp đối với từng học phần để đạt được mục tiêu giúp sinh viên có khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động/phương pháp giảng dạy được rà soát đánh giá hàng năm trong các buổi họp của Khoa để xem xét tính phù hợp với từng môn học, từng giai đoạn. Đề cương chi tiết học phần theo mẫu năm 2022 có hướng dẫn cụ thể nội dung việc tự học, và đặc biệt là đề cương chi tiết sửa đổi của năm 2024 có mục để ghi tài liệu cần đọc trước cho buổi/ bài học sau.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nội dung khảo sát về khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các hoạt động/phương pháp giảng dạy cuối mỗi kỳ học để xem xét tính phù hợp với từng môn học, từng giai đoạn. Thực hiện theo mẫu đề cương mới của năm 2024 để nêu rõ nội dung cụ thể của việc tự học nghiên cứu nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.	Khoa NN chủ trì	Quý 3 năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung phần khảo sát về khả năng học tập suốt đời của sinh viên.	Khoa NN chủ trì	Quý 3 năm 2024	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Khi ban hành triết lý, mục tiêu giáo dục, Học viện đã được gửi tới các đơn vị trực thuộc, gửi tới Bộ GTVT, các doanh nghiệp trong ngành hàng không. Tỷ lệ sinh viên ngành NNA hài lòng đối với hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy của giảng viên ở mức cao và tăng dần qua các năm. Đề cương chi tiết các học phần nêu rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy sử dụng cho từng học

phần nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cũng như kỹ năng mềm cho sinh viên ngành NNA.

Tuy đã được phổ biến đến các bên có liên quan nhưng các doanh nghiệp trong ngành hàng không chưa hiểu hoàn toàn triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên ngành NNA và giảng viên Khoa Cơ bản (giảng dạy các môn chung) đối với phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập tăng dần theo các năm. Phương pháp giảng dạy trực tuyến đã được áp dụng và được cập nhật trong đề cương chi tiết các học phần.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt (3 tiêu chí 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên CTĐT ngành Ngôn Ngữ Anh được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CDR, bao gồm cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CTĐT ngành đều được thông báo công khai tới sinh viên thông qua Sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Trước khi bắt đầu học các học phần trong CTĐT ngành, sinh viên được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra/đánh giá sử dụng trong học phần đó. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một quá trình được giảng viên thực hiện trong chương trình học. Kết quả học tập mang tính đặc thù của từng môn học và phù hợp với trình độ học vấn. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để sinh viên cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành “Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam” kèm theo Quyết định 475/QĐ-HVHKVN-ĐT

ngày 02/08/2021 [H5.05.01.01]. Quy chế đào tạo đại học tạm thời được sử dụng thay thế cho “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014 [H5.05.01.01]. Trong Quy chế tạm thời, các quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá được trình bày tại Chương III - “Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp”. Trong đó, Điều 15 (Chương III) về “Đánh giá và tính điểm học phần” quy định điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50% đối với học phần lý thuyết và thực hành. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của các điểm đánh giá bộ phận dựa trên các quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần. Cũng tại Điều 15, các “Cách tính điểm đánh giá thành phần, điểm học phần” được đề cập. Tại điều 16 về “Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học”, “Cách tính điểm trung bình” được quy định. Chương III của Quy chế này cũng quy định việc “Xét và công nhận tốt nghiệp” và bao gồm các nội dung sau: Điều 17 về “Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp”; Điều 24 về “Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp”; Điều 28 về “Học cùng lúc hai chương trình”; và Điều 29 về “Học liên thông đối với người có văn bằng khác”.

Ngày 30/06/2023, Học viện ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học của HVHKVN” theo Quyết định số 572/QĐ-HVHKVN-ĐT [H5.05.01.01] thay thế cho Quy chế tạm thời ban hành theo Quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02/08/2021. Những bổ sung mới nhất về phương pháp tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại HVHKVN được trình bày trong Quy chế cập nhật này và có hiệu lực thi hành từ học kỳ 3 năm học 2022- 2023. Việc đánh giá kết quả thực tập cuối khóa được Học viện quy định trong “Quy trình tổ chức thực tập doanh nghiệp” ban hành ngày 26/12/2021 [H5.05.01.02]. Trong đó, các yêu cầu đánh giá theo quy định của Khoa quản lý chương trình đào tạo, lập bảng điểm của giảng viên hướng dẫn theo mẫu, lập bảng điểm tổng hợp thực tập doanh nghiệp (thực tập cuối khóa), nhập điểm lên phần mềm được trình bày.

Học viện đã ban hành và áp dụng “Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Học viện Hàng không Việt Nam năm 2022” theo Quyết định số 795a/QĐ-HVHK ngày 21/01/2021 [H5.05.01.03]. Trong Quyết định này, Quy trình QT01-KT về “tổ chức thi kết thúc học phần/môn học” [H5.05.01.03] bao gồm các nội dung: lập lịch thi, lập kế hoạch tổ chức thi, phê duyệt, ra đề thi, duyệt đề thi, chọn và in sao đề thi, tổ chức coi thi, nộp bài về thư ký thư, bàn giao bài thi và chấm thi, bàn giao bảng điểm, bài thi, công bố điểm thi, và lưu hồ sơ. Quyết định cũng đính kèm quy trình QT02-KT về “hậu kiểm đánh giá học phần” [H5.05.01.04] với những nội dung: thông báo kế hoạch, thực hiện hậu kiểm, tổng hợp kết quả, thông báo kết quả, họp rút kinh nghiệm và lưu hồ sơ.

Năm 2018, Học viện đã ban hành “Quy định về chấm thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp” theo Quyết định số 1134/QĐ-HVHK ngày 25/12/2018 [H5.05.01.05]. Trong Quyết định số 1134/QĐ-HVHK, Điều 2 quy định cụ thể về “chấm thi kết thúc học phần”, Điều 3 quy định về “Phúc khảo điểm thi kết thúc học phần”. Đến năm 2021, Học viện đã ban hành Quyết định số 795a/QĐ-HVHK, 21/01/2021 về Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Học viện Hàng không Việt Nam năm 2022 bao gồm các quy trình “Chấm thi kết thúc học phần”-QT12-KT [H5.05.02.01] và quy trình “Phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần”-QT13-KT [H5.05.02.02]. Hai quy trình này gồm đầy đủ các bước và các biểu mẫu liên quan để thực hiện các công việc.

Văn bản về “Tổ hợp các phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp đánh giá phù hợp với CĐR của các chương trình dạy học tại HVHKVN” đã được ban hành theo Quyết định số 646/QĐ-HVHK ngày 07/8/2019 [H3.03.01.07]. Trong đó, (i) các phương pháp giảng dạy gồm: dạy học trực tiếp, dạy học gián tiếp, học trải nghiệm, dạy học tương tác, tự học, (ii) tiềm năng của các phương pháp dạy/học giúp người học đạt được CĐR, (iii) các phương pháp đánh giá gồm: đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết/định kỳ, (iv) quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với CĐR, và (v) công cụ, tiêu chí đánh giá dựa trên:

chuyên cần, bài tập, kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, bảo vệ và thi vấn đáp, báo cáo, thuyết trình, làm việc nhóm được trình bày. Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên HVHKVN trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy” theo Quyết định số 129/QĐ-HVHK ngày 11/03/2022 [H5.05.01.06]. Trong các văn bản này, công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được hướng dẫn chi tiết.

Học viện đã ban hành “Quy trình biên soạn và sử dụng đề thi kết thúc học phần” kèm theo Quyết định số 1067/QĐ-HVHK ngày 10/12/2018 và được thay thế bởi Quyết định số 733/QĐ-HVHK về ban hành “Quy định biên soạn ngân hàng đề thi, câu hỏi thi kết thúc học phần” ngày 27/10/2021 [H5.05.01.07]. Trong những Quyết định này, các cách tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được quy định căn cứ theo hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, hay tiểu luận. Nội dung, số lượng câu hỏi, thời gian, hình thức trình bày, mẫu biểu và quy trình được nêu rõ để các khoa lấy làm căn cứ biên soạn, xây dựng mới, hoặc hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi thi, cách thức quản lý và khai thác đối với bộ câu hỏi thuộc ngân hàng câu hỏi thi. “Quy định biên soạn ngân hàng đề thi, câu hỏi thi kết thúc học phần” ngày 27/10/2021 (ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-HVHK, ngày 27/10/2021 [H5.05.01.07] có 8 biểu mẫu về ngân hàng câu hỏi thi, đề thi và đáp án thi kết thúc học phần. Học viện cũng đã ban hành “Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp” theo Quyết định 643/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 10/09/2014 [H5.05.01.08]. Trong Quy định này, Điều 5 (Chương II) quy định về “Cấu trúc và hình thức của đồ án, khóa luận tốt nghiệp”; Điều 6 (Chương II) quy định về “Giảng viên hướng dẫn và phản biện đồ án, khóa luận tốt nghiệp”; toàn bộ Chương III trình bày “Quy định về đánh giá đồ án và khóa luận tốt nghiệp”.

Tuy nhiên, các quy trình hướng dẫn thiết kế các phương pháp đánh giá chủ yếu trên giấy, việc triển khai đánh giá các kết quả các học phần trên máy tính chưa có nhiều tài liệu và chưa phổ biến.

“Quy định biên soạn ngân hàng đề thi, câu hỏi thi kết thúc học phần” ngày 27/10/2021 (ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-HVHK, ngày 27/10/2021 có các biểu mẫu đáp án đề thi kèm thang điểm rõ ràng [H5.05.01.07]. Các phương pháp đánh giá đối với sinh viên cho từng học phần đã được Khoa Ngoại Ngữ thống nhất và áp dụng dựa trên “Tổ hợp các phương pháp giảng dạy – học tập và phương pháp đánh giá phù hợp CDR của các chương trình dạy học tại HVHKVN” [H3.03.01.06] và “Biên bản họp thống nhất phương pháp đánh giá các học phần trong chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn Ngữ Anh” [H5.05.01.09]. 66/66 đề cương chi tiết các học phần CTĐT ngành Ngôn Ngữ Anh các năm 2021, 2022 và 2023 [H5.05.01.10] có nêu rõ về phương pháp đánh giá cho từng học phần, bao gồm: đánh giá quá trình (chuyên cần, phát biểu xây dựng bài, chuẩn bị bài tốt làm bài tập, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, kiểm tra giữa kỳ) và đánh giá kết thúc học phần (tự luận, trắc nghiệm khách quan, thực hành, tiểu luận), nhằm đo lường mức độ đạt CDR. Trong Quy định về công tác chấm thi kết thúc học phần có quy định rõ ràng về điểm bài thi và xử lý kết quả chấm thi tại Điều 2 theo Quyết định số 1134/QĐ- HVHK ngày 25/12/2018 [H5.05.01.05]. Đồng thời, trong Quyết định 572/QĐ- HVHKVN-ĐT ngày 30/06/2023 [H5.05.01.01] có quy định về “phân loại và quy đổi điểm học phần” và quy định về “xếp loại học lực theo điểm trung bình” theo Điều 14 và Điều 15 và “xếp hạng tốt nghiệp” tại Điều 21 của Chương III.

2. Điểm mạnh

Ngoài các quy chế và văn bản quy định, Học viện đã xây dựng được nhiều quy trình về đánh giá học phần.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình hướng dẫn thiết kế các phương pháp đánh giá chủ yếu trên giấy, việc triển khai đánh giá các kết quả các học phần trên máy tính chưa có nhiều tài liệu và phổ biến. Thêm vào đó với đặc trưng riêng của ngành ngôn ngữ

cần có sự kết hợp việc đánh giá giữa thuyết trình và vấn đáp, đóng vai,... mà hiện không đánh giá được trên máy tính và tốn nhiều thời gian.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh, xây dựng bổ sung quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo việc đánh giá được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	Phòng KT&ĐBC L chủ trì; khoa phối hợp thực hiện	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Mời chuyên gia từ các trường Đại học Sư phạm đến phổ biến, hướng dẫn, cung cấp tài liệu hướng dẫn thiết kế phương pháp, công cụ kiểm tra/đánh giá trên máy tính.	Phòng KT&ĐBC L	Quý I, năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học tại Học viện HKVN được nêu trong “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014 [H5.05.01.01]. Quy chế đào tạo này

được áp dụng tới khóa tuyển sinh năm 2020. Trong Quy chế, Chương III trình bày các “Quy định về kiểm tra và thi học phần”. Các nội dung chính của Chương III bao gồm: Điều 19 về “Đánh giá học phần”, Điều 20 về “Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần”, Điều 21 về “Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần”, Điều 22 về “Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần”, và Điều 23 về “Cách tính điểm trung bình chung”. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (dựa trên phương pháp, tiêu chí, trọng số) cũng đồng thời được nêu trong đề cương chi tiết của từng học phần [H5.05.01.10]. Theo đó, thời gian ôn thi cho mỗi học phần tỉ lệ thuận với số tín chỉ học phần và không ít hơn 2/3 ngày ôn thi cho một tín chỉ. Kết quả học tập của người học được đánh giá dựa trên loại học phần (lý thuyết/thực hành), và dựa trên tổ hợp đánh giá bao gồm: mức độ chuyên cần, điểm kiểm tra thường kỳ (với trọng số đến 50%), điểm thi cuối kỳ (với trọng số từ 50%). Các “Quy định về đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp” được trình bày tại Điều 25 của Quy chế này.

Bên cạnh đó, Học viện đã ban hành “Quy định về Chấm thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp” (kèm theo Quyết định số 1134/QĐ-HVHK ngày 25/12/2018) [H5.05.01.05] và “Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp tại Học viện HKVN” (theo Quyết định số 643/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 10/9/2014) [H5.05.01.08] để bổ sung cho “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện HKVN”. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập, bài thi của người học được thực hiện bởi hai cán bộ chấm thi. Mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp sẽ do ba giảng viên đánh giá. Trong trường hợp người học có nguyện vọng phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần, Khoa Ngoại Ngữ thực hiện việc chấm phúc khảo căn cứ đơn xin phúc khảo của người học [H5.05.02.02], và căn cứ vào Điều 3 (chương II) về “Phúc khảo điểm thi kết thúc học phần” trong bộ “Quy định về Chấm thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp” [H5.05.01.05].

Năm 2021, Học viện ban hành “Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện HKVN” kèm theo Quyết định 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02/08/2021 thay thế cho Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014 [H5.05.01.01]. Quy chế tạm thời được áp dụng từ khóa tuyển sinh từ năm 2021. Trong đó, các Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được cập nhật, bổ sung ở Chương III. Cụ thể, Điều 18 quy định về “Xử lý kết quả học tập”, Điều 19 quy định về “Công bố kết quả học tập”, Điều 20 về “Phục tra, khiếu nại điểm”, Điều 20 về “Vắng kiểm tra, thi”, và Điều 21 về “Công nhận kết quả học tập”. Các Quy định về Chấm thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp [H5.05.01.05] cùng Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.08] vẫn được tiếp tục áp dụng tại Học viện HKVN. Để nâng cao tính chính xác, minh bạch trong công tác chấm thi kết thúc học phần và chấm thi phúc khảo, Học viện đã ban hành “Quy trình chấm thi kết thúc học phần” (QT12-KT) [H5.05.02.01] và “Quy trình phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần” (QT13-KT) [H5.05.02.02]. Trong đó, Quy trình QT12-KT quy định việc chấm điểm bài thi của người học phải được thực hiện theo từng dạng đề thi (tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm làm trên giấy, trắc nghiệm trực tuyến) và phải được tiến hành qua 2 vòng độc lập. Trong QT13- KT, lưu đồ của quy trình phúc khảo, trách nhiệm của các bên liên quan, nội dung và thời gian thực hiện, cùng các biểu mẫu/đơn cũng được quy định rõ theo từng dạng đề thi.

Năm 2023, Học viện đã ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện HKVN” [H5.05.01.01] thay thế cho “Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện HKVN”. Trong đó, các Quy định về “Đánh giá kết quả học tập” được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ ở Chương III và bao gồm: Điều 14 về “Đánh giá và tính điểm học phần”, Điều 15 về “Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học”, Điều 16 về Đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, Điều 17 về “Xử lý kết quả học tập”, Điều 18 về “Công bố kết quả học tập”, Điều 19 về “Kỳ thi bổ sung”, Điều 20 về “Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ”, và Điều 21 về “Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt

nghiệp”. Các quy định này cũng được trình bày cụ thể trong sổ tay sinh viên [H5.05.02.03].

Đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.10] được công bố công khai tại Văn phòng khoa để sinh viên có thể đọc/tham khảo các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập. Sinh viên cũng có thể kiểm tra các quy định về đánh giá kết quả học tập trong mục “Quy chế đào tạo” ở sổ tay sinh viên [H5.05.02.03]. Ngoài ra, sinh viên có thể tra cứu các quy định về thi, khiếu nại, phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, đồ án, khoá luận tốt nghiệp trên trang sinh viên và trong sổ tay sinh viên [H5.05.02.04].

Tuy nhiên, sau khi hoàn thành thi kết thúc học phần, đáp án của kỳ thi chưa được công khai trên trang thông tin sinh viên.

Trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm, trưởng/phụ trách khoa Ngoại Ngữ và các cố vấn học tập gặp mặt sinh viên để chia sẻ công khai các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp học các môn học, tiêu chí, trọng số đánh giá, và kết quả học tập [H5.05.02.05].

2. Điểm mạnh

Số lượng kênh thông tin tới sinh viên đa dạng nên có thể tra cứu các quy định, quy trình kiểm tra/đánh giá, tra cứu kết quả học tập dễ dàng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định về công khai đáp án sau sau mỗi kỳ thi kết thúc học phần lên trang thông tin sinh viên để sinh viên có thể kiểm tra, phản hồi được kết quả học tập của mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng thêm số lượng kênh thông tin tới người học để người học có thể tra cứu các quy định, quy trình kiểm tra/đánh giá, tra cứu kết quả học tập thuận tiện hơn.	Khoa KTHK chủ trì phối hợp Phòng KT&ĐBC L	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung quy định công khai đáp án các môn thi của kỳ thi kết thúc học phần lên trang thông tin sinh viên (hoặc LMS) để người học có thể kiểm tra phản hồi về kết quả học tập.	Khoa KTHK chủ trì phối hợp Phòng KT&ĐBC L	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các quy định của Học viện về phương pháp kiểm tra, đánh giá tại chương III, điều 19 - Đánh giá học phần trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện năm 2014 (ban hành theo Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014) [H5.05.03.01]; tại phần II, mục 1 - Các phương pháp đánh giá trong Quyết định số 646/QĐ-HVHK ngày 07/08/2019 về việc ban hành Tổ hợp các phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá tại Học viện HKVN [H5.05.03.02]; tại chương III, điều 15 - Đánh giá và tính điểm học phần trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện năm 2021 (ban hành theo Quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02/08/2021) [H5.05.03.03]; và tại chương

III, điều 14 - Đánh giá và tính điểm học phần trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện năm 2023 (ban hành theo Quyết định số 572/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 30/06/2023) [H5.05.03.04]; 100% các học phần của CTĐT ngành NNA trình độ đại học đều được xây dựng sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, được thể hiện rõ tại mục 7 - Đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.03.05]. Trên cơ sở thống nhất về ĐCCT học phần, giảng viên đảm nhiệm giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học đều thống nhất sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo đúng quy định ghi rõ trong đề cương chi tiết. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo quá trình và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá theo quá trình bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình. Đánh giá cuối kỳ bao gồm: kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá làm việc nhóm, báo cáo. Bảng tổng hợp các phương pháp đánh giá các học phần được trình bày trong Phụ lục Ma trận phương pháp đánh giá các học phần của chương trình dạy học các năm 2021, 2023 [H5.05.03.06]. Bảng trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định cụ thể tại mục 7 - Đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần ngành [H5.05.03.05]. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính bằng tổng của 50% điểm quá trình và 50% điểm thi cuối kỳ. Kết quả điểm kiểm tra, đánh giá được cập nhật, công bố cho từng sinh viên trên trang thông tin cá nhân của từng sinh viên [H5.05.03.07].

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng và tính chính xác của hoạt động kiểm tra đánh giá các học phần trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học, 100% học phần đều đã được xác định rõ ràng phương pháp đánh giá, tiêu chí và trọng số đánh giá thông qua các Rubrics được trình bày trong ĐCCT [H5.05.03.05]. Các phương pháp đánh giá, và công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học đều dựa trên cơ sở các phương pháp đánh giá quy

định tại phần II, mục 1 [H5.05.03.02] và công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) quy định tại phần II, mục 2 [H5.05.03.08]. Các học phần thi theo hình thức kiểm tra trắc nghiệm sử dụng ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo Quyết định số 733/QĐ-HVHK về biên soạn ngân hàng đề thi, câu hỏi thi kết thúc học phần [H5.05.03.09]. Đề thi kết thúc học phần của các học phần sử dụng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm được rà soát, cập nhật bởi tổ biên soạn, được trải qua quá trình thẩm định nghiệm thu của hội đồng khoa học và đào tạo khoa và được xác nhận bởi Phòng KT&ĐBCL. Đề thi trắc nghiệm của các học phần có ngân hàng câu hỏi được lấy trong hệ thống ngân hàng câu hỏi thi theo bảng ma trận đảm bảo có đủ đáp án, mức độ đánh giá cụ thể. Mỗi hệ thống ngân hàng câu hỏi thi của các học phần trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học đều có ma trận CDR của học phần với từng câu hỏi thi, nhằm đo lường được các yêu cầu về CDR học phần [H5.05.03.10]. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng câu hỏi còn chưa nhiều, nên việc lựa chọn các câu hỏi để tổ hợp đề thi còn chưa đa dạng. Đối với các học phần đặc thù, đề thi sử dụng cho hình thức thi đánh giá làm việc nhóm, báo cáo, v.v... thì Khoa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp dựa trên đặc thù học phần đào tạo [H5.05.03.05]. Đối với khóa luận tốt nghiệp, điểm của mỗi sinh viên sẽ là điểm đánh giá theo “Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp tại Học viện HKVN” [H5.05.03.11]; theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện năm 2023 [H5.05.03.04]. Đây chính là cơ sở để đảm bảo tính đúng đắn, giá trị tin cậy và sự khách quan, công bằng của kết quả kiểm tra, đánh giá sinh viên. Hơn nữa, để đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên, Học viện ban hành quy trình “QT01-KT về Tổ chức thi kết thúc học phần/môn học” [H5.05.03.12], công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tuân theo đúng quy trình.

Bên cạnh đó, để đánh giá khách quan về phương pháp kiểm tra, đánh giá trong CTĐT ngành NNA trình độ đại học, Học viện cũng ban hành các quy trình, quy định liên quan đến việc lấy ý kiến sinh viên về các phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm kiểm chứng tính khách quan, công bằng như: “QT05-KT về

quy trình lấy ý kiến người học” [H5.05.03.13]. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL đều tiến hành lấy ý kiến khảo sát sinh viên đang học về hoạt động dạy học bằng hình thức trực tuyến trên cổng thông tin sinh viên [H5.05.03.14] theo biểu mẫu “Phiếu lấy ý kiến về giảng dạy môn học” [H5.05.03.15]. Trong đó, có khảo sát về tỷ lệ hài lòng của sinh viên về các phương pháp kiểm tra/đánh giá sinh viên của giảng viên sử dụng, được thống kê qua các năm tại bảng 5.3.1.

Bảng 5.3.1 Tỷ lệ hài lòng trung bình từng năm của sinh viên đang học ngành NNA về các phương pháp kiểm tra/đánh giá sinh viên của giảng viên sử dụng

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nội dung và yêu cầu được giảng viên phổ biến cho người học	93,44	93,98	92,83
2. Được thực hiện hợp lý trong quá trình giảng dạy	93,44	93,97	92,75
3. Đảm bảo công bằng và phù hợp trình độ người học	92,95	93,70	92,59
4. Các hình thức đánh giá phù hợp với mục tiêu môn học	93,41	93,78	92,70

2. Điểm mạnh

- Phương pháp đánh giá đa dạng, kết hợp nhiều hình thức khác nhau.
- Có sự phân bổ tỷ lệ hợp lý giữa đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ.
- Đánh giá toàn diện các kỹ năng: nghe, nói, đọc
- Có sự liên kết chặt chẽ giữa nội dung đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần.
- Sử dụng cả hình thức trắc nghiệm và tự luận, đảm bảo đánh giá cả kiến thức và kỹ năng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thấy đề cập đến phương pháp đánh giá kỹ năng viết.
- Tỷ lệ điểm cho đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ) còn thấp (5%).
- Chưa rõ cách thức đảm bảo tính công bằng trong đánh giá, đặc biệt là với các bài kiểm tra tự luận và thuyết trình.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các phương pháp đánh giá đa dạng, kết hợp nhiều hình thức khác nhau. - Xem xét việc đánh giá chuyên cần trong việc phân bổ tỷ lệ hợp lý giữa đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ.	Khoa NN chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xem xét bổ sung đánh giá kỹ năng viết vào kế hoạch đánh giá học phần. - Cân nhắc tăng tỷ lệ điểm đánh giá quá trình để khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên. - Xây dựng rubric đánh giá chi tiết cho các bài kiểm tra tự luận và thuyết trình để đảm bảo tính công bằng và nhất quán trong đánh giá. - Tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên về phương pháp	Khoa NN chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đánh giá để nâng cao tính đồng bộ và công bằng trong quá trình chấm điểm.			

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục đích tạo điều kiện cho sinh viên nhanh chóng biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, năm 2018, Học viện đã ban hành Quy định chấm thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp trong đó nêu rõ việc chấm thi và nhập điểm phải kết thúc trong vòng 3 tuần kể từ ngày kết thúc môn thi cuối cùng của kỳ thi [H5.05.04.01]. Năm 2021, Học viện có điều chỉnh về thời gian phản hồi kết quả đánh giá trong quy trình chấm thi kết thúc học phần, cụ thể: Thời gian giảng viên chấm bài và nhập điểm là 10 ngày làm việc tuần kể từ khi kết thúc môn thi [H5.05.04.02]. Năm 2023, Học viện ban hành Quy chế Đào tạo đại học trong đó Học viện cũng có nêu rõ thời gian công bố điểm kiểm tra thường xuyên và giữa kỳ cụ thể trong vòng 1 tuần sau ngày kiểm tra [H5.05.04.03].

Đối với giảng viên, Học viện công khai các quy định về thời gian phản hồi kết quả đánh giá trong mục Văn bản quy trình trên hệ thống quản lý hành chính điện tử Egov và trong Base Drive là kênh cập nhật thông tin của GV [H05.04.04]. Ngoài ra, Học viện còn công bố các quy định về thời gian phản hồi này trong các quy định trên website của Học viện [H05.04.05].

Đối với sinh viên, Học viện có thông báo các quy định này trong sổ tay sinh viên bản điện tử đăng trên cổng thông tin sinh viên [H05.04.06] [H05.04.07]. Sinh viên nào chưa nắm các quy định trên trong sổ tay sinh viên sẽ được phổ biến thêm trong các tuần lễ sinh hoạt sinh viên theo kế hoạch sinh hoạt công dân [H05.04.08].

Kết quả học tập được công bố trên cổng thông tin sinh viên để sinh viên có thể tra cứu bằng tài khoản cá nhân do Học viện cung cấp [H5.05.04.09]. Học viện đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp và sinh viên đang học của ngành NNA về việc phản hồi kết quả đánh giá [H5.05.04.10]. Theo đó, có 94,85% sinh viên sắp tốt nghiệp hài lòng với thời gian phản hồi kết quả đánh giá. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đang học các năm học 2021 – 2022, 2022 -2023 và 2023 – 2024 lần lượt tương ứng là: 91,69%; 92,86%; 93,99% cho câu hỏi khảo sát “Thời gian công bố kết quả kiểm tra – đánh giá kịp thời để người học thực hiện các hoạt động cải thiện việc học tập” [H5.05.04.11], [H5.05.04.12], [H5.05.04.13].

Mỗi học kỳ, khoa Công nghệ thông tin, xem xét kết quả đánh giá học tập của sinh viên và trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất giải pháp theo từng năm để giúp sinh viên cải thiện việc học tập [H5.05.04.14]. Năm học 2021 – 2022, Học viện bắt đầu tiến hành khảo sát sinh viên đang học ngành NNA về việc lập kế hoạch cải thiện việc học tập sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá (thường kỳ và kết thúc học phần) [H5.05.04.15]. Kết quả khảo sát sinh viên ngành NNA năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024 về sinh viên sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá (thường kỳ và kết thúc học phần) đã tự lên kế hoạch cụ thể để cải thiện việc học tập và sinh viên sau khi thực hiện kế hoạch để cải thiện việc học tập, kết quả học tập đã có tiến bộ cụ thể như sau:

Bảng 5.4.1 Đối sánh kết quả thống kê khảo sát SV về nội dung cải thiện việc học tập

Câu hỏi khảo sát	Năm học		
	2021-2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Sinh viên sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá (thường kỳ và kết thúc học phần) đã tự lên kế hoạch cụ thể để cải thiện việc học tập	93,45%	94,40%	95,12%
Sinh viên sau khi thực hiện kế hoạch để cải thiện việc học tập, kết quả học tập đã có tiến bộ	91,59%	92,58%	94,54%

2. Điểm mạnh

- Có nhiều hình thức đánh giá được thực hiện trong suốt quá trình học, giúp sinh viên nắm bắt được tiến độ học tập của mình.
- Kết quả đánh giá giữa kỳ được phản hồi kịp thời, giúp sinh viên có cơ hội cải thiện trước kỳ thi cuối kỳ.
- Sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến giúp sinh viên dễ dàng truy cập kết quả đánh giá.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có thông tin cụ thể về thời gian phản hồi kết quả đánh giá cho từng loại bài kiểm tra.
- Chưa có cơ chế cụ thể để sinh viên phản hồi hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá.
- Thiếu thông tin về việc giảng viên cung cấp nhận xét chi tiết để sinh viên hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá được trong suốt quá trình học tập và phản hồi kịp thời, điểm quá trình giúp sinh viên có cơ hội cải thiện năng lực học tập trước kỳ thi cuối kỳ. - Sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến giúp sinh viên dễ dàng truy cập kết quả đánh giá.	Khoa NN chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBC L	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng quy định cụ thể về thời gian công bố kết quả đánh giá cho từng loại bài kiểm tra. - Thiết lập cơ chế cho phép sinh viên phản hồi hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá trong một khoảng thời gian nhất định sau khi công bố điểm. - Tổ chức các buổi trao đổi giữa giảng viên và sinh viên sau mỗi đợt kiểm tra để cung cấp nhận xét chi tiết và hướng dẫn cải thiện. - Cải tiến hệ thống quản lý học tập trực tuyến để có thể cung cấp phản hồi chi tiết về bài làm của sinh viên.	Khoa NN chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBC L	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại, phúc khảo về kết quả học tập của người học được quy định tại “Quy định về việc thi, khiếu nại, phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp” trong phần “Văn bản quy định” và trong “Sổ tay sinh viên” được đăng tải trên trang sinh viên [H5.05.05.01] [H5.05.05.02]. Người học có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo qua nhiều kênh khác nhau như trong Sổ tay sinh viên hay trên trang thông tin sinh viên của Học viện [H5.05.05.03]. Đầu mỗi khoá học, Phòng Đào tạo phổ biến đến người học các quy chế về đào tạo và học vụ trong Tuần lễ sinh hoạt công dân, trong đó có việc khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.04]. Trước mỗi học kỳ, Khoa CNTT phân công CVHT để tư vấn, hướng dẫn người học về các quy chế đào tạo, trong đó có các thông tin về quy trình và quy định thực hiện phúc khảo, khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.05] [H5.05.05.06]. Đồng thời, ở mỗi học kỳ trên trang sinh viên đều đăng tải thông báo về thời hạn nộp đơn phúc khảo của học kỳ đó với các hướng dẫn cụ thể về quy trình đăng ký phúc khảo trong mục “Phúc khảo” [H5.05.05.07]. Trước năm 2022, Học viện phân công Phòng Đào tạo là đầu mối nhận đơn phúc khảo của người học và phối hợp với các khoa chuyên môn thực hiện quy trình chấm phúc khảo [H5.05.05.08]. Biểu mẫu Đơn xin phúc khảo điểm thi được đăng tải công khai trong mục “Biểu mẫu” trên trang thông tin sinh viên của Học viện [H5.05.05.09]. Từ năm 2022 đến nay, người học sẽ thực hiện việc đăng ký phúc khảo theo hình thức trực tuyến [H5.05.05.10]. Sau khi đăng ký thành công, yêu cầu phúc khảo của người học sẽ được Phòng Khảo thí tiếp nhận và xử lý theo đúng quy định [H5.05.05.11].

Hàng năm, việc khiếu nại kết quả học tập đều được xử lý trong thời gian quy định, thoả đáng và theo quy trình [H5.05.05.11]. Khoa CNTT phối hợp với

phòng KT&ĐBCL thực hiện chấm thi phúc khảo dựa trên quy trình đã có trong thời gian quy định, đồng thời lập Hồ sơ phúc khảo. Hồ sơ phúc khảo được Phòng KT&ĐBCL lưu trữ, gồm có: Phiếu chấm, Biên bản chấm phúc khảo, Bảng điểm phúc khảo, trong một số trường hợp có Công văn đề nghị phòng Đào tạo điều chỉnh điểm [H5.05.05.12]. Kết quả học tập sau khi được chấm phúc khảo được thể hiện dưới hình thức Bảng điểm phúc khảo và được cập nhật trên hệ thống quản lý đào tạo có liên kết trực tiếp với trang sinh viên để người học có thể tra cứu dễ dàng [H5.05.05.13]. Từ năm 2021 đến nay, Khoa CNTT không phát sinh các đơn hay yêu cầu về khiếu nại, tố cáo của người học về kết quả học tập, được ghi nhận trong các cuộc họp tổng kết hoạt động của Khoa hằng năm [H5.05.05.14]. Tuy nhiên, tồn tại một số trường hợp sinh viên chưa nắm rõ quy trình phúc khảo.

2. Điểm mạnh

Trước khi kết thúc môn học các kết quả đánh giá quá trình được công bố cho SV việc này giúp việc đánh giá được minh bạch rõ ràng. Việc sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến giúp sinh viên dễ dàng truy cập kết quả đánh giá và phản ánh kịp thời khi có sai sót.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế cụ thể để sinh viên phản hồi hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá cho từng loại bài kiểm tra. GV chưa có lịch trình cụ thể chung để cung cấp thông tin và nhận xét chi tiết để sinh viên hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát	Công bố điểm số quá trình minh	Khoa NN	Từ năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	huy điểm mạnh	bạch cho SV trước khi kết thúc HP. - Sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến giúp sinh viên dễ dàng truy cập kết quả đánh giá.	chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBC L	học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng quy định cụ thể chung về việc công bố điểm và phản hồi hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá cho Khoa. - Cải tiến hệ thống quản lý học tập trực tuyến để có thể cung cấp phản hồi chi tiết về bài làm của sinh viên.	Khoa NN chủ trì phối hợp Phòng ĐT và KT&ĐBC L	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sinh viên đa dạng, được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR của học phần ở cả 3 hạng mục: kiến thức, kỹ năng và - mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CTĐT ngành NNA là rõ ràng và được thông báo công khai tới sinh viên. Giảng viên Khoa NN luôn sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình giảng dạy. Thông báo kết quả đánh giá học tập kịp thời và dễ tra cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên nhanh chóng nắm bắt thông tin về kết quả học tập. Học viện đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tiếp

cận với quy trình khiếu nại. Việc khiếu nại kết quả học tập đều được xử lý, giải quyết trong thời gian quy định, theo quy trình đã được xác lập.

Các giảng viên chưa được cập nhật nhiều kiến thức khoa học hiện đại về phương pháp kiểm tra đánh giá. Học viện chưa có quy định cụ thể về khoảng thời gian công bố lịch thi cho sinh viên bao lâu trước khi kỳ thi bắt đầu. Số lượng câu hỏi của các học phần sử dụng ngân hàng câu hỏi còn ít, nên việc lựa chọn các câu hỏi để tổ hợp đề thi còn chưa đa dạng. Học viện mới một lần thực hiện khảo sát sinh viên về việc sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập nên chưa có dữ liệu đối sánh. Khoa còn nhân nhượng giải quyết cho sinh viên khiếu nại ngay cả khi sinh viên không nộp đơn tại Phòng Hành chính một cửa.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt (5 tiêu chí 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Mở đầu

Đội ngũ GV của CTĐT đại học ngành Ngoại ngữ được quy hoạch dựa trên chiến lược phát triển của Học viện và Khoa nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng công việc. Đội ngũ GV có năng lực tham gia vào các loại hình NCKH. Việc tuyển dụng, đề bạt GV được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích NCKH. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy và NCKH.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1258/QĐ-BGTVT ngày 08/04/2014) [H6.06.01.01 (1)] đã xác định rõ mục tiêu với các chỉ tiêu và các giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, trong đó có đội ngũ giảng viên giai đoạn 2016-2020: "Đảm bảo tỷ lệ nhà giáo trên tổng số lao động từ 65-67%, đến năm 2020 có 235 nhà giáo, nhà giáo có trình độ tiến sĩ trở lên đạt khoảng 22%, thạc sĩ trở lên đạt khoảng 70% (trong đó cần 20 giáo sư, phó giáo sư, 35 tiến sĩ, 110 thạc sĩ và 70 đại học)". Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐHV ngày 31/08/2020 [H6.06.01.01 (2)] cũng xác định mục tiêu/chỉ tiêu phát triển đội ngũ: "Đến 2030 Học viện HKVN có khoảng 273 giảng viên và 200 cán bộ, nhân viên với tiêu chí 1GV/25SV và 3GV/1CBNV; trong đó, có 75% nhân sự dưới 45 tuổi và giảng viên có chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư là 18, Tiến sĩ là 120, Thạc sĩ là 135".

Đồng thời, Học viện HKVN cũng đã có các giải pháp cho việc quy hoạch nhân sự như: xây dựng chính sách thu hút người nước ngoài, học tập tốt nghiệp nước ngoài; xây dựng hệ thống lương, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp công việc; có chính sách tăng lương hoặc thưởng phù hợp nhằm khuyến khích viên chức, người lao động [H6.06.01.02]. Tuy nhiên, trong chiến lược phát triển của Học viện HKVN giai đoạn 2014-2020 và giai đoạn 2021-2030 chỉ quy hoạch giảng viên chung cho toàn Học viện HKVN, không quy hoạch riêng cho từng cho từng chương trình đào tạo. Đồng thời, đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu về đội ngũ GV như 20-25 SV/GV. Học viện HKVN xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm của CB, GV, NV với nhóm VTVL CBQL các đơn vị; nhóm VTVL chuyên ngành là GV, nhóm VTVL chuyên môn dùng chung và nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ [H6.06.01.03 (1), (3)]. Trên cơ sở này, Học viện HKVN đã xây dựng Bản mô tả công việc cho các vị trí cho các chức danh, trong đó có vị trí GV theo chức danh và đưa ra yêu cầu về trình độ, tiêu chuẩn chức danh chuyên môn cho nhóm vị trí GV [H6.06.01.03 (2), (4)]. Bên cạnh đó, hàng năm, Học viện

HKVN xây dựng kế hoạch công tác năm học trong đó có xây dựng mục tiêu về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự chung của Học viện HKVN bao gồm cả giảng viên [H6.06.01.04].

Hàng năm, trên cơ sở đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực thông qua Hội nghị viên chức, người lao động [H6.06.01.05], Học viện HKVN đã đưa ra kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cụ thể: Phòng TCHC (trước đây là Phòng TCCB&QLSV) tiến hành rà soát, lấy ý kiến về nguồn nhân lực và nhu cầu nhân lực cần thiết của từng đơn vị để đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong toàn Học viện HKVN bằng cách gửi thông báo đến các đơn vị thuộc Học viện HKVN về đăng ký nhu cầu tuyển dụng [H6.06.01.06], đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.01.07]. Các đơn vị đánh giá thực trạng nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị và gửi bản đăng ký về Phòng TC-HC [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Phòng TC-HC tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc và trình kế hoạch lên Bộ Giao thông vận tải/ Hội đồng Học viện HKVN ban hành Danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc hằng năm [H6.06.01.10]. Trên cơ sở Kế hoạch về nhu cầu nguồn nhân lực, được Bộ GTVT/Hội đồng Học viện HKVN phê duyệt, Học viện HKVN đã triển khai kế hoạch tuyển dụng nhân sự mới nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ, thực hiện tốt chiến lược phát triển của Học viện HKVN đến năm 2030 [H6.06.01.11]. Bên cạnh đó, hàng năm, Học viện HKVN xây dựng kế hoạch công tác năm học trong đó có xây dựng mục tiêu về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự chung của Học viện HKVN bao gồm cả GV [H6.06.01.04]. Đồng thời, hằng năm Học viện HKVN xây dựng và ban hành Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV để đáp ứng chỉ tiêu chiến lược về trình độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ [H6.06.01.12], [H6.06.01.13].

Bảng 6.1.1. Chỉ tiêu tuyển dụng GV của khoa Ngoại ngữ hàng năm

	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú

	VC	LĐHĐ	VC	LĐHĐ	VC	LĐHĐ	
Chỉ tiêu tuyển dụng Giảng viên	05	09	00	05	00	14	

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện HKVN thực hiện theo Quy chế Công tác cán bộ của Học viện HKVN (QĐ số 50/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022) [H6.06.01.14]; Đề án vị trí việc làm của Học viện HKVN kèm theo bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV trong đó có đội ngũ CB, GV của Khoa Ngoại ngữ [H6.06.01.03]. Hằng năm, trên cơ sở rà soát đội ngũ CB, GV của các đơn vị, Phòng TC-HC trình Giám đốc phê duyệt danh sách bổ nhiệm, điều động các CB, GV vào các chức danh theo quy định của Học viện HKVN. Việc giải quyết chấm dứt hợp đồng và chế độ nghỉ hưu được Học viện HKVN thực hiện theo Bộ luật lao động, phần nội dung Quy định kết thúc hợp đồng và nghỉ hưu (Luật lao động số 45/2019/QH14) [H6.06.01.15] và Quy chế Công tác cán bộ của Học viện HKVN [H6.06.01.14]. Tính đến 30/10/2024, cơ cấu đội ngũ GV của Khoa Ngoại ngữ được thể hiện ở Bảng 6.1.1 [H6.06.01.16] dưới đây:

Bảng 6.1.1. Cơ cấu đội ngũ GV của khoa Ngoại ngữ tính đến 30/10/2024

T T	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	N ữ	< 30	30-4 0	41-5 0	51-6 0	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	17,9	0	5	0	0	2	3	0
5	Thạc sĩ	23	82,1	4	19	4	12	3	4	0

T T	Trình độ/học vị	Số lượn g	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	N ữ	< 30	30-4 0	41-5 0	51-6 0	> 60
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	28	100%	4	24	4	12	5	7	0

Giai đoạn 2021-2024, Khoa Ngoại ngữ đã tuyển dụng được 28 GV mới phù hợp với các tiêu chí tuyển dụng của Học viện HKVN; tuyển dụng để bổ nhiệm 07 CBQL cấp Khoa và Bộ môn; có 01 GV điều chuyển, có 01 cho thôi việc hoặc nghỉ việc. Tính đến tháng 30/10/2024, nhân sự của Khoa Ngoại ngữ gồm 05 tiến sĩ; 23 thạc sĩ. Tất cả đội ngũ giảng viên của Khoa đều trực tiếp phụ trách giảng dạy CTĐT đại học ngành NNA [H6.06.01.16]. Hiện lực lượng giảng viên Khoa Ngoại ngữ đủ để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của các ngành Khoa NN quản lý trong đó có CTĐT ngành NNA. Hàng năm, Học viện HKVN đều ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, lao động hợp đồng toàn Học viện HKVN [H6.06.01.12]. Để nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH, GV Khoa Ngoại ngữ đã tham gia các khóa học nâng cao trình độ. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã cử 02 giảng viên Khoa Ngoại ngữ đi học tiến sĩ; và tất cả các giảng viên còn lại được tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy [H6.06.01.13].

Bảng 6.1.2 Bảng thống kê giảng viên Khoa Ngoại ngữ giảng dạy ngành Ngoại ngữ từ 2019-2024

Năm học	GV Cơ hữu				Tổng
	PGS	TS	ThS	ĐH	
Năm học 2019 - 2020	00	00	00	00	00

Năm học	GV Cơ hữu				Tổng
	PGS	TS	ThS	ĐH	
Năm học 2020 - 2021	00	00	00	00	00
Năm học 2021 - 2022	00	02	08	00	10
Năm học 2022 - 2023	00	02	08	00	10
Năm học 2023 - 2024	00	05	23	00	28

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN, Khoa Ngoại ngữ đã và đang thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Học viện HKVN đã xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng GV trong toàn Học viện HKVN với nhiều nội dung đa dạng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Học viện HKVN chỉ quy hoạch giảng viên chung cho toàn Học viện HKVN, không quy hoạch riêng cho từng ngành/nhóm ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng đủ số lượng để thực hiện việc đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Khoa Ngoại ngữ phối hợp với Phòng TCHC	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch rà soát các chỉ tiêu chiến lược và xây dựng cơ chế/chính sách,	Phòng TCHC phối hợp với	Từ năm học 2024-2025	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		trong đó quy hoạch đội ngũ giảng viên riêng cho từng ngành/nhóm ngành đào tạo	Khoa chủ trì dự thảo đề trình Lãnh đạo phê duyệt		

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ đang đào tạo 01 CTĐT trình độ ĐH, trong đó có ngành Ngôn ngữ Anh (mã ngành 7220201) được Học viện Hàng không Việt Nam ban hành năm 2021 [H6.06.02.01]. Tỷ lệ GV/SV của ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học trong giai đoạn 2021-2024 đã đáp ứng theo các quy định hiện hành tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, ngày 28/2/2018 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, ĐH, ThS, TS; Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 về việc sửa đổi Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ ĐH, Ths, TS; Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 (quy định

không vượt quá 20 SV/01 GV quy đổi). Tính đến 31/10/2024, ngành Ngôn ngữ Anh có 28 GV cơ hữu, trong đó, 5 TS (Chiếm tỷ lệ 17.9%), 23 ThS (Chiếm tỷ lệ 82.1%). Theo đó, số lượng GV cơ hữu quy đổi của ngành Ngôn ngữ Anh là 33 GV [H6.06.02.02], [H6.06.02.03] và số lượng GV thỉnh giảng quy đổi ra là 5.6 GV [H6.06.02.04]. Như vậy, tổng số GV được quy đổi của ngành hiện tại là 38.6 GV. Theo số liệu thống kê, quy mô SV của ngành NNA tính đến ngày 31/10/2024 là 1170 SV [H6.06.02.05]. Như vậy tỷ lệ GV/SV của ngành tại thời điểm này đã đáp ứng yêu cầu (30.31SV/GV). Tương tự, tỉ lệ GV/SV của ngành Ngôn ngữ Anh đã đáp ứng yêu cầu qua các năm học trong giai đoạn 2021-2024 và được thể hiện qua Bảng 6.2.1 dưới đây:

Bảng 6.2.1: Tỷ lệ GV/SV của ngành NNA giai đoạn 2021 -2024

Năm học	Tổng số GV quy đổi	Quy mô sinh viên	Tỉ lệ GV/SV
2021-2022	6.16	154	0.04
2022-2023	18.56	464	0.04
2023-2024	22.08	552	0.04

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV bên cạnh quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H6.06.02.06]. Từ năm học 2020-2021, Học viện HKVN còn ban Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN [H6.06.02.07], Quy chế làm việc tại Học viện Hàng không Việt Nam [H6.06.02.08] đã quy định rõ và hướng dẫn chi tiết về quy đổi khối lượng công việc đối với các loại hình công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo các nhóm: hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn, hỗ trợ khác. Công tác giảng dạy, bao gồm: giảng dạy đại học (hệ chính quy, liên thông, hệ vừa làm vừa học, chấm bài, coi thi, hướng dẫn đồ án môn học, tiểu luận/khóa luận tốt nghiệp,...); giảng dạy sau đại học (giảng dạy và hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Hoạt động NCKH bao gồm: chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình; công bố bài báo quốc tế và trong nước; tham gia các hội thảo khoa học. Các hoạt

động chuyên môn khác bao gồm: học tập nâng cao trình độ, xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới. Các hoạt động hỗ trợ phục vụ, như: tham gia tư vấn tuyển sinh; công tác coi thi; hướng dẫn giảng viên mới; hoạt động hợp tác với đối tác bên ngoài.

Các loại hình hoạt động trên đều được quy đổi thành giờ chuẩn dựa trên các hệ số của từng loại công việc và hệ số trình độ chuyên môn của giảng viên để tính hoặc miễn giảm khối lượng công việc, làm cơ sở để chi trả tiền công lao động, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và đề xuất khen thưởng. Ví dụ: GV dạy 01 giờ lý thuyết hệ đại học được quy đổi bằng 01 giờ giảng chuẩn; GV dạy 01 giờ hệ cao học được quy đổi bằng 1,5 giờ giảng chuẩn. Riêng các hoạt động chuyên môn phục vụ cộng đồng của giảng viên không tính vào giờ chuẩn.

Trong Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H6.06.02.06] và Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN [H6.06.02.07] Học viện HKVN đã quy định tổng số giờ chuẩn định mức đối với giảng viên trong năm học là 270 giờ (trong đó giảng viên phải thực hiện ít nhất 50% giờ lên lớp và quy định về số giờ giảng quy đổi đối với đội ngũ giảng viên là không vượt quá 200 giờ/năm). Các loại hình và định mức NCKH cũng được xác định rõ cho từng chức danh giảng viên được nêu cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H6.06.02.06] , Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN [H6.06.02.07] và Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.02.09], ví dụ, quy định hoạt động KHCN quy định giảng viên dạy phải đảm bảo số giờ NCKH tối thiểu là 586 giờ/năm. Ngoài ra, GV được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể được giảm trừ với số giờ cụ thể; có miễn giảm định mức giờ giảng và NCKH đối với GV đi học nâng cao trình độ, GV tập sự, GV nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.... Ví dụ: GV được Học viện HKVN quyết định cử đi làm nghiên cứu sinh, trong thời gian đi học, nếu thuộc diện tập trung được miễn trừ 100% định mức giờ chuẩn giảng dạy, thuộc diện không tập trung được miễn trừ 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy. Bên cạnh đó, Quy định còn nêu cách tính quy đổi giờ các sản phẩm

NCKH thành số giờ giảng dạy (03 giờ NCKH quy ra giờ chuẩn là 01 giờ chuẩn). Ví dụ với GV tham gia đề tài NCKH cấp Học viện HKVN hoặc tương đương, số giờ NCKH được tính tối đa là 586 giờ/đề tài/người, chủ nhiệm đề tài xác nhận khối lượng thực hiện trong năm của từng cá nhân tham gia; viết bài đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế xếp hạng SCIE: 586 giờ/bài (đối với tác giả đứng tên thứ 1), 293 giờ/bài (đối với tác giả đứng tên thứ 2). Đội ngũ giảng viên cần tuân thủ theo chế độ làm việc của giảng viên; thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc và chế độ kỷ luật lao theo Quy chế làm việc tại Học viện Hàng không Việt Nam [H6.06.02.08]. Bên cạnh các quy định cụ thể về số giờ giảng, giờ NCKH tối thiểu, Học viện HKVN chưa có quy định cụ thể riêng cho các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên.

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào trình độ và chuyên ngành của giảng viên, Khoa NN phối hợp với Phòng Đào tạo để lập kế hoạch phân công chuyên môn, giảng dạy trình Ban giám đốc phê duyệt [H6.06.02.10]. Trưởng khoa tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành công tác giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tự học, bồi dưỡng của giảng viên [H6.06.02.11]. Trên cơ sở này, cuối mỗi năm học GV kê khai khối lượng giảng dạy và NCKH so với định mức giao hằng năm [H6.06.02.12] và khối lượng thanh toán mỗi kỳ dựa trên thời khóa biểu, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy [H6.06.02.13]. Đối với hoạt động NCKH, đầu năm học, Khoa yêu cầu GV xây dựng kế hoạch NCKH cá nhân trong năm để thực hiện, kể cả đề tài NCKH đã được duyệt [H6.06.02.14]. Học viện HKVN đã ban hành “Quy chế hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại Học viện HKVN” theo quyết định số 977/QĐ-HVHK ngày 31 tháng 12 năm 2021 [H6.06.02.15]. Trong đó, quy định rõ về hoạt động phục vụ cộng đồng làm cơ sở giám sát việc thực hiện khối lượng chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng, quy định trách nhiệm của Ban Giám đốc, của các đơn vị thuộc Học viện và các tổ chức đoàn thể. Tuy nhiên, Quy chế chưa quy định chi tiết hóa việc quy đổi các hoạt động PVCD làm cơ sở giám sát việc thực hiện khối lượng, chất lượng các hoạt

động PVCD của GV. Khối lượng giảng dạy sẽ được bộ môn, Khoa, Phòng Đào tạo phối hợp kiểm tra, kiểm soát tính chính xác những thông tin do GV kê khai. Đồng thời, Học viện HKVN/Khoa đã đưa vào sử dụng CNTT hỗ trợ có hiệu quả cho việc thống kê giờ giảng, theo dõi thực hiện giờ giảng [H6.06.02.12]. Phòng KHCN&HTQT giám sát khối lượng, tiến độ cũng như chất lượng hoạt động NCKH của GV. Các đề tài phải được báo cáo tiến độ theo quy định là 6 tháng/lần và nghiệm thu theo đúng quy định và quy trình NCKH của Học viện HKVN. Việc GV tham gia và báo cáo khoa học tại các hội thảo trong và ngoài nước sẽ được lập kế hoạch từ đầu năm trong kế hoạch NCKH của cá nhân và Khoa [H6.06.02.16], [H6.06.02.17]. Bên cạnh khối lượng giảng dạy và NCKH, từ năm 2021-2024, GV của Khoa NN đã thực hiện được nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển bản thân, nâng cao chuyên môn và đóng góp cho cộng đồng [H6.06.02.18]. Kết quả giám sát khối lượng giảng dạy, NCKH và PVCD làm cơ sở để Học viện HKVN thanh toán chế độ cho GV đồng thời cũng là căn cứ cho việc sắp xếp khối lượng giảng dạy, NCKH và đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua - khen thưởng cuối mỗi năm học. Khi kết thúc mỗi học phần, Phòng Khảo thí và ĐBCL tiến hành lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H6.06.02.19]. Vào cuối mỗi năm học, giảng viên tiến hành việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.06.02.20]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình hướng dẫn của Phòng TCHC [H6.06.02.21] và có sự nhận xét đánh giá của lãnh đạo Khoa/Bộ môn quản lý. Cụ thể, căn cứ vào nhiệm vụ được giao theo chức danh, mỗi cá nhân tự đánh giá khối lượng và mức độ hoàn thành công việc, sau đó, bộ môn cho ý kiến nhận xét; trưởng khoa là người sau cùng ra quyết định đánh giá giảng viên ở cấp Khoa. Kết quả đánh giá cuối năm của giảng viên được trình lên Hội đồng Thi đua Khen thưởng Học viện HKVN để tiến hành đánh giá, bình xét, xếp loại [H6.06.02.22] và trình Ban Giám đốc ra quyết định khen thưởng cho những giảng viên, nghiên cứu viên có thành tích cao trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.06.02.23].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/SV của ngành NNA trình độ đại học luôn đáp ứng qui định của Bộ GD&ĐT. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV Khoa NN được giám sát hằng năm qua bảng thống kê, báo cáo tổng kết năm học và phiếu kế hoạch hoạt động dự kiến của GV hằng năm học đối sánh với năm học trước để có cơ sở điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí để đo lường về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cơ hữu chưa được cụ thể và tách biệt với các hoạt động chuyên môn khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát tỷ lệ GV/SV trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT về tỉ lệ GV/SV; Nghiên cứu đưa ra một số chính sách thu hút mạnh hơn đội ngũ GV có trình độ cao, có năng lực và kinh nghiệm về Khoa để đảm bảo duy trì tỷ lệ GV/SV theo quy định đồng thời đáp ứng sự gia tăng về quy mô SV. Thực hiện chặt chẽ hơn việc phân công và giám sát hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên nhằm đảm bảo khối lượng công việc	Khoa NN phối hợp với P.TC-HC, P.TS&CTSV, P.ĐT	Hằng năm, từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		được quy định			
2	Khắc phục tồn tại	Ban hành quy định về khối lượng công tác phục vụ cộng đồng của giảng viên và cách quy đổi khối lượng	Phòng TCHC chủ trì dự thảo trình Giám đốc phê duyệt	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2019, sau khi nhận được Quyết định số 60/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2019 của Bộ GTVT về việc giao số lượng người làm việc và lao động hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 [H6.06.03.01]. Học viện HKVN mong muốn tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Để tuyển dụng đội ngũ GV, Học viện HKVN đã ban hành Quyết định số 468/QĐ-HVHK ngày 11/06/2019 của Giám đốc Học viện HKVN về việc phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực, điều kiện tiêu chuẩn vị trí việc làm tại Học viện HKVN [H6.06.03.02].

Năm 2020, Bộ GTVT ban hành Quyết định số 95/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2020 của Bộ GTVT về việc giao số lượng người làm việc và lao động hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 [H6.06.03.03]; Hội đồng Học viện HKVN đã ban hành Quyết định số 24/QĐ-HĐHV ngày 09/11/2020 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN [H6.06.03.04];

Hội đồng Học viện HKVN ngày càng hoàn thiện các văn bản quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển thông qua các Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 13/04/2022 về ban hành danh mục Vị trí việc làm và phê duyệt số người làm việc, lao động hợp đồng năm 2022 của Học viện HKVN [H6.06.03.05]; Nghị quyết số 16/NQ-HĐHV ngày 13/04/2022 về ban hành phê duyệt điều chỉnh Đề án vị trí việc làm số 786/VTVL-Học viện HKVN [H6.06.03.06].

Bên cạnh đó, ngày 08/08/2022 Hội đồng Học viện HKVN ban hành cùng lúc Quyết định số 49/QĐ-HĐHV về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam [H6.06.03.07] và Quyết định số 50/QĐ-HĐHV quy định về điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức đối với cán bộ giảng dạy [H6.06.01.14] để hoàn thiện quy chế của Học viện. Đến năm 2023, Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 04/04/2023 của Hội đồng Học viện HKVN về phê duyệt Vị trí việc làm và số lượng người làm việc tương ứng năm 2023 của Học viện HKVN [H6.06.03.08]; Quyết định số 570/QĐ-HVHK ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện HKVN về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm [H6.06.03.09]; Nghị quyết số 25/NQ-HĐHV ngày 29/02/2024 của Hội đồng Học viện về phê duyệt vị trí việc làm và số người làm việc tương ứng năm 2024 của Học viện Hàng không Việt Nam [H6.06.03.13].

Trên cơ sở phê duyệt chỉ tiêu và các số lượng VTVL, hằng năm Học viện HKVN đề xuất chỉ tiêu để định biên cho việc tuyển dụng. Quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh quản lý các đơn vị thuộc Học viện HKVN được quy định tại Quyết định số 1062/QĐ-HVHK ngày 07/11/2019 của Giám đốc Học viện HKVN [H6.06.03.10]. Theo đó, các tiêu chí tuyển dụng bao gồm các tiêu chí tuyển dụng chung như: Vị trí cán bộ giảng dạy, yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học và cao học đạt loại giỏi (trường hợp đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học 05 năm trở lên và có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định thì yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học và cao học đạt loại khá giỏi trở lên) và cùng một chuyên ngành đào tạo hoặc

chuyên ngành gần, hoặc có bằng tiến sĩ. Các văn bằng phải có chuyên ngành phù hợp với vị trí tuyển dụng. Các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện HKVN quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Hội đồng Học viện HKVN. Ngoài ra, Học viện HKVN đã ban hành Quy trình tuyển dụng ký hiệu QT17-CB, ban hành ngày 21/11/2021 kèm theo các biểu mẫu như Mẫu 1 – Danh sách ứng viên, Mẫu 2 – Tổng hợp kết quả xét tuyển [H6.06.03.11].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV được Học viện HKVN thực hiện theo Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý của Học viện HKVN theo Quyết định số 50/QĐ-HĐHV ngày 08/08/2022 [H6.06.01.14]. Trong đó, quy định trình tự, thủ tục, yêu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV và người lao động.

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ gồm 05 bước sau: Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn nhân sự trong quy hoạch, Tập thể lãnh đạo của đơn vị và Phòng TCHC thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự. Bước 2: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Bước 3: Tập thể lãnh đạo, căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đáp ứng của cán bộ; trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt về nhân sự (được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt). Bước 5: Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự. Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ cán bộ chủ chốt, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị/khoa, Học viện HKVN tiến hành bổ nhiệm các chức danh CBQL khoa/bộ môn.

Các văn bản quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm của Học viện HKVN; bổ nhiệm, điều chuyển của Học viện HKVN và Khoa Ngoại ngữ được phổ biến công khai rộng rãi trên Base đảm bảo tính công khai, minh bạch của thông tin gửi về các đơn vị để phổ biến cho các CBGVNV trong

Học viện HKVN; Thông tin tuyển dụng viên chức của Học viện HKVN được đăng trên Base Inside, Báo Thanh Niên, website của Học viện và ở bảng tin nội bộ của Học viện HKVN, trên báo, qua thông báo trên Base, Base inside... [H6.06.03.12]. Các tiêu chí, thông tin về tuyển dụng của Học viện đã được công bố rộng rãi và công khai. Tuy nhiên, Học viện chưa tuyển dụng được nhiều nhân sự trình độ cao chuyên ngành Hàng không.

2. Điểm mạnh

Tiêu chuẩn tuyển dụng GV được quy định chi tiết và cụ thể, phù hợp với nhu cầu của Học viện HKVN, trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng vị trí việc làm tuyển dụng. Các quy định, quy trình liên quan đến quản lý nhân sự của Học viện HKVN để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai đến GV toàn trường qua thông báo trên Base.

3. Điểm tồn tại

Học viện HKVN gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự trình độ cao chuyên ngành Hàng không.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật các quy định liên quan về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển mới nhất để kịp thời điều chỉnh chính sách của Học viện phù hợp với quy định pháp luật	Phòng TCHC	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn	- Thực hiện tốt việc truyền thông để tuyển dụng nhân sự trình độ cao ngành hàng không.	Phòng TCHC	Hàng năm, từ năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	tại	- Tăng lương và thêm phúc lợi để thu hút nhân tài về phục vụ cho Học viện HKVN.		2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng vấn đề nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của chuyên ngành đào tạo nói riêng và sự phát triển của từng Khoa nói chung nên trong chiến lược phát triển, việc tập trung xây dựng nguồn lực trực tiếp là phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng là một trong những mục tiêu then chốt của Khoa.

Năng lực của GV được đánh giá trực tiếp trong quy trình tuyển dụng; kết quả đánh giá thử việc; xây dựng chương trình, hoạt động giảng dạy; nghiên cứu khoa học; kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu kết quả học tập mong đợi; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng [H6.06.04.01], [H6.06.04.02], [H6.06.04.03].

Từ năm 2019, Học viện HKVN ban hành Bản mô tả vị trí việc làm, yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ yêu cầu điều kiện khác và khung năng lực của vị trí việc làm tại Học viện HKVN quy định cụ thể về mô tả công việc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khung năng lực và yêu cầu các điều kiện khác của từng vị trí việc làm. Đến năm 2020, Học viện HKVN đã ban hành đề án vị

trí việc làm số 786/VTVL-Học viện HKVN, đề án được điều chỉnh, bổ sung lần 1 vào năm 2022 [H6.06.04.01]. Theo đó, từng nhóm CB, GV, NV khác nhau ngoài các yêu cầu về tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp theo vị trí việc làm thì đều có bản mô tả các năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo).

Đối với vị trí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn là giảng viên, Học viện HKVN yêu cầu cần phải có kiến thức tốt trong lĩnh vực, môn học giảng dạy, có khả năng soạn tài liệu giảng dạy, khả năng NCKH, có kỹ năng phương pháp giảng dạy, hướng dẫn người học hiệu quả. Đối với các vị trí quản lý như trưởng khoa, trưởng phòng, giám đốc trung tâm có bản mô tả năng lực (bao gồm kỹ năng lãnh đạo) gồm: có kỹ năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác; có năng lực tham mưu, tổ chức, quản lý thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành; Có khả năng tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị và phối hợp với các đơn vị có liên quan. Trong khi đó vị trí giám đốc Học viện HKVN yêu cầu có kỹ năng lập kế hoạch, phân tích, đánh giá thực thi công việc, ra quyết định; có năng lực tổ chức, lãnh đạo, quản lý thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành; Có khả năng nghiên cứu xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp, phương pháp thực hiện, phục vụ hoạt động của Học viện HKVN; Có năng lực điều hành, có khả năng quy tụ, đoàn kết trong đơn vị và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ.

Năm 2020, Học viện HKVN còn ban hành Quy chế đánh giá năng lực thực hiện [H6.06.04.02] để quy định các tiêu chuẩn năng lực thực hiện theo từng nhóm vị trí việc, cụ thể như sau:

+ Vị trí giảng viên gồm các 02 tiêu chuẩn với 09 tiêu chí đánh giá năng lực gồm: tiêu chuẩn 1 là kết quả công việc (có 06 tiêu chí: Chất lượng giảng dạy; Chất lượng NCKH, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn; Chất lượng phục vụ, hỗ trợ; Hiệu quả công việc; Tiến độ; Sáng tạo, đổi mới), tiêu chuẩn 2

về thái độ (có 0-3 tiêu chí: Tận tâm, công bằng, công tâm; Tính kỷ luật; Công tác hỗ trợ đồng nghiệp).

+ Vị trí trưởng khoa gồm 10 tiêu chuẩn đánh giá năng lực: Thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị; Việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm học theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị; Việc triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước và Học viện HKVN; Công tác cán bộ; Công tác phối hợp tuyển sinh; Công tác tổ chức đào tạo; Công tác khảo thí, bảo đảm chất lượng; Công tác NCKH và HTQT; Các tổ chức xã hội, đoàn thể; Công tác tổ chức điều hành.

Năng lực của GV còn được đánh giá trực tiếp thông qua hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Để đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, Khoa NN và Học viện HKVN đã thiết lập hệ thống theo dõi, quản lý giảng dạy. Ở cấp khoa/bộ môn, chất lượng giảng dạy được đánh giá thông qua các hoạt động dự giờ rút kinh nghiệm, họp chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, tổ chức Hội nghị. Hàng năm, Khoa NN họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, phân loại giảng viên. Ở cấp Học viện HKVN, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát và phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là sinh viên về chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV trong khoa/chuyên ngành. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác định là nhiệm vụ của GV vì vậy hàng năm, khoa triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp Học viện HKVN; khuyến khích GV tham gia NCKH, hướng dẫn sinh viên NCKH, phục vụ cộng đồng dưới nhiều hình thức. Kết quả thống kê về khối lượng giảng dạy và NCKH được sử dụng để xét thi đua khen thưởng đề bạt, bổ nhiệm hoặc bị kỷ luật [H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN ban hành đầy đủ các văn bản quy định về năng lực của đội ngũ GV. Năng lực của GV được đánh giá qua các tiêu chí trong nhận xét của

Ban lãnh đạo Khoa khi tham gia dự giờ. GV được góp ý về chuyên môn và phương pháp giảng dạy qua các trao đổi trực tiếp với lãnh đạo khoa hoặc các buổi họp chung trong Khoa, được đánh giá theo tiêu chí phân loại GV và tiêu chí thi đua khen thưởng có liên quan đến nhiệm vụ của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Khung năng lực chưa gắn với chính sách lương nên hiệu quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc đánh giá năng lực của giảng viên theo định kỳ hằng tháng, 06 tháng và kết thúc năm.	Khoa NN, Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm, từ năm 2024	
		Tiếp tục thực hiện dự giờ, khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.			
2	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến GV về khung năng lực và việc triển khai KPI.	Phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025	
		Điều chỉnh phù hợp, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa năng lực của GV và chính sách lương nhằm tạo động lực thúc đẩy GV hoàn thành công việc tốt hơn.			

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Khoa NN tiến hành thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo của GV trong Khoa và lập báo cáo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng gửi Phòng TCHC [H6.06.05.01]. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 như: "Đảm bảo tỷ lệ nhà giáo trên tổng số lao động từ 65-67%, đến năm 2020 có 235 nhà giáo, nhà giáo có trình độ tiến sĩ trở lên đạt khoảng 22%, thạc sĩ trở lên đạt khoảng 70% (trong đó cần 20 giáo sư, phó giáo sư, 35 tiến sĩ, 110 thạc sĩ và 70 đại học)" [H6.06.01.01 (1)]. Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐHV ngày 31/08/2020 [H6.06.01.01 (2)] cũng xác định mục tiêu/chỉ tiêu phát triển đội ngũ: "Đến 2030 Học viện HKVN có khoảng 273 giảng viên và 200 cán bộ, nhân viên với tiêu chí 1GV/25SV và 3GV/1CBNV; trong đó, có 75% nhân sự dưới 45 tuổi và giảng viên có chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư là 18, Tiến sĩ là 120, Thạc sĩ là 135". Ngoài ra, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV còn được Học viện HKVN dựa trên kết quả đánh giá năng lực GV hằng năm và yêu cầu/nhu cầu của CTĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.02.15].

Căn cứ Quy chế đào tạo và bồi dưỡng viên chức, lao động hợp đồng của Học viện HKVN theo Quyết định số 1338/QĐ-HVHK ngày 12/12/2023 (trước đó Học viện HKVN thực hiện theo Quyết định số 3744/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Giao thông vận tải) [H6.06.05.02], Khoa Ngoại ngữ tiến hành thực hiện khảo sát nhu cầu, phân tích, tổng hợp, báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo của GV trong Khoa và lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng gửi Phòng TC-HC [H6.06.05.01]. Trên cơ sở đó, phòng TC-HC tổng hợp để xây dựng kế hoạch

trình Ban Giám đốc phê duyệt và ra kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong năm [H6.06.01.12]. Kết quả tổng hợp nhu cầu GV của ngành NNA tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tương đối cao [H6.06.05.03], [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Để thúc đẩy việc tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và các kỹ năng của GV theo tiêu chuẩn năng lực GV, Học viện HKVN đã có chính sách, cơ chế ưu đãi về tài chính và giờ giảng đối với GV làm nghiên cứu sinh và đào tạo dài hạn trong và ngoài nước như giảm 50% khối lượng công việc, được hưởng lương cơ bản, đóng bảo hiểm xã hội... được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện HKVN [H6.06.02.02].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên được triển khai thực hiện thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nội bộ do Học viện HKVN tổ chức và các hoạt động đào tạo bên ngoài Học viện HKVN như khoá bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm, các lớp tập huấn ĐBCL, TĐG, KĐCL; tham gia các hội nghị/hội thảo.... Đối với các khóa đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các khóa bồi dưỡng, Học viện HKVN sẽ ra Quyết định cử đi học hoặc chấp thuận giảng viên đi học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo [H6.06.05.03]. Giai đoạn 2019-2024, Học viện HKVN có 671 lượt trên tổng số viên chức, người lao động; trong năm 2024, tính đến thời điểm tháng 10/2024 là 27 khóa tập huấn, đào tạo bồi dưỡng với số lượng 121 lượt người tham gia đào tạo nâng cao [H6.06.05.04]. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện HKVN cử 02 giảng viên Khoa NN đi học CTĐT tiến sĩ và 28 lượt giảng viên được bồi dưỡng, tập huấn [H6.06.05.05].

Tuy nhiên, GV chưa tham gia nhiều các khóa đào tạo, bồi dưỡng, khóa tập huấn và hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài; số lượng GV tham gia đào tạo dài hạn nâng cao trình độ tiến sĩ còn hạn chế.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV được giám sát và đánh giá hàng năm thông qua: đối với các đợt tập huấn nội bộ, Học viện HKVN có giám sát, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đào tạo, bồi

dưỡng GV thông qua báo cáo kết quả học tập do GV thực hiện sau đợt tập huấn [H6.06.05.06]. Đối với đào tạo bên ngoài Học viện HKVN, GV báo cáo kết quả học tập thông qua bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc báo cáo thu hoạch để làm cơ sở cho Học viện HKVN đánh giá [H6.06.05.07]. Kết thúc mỗi năm học, Học viện HKVN tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV [H6.06.05.08]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Phòng TC-HC thống kê, tổng hợp và lưu trữ làm cơ sở để đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học và cơ sở để điều chuyển, bổ nhiệm..... Khoa đã tổ chức đánh giá, phân loại đội ngũ CB, GV hàng năm trong Hội nghị CBVC của Khoa, đánh giá và bình xét thi đua, trong đó kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của GV là 1 tiêu chí đánh giá đề xuất HV khen thưởng các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, có hình thức xử lý các GV không hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời Khoa cũng có giải pháp cải tiến trong các năm tiếp theo [H6.06.02.15], [H6.06.02.18].

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN/Khoa có Chiến lược và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV được triển khai thường xuyên và liên tục với nhiều hình thức đa dạng và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Số giảng viên Khoa Ngoại ngữ tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ còn ít trong những năm qua; việc bồi dưỡng giảng viên ngoài nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Khoa Ngoại ngữ tiếp tục phối hợp với Phòng TCHC thực hiện việc khảo sát nhu cầu phát triển, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ và triển khai các khóa đào tạo, bồi dưỡng đa dạng hơn nhằm đáp ứng cho nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.	Khoa NN, Phòng TCHC	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Đề xuất các chính sách liên quan đến đào tạo và bồi dưỡng phát triển giảng viên nhằm khuyến khích giảng viên tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.	Khoa NN, Phòng TCHC, Phòng KHTC	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc lập kế hoạch giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác của GV được Học viện HKVN và Khoa NN thực hiện theo Quy chế làm việc của Học viện HKVN [H6.06.06.01]; Quy chế chi tiêu nội bộ hằng

năm [H6.06.06.02] và Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.03]; Bản mô tả vị trí việc làm kèm theo Đề án vị trí việc làm của Học viện HKVN. Các Quy định này là căn cứ để phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của GV; là cơ sở để GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các công tác được phân công, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại GV hằng năm. Hàng năm, tại Hội nghị triển khai tổng kết năm học và triển khai nhiệm vụ năm học tiếp theo, Học viện HKVN thực hiện giao nhiệm vụ cho các đơn vị [H6.06.06.04]. Trên cơ sở nhiệm vụ được Trường khoa giao, các GV thực hiện giao kết khối lượng làm việc trong năm học theo vị trí việc làm và trình Trưởng khoa phê duyệt [H6.06.06.05]. Nội dung kế hoạch gồm: hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH, hoạt động hỗ trợ khác như: trực khoa, công tác CVHT, coi thi, chấm thi, hướng dẫn báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp... Theo đó, Khoa thực hiện phân công khối lượng giảng dạy dự kiến cho các GV, khối lượng được phân công dựa trên định mức tiêu chuẩn giờ giảng và theo tiêu chí phân công giảng dạy [H6.06.06.06]. Kế hoạch phân công được gửi Phòng Đào tạo và các GV giảng dạy để chăm công, giám sát và chuẩn bị các điều kiện phục vụ hoạt động giảng dạy.

Đối với hoạt động NCKH, đầu năm học, Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế thông báo cho GV đăng ký, xét duyệt theo quy trình (về viết giáo trình, đăng ký đề tài NCKH cấp HV, cấp bộ; đăng ký biên soạn giáo trình/tài liệu; đăng ký hướng dẫn đề tài NCKH của người học...) [H6.06.06.07]. GV có trách nhiệm liên hệ với Phòng KHCN&HTQT để đăng ký thực hiện bảo vệ đề cương đề tài NCKH trong năm. Việc giao cho GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Học viện HKVN được thực hiện theo đúng quy trình đã quy định của Học viện HKVN [H6.06.06.03]. Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ tổng hợp và triển khai thực hiện hoạt động NCKH của GV.

Trên cơ sở bảng phân công giảng dạy cho GV của Khoa [H6.06.06.06] và Thời Khóa biểu do Phòng Đào tạo cung cấp, Khoa, bộ môn phối hợp với Phòng

Đào tạo để kiểm tra tính chính xác những thông tin do GV kê khai thông qua việc kiểm tra công tác giám sát học đường. Ngoài ra, Học viện đã triển khai phần mềm chấm công bằng máy quét vân tay cho giảng viên, đến tháng 11/2020 phần mềm đã hoàn thiện, làm cơ sở cho việc tính lương và đánh giá giảng viên.

Đối với công tác coi thi, chấm thi của GV được Khoa và Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch vào từng học kỳ đồng thời đưa lịch coi thi chuyển cho Khoa và GV để chủ động theo dõi và thực hiện [H6.06.06.08].

Tại các cuộc họp giao ban của Khoa, lãnh đạo Khoa rà soát, đánh giá khối lượng công việc được giao cho các cá nhân liên quan và giao việc tiếp.

Khoa thực hiện tổng hợp khối lượng giờ giảng, NCKH và các nhiệm vụ được phân công khác [H6.06.06.09] gửi về Phòng TCHC làm cơ sở để tính khối lượng giờ giảng và đánh giá chất lượng công tác của giảng viên.

Việc đánh giá này dựa trên các quy chế về KPIs [H6.06.06.10], quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.06.11] hướng dẫn đánh giá xếp loại viên chức, người lao động của Học viện HKVN [H6.06.06.12]. Thông qua kết quả KPIs, kết quả đánh giá phân loại đánh giá hàng năm của viên chức và người lao động, Học viện HKVN đã xem xét làm căn cứ để đánh giá phân loại cuối năm và xét khen thưởng. Sau khi có kết quả khen thưởng, Học viện triển khai việc xét nâng lương trước hạn theo Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn [H6.06.06.13] cho những cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác, tạo động lực phấn đấu cho người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

Kết quả khen thưởng của của Giảng viên Khoa Ngoại ngữ giai đoạn 2021-2023 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6.6.1. Kết quả thi đua khen thưởng GV Khoa NN (giai đoạn 2019-2024)

T T	Danh hiệu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Lao động tiên tiến	0	0	(100%))	(100%)	(100%))

T T	Danh hiệu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
2	Giấy khen của Giám đốc Học viện HKVN	0	0	02	03	0
3	Chiến sĩ thi đua cơ sở	0	0	02	01	0
4	Chiến sĩ thi đua ngành	0	0	0	0	0
5	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GTVT	0	0	0	01	0

(Đvt: người)

Trên cơ sở kết quả đánh giá xếp loại [H6.06.06.14] và kết quả khen thưởng [H6.06.06.15] Hằng năm học, Học viện HKVN triển khai khảo sát sự hài lòng của GV về quản trị kết quả theo công việc trên hệ thống phần mềm khảo sát của Học viện HKVN. Tất cả GV đều có trách nhiệm trả lời phiếu khảo sát trực tuyến trên hệ thống. Kết quả khảo sát đội ngũ GV nói chung và GV của Khoa nói riêng cho thấy: bình quân có trên 98 % GV hài lòng về cách thức quản trị theo kết quả công việc đối với đội ngũ GV của Học viện HKVN [H6.06.06.16]. Giai đoạn KĐCLGD, Khoa NGOẠI NGỮ không xảy ra khiếu nại hoặc thắc mắc gì về kết quả đánh giá, phân loại, khen thưởng của Học viện HKVN và Khoa. Tuy nhiên việc triển khai lấy ý kiến của người lao động về các dự thảo quy chế, quy định của Học viện đôi lúc hơi gấp rút nên người lao động chưa dành nhiều thời gian để đóng góp ý kiến.

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên cụ thể, rõ ràng và được công khai đến người lao động nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và hoạt động chuyên môn khác. Học viện HKVN và Khoa đã thực hiện tốt việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, thông qua đó giúp cho chất lượng đào tạo, NCKH của Khoa ngày càng được nâng lên. Giai đoạn KĐCLGD, Học viện

HKVN chưa xảy ra khiếu nại hoặc thắc mắc gì về kết quả đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai lấy ý kiến của người lao động về các dự thảo quy chế, quy định của Học viện đôi lúc hơi gấp nên người lao động chưa có nhiều thời gian góp ý cụ thể, đầy đủ, chi tiết hơn nữa.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện giao nhiệm vụ đầu năm với các sản phẩm đầu ra rõ ràng làm căn cứ cuối năm học đánh giá và xếp loại và triển khai đánh giá hiệu quả công việc qua nhiều hình thức khác nhau	Học viện HKVN, Khoa NN	Hàng năm, từ năm 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và công khai các dự thảo quy chế, quy định trên website của Học viện HKVN sớm hơn để người lao động có thời gian tham gia ý kiến đầy đủ, kịp thời	Phòng TCHC chủ trì	Hàng năm, từ năm 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 xác định rõ các chỉ tiêu của hoạt động KHCN với nhiều loại hình nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể “giai đoạn 2016-2020: hằng năm phấn đấu hoàn thành 2-3 đề tài NCKH cấp Bộ trở lên, 30-35 đề tài NCKH cấp cơ sở, 5 giáo trình chuyên ngành và 20 giáo trình, tài liệu nội bộ. Ra đời tạp chí khoa học” [H6.07.01.01]. Chiến lược phát triển đến năm 2030 của Học viện Hàng không Việt Nam đã xác định các chỉ tiêu chính cần đạt được về nghiên cứu khoa học trong giai đoạn 2020-2025: “Trong một năm có ít nhất 10 bài báo quốc tế SCI, ISI hoặc Scopus, 20 bài báo ISSN, 2 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, 10 đề tài cấp Học viện; doanh thu NCKH trên 20 tỷ đồng” và giai đoạn 2026-2030: “Trong một năm có ít nhất 20 bài báo quốc tế SCI, ISI hoặc Scopus, 50 bài báo ISSN, 5 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, 20 đề tài cấp Học viện; doanh thu NCKH trên 50 tỷ đồng”, [H6.07.02.01].

Chương 1 điều 5 của Quy định quản lý hoạt động KHCN tại Học viện ban hành kèm theo các Quyết định số 447/QĐ-HVHK ngày 10/06/2016 [H6.07.03.01], số 950/QĐ-HVHK ngày 11/11/2020 [H6.07.04.01] và số 1165/QĐ-HVHK ngày 29/12/2022 [H6.07.12.01] đã xác định các loại hình hoạt động NCKH đối với giảng viên là: “Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài KH&CN, phát triển công nghệ; tham gia các hội đồng tư vấn, nghiệm thu các chương trình, đề án, dự án, đề tài KH&CN, giáo trình, bài giảng, tài liệu khoa học; hướng dẫn sinh viên, học viên cao học NCKH; viết bài công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận tại các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; biên tập, phản biện bài viết, xuất bản ấn phẩm công bố công trình nghiên cứu trên thông tin khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học; biên dịch sách, biên soạn giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, tài liệu khoa học, tài liệu tham khảo; tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên; tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo

khoa học - kỹ thuật và hoạt động khoa học và công nghệ”. Đồng thời quy định này cũng xác định rõ định mức khối lượng NCKH mà giảng viên cần phải thực hiện theo mỗi vị trí chức danh nghề nghiệp và học hàm, học vị, ví dụ: giảng viên chuyên ngành phải thực hiện khối lượng NCKH là 450 giờ chuẩn NCKH/năm học, giảng viên chính thạc sĩ là 500 giờ chuẩn/năm học..., trong đó các nhiệm vụ NCKH cũng được quy đổi chi tiết cụ thể như: 01 đề tài NCKH cấp cơ sở hoàn thành được quy đổi thành 500 giờ chuẩn NCKH, 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quy đổi thành 200 giờ chuẩn....

Các quy định trên đã giao Phòng KHCN&HTQT nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng/khoa để xây dựng chiến lược, kế hoạch NCKH, quy chế, quy định về quản lý hoạt động NCKH; tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch NCKH, tổ chức Hội đồng cấp HV (thẩm định; nghiệm thu đề tài) xét duyệt, đánh giá - nghiệm thu, công nhận kết quả; xác nhận thanh toán kết quả NCKH; tổ chức giới thiệu kết quả nghiên cứu, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ KHCN; tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động NCKH hàng năm, thực hiện các hoạt động báo cáo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tham mưu cho Hội đồng khen thưởng, xử lý vi phạm trong hoạt động NCKH. (xem chức năng nhiệm vụ của Phòng KHCN&HTQT). Đồng thời, các Quy định này cũng quy định rõ việc kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện và kê khai sản phẩm NCKH của cán bộ, giảng viên vào cuối năm học; quy định chi tiết về tiêu chuẩn đối với đơn vị chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu đề tài, báo cáo tiến độ và kiểm tra tiến độ định kỳ, đánh giá nghiệm thu đề tài; hồ sơ đánh giá nghiệm thu đề tài; tổ chức đánh giá nghiệm thu và xếp loại đề tài; việc lưu trữ và công bố kết quả nghiên cứu. Quy trình quản lý hoạt động NCKH cấp cơ sở của Học viện đã cụ thể hóa việc giám sát và đánh giá chất lượng, số lượng các đề tài NCKH với các mốc thời gian cụ thể kèm theo các biểu mẫu báo cáo và nộp sản phẩm NCKH.

Để đánh giá số lượng và chất lượng NCKH, Quy định quản lý hoạt động KHCN tại Học viện đã đưa ra các tiêu chí như:

- + (i) Số đề tài NCKH đăng ký trong năm;
- + (ii) Số đề tài NCKH được Hội đồng khoa học cấp HV thẩm định cho phép nghiên cứu;
- + (iii) Số đề tài NCKH được nghiệm thu trong năm;
- + (iv) Số bài báo được đăng trên các Tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế;
- + (v) Tổng số kinh phí chi cho hoạt động NCKH trong năm.

Các chỉ số này được sử dụng nói trên đã giúp Học viện/đơn vị/khoa đánh giá khách quan, chính xác và công bằng về kết quả của hoạt động NCKH của CB, GV (bao gồm cả số lượng và chất lượng). Ngoài ra, Nhà trường đã thực hiện rà soát để điều chỉnh cơ chế chuyển đổi giờ giảng và các hoạt động khác sang nhiệm vụ NCKH; có các chính sách, cơ chế để thúc đẩy GV trong NCKH và hỗ trợ các nghiên cứu gắn với ứng dụng, chuyển giao, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV, CB nghiên cứu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung Học viện và được sử dụng để đánh giá cán bộ hàng năm (Danh sách các kết quả NCKH do GV tham gia) [H6.07.05.01]. Hàng năm, Khoa NN có thống kê hoạt động NCKH của Giảng viên [H6.07.05.01].

Trong giai đoạn 2021-2024, kết quả hoạt động KH-CN của giảng viên ngành NNA được thể hiện cụ thể trong Bảng 6.7.1 dưới đây:

Bảng 6.7.1: Thống kê số lượng đề tài các cấp, hội thảo khoa học và bài báo giai đoạn 2021-2024 [H6.07.06.01][H6.07.07.01] [H6.07.08.01][H6.07.09.01].

Năm/ số lượng	2019	2021	2022	2023	2024	Tổng Cộng
Đề tài cấp Bộ /Tỉnh/Thành phố	-	-	-	-	-	-
Đề tài cấp Cơ sở	-	-	-	-	1	1
Tạp chí trong danh	-	-	-	-		

Năm/ số lượng	2019	2021	2022	2023	2024	Tổng Cộng
mục ISI/Scopus						
Tạp chí trong nước, quốc tế	-			1	2	3
Hội thảo quốc tế	-	-	-	-	1	1
Hội thảo trong nước	-	-	-	-	-	-
Nội san của Học viện HKVN	-	-	-	-	-	

Theo bảng thống kê đối sánh kết quả hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên nêu trên, có thể thấy rằng: Giảng viên khoa NN đã tham gia 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở đã được nghiệm thu [H6.07.10.01].

Bên cạnh đó, theo bảng mô tả trên số lượng các bài báo được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước của giảng viên ngành NNA còn hạn chế [H6.07.11.01].

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN có hệ thống văn bản quy định các loại hình, khối lượng và hướng dẫn quy đổi các hoạt động NCKH cụ thể, rõ ràng và được công khai đến CB, GV, NV và người học nhằm xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Học viện/Khoa đã thực hiện tốt việc xác lập, giám sát và đối sánh các hoạt động NCKH của GV, thông qua đó giúp cho số lượng và chất lượng NCKH của GV của Khoa ngày càng được gia tăng.

3. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2021-2024, GV của Khoa chưa thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, công bố quốc tế còn khiêm tốn, chưa có báo cáo tại các hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước; sản phẩm NCKH chủ yếu tập trung vào một số GV mà chưa có sự tham gia rộng rãi của các GV trong Khoa.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động NCKH cả về loại hình và khối lượng và tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện hoạt động NCKH, đảm bảo gia tăng số lượng và chất lượng NCKH	Khoa NN, Phòng KHCHN&HTQT	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm tham gia đấu thầu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ để tăng số lượng các đề tài nghiên cứu trong năm của GV. Xây dựng chính sách nhằm khuyến khích GV tham gia NCKH, mở rộng liên kết và hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc công bố quốc tế, thực hiện đề tài NCKH các cấp và tham gia các hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước	Phòng KHCHN&HTQT , Khoa NN, Hội đồng Khoa học & Đào tạo	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trong 5 năm vừa qua, Học viện/ Khoa Ngoại ngữ đã thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Học viện và Khoa. Tỷ lệ GV/NH luôn đáp ứng qui định của Bộ GD&ĐT. Việc phân công và đánh giá công việc của GV được qui định rõ ràng, cụ thể và công khai. Công tác giám sát chặt chẽ giúp cải tiến chất lượng công việc của đội ngũ GV. Tiêu chuẩn tuyển dụng và khung năng lực GV được qui định chi tiết và cụ thể, phù hợp với nhu cầu của Học viện. Tỷ lệ GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ được duy trì thực hiện qua các năm. Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học gia tăng đáng kể qua các năm. Tuy nhiên, Khoa Ngoại ngữ cũng còn một số vấn đề tồn tại như: Việc tuyển dụng giảng viên cơ hữu trẻ có trình độ cao còn gặp nhiều khó khăn, số lượng GV đi học tiến sĩ chuyên ngành sâu còn hạn chế; Các tiêu chí để đo lường về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cơ hữu chưa được cụ thể và tách biệt với các hoạt động chuyên môn khác; Số lượng đề tài ứng dụng và công trình cấp bộ và các bài đăng trên tạp chí ISI/Scopus chưa còn hạn chế trong giai đoạn đánh giá.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt (3 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm)

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.

Mở đầu

Đội ngũ NV là nguồn nhân lực quan trọng trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ NV hỗ trợ cho hoạt động của ngành NNA gồm 3 thành phần: (1) GV do kiêm nhiệm thư ký khoa; (2) NV do Học viện quản lý chung gồm NV làm việc tại thư viện, các phòng chức năng; (3) NV làm các công việc hỗ trợ khác như hỗ trợ kỹ thuật thiết bị giảng dạy tại các phòng học, vệ sinh môi trường, bảo vệ, giữ xe, căn tin. Đội ngũ NV do Khoa quản lý và Học viện quản lý đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, được quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng. Năng lực của đội ngũ NV được định

kỳ đánh giá căn cứ vào quy trình, công cụ, tiêu chí đánh giá rõ ràng. Học viện triển khai công tác quản trị theo kết quả công việc, có chế độ đãi ngộ rõ ràng giúp cho đội ngũ NV chủ động lập kế hoạch và thực hiện công việc được giao, tạo động lực tích cực làm việc đóng góp cho sự phát triển chung của Học viện.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2030 đã xác định rõ các chỉ tiêu chiến lược về đội ngũ chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên và NLD (gọi chung là nhân viên hỗ trợ) trong giai đoạn dài hạn, trung hạn và ngắn hạn [H6.06.01.01] như: “Đến 2030 Học viện HKVN có khoảng 273 giảng viên và 200 cán bộ, nhân viên”, các chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở dự báo quy mô NH từng ngành đào tạo, triển vọng NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, tại Thư viện (TV), phòng thực hành và các phòng chức năng phục vụ. Theo đó, Khoa dự báo quy mô NH cho các ngành thuộc khoa quản lý, triển vọng NCKH và ứng dụng cho cộng đồng trong lĩnh vực khoa học công nghệ; từ đó phân tích nhu cầu đội ngũ NV là thư ký khoa (trợ giảng kiêm nhiệm).

Vào đầu mỗi năm học, trên cơ sở số lượng NH nhập học thực tế, khi xây dựng kế hoạch công tác năm học, đồng thời căn cứ thông báo về việc thực hiện kế hoạch công tác nhân sự hàng năm [H6.06.01.06], Khoa phân tích nhu cầu đội ngũ NV của đơn vị mình gửi về Phòng TC-HC. Phòng TC-HC làm đầu mối tổng hợp phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên từ các đơn vị trong toàn Học viện HKVN [H6.06.01.08] và Phòng TCHC tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc và trình kế hoạch lên Bộ Giao thông vận tải/ Hội đồng Học viện HKVN ban hành Danh mục vị trí việc làm (VTVL) và số lượng người làm việc hằng năm

[H6.06.01.10], và đã xác định rõ 04 nhóm VTVL gồm VTVL lãnh đạo quản lý, VTVL chuyên ngành, VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ [H6.06.03.08].

Để xây dựng đội ngũ nhân viên đủ số lượng và đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Học viện HKVN đã có chính sách thu hút nhân sự thể hiện rõ trong quy chế trả lương theo hiệu quả công việc; thưởng, phúc lợi và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.02], Quy chế đánh giá năng lực thực hiện [H7.07.01.01], môi trường làm việc dân chủ, thân thiện và được thực hiện theo Bộ quy tắc văn hoá ứng xử [H7.07.01.02], Quy chế về công tác thi đua khen thưởng [H7.07.01.03]. Hàng năm, Học viện HKVN có đánh giá kết quả công việc, xét danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời NV đạt thành tích cao [H7.07.01.04]. Qua đó, việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng mang tính thiết thực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ. NV được đi du lịch mỗi năm một lần vào kỳ nghỉ hè [H7.07.01.05] và tham gia các hoạt động tập thể nâng cao đời sống tinh thần như văn nghệ, thể thao, giải trí, nấu ăn, dã ngoại đối với NV nữ do Công đoàn Học viện HKVN tổ chức [H7.07.01.06]. Học viện HKVN có chính sách phát triển đội ngũ NV thể hiện rõ ràng trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, lao động hợp đồng [H6.06.05.01] và Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.02]: NV tham gia đào tạo, bồi dưỡng bên ngoài Học viện HKVN được hỗ trợ thời gian, tài chính, hưởng lương, phúc lợi trong thời gian đi học; ngoài ra, cán bộ, giảng viên, nhân viên còn được hỗ trợ 50% học phí khi tham gia học nâng cao trình độ tại Học viện HKVN.

Vào đầu mỗi năm học, trên cơ sở số lượng NH nhập học thực tế, khi xây dựng kế hoạch công tác năm học, Học viện HKVN ra thông báo về việc đăng ký tuyển dụng nhân sự hàng năm [H6.06.01.06]. Các đơn vị có phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên của đơn vị mình gửi về Phòng TCHC. Phòng TCHC làm đầu

mỗi tổng hợp phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên từ các đơn vị trong toàn Học viện [H6.06.01.08] và Phòng TCHC tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc và trình kế hoạch lên Bộ Giao thông vận tải/ Hội đồng Học viện ban hành Danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc hằng năm [H6.06.01.10].

Hằng năm, Học viện thực hiện tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân sự; thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ (bao gồm đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với viên chức quản lý các đơn vị thuộc Học viện HKVN (Quyết định số 1062/QĐ-HVHK ngày 07/11/2019) [H7.07.01.07]; Quy chế tổ chức cán bộ [H7.07.01.08] và Quy chế đào tạo và bồi dưỡng viên chức, lao động hợp đồng của Học viện HKVN [H6.06.05.01]. Số lượng nhân viên/chuyên viên toàn Học viện HKVN tính đến 10/2024 là: 88 người.

Hiện tại, Phòng Đào tạo có 09 chuyên viên, nhân viên hỗ trợ cho người học trong học tập; Phòng TS&CTSV có 09 chuyên viên, nhân viên hỗ trợ người học trong rèn luyện; Bộ phận phục vụ Thư viện có 04 NV phục vụ bạn đọc từ 7h00 đến 17h00 từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần. Thư viện đảm bảo đủ số lượng Thư viện viên phục vụ nhu cầu khai thác tài liệu của CB-GV-NV, nhân viên thư viện đều có trình độ đại học tốt nghiệp đúng chuyên ngành Thư viện phù hợp để phục vụ công việc [H7.07.01.09]. Chuyên viên làm việc tại Bộ phận CNTT & An ninh mạng có tổng số 3 người, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ NH, GV, CB, NV sử dụng, sửa chữa thiết bị tin học, duy trì hệ thống mạng internet và website hoạt động ổn định; 100% Chuyên viên Bộ phận CNTT & An ninh mạng tốt nghiệp ngành tin học [H7.07.01.10]. Chuyên viên, nhân viên thuộc Phòng QL&PT CSVC gồm 18 người đảm bảo hỗ trợ kịp thời cho giảng viên sử dụng các trang thiết bị phòng học, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Học viện HKVN.

Thực hiện công tác vệ sinh môi trường, phòng học Học viện HKVN ký hợp đồng với công ty vụ để làm việc một ngày 4 ca bắt đầu từ 6h00 đến 22h00 với 16 nhân sự, công tác bảo vệ được Học viện HKVN ký hợp đồng với công ty

dịch vụ Bảo vệ có 6 NV được thuê từ công ty bảo vệ 24/24 trong suốt cả tuần [H7.07.01.11]. Ngoài ra, Học viện HKVN còn có đội ngũ NV chuyên trách phụ trách phòng thực hành nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của NH. Như vậy, đội ngũ chuyên viên, nhân viên đủ về số lượng với 88 người, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành NNA [H7.07.01.12], được thể hiện ở Bảng 7.1.1 dưới đây:

Bảng 7.1.1: Số lượng nhân sự của các đơn vị

TT	Các đơn vị	Số lượng nhân sự (người)	Trình độ			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	Khác
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	15	1	3	8	3
2	Phòng Tuyển sinh & Công tác sinh viên	09	0	3	5	1
3	Phòng Kế hoạch – Tài chính	09	0	2	6	1
4	Phòng Đào tạo	09	1	3	5	0
5	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	11	2	5	4	0
6	Phòng Khoa học công nghệ và HTQT	11	1	4	5	1
7	Phòng QL&PTCSVC	18	0	1	8	9
8	Bộ phận Thanh tra – pháp chế	02	1	0	1	0
9	Trung tâm Dịch vụ sinh viên	4	0	2	0	2
Tổng cộng		88	6	23	42	17

Riêng đội ngũ nhân viên tại Khoa tính đến thời điểm KĐCLGD, có 01 trợ giảng kiêm nhiệm thư ký khoa, quản lý phòng thực hành, thực nghiệm,... Khoa đã phân công công việc cụ thể của đội ngũ GV cơ hữu và kiêm nhiệm và đội

ngữ CVHT của Khoa [H6.06.02.06], [H6.06.02.07], [H6.06.02.08] minh chứng trang 48 file NNA .

Hàng năm, Học viện HKVN tiến hành khảo sát lấy ý kiến của học viên năm cuối [H707.01.13] và sinh viên đang học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ Học viện HKVN [H7.07.01.14], kết quả về sự hài lòng của sinh viên ngành NNA về đội ngũ nhân viên hỗ trợ có tỉ lệ hài lòng cao.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành NNA.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chỉ mới thực hiện ở người học, chưa lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên và chuyên viên, nhân viên trong toàn Học viện HKVN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện lập kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên tại các đơn vị, phòng chức năng	Phòng TCHC phối hợp Khoa Ngoại ngữ	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát định kỳ 1 lần/năm vào cuối mỗi năm học về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên với các đối tượng phản hồi rộng hơn	Phòng KT&BDCL chủ trì	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Việc bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV được Học viện HKVN thực hiện theo Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý của Học viện HKVN theo Quyết định số 50/QĐ-HĐHV ngày 08/08/2022 [H6.06.01.14].

Trong quá trình không ngừng phát triển, Học viện HKVN luôn cố gắng xây dựng các quy định tuyển dụng của riêng mình, cụ thể: Ngày 09/11/2020 Hội đồng Học viện HKVN ban hành Quyết định số 24/QĐ-HVHK về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN [H6.06.03.04];, Quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08/08/2022 của Hội đồng Học viện HKVN về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN [H6.06.03.07].

Theo Quyết định số 50/QĐ-HĐHV ngày 08/8/2022 [H6.06.01.14] quy định trình tự, thủ tục, yêu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV và người lao động. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ gồm 05 bước sau: Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn nhân sự trong quy hoạch, Tập thể lãnh đạo của đơn vị và Phòng TCHC thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự. Bước 2: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới nhân sự và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Bước 3: Tập thể lãnh đạo, căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đáp ứng của cán bộ; trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt về nhân sự (được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt). Bước 5: Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự.

Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ cán bộ chủ chốt, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị/khoa, Học viện HKVN tiến hành bổ nhiệm các chức danh CBQL khoa/bộ môn.

Các tiêu chí tuyển dụng viên chức được thông tin tới các đơn vị trong toàn Học viện HKVN qua thông báo trên website của Học viện HKVN để người lao động tiện theo dõi www.vaa.edu.vn. Các thông tin tuyển dụng được Học viện HKVN công bố công khai trên các kênh: Website của Học viện HKVN mục Thông báo, báo Thanh niên, mục “Bạn cần biết” [H6.06.03.12] minh chứng trang 56. Năm 2023, thời gian tuyển dụng viên chức bị kéo dài do Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc ban hành trễ hơn so với dự kiến. Đến năm 2024, Học viện đã tổ chức tuyển dụng viên chức đúng thời gian và tuyển được 14 viên chức có năng lực, trình độ phục vụ cho công tác giảng dạy và hành chính tại các đơn vị.

2. Điểm mạnh

Quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai minh bạch. Thông báo tuyển dụng công khai trên nhiều kênh: Báo chí và Website của Học viện HKVN, Base Inside.

3. Điểm tồn tại

Năm 2023 thời gian tuyển dụng viên chức bị kéo dài do Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc ban hành trễ hơn so với dự kiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm	Thực hiện việc rà soát cập nhật Quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm	Phòng TCHC	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	mạnh	lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ đối với chức danh lãnh đạo, quản lý và công khai đến các bên liên quan qua nhiều hình thức như: Base Inside, website Học viện HKVN.			
2	Khắc phục tồn tại	Rà soát các tiêu chí trong đề án vị trí việc làm, các tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí bổ nhiệm cho các vị trí cán bộ quản lý, hỗ trợ qua đó ban hành Khung năng lực cho từng vị trí nhằm hỗ trợ dễ dàng cho việc tuyển dụng và bổ nhiệm đối với đội ngũ chuyên viên, cán bộ quản lý	Phòng TCHC chủ trì dự thảo, các đơn vị phối hợp góp ý để trình Giám đốc phê duyệt	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm xác định đúng năng lực của đội ngũ nhân viên, Học viện HKVN đã xây dựng hệ thống quản lý, quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá. Để đánh giá năng lực đội ngũ NV, Học viện HKVN đã ban hành Bản mô tả công việc, khung năng lực, điều kiện tiêu chuẩn vị trí việc làm tại Học viện HKVN (QĐ số 468/HVHK-TCCB ngày 11/6/2019); phê duyệt điều chỉnh Đề án

vị trí việc làm số 786/VTVL-Học viện HKVN (NQ số 16/NQ-HĐHV, 13/04/2022); Danh mục Vị trí việc làm và phê duyệt số lượng người làm việc, lao động hợp đồng năm 2022 của Học viện HKVN (NQ số 15/NQ-HĐHV ngày 13/04/2022); phê duyệt Vị trí việc làm và số lượng người làm việc tương ứng năm 2023 của Học viện HKVN kèm theo Phụ lục 01 danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị trong Học viện HKVN có mô tả chi tiết công việc cụ thể của từng vị trí việc làm (NQ số 30/NQ-HĐHV, 04/04/2023); Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện HKVN [H6.06.04.01]; Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN ban hành kèm theo Quyết định số 819/QĐ-Học viện HKVN ngày 13/10/2020 [H6.06.04.02]. Các văn bản này đã xác định các tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên viên, bao gồm: trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,...

Hệ thống quản lý hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được tổ chức từ cấp Học viện HKVN đến các đơn vị với vai trò trung tâm là Phòng TC-HC, sau đó là các đơn vị phòng ban chức năng, khoa, bộ môn. Phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ là dựa trên kết quả thực hiện công việc được giao. Hoạt động đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ công vụ đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng tháng thông qua phân công công việc, bảng mô tả công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và các tiêu chí theo quy định của Học viện HKVN [H6.06.04.04].

Việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là nhân viên phục vụ còn được thực hiện vào cuối năm. Các đơn vị trong Học viện HKVN tiến hành tổng kết đánh giá cuối năm nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, làm cơ sở triển khai công tác thi đua, khen thưởng cấp đơn vị và Học viện HKVN. Theo đó, cuối mỗi năm học, theo kế hoạch chung của Học viện HKVN, toàn thể NV trong các đơn vị/Khoa thực hiện việc tự đánh giá về kết quả thực hiện công việc trong năm. Trong Phiếu đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV ban hành kèm theo Quy định đánh giá, phân loại thể

hiện rõ các nội dung đánh giá với các tiêu chí đánh giá. Trong mỗi nội dung đánh giá đều có tiêu chí tương ứng với số điểm đánh giá năng lực thành phần với các mức đánh giá khác nhau và tổng số điểm đánh giá là 100 điểm [H6.06.04.02].

Việc đánh giá hằng năm được Học viện HKVN thực hiện công khai, minh bạch theo quy trình 5 bước: (i) CBGV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện theo kế hoạch đầu năm học (ii) Lãnh đạo các đơn vị tổ chức họp đánh giá, phân loại cho các cá nhân của đơn vị mình (iii) Đơn vị tổng hợp và báo cáo kết quả về Phòng TC-HC, (iv) Hội đồng đánh giá, thông qua kết quả phân loại, (v) Thông báo kết quả đến CBGV, NV và gửi Phòng TC-HC. Kết quả đánh giá được Phòng TC-HC trình lãnh đạo Học viện HKVN phê duyệt. Kết quả đánh giá mỗi CB, GV, NV được phân loại theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.05]. Kết quả đánh giá, phân loại đội ngũ NV là cơ sở để Học viện HKVN /đơn vị/khoa bình xét thi đua khen thưởng theo quy định tại văn bản Công tác thi đua, khen thưởng nêu cụ thể các tiêu chí đánh giá, xếp loại, khen thưởng đối với các nhân viên, người lao động ban hành kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-HVHK ngày 23/12/2022 [H7.07.03.01]. Kết quả đánh giá được thông báo công khai đến toàn thể CB, GV, NV và trong năm học 2023-2024, khoa Ngôn ngữ Anh đã Hoàn thành nhiệm vụ được giao [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN đã ban hành văn bản thi đua khen thưởng hàng năm, có quy định, quy trình hướng dẫn đánh giá phân loại CB, GV, NV với các tiêu chí và các bước cụ thể. NV của Khoa NN và các đơn vị luôn hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa được rõ ràng, còn mang tính chất chung chung.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật và hoàn thiện quy trình, quy định để đánh giá và phân loại cán bộ, nhân viên nhằm đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan	Phòng TCHC chủ trì	Từ năm học 2024-202 5	
2	Khắc phục tồn tại	Rà soát, cập nhật và ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên trong các đơn vị của Học viện HKVN	Phòng TCHC chủ trì	Từ năm học 2024-202 5	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 như: "Đảm bảo tỷ lệ nhà giáo trên tổng số lao động từ 65-67%, đến năm 2020 có 235 nhà giáo, nhà giáo có trình độ tiến sĩ trở lên đạt khoảng 22%, thạc sĩ trở lên đạt khoảng 70% (trong đó cần 20 giáo sư, phó giáo sư, 35 tiến sĩ, 110 thạc sĩ và 70 đại học)". Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐHV ngày 31/08/2020 [H6.06.01.01 (2)] cũng xác định mục tiêu/chỉ tiêu phát triển đội ngũ: "Đến 2030 Học viện HKVN có khoảng 273 giảng viên và 200 cán bộ, nhân viên với tiêu chí 1GV/25SV và 3GV/1CBNV; trong đó, có 75% nhân sự dưới 45 tuổi và giảng

viên có chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư là 18, Tiến sĩ là 120, Thạc sĩ là 135". Ngoài ra, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV còn được Học viện HKVN dựa trên kết quả đánh giá năng lực NV hằng năm và yêu cầu/nhu cầu của hoạt động phục vụ CTĐT, NCKH và PVCD.

Hằng năm, Học viện HKVN ra thông báo cho công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên đối với các khóa ngắn hạn vào đầu năm học [H6.06.05.02 (1)] minh chứng trang 58. Các đơn vị trong toàn Học viện HKVN thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo và tổ chức họp về phân tích yêu cầu công việc trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm học. Các NV đề xuất nhu cầu được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (có đề xuất nội dung khóa học) nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân [H6.06.05.02 (2)] minh chứng trang 58.

Sau cuộc họp, Khoa và các đơn vị tổng hợp đề xuất nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV của đơn vị mình và gửi về Học viện HKVN. Phòng TC-HC làm đầu mối tổng hợp nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của toàn Học viện HKVN trình BGD [H6.06.01.12]. Đối với công tác đào tạo bồi dưỡng, đầu mỗi năm học Phòng TC-HC ra thông báo thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gửi đến các đơn vị liên quan [H6.06.01.06], [H6.06.01.08] không liên quan đến kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

Trên cơ sở nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ và đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ từ các đơn vị, Phòng TC-HC tổng hợp báo cáo nhu cầu của các đơn vị, Phòng TC-HC hoàn thiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc ban hành [H6.06.01.11]. Bên cạnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chung của Học viện HKVN, chuyên viên, nhân viên của các phòng chức năng còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Tuy nhiên, kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đào tạo trình độ ThS, TS cho đội ngũ NV còn hạn chế.

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho NV hàng năm, Học viện HKVN triển khai thực hiện các khóa đào tạo, tập huấn nội bộ, mời các chuyên gia trong và ngoài Học viện HKVN đến bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho NV, gồm các nội dung tập huấn: công tác đảm bảo chất lượng, nghiệp vụ xây dựng và cập nhật thông tin website, công tác CVHT, lễ tân ngoại giao và văn hóa ứng xử (kể thêm các khoá ứng với chức năng nhiệm vụ của NV của mỗi đơn vị). Đối với đào tạo bên ngoài Học viện HKVN, các đơn vị chủ động thực hiện theo kế hoạch của Học viện HKVN.

Để khuyến khích đội ngũ NV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, các chuyên viên, nhân viên đi học được hỗ trợ thời gian, nếu học nâng cao lên bậc thạc sĩ trong trường sẽ được giảm 50% học phí và hưởng lương, phúc lợi trong thời gian đi học trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.02]. Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện các hoạt động ĐBCL, năm 2020, Học viện HKVN đã cử nhân sự tham gia chương trình tập huấn công tác ĐBCL và tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT. Năm 2022, Học viện HKVN cử nhân sự tham gia khóa tập huấn đảm bảo và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư số 04/TT-BGDĐT.

Tháng 8/2023, để nâng cao hoạt động xây dựng, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo, Học viện HKVN đã cử hơn 30 nhân sự tham gia khóa tập huấn thực hành xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục [H7.07.04.01]. Để thực hiện mục tiêu kiểm định chất lượng, năm 2023-2024, Học viện HKVN đã có 04 cán bộ học lớp kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục bậc đại học [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện HKVN đã tổ chức rất nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn [H7.07.04.04], giúp cho hoạt động đào tạo, NCKH của Học viện HKVN ngày càng hiệu quả và được thể hiện trong báo cáo hằng năm [H6.06.05.08]. Giai đoạn 2019-2024, có 158 lượt NV tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Kinh phí

chi cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng đối với NV của Học viện HKVN giai đoạn 2019-2024 là 514,22 triệu đồng.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện HKVN luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ. Học viện HKVN luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí cho NV học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tỷ lệ tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng của đội ngũ NV hỗ trợ đạt trên 75%.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2019-2024, Học viện HKVN chưa có nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng về nâng cao năng lực của NV tại các khoa chuyên môn, Phòng ĐT, Phòng TS&CTSV để có thể hỗ trợ người học đạt hiệu quả cao hơn.

Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ cho đội ngũ NV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí cho nhân viên các phòng chức năng học tập, nâng cao bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các đơn vị	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách hỗ trợ và tăng nguồn kinh phí hỗ trợ nhân viên trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với Phòng KHTC	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được Học viện HKVN thực hiện theo hệ thống văn bản điều hành, quản lý việc thực hiện và đánh giá nhiệm vụ của CBGV, NV như: Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện HKVN [H7.07.05.01]; Bản mô tả công việc, khung năng lực, điều kiện tiêu chuẩn vị trí việc làm năm 2019 và Đề án vị trí việc làm năm 2023 tại Học viện HKVN [H7.07.05.02]; Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN [H7.07.05.03]; Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Học viện HKVN [H6.06.06.11]; Các văn bản này, quy định về khối lượng các công việc mà NV phải thực hiện, quy trình thực hiện, tiến độ và thời gian hoàn thành nhiệm vụ; đơn vị chủ trì, phối hợp trong kiểm tra, giám sát và đánh giá tính giá hiệu quả của kết quả thực hiện nhiệm vụ; các tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng và quy định đánh giá, bình xét rõ ràng đối với mỗi chức danh của vị trí việc làm của NV.

Công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên theo kế hoạch công tác đầu năm học được Học viện HKVN giao Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị để triển khai thực hiện. Để có căn cứ theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, Học viện HKVN ban hành Quy chế đánh giá năng lực thực hiện của Học viện HKVN, trong đó quy định rõ việc các nhiệm vụ giám sát, đánh giá đối với mỗi nhóm NV thuộc đơn vị [H7.07.05.03]. Trước năm 2022, nhân viên thực hiện chấm công bằng phần mềm lấy dấu vân tay để tính ngày công. Sau đó Học viện HKVN thực hiện chấm công đối với nhân viên khối hành chính trên base, đồng thời giao việc trên

base cho nhân viên. Đây là căn cứ để đánh giá hiệu quả hoàn thành công việc cũng như tính ngày công để tính lương cho nhân viên [H7.07.05.04].

Việc quản trị theo kết quả công việc làm căn cứ để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Đầu mỗi năm học, các cá nhân của từng đơn vị đăng ký chỉ tiêu nhiệm vụ của nhân viên (năm 2019-2020) và giao kết khối lượng công việc hàng năm của nhân viên (năm 2021-2024) nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H7.07.05.05]. Từ đó có cơ sở để thực hiện đánh giá năng lực của người lao động thông qua Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN.

Thông qua các cuộc họp phòng, khoa, trung tâm, lãnh đạo các đơn vị giao việc trực tiếp cho nhân viên và giám sát tiến độ thực hiện công việc. Hàng tháng nhân viên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.05.06]. Từ khi Học viện áp dụng phần mềm Base, lãnh đạo các đơn vị thực hiện giao việc trên Base và giám sát tiến độ thực hiện công việc trên Base [H7.07.05.07]. Ngoài ra trong báo cáo giao ban hàng tháng, báo cáo tổng kết năm học của Học viện HKVN đã đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị [H7.07.05.08].

Để phục vụ các hoạt động phục vụ cộng đồng, thiện nguyện như hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh tình nguyện của sinh viên, đi bộ vì sức khỏe cộng đồng, phục vụ các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của Học viện, đơn vị đã xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, phục vụ tốt các hoạt động này [H7.07.05.09]. Sau đó Học viện họp đánh giá, rút kinh nghiệm để những lần sau tổ chức đạt kết quả tốt hơn.

Khi xây dựng Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN, Học viện HKVN đều gửi dự thảo cho toàn thể CBGVNV và người lao động tham gia ý kiến [H7.07.05.10]. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Phòng TCHC tổng hợp các ý kiến tham gia và báo cáo thông qua cán bộ chủ chốt và tập thể lãnh đạo Học viện HKVN trước khi trình ban hành [H7.07.05.11].

[H7.07.05.12]. Quy chế đánh giá năng lực thực hiện áp dụng tại Học viện HKVN đảm bảo công bằng, khách quan và phù hợp với tình hình của Học viện HKVN. Thông qua kết quả đánh giá năng lực thực hiện KPIs, Học viện HKVN đã xem xét làm căn cứ để đánh giá xếp loại cuối năm và xét khen thưởng [H6.06.06.14]; [H6.06.06.15].

Hàng năm, Học viện HKVN triển khai đánh giá hiệu quả công việc và bình xét thi đua khen thưởng đảm bảo khách quan, công bằng.

Người lao động hài lòng về kết quả đánh giá công việc và xét khen thưởng. Việc đánh giá thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV được thông qua việc họp đánh giá xét KPIs của đơn vị và của Học viện HKVN [H7.07.05.13] và công khai kết quả đánh giá KPIs [H7.07.05.14]. Sau đó Hội đồng thi đua khen thưởng họp và trình Ban Giám đốc Học viện HKVN ban hành Quyết định khen thưởng hàng năm. Kết quả đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua khen thưởng trong giai đoạn 2019-2023 cho thấy: 100% NV hỗ trợ của các đơn vị đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Trong đó, có 28 lượt NV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 34 lượt NV được tặng Giấy khen của Giám đốc Học viện HKVN, 06 lượt NV được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GTVT. 01 lượt NV được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Riêng Khoa Ngoại ngữ từ khi thành lập tháng 7/2021 đến nay, có 100% NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 05 lượt NV được tặng Giấy khen, 03 lượt NV được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 01 lượt NV được tặng Bằng khen Bộ trưởng Bộ GTVT. Tập thể Khoa Ngoại ngữ được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và Giấy khen cấp Học viện HKVN, tập thể lao động xuất sắc.

Hàng năm, Học viện HKVN đều giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát sự hài lòng của CBGV, NV về quản trị công việc và kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và một số nội dung khác [H6.06.06.16]. Hầu hết người lao động đều hài lòng về kết quả đánh giá năng lực thực hiện KPIs và kết quả khen thưởng. Tuy nhiên đôi lúc việc lấy ý

kiến của người lao động về các quy chế, quy định của Học viện hơi gấp nên người lao động chưa dành nhiều thời gian để đóng góp ý kiến.

2. Điểm mạnh

Học viện HKVN/ Khoa Ngoại ngữ có phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho NV qua bản mô tả công việc và bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ đầu năm học. Đội ngũ NV của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành nhiệm vụ và đạt danh hiệu Lao động từ tiên tiến trở lên. CB, GV, NV và người lao động luôn hài lòng với kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của CB, GV, NV và người lao động đối với các chính sách của Học viện HKVN (đánh giá kết quả công việc, chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và bồi dưỡng, môi trường làm việc...) đôi lúc hơi gấp nên người lao động chưa có nhiều thời gian góp ý cụ thể, đầy đủ, chi tiết hơn nữa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện phân công công việc theo bản mô tả công việc để nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các đơn vị	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và công khai các dự thảo quy chế, quy định trên website của Học viện HKVN sớm hơn để người lao động có thời gian tham gia ý kiến đầy đủ, kịp thời	Phòng TCHC chủ trì	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Học viện HKVN và Khoa Ngoại ngữ luôn có phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho NV qua bản mô tả công việc và bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ đầu năm học. Tỷ lệ hài lòng về việc đánh giá công việc khách quan, công bằng và hợp lý của NV khá cao. Kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng đều được công bố công khai bằng văn bản và được chuyển tới từng GV, NV của các đơn vị trong Học viện. Tuy nhiên, một số vấn đề tồn tại cần được khắc phục như: (1) Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chỉ mới thực hiện ở người học, chưa lấy ý kiến rộng rãi từ các bên liên quan khác; (2) Học viện chưa khảo sát ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm để từ đó làm căn cứ, cơ sở tuyển dụng; Các tiêu chí cho các đề án vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cho các vị trí của CB quản lý, hỗ trợ ít được rà soát thường xuyên; (3) Một số tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa được rõ ràng, còn mang tính chất chung chung; (4) Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho đội ngũ NV còn hạn chế và (5) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 việc đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên chỉ dựa trên nhiệm vụ được giao và căn cứ tổng kết năm học của các công việc đã thực hiện nên chưa thể đánh giá một cách chính xác về tính hiệu quả.

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí đạt (04 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm)

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.

Mở đầu

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật thường xuyên mỗi năm, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn sinh viên được xác định rõ ràng, bảo đảm tính khách quan, công bằng, minh bạch trong xét tuyển. Sinh

viên ngành Ngôn ngữ Anh được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm quản lý đào tạo đến hệ thống CVHT, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Học viện. Học viện có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cũng tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, dựa trên các quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy ban hành hằng năm của BGDDT, bao gồm: Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018 (04/VBHN-BGDDT ngày 04/5/2018; Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non năm 2019 (07/VBHN-BGDDT ngày 20/12/2021; Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non năm 2020 ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDDT ngày 06/6/2022 [H8.01.01.01]; Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Học viện ban hành năm 2023 [H8.01.01.02]; kết quả phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, ý kiến các bên liên quan và phân tích kết quả tuyển sinh của Học viện qua các năm trước [H8.08.01.03], Học viện xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ và chi tiết cho ngành Ngôn ngữ Anh và được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế thể hiện trong Đề án tuyển sinh các năm 2019 đến năm 2023 của Học viện [H8.08.01.04].

Đề án tuyển sinh của Học viện thể hiện rõ đối tượng, phạm vi, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh theo từng nhóm/ngành, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí và phương thức xét tuyển, điều kiện tuyển thẳng, quy định rõ quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên cho từng ngành ĐT, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, thông tin đảm bảo chất lượng của Học viện về đội ngũ GV, CSVC và các thông tin cần thiết khác tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh dự tuyển, không phát sinh tiêu cực, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; các phương án tuyển sinh dựa trên cơ sở năng lực thực tế của Học viện, phù hợp với các điều kiện về nguồn lực vật chất và thời gian của Học viện. Đề án tuyển sinh của Học viện luôn được cập nhật hằng năm, bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng: CSVC, nguồn học liệu, đội ngũ GV... đặc biệt là ngày càng mở rộng các phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

Về đối tượng tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh, Học viện vẫn giữ nguyên đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tốt nghiệp trình độ THPT hoặc tương đương trên phạm vi toàn quốc. Về phương thức tuyển sinh, Học viện có sự thay đổi, mở rộng các phương thức tuyển chọn thí sinh, được chia thành 02 giai đoạn như sau: (1) Từ năm 2019 cho đến năm 2022, Học viện chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT của năm tuyển sinh và các đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh chung của BGDDĐT. (2) Từ năm 2023, Học viện mở rộng thêm phương thức xét tuyển sớm cho ngành Ngôn ngữ Anh, là các phương thức không sử dụng kết quả thi THPT và diễn ra trước kì thi THPT, bao gồm: ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi, ưu tiên xét tuyển chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế và tương đương (sau đây gọi tắt là ưu tiên xét tuyển), xét kết quả học tập THPT (xét học bạ), xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia (đánh giá năng lực). Việc thay đổi này để phù hợp với sự tăng lên về chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, khi mà giai đoạn 2019-2021 giữ ổn định ở mức 60 sinh viên/khóa, năm 2022 tăng lên 120 sinh viên/khóa, từ năm 2023 ngành tăng lên thành 180 sinh viên/khóa. Từ năm 2019 đến nay, Học viện tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm thông qua việc khai báo các điều kiện đảm bảo và đăng ký

chỉ tiêu tuyển sinh với Vụ Giáo dục Đại học (GDĐH), Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) [H8.08.01.05] theo quy định về tuyển sinh.

Về chính sách ưu tiên tuyển sinh, Học viện về cơ bản là bám sát các quy định trong quy chế tuyển sinh chung của BGDDT, không có quy định đặc biệt. Năm 2023, Học viện ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 97/QĐ-HVHK ngày 07/02/2023 về việc ban hành [H8.08.01.02] nhằm cụ thể hóa và chi tiết hóa các quy định của quy chế tuyển sinh nói chung và các đối tượng tuyển thẳng hoặc thuộc diện ưu tiên tuyển thẳng nói riêng theo yêu cầu của Thông tư 08/2022/TT-BGDDT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học của Bộ trưởng BGDDT.

Về cách thức đăng ký, Học viện cũng có sự thay đổi phù hợp với sự thay đổi của phương thức tuyển sinh: Từ năm 2019 cho đến năm 2022, thí sinh tuân thủ đúng quy định của BGDDT, đăng ký thông qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GDĐT, sau đó Học viện sẽ tham gia quy trình lọc ảo cùng tất cả các trường đại học trên toàn quốc để cho ra kết quả trúng tuyển chính thức cuối cùng. Năm 2023, thí sinh có thể đăng ký tại cổng trực tuyến của Học viện hoặc cổng trực tuyến của Đại học Quốc gia (nếu xét đánh giá năng lực) tuy nhiên sau đó tất cả các nguyện vọng đều phải thông qua cổng của BGDDT để ra danh sách trúng tuyển chính thức.

Học viện xây dựng và công khai Đề án tuyển sinh trên cổng thông tin của Bộ GDĐT, trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ vaa.edu.vn (sau đây gọi tắt là website của Học viện) [H8.08.01.06].

Trước khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, Học viện đăng đầy đủ Thông báo tuyển sinh lên website của Học viện [H8.08.01.07] có đầy đủ các thông tin yêu cầu: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, ngành xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực ưu tiên tuyển sinh, cách thức đăng ký, lệ phí xét tuyển, thời gian đăng ký xét tuyển và công bố kết quả. Sau đó dẫn link sang fanpage chính thức của Học

viện và các phương tiện thông tin đại chúng khác để thông báo rộng rãi đến thí sinh [H8.08.01.08].

Thông tin về đại học chính quy còn được đăng trên tờ rơi tuyển sinh [H8.08.01.09].

Trước mỗi kì tuyển sinh, Ban Giám đốc chỉ đạo Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Phòng, Khoa liên quan về các thông tin tuyển sinh trước khi ban hành Kế hoạch tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh. Đặc biệt từ năm 2022, Khoa bắt đầu lấy khảo sát nhu cầu lao động, nhu cầu tuyển dụng trong vòng 05 năm và 05-10 năm tới của các doanh nghiệp, cựu sinh viên, sinh viên đang theo học, giảng viên/chuyên gia đến từ các trường đại học/cao đẳng/trung tâm đào tạo, tuy nhiên số lượng chưa nhiều [H8.08.01.03]. Sau mỗi kì tuyển sinh, Ban Giám đốc, Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, các Phòng, Khoa liên quan đến công tác tuyển sinh đều tổ chức họp đánh giá rút kinh nghiệm tuyển sinh [H8.08.01.10].

Để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh, Học viện cũng đã chú trọng rà soát, ban hành các văn bản về quy trình tuyển sinh trong từng năm học [H8.08.01.11] Vì thế chính sách tuyển sinh của Học viện được cập nhật hằng năm và ngày càng phù hợp hơn.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Học viện đa dạng và luôn được xác định rõ ràng theo kế hoạch, được công bố công khai và được cập nhật hằng năm trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu để ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn và có tính định hướng đối tượng tuyển sinh cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tham gia khảo sát nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng chưa nhiều, số lượng sinh viên tham gia cho ý kiến cũng còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật chính sách tuyển sinh với quy định rõ ràng, chi tiết, công khai, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và năng lực của Học viện/Khoa.	Phòng TS&CTSV, Khoa quản lý	Hằng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu nhân lực, lấy ý kiến sinh viên để có căn cứ điều chỉnh chính sách tuyển sinh.	Khoa quản lý chủ trì, P.TS&CTSV phối hợp	Hằng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Học viện được xác định rõ ràng, được thể hiện thông qua các Đề án tuyển sinh của các năm học và được cập nhật theo đúng với Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Quy chế tuyển sinh đại học của Học viện KTHKVN [H8.08.02.01]. Theo đó, (1) đối tượng tuyển sinh là thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (hoặc tương đương), đáp ứng các điều kiện tham gia tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT và các điều kiện quy định trong Đề án tuyển sinh trình độ đại học của Học viện; (2) phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong phạm vi cả nước; (3) phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo phương thức chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2023, ngoài các phương thức xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào

tạo, trường xét tuyển thêm 03 phương thức gồm: ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam (UTXT), xét tuyển theo kết quả kì thi Đánh giá năng lực Đại học quốc gia (ĐGNL) và xét tuyển theo kết quả học tập Trung học phổ thông (HB). [H08.02.01]; (4) tổ hợp xét tuyển: Từ 2019-2021 xét tuyển các tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D90 (Toán, Khoa học tự nhiên, Anh). Từ năm 2021, trường xét tuyển thêm tổ hợp D07 (Toán, Hóa, Anh), từ 2023 trường xét tuyển thêm tổ hợp K01 (Toán, Tin học, Anh). [H08.02.01]; (6) chỉ tiêu tiêu tuyển sinh: chỉ tiêu tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học tăng dần qua các năm [H8.08.02.01]. (7) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường: Nhà trường công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành sau khi Bộ GDĐT công bố điểm thi THPT Quốc gia và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cả nước [H8.08.02.02]. Kết quả tuyển sinh (số lượng, ngưỡng đảm bảo đầu vào) hằng năm được thể hiện ở Bảng 8.1.1 dưới đây:

Bảng 8.1.1 Kết quả tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học 2019-2023 [H8.08.02.03]. [H8.08.02.04]

Năm	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2019	0	0	0
2020	-	0	0
2021	-	154	154
2022	-	464	464
2023	-	552	552

Hằng năm, Học viện tổ chức họp các khoa, phòng có liên quan, thống nhất về tiêu chí và phương thức tuyển sinh, trong đó có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá về các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành [H8.08.02.05]. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh tiến hành họp để rà soát, đánh giá tiêu chí và xét tuyển, đồng thời đánh giá kết quả tuyển sinh, những ưu điểm, tồn tại của đợt

tuyển sinh để rút kinh nghiệm cho kỳ tuyển sinh năm sau và đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để điều chỉnh chính sách tuyển sinh của Học viện [H8.08.02.06]. Hằng năm, sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, lãnh đạo các khoa sẽ họp để rà soát, đánh giá tiêu chí và xét tuyển, đồng thời đánh giá kết quả tuyển sinh để rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để điều chỉnh chính sách tuyển sinh của Trường. Sau mỗi đợt rà soát, đánh giá công tác tuyển sinh, Học viện mở rộng các phương thức tuyển chọn thí sinh, điều chỉnh tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh cho phù hợp [H8.08.02.01].

Học viện chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến, đánh giá của người học về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của trường, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển sinh năm sau.

2. Điểm mạnh

Phương thức tuyển sinh được mở rộng, giúp cho thí sinh có nhiều lựa chọn: xét tuyển theo kết quả kì thi Trung học phổ thông Quốc gia (THPT), Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam (UTXT), xét tuyển theo kết quả kì thi Đánh giá năng lực Đại học quốc gia (ĐGNL) và xét tuyển theo kết quả học tập Trung học phổ thông (học bạ) [H8.08.02.01].

Quá trình rà soát đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hàng năm có đại diện đầy đủ các khoa, phòng liên quan. Chính sách tuyển sinh hằng năm đều được điều chỉnh căn cứ nhu cầu xã hội và kết quả khảo sát các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến, đánh giá của người học về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của trường, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hằng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm phù hợp với nhu cầu xã hội và kết quả khảo sát các bên liên quan.	Phòng TS&CTSV	Hằng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của sinh người học về các tiêu chí, phương thức tuyển sinh chung của trường.	Phòng TS&CTSV	Hằng năm, từ năm học 2024-2025	
		Phân tích, tổng hợp cơ sở dữ liệu và đưa ra đánh giá chung về sự điều chỉnh tiêu chí hằng năm như thế đã thực sự phù hợp và hiệu quả chưa.			

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của SV và được tổ chức, phân cấp rõ ràng. Các bộ phận, cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ theo chức trách được giao cụ thể trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H8.08.03.01], cụ thể: (1) Đối với hệ thống giám sát cấp trường: Trong Ban Giám đốc có sự phân công cụ thể, giao cho 01 Phó Giám đốc phụ trách công tác ĐT và CTSV. Phòng

Đào tạo là đơn vị chức năng có nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh cáo học vụ. Ngoài ra, phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS education được sử dụng tại Học viện cũng giúp người học cập nhật thường xuyên kết quả học tập của mình thông qua việc đăng nhập vào tài khoản người học [H8.08.03.02].

Phòng TS&CTSV là đầu mối theo dõi, giám sát, đánh giá ý thức học tập và rèn luyện của người học; phân loại, xếp loại người học cuối mỗi học kỳ hoặc năm học, khóa học; tổ chức thi đua khen thưởng cho tập thể và cá nhân người học đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; xử lý kỷ luật đối với người học vi phạm quy chế, nội quy; và được thực hiện theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định 129/QĐ-HVHK ngày 11/03/2022 [H8.08.03.03].

Phòng KT&ĐBCL là đầu mối giám sát kết quả thi, kiểm tra, thi lại, học lại, theo dõi tình hình người học vi phạm quy chế thi....(2) Hệ thống giám sát cấp Khoa: Khoa giao cho CVHT giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Ngoài ra, hệ thống giám sát người học còn có thư ký khoa, NV hỗ trợ của các đơn vị chức năng. Theo từng năm học, Học viện có phân công CVHT cho từng lớp cụ thể [H8.08.03.04].

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Học viện đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, Trang thông tin sinh viên/HV, các trang mạng xã hội cung cấp tài khoản cho người học, thành lập hội đồng đánh giá và các quy định về công tác rèn luyện SV; các quy định về công tác CVHT [H8.08.03.03], [H8.08.03.05],.... Các quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập của Trường được thể hiện trong Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ/Quy chế đào tạo trình độ đại học [H8.08.03.06] bao gồm các nội dung: Tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi kết thúc học phần, xét và công nhận tốt nghiệp,

quy trình phúc khảo, quản lý kết quả học tập, ... Quy định về khối lượng học tập của người học được nêu rõ tại Khoản 3, Điều 9, Quy chế đào tạo đại học của Học viện HKVN ban hành ngày 30/06/2023, theo đó “Căn cứ vào danh sách lớp học phần dự kiến mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần, sinh viên phải tự xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ...” [H8.08.03.06]. Tất cả những quy định trên là căn cứ để Phòng Đào tạo xem xét cảnh cáo học vụ đối với SV.

Việc theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học được quản lý bởi Phòng ĐT, Phòng TS&CTSV và CVHT. Quy trình giám sát kết quả học tập, kết quả thi kết thúc học phần của mỗi sinh viên sau mỗi học kỳ được thực hiện theo các bước: (i) Giảng viên hoàn tất đánh giá và nhập lên hệ thống đào tạo của Học viện trong vòng 2 tuần kể từ khi kết thúc kỳ thi [H8.08.03.01]; (ii) Theo đó, khi sinh viên đăng nhập vào tài khoản sinh viên đã được Học viện cung cấp sẽ biết kết quả thi của mình cũng như kết quả học tập trong học kỳ. (iii) Hằng năm Phòng Đào tạo tiến hành xét kết quả học tập sinh viên ngành Ngoại ngữ vào cuối mỗi học kỳ theo các quy chế đào tạo hiện hành và theo quy trình đánh giá kết quả học tập trong Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2015; (iv) Theo đó, Hội đồng đánh giá kết quả học tập sẽ họp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, công nhận kết quả học tập và thông báo kết quả học tập này tới Khoa Ngoại ngữ, CVHT và sinh viên được biết. Dựa trên kết quả học tập được công nhận này, sinh viên được biết trạng thái học tập hiện tại của mình và là căn cứ để CVHT tư vấn cho sinh viên kế hoạch học tập, khối lượng học tập phù hợp cho học kỳ tiếp theo, đặc biệt là đối với các trường hợp sinh viên rơi vào tình trạng cảnh cáo học vụ. Ngoài ra, kết quả học tập còn là căn cứ để sinh viên xây dựng kế hoạch học lại, học cải thiện điểm số của mình. Theo quy chế đào tạo hiện hành thì “1. Sinh viên có học phần bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên. Điểm lần học cuối là điểm chính thức

của học phần.; 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác tương đương để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên học cải thiện trong học kỳ nào, số tín chỉ và kết quả học tập được tính vào điểm trung bình của học kỳ đó. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính điểm trung bình chung tích lũy” [H8.08.03.06].

Để giám sát kết quả rèn luyện của sinh viên, CVHT phối hợp với Khoa Ngoại ngữ và Phòng TS & CTSV đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên cho từng học kỳ [H8.08.03.03]. Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên được quy định tại điều 11 Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định 129/QĐ-HVHK, ngày 11/03/2022 [H8.08.03.03]. Theo đó, Sinh viên được kiểm tra, thắc mắc, khiếu nại trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ra thông báo dự thảo đánh giá điểm rèn luyện.

Phòng Đào tạo có phần mềm quản lý PMT-EMS Education để giám sát và quản lý bằng bảng điểm cứng toàn bộ quá trình học tập của sinh viên [H8.08.03.07]. Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo có chuyên viên phụ trách theo dõi về quá trình chậm tiến độ, thôi học của sinh viên theo từng lớp, từng khóa tuyển sinh. Phòng TS&CTSV có cơ sở dữ liệu về điểm rèn luyện của SV được quản lý bằng phần mềm quản lý SV [H8.08.03.08]. Trên CSDL theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp giúp Nhà trường có chiến lược và biện pháp hỗ trợ HV kịp thời. Năm học 2022-2023, số lượng sinh viên thôi học ở các năm học thứ 2, năm học thứ 3 tăng/giảm so với các năm trước. Bên cạnh lý do thôi học do nguyện vọng của sinh viên, vẫn còn một số trường hợp sinh viên bị buộc thôi học do cảnh báo học vụ do kết quả học tập không đạt đủ yêu cầu theo quy chế đào tạo tín chỉ [H8.08.03.09].

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống giám sát theo quy trình ISO để giám sát toàn bộ quá trình hoạt động và theo dõi tiến bộ trong học tập của sinh viên; theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác trên phần mềm quản lý đào tạo, dưới nhiều hình thức khác nhau. Sự tiến bộ của người học được giám sát bởi một hệ thống gồm giảng viên/cố vấn học tập, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị chức năng liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên ngành NNA bị cảnh báo học vụ do kết quả học tập không đạt đủ yêu cầu theo quy chế đào tạo tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục củng cố hệ thống ISO, hệ thống và các hệ thống giảng viên, cố vấn học tập và các phòng ban liên quan trong việc thống kê, theo dõi, giám sát trong việc cải tiến chất lượng học tập và rèn luyện của người học.	CVHT, Khoa Ngoại ngữ	Hàng năm từ quý III, năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Hỗ trợ sinh viên lên kế hoạch học tập, tư vấn khối lượng học tập và phương pháp học tập phù hợp để giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập.	CVHT, Khoa Khoa Ngoại ngữ	Hàng năm từ quý III, năm 2024	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình học tập của NH tại Học viện và được quy định cụ thể tại các văn bản: Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Học viện Hàng không Việt Nam, Quyết định ban hành Quy định tạm thời về Công tác CVHT tại Học viện Hàng không Việt Nam [H8.08.04.01]. Theo các văn bản này, Học viện giao cho các Khoa phối hợp với BCH Đoàn Khoa, Đoàn Thanh niên, các câu lạc bộ - Hội sinh viên (thông qua đội ngũ CVHT, nhân viên hỗ trợ từ các phòng/ ban chức năng) triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Các CVHT có nhiệm vụ hướng dẫn NH hình thức tự học ở nhà; cách thức nghiên cứu và tìm hiểu tài liệu liên quan chương trình học và hỗ trợ NH khi gặp khó khăn trong học tập...

Học viện giao cho Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm (từ 01/07/2021 Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sát nhập với Phòng Tuyển sinh thành Phòng TS&CTSV) theo Quyết định kiện toàn lại cơ cấu Học viện Hàng không Việt Nam [H8.08.04.03]. Phòng TS&CTSV là đầu mối và phối hợp với các khoa chịu trách nhiệm triển khai công tác sinh viên, tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV. Phòng TS&CTSV có phân công một chuyên viên phụ trách về công tác tư vấn hướng nghiệp phối hợp với các khoa đăng thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp lên trang Web và Page của Học viện [H8.08.04.04].

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để hỗ trợ NH được Học viện thực hiện theo các quy

định/quy chế nêu trên, ngoài ra để hỗ trợ NH trong học tập Học viện còn có các chính sách về học bổng và miễn giảm học phí được ban hành theo quyết định xét cấp học bổng khuyến khích học tập tại Học viện Hàng không Việt Nam [H8.08.04.05]. Hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.06].

Các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thi đua luôn được sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hưởng ứng và tham gia nhiệt tình. Các sinh viên năm thứ nhất được tham gia tuần sinh hoạt công dân nâng cao nhận thức của sinh viên về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trang bị đầy đủ, kịp thời một số thông tin cơ bản và cần thiết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế [H8.08.04.07]. BCH Đoàn Khoa hiện tại đang quản lý và phát triển một trang Facebook để truyền thông các hoạt động riêng của Đoàn Khoa cũng như các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thi đua của Học viện tổ chức cho NH tham gia để tăng cường kỹ năng sống, khả năng làm việc nhóm, các hoạt động vì cộng đồng [H8.08.04.08]. Hội sinh viên của Học viện hàng năm tổ chức chương trình sinh viên 5 tốt các cấp nhằm tạo không khí thi đua và tạo động lực cố gắng học tập, rèn luyện của NH [H8.08.04.09].

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh có học phần thực tập (bao gồm thực tập doanh nghiệp) giúp sinh viên tiếp cận các kiến thức kỹ năng trong thực tế giúp cải thiện quá trình học tập của sinh viên. Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm/ Phòng TS&CTSV hằng năm liên hệ với các doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng lao động để tư vấn/kết nối việc làm và giới thiệu đơn vị thực tập (đặc biệt là đơn vị thực tập trong ngành hàng không), giới thiệu nhiều cơ hội việc làm bán thời gian cho các sinh viên được trải nghiệm nghề nghiệp trước khi ra trường [H8.08.04.10]. Đối với sinh viên năm cuối, trong tuần lễ sinh hoạt công dân Học viện có tổ chức một số lớp kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng tìm việc làm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chuẩn bị phỏng vấn xin việc [H8.08.04.07].

Học viện lấy ý kiến sự hài lòng từ người học thông qua khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học [H8.08.04.11], lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp về chất lượng khóa học. Kết quả khảo sát hằng năm cho thấy: bình quân trong giai đoạn 2019-2023, có trên 80% NH hài lòng về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong khóa học [H8.08.04.12]. Dựa trên khảo sát về vấn đề việc làm của SV tốt nghiệp trong 05 năm của giai đoạn KĐCLGD, tỉ lệ số NH tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp và tỉ lệ NH làm đúng ngành đạt trên 80% (tính trên tổng SV phản hồi khảo sát).

2. Điểm mạnh

Học viện có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được sinh viên hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập. Người học cảm thấy hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện/Khoa.

3. Điểm tồn tại

Khoa Ngoại ngữ chưa triển khai câu lạc bộ học thuật chuyên dành riêng cho sinh viên khoa Ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế cho SV.	Khoa Ngoại ngữ	Hằng năm, khi kết thúc khóa học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		Định kỳ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ.	Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm, từ Quý III, năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Thành lập thêm các câu lạc bộ học thuật chuyên ngành và hội nhóm dành cho sinh viên khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngoại ngữ chủ trì; Đoàn Thanh niên phối hợp	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, năm 2020, Học viện đã ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa Học viện HKVN theo Quyết định số 720/QĐ-HVHK ngày 18 tháng 09 năm 2020, năm 2022, Học viện đã ban hành bộ quy tắc văn hóa ứng xử của Học viện Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 303/QĐ-HVHK ngày 05 tháng 05 năm 2022 thay cho Quy tắc ứng xử văn hóa Học viện đã ban hành năm 2020 [H8.08.05.01]. Quy tắc ứng xử văn hoá Học viện HKVN bao gồm quy tắc ứng xử chung; ứng xử của cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở giáo dục; ứng xử của cán bộ, giảng viên; ứng xử của người học; ứng xử của cha mẹ người học; ứng xử của khách đến Học viện.

Tại Điều 4, Chương I trong Nội quy của Học viện HKVN ban hành theo Quyết định số 289/QĐ-HVHK ngày 12 tháng 05 năm 2014 [H8.08.05.02] quy định những hành vi người học không được thực hiện, trong đó có quy định không được thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật như: gây gổ đánh nhau; sử dụng, mua bán ma túy và các chất kích thích. Tại Điều 8 và Điều 9, Chương III trong Nội quy của Học viện HKVN đã quy định về ý thức, tác phong của người học: đeo thẻ, mặc đồng phục, đến lớp đúng giờ quy định, có ý thức học tập nghiêm túc, vào lớp khi có hiệu lệnh, đi nhẹ, nói khẽ, không ồn ào gây mất trật tự; có thái độ lễ phép tôn trọng cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện; ngôn từ giao tiếp phải lịch thiệp, không nói tục, chửi thề, thái độ hoà nhã, thân thiện với mọi người.

Bảng trích các điều quan trọng trong Nội quy và Quy tắc ứng xử được treo trong khuôn viên Học viện khu vực cổng ra vào để người học dễ nắm bắt. Sinh viên của Học viện được học tập, phổ biến đầy đủ các nội quy, quy chế, quy định của Học viện trong tuần lễ sinh hoạt công dân sinh viên mỗi năm học [H8.08.05.03]. Thông qua đó, sinh viên đều nắm được quy định không được thực hiện trong môi trường học tập như: lôi kéo bè phái, chia rẽ tập thể, gây mất đoàn kết nội bộ; nói xấu người khác, xuyên tạc sự thật, xuyên tạc chế độ, chính sách của Nhà nước và quy định của Học viện; làm bẩn, mất vệ sinh dưới mọi hình thức lên các thiết bị như bàn, ghế, bảng viết, máy chiếu, tường, sàn, cửa, sử dụng điện, nước lãng phí, hết giờ làm việc không tắt đèn; uống rượu, bia trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa; hút thuốc lá trong giờ học, phòng làm việc và khu vực hành lang...

Các quy định của Học viện tạo môi trường tâm lý tốt cho người học, giúp người học thực hiện và tích cực tham gia môi trường học tập. Học viện cũng quy định đối với cán bộ, viên chức và người lao động về trang phục, giờ giấc, tác phong, trách nhiệm làm việc, giao tiếp ứng xử... trong nội quy của Học viện. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các sân chơi cho người học, giúp người học tăng cường kỹ năng, sự

đoàn kết, hợp tác, gắn kết sinh viên các khoá, các ngành với nhau, mang tính tập thể cao, tạo môi trường tốt về tâm lý xã hội cho người học: lễ hội văn hoá đón tân sinh viên hàng năm, chương trình hội thao, hội trại truyền thống, chương trình văn nghệ, các hoạt động tình nguyện, các hoạt động của câu lạc bộ đội nhóm... [H8.08.05.04].

Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh toàn bộ khuôn viên, phòng học, phòng làm việc của Học viện, Học viện ký hợp đồng với công ty vệ sinh chuyên nghiệp là Công ty TNHH Nhon Việt và Công ty TNHH thương mại dịch vụ HTE-GREENY để thuê dịch vụ vệ sinh trọn gói cho toàn bộ khu vực lớp học, ký túc xá, sảnh, hành lang, sân, nhà vệ sinh, các khu vực công cộng trong Học viện, văn phòng làm việc... [H8.08.05.05]. Công tác vệ sinh được theo dõi, đánh giá, giám sát thường xuyên [H8.08.05.06]. Để đảm bảo an ninh, an toàn 24/24 tại 2 cơ sở của Học viện, Học viện ký hợp đồng với công ty bảo vệ Chi Lăng thuê lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp [H8.08.05.07]. Học viện giám sát đội ngũ bảo vệ thông qua hệ thống sổ giao ca, sổ trực [H8.08.05.08]. Học viện có hệ thống camera giám sát an ninh tại các khu vực chính ở 2 cơ sở: lối ra vào, các hành lang, phòng làm việc, sảnh chính... Có hệ thống giám sát camera để theo dõi, dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống và trích lục để giám sát, theo dõi khi có vấn đề cần thiết [H8.08.05.09]. Căn tin Học viện trong thời gian hoạt động luôn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.10]. Căn tin Học viện từ sau dịch Covid-19 tạm ngưng hoạt động nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu ăn uống cho người học. Công tác phòng cháy, chữa cháy luôn được đảm bảo đúng quy định [H8.08.05.11]. Trong 5 năm qua, tính mạng, tài sản của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học được đảm bảo.

Học viện đã thực hiện các khảo sát từ năm 2019 đến năm 2022 lấy ý kiến người học và các bên liên quan (CB, GV, NV) về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong cơ sở giáo dục.

Năm 2023, Học viện đã khảo sát người học sắp tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh về chất lượng đào tạo của khóa học, trong đó có khảo sát về sự hài

lòng của người học đối với điều kiện phòng học, thư viện về đảm bảo chỗ ngồi, ánh sáng, vệ sinh [H8.08.05.12]. Kết quả khảo sát trong bảng 8.5.1 thể hiện sự hài lòng của người học ở mức cao: đạt từ 88,2% đến 100%.

Bảng 8.5.1: Mức độ hài lòng của người học ngành Ngôn ngữ Anh đối với điều kiện phòng học, thư viện về đảm bảo chỗ ngồi, ánh sáng, vệ sinh

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ hài lòng của người học (%)		
	Tháng 2/2022	Tháng 10/2022	Tháng 10/2023
Phòng học đảm bảo chỗ ngồi, ánh sáng, vệ sinh	100	95	91,2
Thư viện đảm bảo chỗ ngồi, ánh sáng, vệ sinh khi sinh viên muốn học tập, nghiên cứu	97,3	95	88,2

Từ năm 2021 đến năm 2023, Học viện đã thực hiện khảo sát sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh về hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện hỗ trợ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H8.08.05.13]. Kết quả khảo sát điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường; đảm bảo về sức khỏe và an toàn trong bảng 8.5.2 cho thấy người học hài lòng ở mức cao, các tiêu chí đều hài lòng với tỉ lệ từ 91,2% trở lên và có xu hướng tăng qua các năm từ năm 2021 đến năm 2023. Trong đó, tiêu chí về thực hiện đúng quy định về bảo hiểm y tế và các chế độ chính sách về đảm bảo sức khỏe cho người học tăng từ 92% lên 100%; tiêu chí về các điều kiện đảm bảo an toàn cho người học (lực lượng bảo vệ, hệ thống và các quy định phòng cháy chữa cháy) tăng từ 94,7% lên 100%; tiêu chí về điều kiện vệ sinh môi trường được đảm bảo tăng từ 93,1% lên 95,2%; tiêu chí về môi trường tâm lý, xã hội đem lại cảm giác thoải mái cho các hoạt động tại Học viện tăng từ 91,7% lên 100%; tiêu chí về môi trường tự nhiên, không gian, cảnh quan tại Học viện tạo

cảm giác thoải mái cho các hoạt động học tập và nghiên cứu tại Học viện tăng từ 91,2% lên 95,2%.

Bảng 8.5.2: Mức độ hài lòng của người học ngành Ngôn ngữ Anh đối với điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường; đảm bảo về sức khỏe và an toàn

T T	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ hài lòng của người học (%)				
		2019	2020	2021	2022	2023
1.	Học viện thực hiện đúng quy định về bảo hiểm y tế và các chế độ chính sách về đảm bảo sức khỏe cho người học	0	0	92,6	94,5	100
2.	Có các điều kiện đảm bảo an toàn cho người học (lực lượng bảo vệ, hệ thống và các quy định phòng cháy chữa cháy...)	0	0	92,1	91,2	100
3.	Điều kiện vệ sinh môi trường được đảm bảo	0	0	93,1	93,2	95,2
4.	Môi trường tâm lý, xã hội đem lại cảm giác thoải mái cho các hoạt động tại Học viện	0	0	91,7	92,7	100
5.	Môi trường tự nhiên, không gian, cảnh quan tại Học viện tạo cảm giác thoải mái cho các hoạt động học tập và nghiên cứu tại Học viện.	0	0	91,2	94,0	95,2

Từ năm 2019 đến 2023, Học viện cũng khảo sát giảng viên nói chung và riêng giảng viên ngành Ngôn ngữ Anh cũng như chuyên viên, nhân viên về môi trường làm việc [H8.08.05.14]. Kết quả khảo sát về điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe và an toàn trong bảng 8.5.3 cho thấy giảng viên, chuyên viên và nhân viên đều hài lòng với tỉ lệ từ 71% đến 100% đối với 5 tiêu chí được khảo sát. Đối với tiêu chí về khu vực nhà ăn đảm

bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm thì tỉ lệ hài lòng của cán bộ, giảng viên, người học còn chưa cao.

Bảng 8.5.3. Mức độ hài lòng của chuyên viên, nhân viên và giảng viên ngành Ngôn ngữ Anh về môi trường làm việc

T T	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ hài lòng của chuyên, nhân viên (%)					Tỷ lệ hài lòng của GV ngành KTHK (%)				
		201 9	202 0	202 1	202 2	202 3	201 9	202 0	202 1	202 2	202 3
1.	Người lao động được định kỳ kiểm tra sức khỏe	92,6	94,1	91,3	91,3	88,9	87,5	100	100	100	88,9
2.	Có các điều kiện đảm bảo an toàn cho người lao động và người học (lực lượng bảo vệ, hệ thống và các quy định phòng cháy chữa cháy...)	93,1	97,1	91,3	91,3	88,9	87,5	100	87,5	100	88,9
3.	Khu vực nhà ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm	67,9	85,3	88,9	52,2	88,9	87,5	100	87,5	66,7	88,9
4.	Điều kiện vệ sinh môi trường được đảm bảo	71,4	88,2	91,1	91,3	88,9	75,0	100	87,5	100	88,9

T T	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ hài lòng của chuyên, nhân viên (%)					Tỷ lệ hài lòng của GV ngành KTHK (%)				
		201 9	202 0	202 1	202 2	202 3	201 9	202 0	202 1	202 2	202 3
5.	Môi trường tâm lý, xã hội đem lại cảm giác thoải mái cho các hoạt động tại Học viện	85,2	94,1	88,9	85,7	88,9	87,5	75,0	87,5	100	88,9
6.	Môi trường tự nhiên, không gian, cảnh quan tại Học viện tạo cảm giác thoải mái cho các hoạt động tại Học viện.	85,7	94,1	87,0	91,3	88,9	75,0	75,0	87,5	100	88,9

2. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên, chuyên viên, nhân viên và người học đối với môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập ở mức cao.

Học viện có đội ngũ bảo vệ và vệ sinh chuyên nghiệp, được thuê của các công ty chuyên nghiệp, đảm bảo tốt vệ sinh, an toàn, cảnh quan sư phạm sạch sẽ thuận lợi cho tất cả người lao động và người học trong Học viện.

3. Điểm tồn tại

Căn tin Học viện từ sau dịch Covid-19 tạm ngưng hoạt động nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu ăn uống cho người học.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại Học viện HKVN trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên liên quan và phù hợp với quy định của các cấp có thẩm quyền.	Các đơn vị trong Học viện	Hằng năm, từ năm 2024	
		Duy trì đội ngũ bảo vệ và vệ sinh chuyên nghiệp, được thuê của các công ty chuyên nghiệp, đảm bảo tốt vệ sinh, an toàn, cảnh quan sư phạm sạch sẽ thuận lợi cho tất cả người lao động và người học trong Học viện.	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các đơn vị	Hằng năm, từ năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Có phương án sửa chữa, xây dựng nhà ăn/ căn tin để đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giảng viên và người học	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các đơn vị	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Học viện HKVN có chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Học viện đã sử dụng thêm phương thức tuyển sinh theo điểm thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Học viện có phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập của sinh viên. Tỷ lệ sinh viên sắp tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cao. Học viện có đội ngũ bảo vệ và vệ sinh được thuê của các công ty chuyên nghiệp, đảm bảo tốt vệ sinh, an toàn, an ninh cảnh quan sư phạm trong Học viện.

Trong quá trình xây dựng chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, Học viện chưa tổ chức lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp. Vẫn còn một số sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh bị cảnh báo học vụ; một tỷ lệ nhỏ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có điểm rèn luyện ở mức trung bình và yếu. Học viện chưa xây dựng được nhiều phong trào để tuyên truyền, giáo dục và kêu gọi nhân viên, giảng viên và sinh viên áp dụng hiệu quả các nội dung trong bản Quy tắc ứng xử văn hóa.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt (2 tiêu chí 6/7 điểm, 3 tiêu chí 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc xây dựng phòng học, thư viện cùng các trang thiết bị khác theo hướng hiện đại, tiện nghi và bắt mắt giúp phục vụ cho nhu cầu học tập và nhu cầu nghiên cứu giảng dạy của giảng viên, Học viện Hàng không Việt Nam luôn quan tâm và đầu tư các nguồn lực từ tài lực, vật lực cho đến nhân lực cho các phòng học, thư viện và trang thiết bị để giúp việc học tập của sinh viên và giảng dạy của giảng viên đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Dưới đây là những mô tả, đánh giá những điểm mạnh, những tồn tại và đưa ra kế hoạch hành động nhằm phát huy hơn nữa những thế mạnh, khắc phục những tồn tại nhằm làm cho các phòng học, thư

viện và các trang thiết bị phục vụ tốt hơn nữa việc dạy và học của giảng viên và sinh viên. Sự phát triển nhanh chóng về CSVN của Học viện trong giai đoạn (2019 – 2024) đã khẳng định được vị thế của Học viện Hàng không Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và sự hài lòng của người học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện HKVN có 03 cơ sở với tổng diện tích là 79.260,4 m² và tổng diện tích sàn xây dựng là 15.322 m² trong đó có 01 trụ sở chính (địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh) với diện tích là 5.502,3m², cơ sở 2 (địa chỉ: 18A/1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh) có diện tích 13.713,1m² và cơ sở 3 (địa chỉ: 243 Nguyễn Tất Thành, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa) với diện tích là 60.045 m² [H9.09.01.01]; toàn Học viện HKVN hiện có 75 phòng làm việc với tổng diện tích sử dụng là 3.110m² [H9.09.01.02]; cụ thể như sau: 01 phòng chủ tịch Hội đồng Học viện HKVN với diện tích sử dụng 49 m²; 01 phòng Giám đốc Học viện HKVN với diện tích sử dụng 40m², 02 phòng Phó Giám đốc; các phòng chức năng như: phòng Đào tạo; phòng Kế hoạch tài chính; phòng Tổ chức Hành chính; phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế. Đối với khoa Ngoại ngữ có tổng số phòng là 01 phòng với tổng diện tích sử dụng là 32m² dùng cho Trưởng khoa và làm văn phòng, phòng làm việc cho Khoa NN [H9.09.01.02].

Ngoài các phòng làm việc Học viện HKVN có 90 phòng học dùng chung cho tất cả các Khoa trong Học viện HKVN với tổng diện tích sử dụng là 6.136m², cụ thể có 13 phòng sức chứa từ 80 tới 100 chỗ ngồi với diện tích sử dụng từ 88 m² đến 574 m², 44 phòng với sức chứa dưới 80 chỗ ngồi với diện tích sử dụng từ 20m² đến 83 m² [H9.09.01.02], phòng thực hành tin học dùng

chung D01, D02, D11 để cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có thể thực hành, tra cứu, NCKH... với tổng diện tích sử dụng là 99m² [H9.09.01.02]. Với tổng quy mô và diện tích các phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng như trên cùng với quy mô sinh viên của ngành Ngôn ngữ Anh thì việc bố trí các phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được bố trí rộng rãi với tỷ lệ diện tích trên người học là 7.7 m²/người [H9.09.01.03].

Hiện nay, tất cả các phòng làm việc, các phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống đèn led chiếu sáng, có hệ thống thông gió, điều hòa, bộ bàn ghế làm việc văn phòng, các tủ đựng hồ sơ, hệ thống máy tính, máy chiếu, máy in và máy scan đầy đủ phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cho Giảng viên, cán bộ, người lao động và người học tại HVHKVN. Các phòng học được trang bị hệ thống đèn led chiếu sáng, hệ thống điều hòa thông gió, bảng từ, hệ thống âm ly micro, bộ bàn ghế học tập, nghiên cứu, bộ máy chiếu projector phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho Giảng viên, cán bộ, người lao động và người học tại Học viện HKVN. Phòng làm việc Khoa NN được trang bị hệ thống đèn led chiếu sáng, máy tính để bàn, máy in, bàn ghế làm việc văn phòng, hệ thống mạng Internet đảm bảo phục vụ làm việc, nghiên cứu [H9.09.01.04]. Việc sử dụng các trang thiết bị tại các phòng học và các phòng chức năng đều được đảm bảo tuân thủ nguyên tắc an toàn, hiệu quả, tiết kiệm. Năm 2016, Học viện HKVN có ban hành quy định về mua sắm, sử dụng, quản lý và bảo trì tài sản thiết bị theo Quyết số 1134/QĐ-HVHK ngày 01/11/2016 [H09.01.05]. Trong giai đoạn KĐCL Học viện HKVN đã thực hiện đầu tư cải tạo sửa chữa các phòng học, phòng làm việc với tổng mức đầu tư 29,1 tỷ đồng, cùng với đầu tư mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ cho đào tạo với tổng mức đầu tư là 38 tỷ đồng [H09.01.06].

Năm	Tổng mức đầu tư cải tạo sửa chữa	Tổng mức đầu tư mua sắm
2019	5.707.063.221	4.763.211.300
2020	594.300.000	11.160.681.139

2021	11.047.401.439	7.768.028.578
2022	4.617.018.757	3.592.970.200
2023	7.169.555.639	10.785.030.952
TỔNG	29.135.339.056	38.069.922.169

Tuy nhiên, do nhu cầu phát triển, mở rộng đào tạo hiện nay của Học viện HKVN, số lượng phòng để đáp ứng theo nhu cầu ngày 1 thu hẹp.

2. Điểm mạnh

Phòng làm việc được cải tạo, quỹ phòng học của Học viện HKVN thoải mái để bố trí cho các lớp học với các quy mô lớp nhỏ theo nhu cầu của Khoa NN được trang bị đầy đủ, và phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Do nhu cầu phát triển, mở rộng đào tạo hiện nay của Học viện HKVN, số lượng phòng để đáp ứng theo nhu cầu ngày 1 thu hẹp.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, sửa chữa, đầu tư mới hệ thống trang thiết bị, vật tư tại các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho việc học tập và NCKH cho giảng viên, cán bộ, người lao động và người học	Phòng Quản lý & Phát triển CSVC	Hàng năm từ năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Làm việc với đơn vị chức năng để tiến hành các thủ tục xin đất, xây mới để bổ sung thêm quy mô các phòng học, phòng làm việc theo nhu cầu đào tạo mở	Phòng Quản lý & Phát triển CSVC chủ trì phối hợp với	Hàng năm từ năm học 2024-2025	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		rộng.	Phòng KH-TC		

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của HVHKVN hiện đang trực thuộc Phòng KHCN-HTQT, được phân công quản trị nguồn lực học tập như thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên, người học, học viên [H9.09.02.01]

Thư viện được xây dựng tại cơ sở 2 HVHKVN (18A Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM), do đây là nơi tập trung học tập, giảng dạy chính của Học viện. Thư viện gồm 03 phòng: phòng đọc 1 với gần 100 chỗ ngồi phục vụ người học; kho sách và phòng nghiệp vụ, trong phòng đọc có khu vực máy tính bàn được bố trí riêng, toàn bộ khu vực Thư viện đã được phủ sóng wifi cho người học sử dụng [H9.09.02.02]

Thư viện hiện có 3 nhân sự có chuyên môn Thư viện (01 trình độ thạc sĩ, 01 trình độ cử nhân, 01 cao đẳng. Thư viện hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của trưởng Phòng KHCN-HTQT [H9.09.02.03].

Học viện ban hành Nội quy sử dụng Thư viện (QĐ số 149/QĐ-HVHK ngày 28 tháng 2 năm 2017 và QĐ số 14/QĐ-HVHK ngày 08 tháng 01 năm 2024), thời gian phục vụ từ 7g-19g từ thứ 2 đến thứ 6, đối tượng phục vụ (người học, học viên, CB-GV của Học viện), quy định mượn tài liệu, quy định xử phạt khi vi phạm...; Thư viện cũng đã xây dựng và đưa hướng dẫn tra cứu tài liệu

lên cổng Opac của Thư viện để hỗ trợ cho người học trong quá trình tìm kiếm tài liệu [H9.09.02.04]. Thư viện được trang bị máy tính, máy in, hệ thống bàn, ghế, quạt trần, giá sách, tủ lưu trữ, ánh sáng, mạng wifi... Thư viện cũng được cung cấp 14 máy tính trong đó 10 máy tính phục vụ người học, 03 máy in, 01 máy scan, 01 máy đọc mã vạch,... cùng các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động Thư viện [H9.09.02.03]. Thư viện đưa phần mềm quản lý chuyên dụng Emiclib vào sử dụng từ cuối năm 2015 và được nâng cấp năm 2024 với nhiều chức năng: xử lý nghiệp vụ, mượn trả, thống kê tài liệu... [H9.09.02.05].

Thư viện có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, cụ thể: Thư viện hiện có 10.871 bản sách với 5.910 nhan đề tài liệu, trong đó 3.349 nhan đề tài liệu bằng tiếng Việt chiếm hơn 56,67%; tài liệu bằng tiếng Anh 2.138 nhan đề chiếm 43,33%; có 917 giáo trình, 788 đầu sách tham khảo, có 353 khóa luận/đồ án, luận văn; có 21 giáo trình do nhà trường biên soạn xuất bản; có 30 tập bài giảng, 56 đề tài NCKH cấp trường; có hơn 20 cơ sở dữ liệu trực tuyến được Thư viện mua quyền sử dụng [H9.09.02.03]. Trong đó sách chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có 396 nhan đề chiếm gần 6.7%. Theo đề cương chi tiết của CTĐT chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2023 cần 42 tài liệu bắt buộc, 36 tài liệu tham khảo. Với số lượng tài liệu như vậy, Thư viện đã đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu cho CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh [H9.09.02.06].

Nguồn tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) của Thư viện luôn được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Từ năm 2020-2024 Thư viện đã mua bổ sung thêm 622 nhan đề tài liệu với 1523 bản sách phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu; kinh phí gần 982 triệu đồng. Trong đó tài liệu ngành Ngôn ngữ Anh đã bổ sung thêm 45 nhan đề với 54 bản; kinh phí gần 72 triệu đồng [H9.09.02.07].

Năm 2019 đến nay mua cơ sở dữ liệu Thư viện Pháp Luật phục vụ các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu chung của Học viện [H9.09.02.09]. Từ năm

2022 để tăng cường nguồn CSDL trực tuyến Học viện đã đầu tư mua tài khoản sử dụng của Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với 18 CSDL trực tuyến nước ngoài và 07 CSDL trực tuyến trong nước đảm bảo nhu cầu học tập, giảng dạy nghiên cứu của người học và giảng viên [H9.09.02.10]. Trong giai đoạn 5 năm từ năm 2020 đến năm 2024, Học viện đã đầu tư gần 450 triệu đồng cho CSDL trực tuyến.

Thư viện đã tiến hành kiểm kê nguồn học liệu định kỳ trong khoảng thời gian hè sau đó tổng hợp nộp báo cáo lên trưởng Phòng KHCN-HTQT [H9.09.02.11]. Cuối năm Thư viện tiến hành thống kê số lượng người học sử dụng qua đó đánh giá được tình hình người học sử dụng Thư viện [H9.09.02.03].

Trong các năm học, Phòng KT-ĐBCL tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động giảng dạy và công tác hỗ trợ giảng dạy, trong đó có khảo sát về CSVC, nguồn tài liệu, sự hỗ trợ của nhân viên Thư viện và nhận được đánh giá cao, cụ thể từ năm 2021-2024 tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý: Giảng viên 94,38% (2023-2024), 94,62% (2022-2023), 75% (2021-2022). Sinh viên 91,12% (2023-2024), 88,16% (2022-2023), 87,42% (2021-2022) [H9.09.02.12]

Hồ sơ thanh toán bổ sung tài liệu, CSDL hàng năm đều được Thư viện lưu trữ dưới dạng file và bản giấy thông qua đó có thể theo dõi, đánh giá về công tác bổ sung tài liệu [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09], [H9.09.02.10]... Thư viện hiện có hai hình thức quản lý, lưu trữ dữ liệu người học: phần mềm quản lý Emiclib (quản lý số lượng mượn/trả tài liệu) và sổ thống kê lượt người học vào Thư viện. Giai đoạn 2020-2023, có 35.560 lượt người học sử dụng tài liệu tại Thư viện: năm 2020: 6.813 lượt, năm 2021 có 4.294 lượt; năm 2022 có 6.998 lượt, năm 2023 là 11.186 lượt. Số người học mượn tài liệu của Thư viện năm 2020 là 905, năm 2021 là 465, năm 2022 là 1.344 lượt, năm 2023 là 2.343 lượt [H9.09.02.03].

Như vậy Thư viện đã được học viện quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn tài liệu phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

của ngành Ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên Thư viện còn hạn chế về cơ sở hạ tầng chưa tạo được môi trường thực sự tiện ích, hiện đại, thoải mái cho người học khi đến Thư viện.

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị , nguồn tài liệu đầy đủ, được cập nhật hằng năm phù hợp nhằm đạt đến mục tiêu hỗ trợ tốt nhất cho người học, đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Ngôn ngữ Anh.

3. Điểm tồn tại

Thư viện còn hạn chế về cơ sở hạ tầng chưa tạo được môi trường thực sự tiện ích, hiện đại, thoải mái cho người học khi đến Thư viện.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển và cập nhật hệ thống tài nguyên của Thư viện bằng việc kết nối với các Thư viện khác và tăng cường CSV, trang thiết bị cho Thư viện	Thư viện	Năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại	Lên kế hoạch cải tạo Thư viện theo hướng hiện đại, thân thiện với người học tạo và nghiên cứu	Phòng QL&PTCSV C chủ trì phối hợp với bộ phận Thư viện	Năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện HKVN có hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành tại các cơ sở đào tạo đáp ứng đủ theo các yêu cầu CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. Tổng số phòng thực hành là 20 phòng dùng chung cho toàn Học viện HKVN với tổng diện tích sử dụng 2.929 m², để cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có thể thực hành, nghiên cứu... với tổng diện tích sử dụng là 1.727m² [H9.09.01.02]. Các phòng thí nghiệm, thực hành có trang thiết bị đầy đủ trang thiết bị phòng học tiêu chuẩn chất lượng như: Máy tính, máy chiếu, hệ thống điều hòa, hệ thống mạng Internet phục vụ cho các phòng thí nghiệm, thực hành tại 3 cơ sở tạo điều kiện cho công tác dạy, học và NCKH của GV, cán bộ, người lao động và người học tại Học viện HKVN nói chung và ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng [H9.09.01.04]. Hằng năm, Học viện HKVN đều có tiến hành kiểm kê toàn bộ hệ thống trang thiết bị để thống kê về hiện trạng sử dụng [H9.09.03.01].

Trong giai đoạn KĐCL trường đã thực hiện đầu tư cải tạo sửa chữa các phòng học, phòng làm việc với tổng mức đầu tư 29,1 tỷ đồng, cùng với đầu tư mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ cho đào tạo với tổng mức đầu tư là 38 tỷ đồng [H9.09.01.06].

Năm	Tổng mức đầu tư cải tạo sửa chữa	Tổng mức đầu tư mua sắm
2019	5.707.063.221	4.763.211.300
2020	594.300.000	11.160.681.139
2021	11.047.401.439	7.768.028.578
2022	4.617.018.757	3.592.970.200
2023	7.169.555.639	10.785.030.952
TỔNG	29.135.339.056	38.069.922.169

Tất cả các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành đều có Hồ sơ kỹ thuật trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành nhằm theo dõi, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị [H9.09.03.02]. Dữ liệu sơ đồ bố trí của các phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm đều được đưa vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để phục vụ cho công tác quản lý, xây dựng thời khóa biểu, và hoạt động NCKH của Học viện HKVN. Hàng năm, Học viện HKVN đều có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm mới và tăng cường máy móc, thiết bị được trang bị tại các phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.03].

Các phòng thực hành, thí nghiệm có cán bộ chuyên môn phụ trách, nhân viên quản trị thiết bị thuộc Phòng Quản lý & Phát triển CSVC trực suốt trong các buổi học để quản lý tình hình sử dụng thiết bị và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Có cán bộ phụ trách trang thiết bị được đào tạo phù hợp với hệ thống trang thiết bị như chuyên viên IT có chuyên ngành công nghệ thông tin được đào tạo phù hợp làm cán bộ phụ trách thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành. Số điện thoại đường dây nóng công khai để giải quyết kịp thời sự cố của trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.04]. Các phòng thực hành thực tập có Nội quy các phòng thực hành – thực tập [H9.09.03.05]. Các trang thiết bị được cấp phát tại phòng thực hành, thí nghiệm được kiểm kê định kỳ và theo dõi để người phụ trách theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.02]. Tình hình sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập được báo cáo mỗi năm về thời gian, tần suất sử dụng. Để đánh giá hiệu quả sử dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hằng năm Học viện HKVN khảo sát và có Báo cáo kết quả khảo sát/đánh giá, phản hồi về chất lượng phục vụ của phòng thực hành, thí nghiệm. Có trên 77% người được khảo sát (giảng viên khoa, giảng viên khoa cơ bản, chuyên viên, nhân viên, và người học của ngành Kỹ thuật Hàng không/ NNA) cho rằng phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu [H9.09.03.06]. Mặc dù hệ thống trang thiết bị, phòng học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ để phục vụ nhu cầu NCKH, đào tạo của người học nói chung và CBGV nói

riêng, tuy nhiên các phần mềm chuyên dụng và kho dữ liệu chung chưa được phong phú, đa dạng để đáp ứng nhu cầu ngày một phát triển và mở rộng của Học viện.

2. Điểm mạnh

Các phòng làm việc và phòng học được trang bị các thiết bị, công cụ phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng và kho dữ liệu chung dùng cho nghiên cứu khoa học, tra cứu chưa được phong phú, đa dạng để đáp ứng nhu cầu ngày một phát triển và mở rộng của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, sửa chữa, đầu tư mới hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho việc học tập và NCKH cho người học	Phòng Quản lý & Phát triển CSVC	Hằng năm, từ năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường, bổ sung thêm bộ dữ liệu vào kho dữ liệu chung để phục vụ giảng viên và người học trong công tác đào tạo và NCKH.	Phòng Quản lý & Phát triển CSVC chủ trì phối hợp với Phòng KH-TC, khoa chuyên môn	Hằng năm, từ năm học 2024-202 5	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện HKVN đã có bộ phận phụ trách CNTT thuộc phòng TCHC; bao gồm 01 nhân sự cơ hữu, 01 nhân sự kiêm nhiệm, có nhiệm vụ tham mưu giúp việc trong việc quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng quản lý, sửa chữa và bảo trì các thiết bị CNTT, các thiết bị thuộc hệ thống mạng thông tin của [H9.09.04.01]. Ngoài ra Học viện còn thành lập tổ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ triển khai đào tạo trực tuyến E-learning (có Cloud Server phục vụ Elearning. Nền tảng công nghệ Quickom, Hệ thống quản lý đào tạo LMS – LMS của VAA dùng Moodle platform) [H9.09.04.02].

Học viện có 305 máy tính (196 máy phục vụ cho đào tạo, 109 máy dùng cho các phòng/ban làm việc). 100% số phòng làm việc được trang bị hệ thống mạng Internet, mạng LAN và Wifi, điện thoại bàn. Hệ thống máy chủ gồm 4 server, 1 UPS, 4 Draytek Vigor, 2 ổ cứng NAS lưu dữ liệu được để trong phòng riêng có máy điều hòa đảm bảo duy trì nhiệt độ phù hợp, có bộ lưu trữ điện dự phòng (USP), [H09.09.04.03].

Phòng Internet tại thư viện có 30 máy tính giúp học viên tra cứu tài liệu. Tại Học viện, các phòng họp, phòng học được lắp máy chiếu cố định, 76 phòng học lắp hệ thống âm thanh, 1 máy chiếu di động sử dụng trong các trường hợp cơ động [H9.09.04.04]. Hiện Học viện đang sử dụng một số phần mềm quản lý như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý thư viện, hệ thống quản trị Base.vn [H9.09.04.05]. Trường có 2 hệ thống camera giám sát với 14 camera theo dõi giám sát các khu vực trọng yếu của Học viện [H09.09.04.06].

Học viện đã đầu tư bổ sung 1 đường truyền Internet Megawan kết nối với BGTVT [H9.09.04.07], nâng cấp 3 đường truyền từ tốc độ 100 MGB lên tốc độ 500 MGB, lắp mới hệ thống wifi cho khu giảng đường G, hội trường đầu tư 90 bộ phát Wifi phủ sóng phần lớn các khu vực trong Học viện [H09.09.04.08], đầu tư mới hệ thống quản trị Base.vn [H9.09.04.09]. Phần mềm quản lý đào tạo thiết lập quyền truy cập khai thác phần mềm cho CBGVNV, thiết lập mã truy cập xem điểm và đăng ký học phần cho học viên [H9.09.04.10]. Học viện mở thêm cổng thông tin điện tử để CBGVNV có thể dễ dàng công khai các thông tin, thông báo và thực hiện các hoạt động đào tạo trực tuyến (trên Website, trên phần mềm quản lý hành chính điện tử, trên trang Fanpage HVHKVN...). Tất cả CBGVNV được cấp tài khoản email, học viên được cấp tài khoản truy cập để xem điểm, rèn luyện, thời khóa biểu,... Tất cả các phần mềm từ quản trị mạng đến đào tạo, tài chính... được phân quyền truy cập.

Văn phòng Khoa NN có 02 máy tính, 01 máy in. 01 máy scan. Khoa NN có 02 phòng máy tính: Phòng máy D01, Phòng máy D02, phòng (Các phần mềm thực hành: Chuyên ngành NNA).

Định kỳ hằng năm bộ phận CNTT đề có kế hoạch và thực hiện bảo trì các máy tính, thiết bị thông tin [H9.09.04.11].

Việc đầu tư các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được Học viện rà soát đánh giá chặt chẽ. Các hợp đồng mua sắm tuân thủ quy trình mua sắm tài sản của Học viện [H9.09.04.12]. Quy chế CNTT HVHKVN hiện hành quy định rõ yêu cầu về công tác đảm bảo an toàn thông tin, các biện pháp quản lý vận hành, các biện pháp quản lý kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin trong Học viện [H9.09.04.13]. Bộ phận CNTT tham mưu xây dựng quy trình bảo trì hệ thống mạng, máy tính, thiết bị CNTT [H9.09.04.14], kế hoạch rà soát đánh giá hạ tầng CNTT Học viện [H9.09.04.15] và thực hiện rà soát đánh giá hạ tầng CNTT hằng năm. Bộ phận CNTT mở sổ theo dõi thiết bị CNTT, hệ thống hạ tầng mạng; xây dựng hướng dẫn sử dụng máy chiếu tại từng phòng học; xây dựng

nội quy phòng thực hành, sổ nhật ký sử dụng các phòng thực hành tin học [H9.09.04.16].

Hàng năm, bộ phận CNTT phối hợp cùng các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê [H9.09.04.17], lập sổ tài sản trong đó có thiết bị CNTT và hạ tầng mạng [H9.09.04.18], lập các bảng biểu thống kê theo dõi các thiết bị CNTT, thiết bị mạng [H9.09.04.19].

Giai đoạn 2018 – 2022, Học viện đã đầu tư, nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD tại Học viện, tiêu biểu như:

- Nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT tại cơ sở 1 và cơ sở 2 [H9.09.04.04]
- Nâng cấp, thay thế bổ sung hệ thống wifi, máy chiếu tại các phòng học [H9.09.04.08]

Tính tới thời điểm hiện tại, HVHKVN đã có đầy đủ trang thiết bị, hệ thống hạ tầng CNTT nhằm đảm bảo đáp ứng hoạt động giảng dạy, đào tạo, NCKH và PVCD.

Hệ thống công nghệ thông tin được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật kịp thời thông qua sổ theo dõi [H9.09.04.20] để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho ngành NNA. Đối với các thiết bị mới, được bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất và được quy định trong các hợp đồng [H9.09.04.21]:

Bảng 9.3.1: Đầu tư CNTT trong giai đoạn từ năm 2019 – 2024

Năm	Hiện trạng	Nội dung cải tiến	Kết quả được cải tiến	Ghi chú
2020	Thiết bị Lưu điện và Thiết bị lưu trữ phòng máy chủ A207 cần được nâng cấp	Mua sắm hệ thống hạ tầng Ngoại ngữ	Đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của GV và SV	Hợp đồng số 1510: /HĐ-HVHKVN -INSERTCOM Gói thầu: Mua sắm hệ thống hạ tầng Ngoại ngữ. Dự án: Mua sắm hệ thống hạ tầng Ngoại ngữ. Ngày 15/10/2020

Năm	Hiện trạng	Nội dung cải tiến	Kết quả được cải tiến	Ghi chú
2020	Thi công hệ thống dây cable mạng mới tại Phòng/Khoa/TT Trang bị hệ thống máy tính mới	Nâng cấp hệ thống mạng Thiết bị máy tính	Đáp ứng nhu cầu đào tạo – giảng dạy của GV và SV	Hợp đồng số 2111: /HĐ-HVHKVN -INSERCOM : Ngày 15/10/2020
2021	Thi công Lắp đặt thiết bị mạng và bộ phát sóng wifi tại CS2	Lắp đặt thiết bị mạng và bộ phát sóng wifi tại CS2	Đáp ứng nhu cầu đào tạo – giảng dạy của GV và SV	HỢP ĐỒNG KINH TẾ Số: 111021/HĐ-HVHKVN -INSERCOM Gói thầu: Cung cấp hệ thống hạ tầng Ngoại ngữ tại cơ sở 2 Dự án: Nâng cấp hệ thống hạ tầng Ngoại ngữ tại cơ sở 2. Ngày 11/10/2021
2022	Mua thiết bị làm việc cho Khoa NN	Mua thiết bị làm việc cho Khoa NN	Đáp ứng nhu cầu đào tạo-giảng dạy của GV và SV	Số 21-2022/HĐKT/HVHK-PHUC VY V/v: Bổ sung trang thiết bị làm việc cho Khoa NN. Ngày 14/11/2022
2022	Phần mềm NNA Base	Phần mềm NNA Base	Đáp ứng nhu cầu đào tạo-giảng dạy của GV và SV	HĐ cung cấp phần mềm NNA Base số 250522-01/1039/HĐ-BASE. Ngày 26/05/2022

Trong chu kiểm định chất lượng, Học viện đã đầu tư nhiều để nâng cấp hệ thống CNTT. Tuy nhiên, do kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin

còn hạn chế nên chưa mua sắm đồng thời được nhiều thiết bị tin học mới và các trang thiết bị, phần mềm hiện đại trên thị trường.

Hàng năm Phòng KT&ĐBCL tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CBGVN và người học về hệ thống CNTT hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy có đánh giá tích cực đối với hệ thống trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng của Học viện [H9.09.04.22]: Tỷ lệ hài lòng của người học về điều kiện hệ thống CNTT ở mức cao; tỷ lệ hài lòng của GV cơ bản cải thiện dần từ năm học 2019-2020 đến 2022-2023 (từ 69,64% năm 2019-2020 lên đến 85,71% vào năm học 2022-2023). Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 9.4.2 dưới đây.

Bảng 9.4.2. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên, chuyên viên/ nhân viên và sinh viên về hệ thống Ngoại ngữ

Đối tượng khảo sát	2021-2022 (%)	2022-2023 (%)	2023-2024 (%)
Giảng viên, Chuyên viên, Nhân viên	89,13%	91,31%	100,00%
Sinh viên	89,82%	91,45%	90,12%

Từ kết quả rà soát đánh giá, Học viện HKVN thực hiện đầu tư các thiết bị NNA và cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng một cách hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT với đầy đủ hạ tầng cơ sở, trang thiết bị phù hợp tiến tiến luôn được duy tu, bảo trì, cập nhật và các phần mềm an toàn, bảo mật đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hoạt động an toàn, ổn định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành CNTT.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế nên chưa mua sắm đồng thời nhiều thiết bị tin học mới, các trang thiết bị, phần mềm hiện đại trên thị trường.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện việc nâng cấp hệ thống Ngoại ngữ Học viện HKVN phục vụ cho công tác học tập và giảng dạy	Phòng QL&PTCSVC	Hàng năm, từ năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Hoạch định lại hệ thống Ngoại ngữ để lập kế hoạch tập trung đầu tư nâng cấp theo từng giai đoạn	Phòng QL&PTCSVC chủ trì phối hợp với Phòng KHTC	Năm học 2024-202 5	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã xây dựng hệ thống quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn dựa trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước, bao gồm Luật an toàn vệ sinh lao động, Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục (Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo), Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007), Hướng dẫn khám sức khỏe (Thông tư số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế), Luật phòng cháy chữa cháy, Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ), Luật

người khuyết tật và các thông tư hướng dẫn thi hành. Cụ thể, Học viện đã ban hành Nội quy quy định chung vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn tại Quyết định số 289/QĐ-HVHK ngày 12/05/2014; Bộ quy tắc văn hóa ứng xử của Học viện HKVN tại Quyết định số 303/QĐ-HVHK ngày 05/5/2022; Nội quy phòng học tại Quyết định số 335/QĐ-HVHK ngày 28/3/2024; Nội quy ký túc xá; Nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập; Nội quy phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo một môi trường học tập và làm việc an toàn, lành mạnh cho toàn thể cán bộ, sinh viên, không phân biệt đối xử người khuyết tật [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Để đảm bảo toàn thể người lao động, người học, người khuyết tật đều nắm rõ các quy định nêu trên, Học viện đã triển khai nhiều kênh thông tin khác nhau, từ treo bảng thông báo tại các khu vực công cộng, đăng tải trên các nền tảng quản lý hành chính điện tử (trang sv.vaa.edu.vn; egov.vaa.edu.vn; base.vn) [H9.09.05.04]. Đồng thời, Học viện cũng tổ chức các buổi tuyên truyền tại tuần lễ sinh hoạt đầu khóa để sinh viên mới được làm quen với quy định [H9.09.05.05].

Về môi trường trong giai đoạn năm 2020-2024, Học viện đã triển khai cải tạo không gian, tăng cường trồng cây xanh, nâng cấp cơ sở vật chất, chú trọng đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật [H9.09.05.06]. Sân trường cơ sở 1 được nâng cấp với kinh phí đầu tư là 4 tỷ đồng vừa có khu vực tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe vừa cải thiện lối đi bằng phẳng cho phép người khuyết tật có thể tiếp cận được mà không gặp trở ngại [H9.09.05.07]. Khuôn viên trường tại cơ sở 2 có lối vào bằng phẳng, bậc lên xuống cầu thang có độ cao phù hợp, có thang máy cho người khuyết tật ra vào và tự di chuyển đến những vị trí cần thiết trong công trình [H9.09.05.08]. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như chưa có nhiều phương tiện hỗ trợ người khuyết tật như xe lăn miễn phí, vạch kẻ lối đi bộ dành riêng cho người khuyết tật.

Trong thời gian tới, Học viện sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ người

khuyết tật. Song song đó, Học viện cũng thực hiện nghiêm túc công tác phân loại rác, trang bị thùng rác đầy đủ và hợp tác với đơn vị dịch vụ vệ sinh để đảm bảo môi trường luôn sạch đẹp [H9.09.05.09]. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty vệ sinh uy tín có đầy đủ dụng cụ, hóa chất chuyên dụng làm vệ sinh để đảm bảo môi trường sạch, đẹp [H9.09.05.10]. Dựa trên báo cáo giao ban có nội dung môi trường, học viện đã thay đổi công ty dịch vụ vệ sinh để phù hợp với tình hình thực tế [H9.09.05.11].

Về sức khỏe trong giai đoạn năm 2020-2024, Học viện đầu tư 96.500.000 đồng mua thiết bị thể dục thể thao, đầu tư mua thuốc sát trùng, diệt khuẩn và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tân sinh viên [H9.09.05.12], [H9.09.05.13]. Bộ phận y tế học đường thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu và ghi chép vào sổ theo dõi khám bệnh để nắm bắt thông tin kịp thời về người bệnh, triệu chứng, hướng xử lý và đánh giá tình trạng bệnh đã ổn định chưa [H9.09.05.14]. Đồng thời, cập nhật tin tức sức khỏe phòng chống dịch bệnh trên trang sinh viên và định kỳ báo cáo cho Trung tâm y tế địa phương nắm tình hình phối hợp [H9.09.05.15].

Về đảm bảo an toàn trường học trong giai đoạn năm 2020-2024, Học viện HKVN đã đầu tư là 47.379.200 đồng lắp đặt bổ sung hệ thống camera quan sát tại giảng đường, mỗi tầng lầu đều trang bị ít nhất 3 bình PCCC và nạp gas khí CO2 đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng theo quy định [H9.09.05.16], [H9.09.05.17]. Học viện ký hợp đồng thuê bảo vệ với công ty Trung Nam Greeny trực 24/24 giờ, có nhiệm vụ phát hiện, ngăn chặn hành vi mất an toàn trật tự, hỗ trợ người khuyết tật, hướng dẫn khách và các phương tiện lưu thông ra vào, phát hiện và xử lý bước đầu khi có sự cố cháy, nổ xảy ra [H9.09.05.18]. Hằng năm, Công an quận Phú Nhuận kiểm tra đối với Học viện và ghi nhận bằng biên bản về công tác phòng cháy chữa cháy, công tác an toàn hệ thống điện [H9.09.05.19].

Trong giai đoạn năm 2021-2024, Học viện đã khảo sát sinh viên đang học ngành Ngôn ngữ Anh về hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá và các điều kiện hỗ trợ, trong đó, có nội dung “Điều kiện về không gian, cảnh quan,

môi trường; đảm bảo về sức khỏe và an toàn” (nhóm câu hỏi 6 trong Bảng khảo sát) [H9.09.05.20]. Kết quả thể hiện tỷ lệ hài lòng của sinh viên về tiêu chí này trong năm học 2021-2022 là 88,95%; năm học 2022-2023 là 89,24%. năm học 2023-2024 là 91,30%;

Cũng trong giai đoạn năm 2021-2024, Học viện đã khảo sát giảng viên theo ngành và chuyên viên, nhân viên về môi trường làm việc, trong đó, có nội dung “Điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe và an toàn” (nhóm câu hỏi 7 trong Bảng khảo sát giảng viên và nhóm câu hỏi 5 trong Bảng khảo sát nhân viên) [H9.09.05.21]. Kết quả thể hiện tỷ lệ hài lòng của giảng viên về tiêu chí này năm học 2021-2022 là 83,33%; năm học 2022-2023 là 88,46%. năm học 2023-2024 là 88,54%. Kết quả thể hiện tỷ lệ hài lòng của chuyên viên, nhân viên về tiêu chí này năm học 2021-2022 là 83,82%; năm học 2022-2023 là 88,89%. năm học 2023-2024 là 97,98%.

Phản hồi của sinh viên, giảng viên và nhân viên ở bảng 9.5.1 đối với nội dung đánh giá không gian, cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe và an toàn cho thấy tiêu chí này đáp ứng được yêu cầu của CTĐT Ngôn ngữ Anh với mức độ hài lòng thấp nhất là 83,33%..

Bảng 9.5.1. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên, giảng viên và nhân viên về điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe và an toàn

Đối tượng khảo sát	2021-2022 (%)	2022-2023 (%)	2023-2024 (%)
Sinh viên	91,78	91,24	93,00
Giảng viên	88,33	69,44	83,82
Nhân viên	83,82	88,89	97,98

2. Điểm mạnh

Học viện đã đảm bảo môi trường, sức khỏe, an ninh và an toàn, có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học của Học viện. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty vệ sinh uy tín có đầy đủ dụng cụ, hóa chất chuyên dụng

làm vệ sinh để đảm bảo môi trường sạch, đẹp. Trật tự, an ninh trong Học viện được đảm bảo bởi bộ phận chuyên trách làm công tác bảo vệ, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh của địa phương.

3. Điểm tồn tại

Học viện HKVN chưa có phương tiện cho người khuyết tật như xe lăn miễn phí, vạch kẻ lối đi bộ dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Trong thời gian tới, Học viện sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định, duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường.	Phòng QL&PTCSV C chủ trì	Quý IV, năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ người khuyết tật	Phòng QL&PTCSV C chủ trì	Quý IV, năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho việc học tập và NCKH cho sinh viên của Khoa Ngoại ngữ được trang bị đầy đủ, và phù hợp. Nguồn học liệu của Thư viện phong phú; đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo của giảng viên, sinh viên trong hoạt động giảng dạy, học tập. Hệ thống Ngoại ngữ được trang bị đầy đủ, hệ thống Internet được phân luồng với tốc độ truy cập khá cao đảm bảo, cơ bản được yêu cầu của người sử dụng. Môi

trường học tập và làm việc của sinh viên, CB và GV được Học viện quan tâm và đầu tư triển khai để đảm bảo an toàn lao động, môi trường làm việc thoải mái. Tuy nhiên, Học viện chưa bố trí riêng biệt khu vực phòng sinh hoạt học thuật cho GV khi cần trao đổi với sinh viên trong các buổi sinh hoạt nhóm, sinh hoạt chuyên môn của Khoa Ngoại ngữ mà vẫn sử dụng chung; Một số đầu sách có thời gian xuất bản trên 5 năm so với quy định hiện hành; việc kết nối nguồn học liệu số với đối tác chưa được triển khai hiệu quả. Nhiều khâu trong công tác quản lý và tra cứu vẫn còn dựa theo mô hình truyền thống; Học viện vẫn quản lý tài sản một cách thủ công, chưa có phần mềm quản lý, thống kê, theo dõi trang thiết bị; Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ máy tính tại phòng chức năng và phòng mô phỏng có thời gian sử dụng trên 5 năm chưa được thay thế mới; Học viện chưa trang bị lối đi riêng và nhà vệ sinh và các tiện ích cho người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí đạt (5 tiêu chí đạt 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Để nâng cao chất lượng xây dựng và thiết kế chương trình, Học viện HKVN, KNN đã thiết lập được hệ thống thông tin phản hồi và lấy ý kiến của các bên liên quan như từ nhà tuyển dụng, các chuyên gia trong ngành, giảng viên, cựu sinh viên làm căn cứ thiết kế và phát triển chương trình. Quá trình dạy và học được rà soát đánh giá thường xuyên nhằm đạt CĐR của chương trình. Quá trình NCKH của giảng viên, sinh viên cũng làm cho việc nâng cao chất lượng đào tạo hiệu quả. Hệ thống các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được cải tiến thường xuyên.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng xây dựng và thiết kế chương trình, Học viện HKVN, và KNN đã thiết lập được hệ thống thông tin phản hồi và lấy ý kiến của

các bên liên quan như các đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia trong ngành, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh chương trình Ngôn Ngữ Anh. Các kênh phản hồi đa dạng: bảng hỏi, hội nghị, học tập thực tế, họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa, họp bộ môn. Khoa có liên kết chặt chẽ với các cơ sở tuyển dụng. Do đó, việc trao đổi trực tiếp về mức độ phù hợp giữa nội dung đào tạo và yêu cầu thực tế hành nghề giữa các cơ sở tuyển dụng và các giảng viên phụ trách học phần, giảng viên giới thiệu cơ sở thực tế cho sinh viên là rất thường xuyên.

Học viện có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về các CTDH, cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chất lượng đào tạo của khóa học theo Quyết định số 257A/QĐ-HVHK ban hành ngày 31/3/2017 [H10.10.01.01], lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên thực hiện theo Quyết định số 439/QĐ-HVHK ban hành ngày 29/5/2017 [H10.10.01.02], lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia... tại Điều 6, Chương III trong "Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học tại HVHKVN" theo Quyết định số 640/QĐ-HVHK ban hành ngày 6/8/2019 [H10.10.01.03].

Đến 30/7/2020, Học viện quy định chi tiết về nội dung khảo sát, thời điểm, công cụ và hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan tại Điều 3, Chương II trong "Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan" ban hành theo Quyết định số 544/QĐ-HVHK [H10.10.01.04], cụ thể là: khoa quản lý CTĐT thực hiện khảo sát khi xây dựng mới hoặc khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, trung tâm HN&TVVL khảo sát cựu sinh viên về chất lượng CTĐT trong việc phát triển cá nhân và lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về CTĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu công việc cũng như nhu cầu và xu hướng tuyển dụng.

Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau (như dùng bảng hỏi, khảo sát trực tuyến, phỏng vấn, thông qua các buổi hội thảo, họp chuyên môn của khoa, bộ môn...) tùy thuộc vào đối tượng được khảo sát và kế hoạch của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát. Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm có phiếu khảo sát như "Phiếu lấy ý kiến về khóa

học dành cho sinh viên năm cuối" trong Phụ lục của "Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chất lượng đào tạo của khóa học" [H10.10.01.05], "Phiếu khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng CTĐT" [H10.10.01.06] và "Phiếu khảo sát sự hài lòng về chất lượng CTĐT" [H10.10.01.07] dành cho nhà tuyển dụng lần lượt có tại Phụ lục 1 và 2 của "Quy định về tổ chức khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về tình trạng việc làm và chất lượng CTĐT.

Hàng năm, Học viện lập kế hoạch và giao nhiệm vụ thực hiện thu thập các ý kiến phản hồi về CTDH và nhu cầu của sinh viên sắp tốt nghiệp cho Phòng KT&ĐBCL, của cựu sinh viên cho trung tâm HN&TVVL trong các cuộc họp tổng kết. Đây là một trong các kênh thông tin hỗ trợ KNN trong việc rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành NNA.

Bên cạnh các hoạt động của trường, KNN cũng chủ động tổ chức các hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT [H10.01.08] cho việc xây dựng CTĐT năm 2024, và tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về CTĐT ngành TA [H10.10.01.09] làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTĐT.

Theo Quy định và Hướng dẫn của học viện, CTĐT cử nhân Ngôn Ngữ Anh được cập nhật điều chỉnh thường xuyên. Vì vậy theo lộ trình điều chỉnh, CTĐT đã được điều chỉnh các năm 2021 [H10.10.01.10], 2022 [H10.10.01.11], và 2023 [H10.10.01.12]. Các đợt điều chỉnh đều bao gồm 7 bước [H10.10.01.13]:

Triển khai kế hoạch, thành lập Tổ biên soạn/ Ban chủ nhiệm

Lấy ý kiến và tiến hành khảo sát các bên liên quan lần 1

Dự thảo những điều chỉnh và tổ chức Hội thảo lấy ý kiến lần 1

Hoàn thiện bản dự thảo 1 của CTĐT điều chỉnh

Lấy ý kiến và tiến hành khảo sát các bên liên quan lần 2

Dự thảo những điều chỉnh và tổ chức Hội thảo lấy ý kiến lần 2

Hoàn thiện bản dự thảo 2 của CTĐT điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến góp

ý

Ý kiến thu thập được từ hội thảo và từ các kết quả khảo sát bằng phiếu khảo sát giấy được sử dụng làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTĐT ngành NNA.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi đa dạng từ nhiều đối tượng khác nhau dùng làm căn cứ rà soát và phát triển CTDH.

Có quy trình tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin góp ý để áp dụng vào quá trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng phiếu khảo sát ý kiến của đối tượng nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc thu thập dữ liệu cho việc đánh giá và cải tiến CTĐT theo định kỳ bằng cách nhiều hình thức khác nhau để thu được thông tin hữu ích cho việc cải tiến CTDH.	Phòng KT&ĐBCL; Phòng TS&CTSV; Khoa NN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai thêm nhiều phương thức khảo sát để tăng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về CTDH ngành	Khoa NN	Quý I, năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		NNA			

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01]. Trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, cụ thể quy định xây dựng quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT nhằm thống nhất về các bước tiến hành, chuẩn hóa việc xây dựng CTĐT, phục vụ cho việc phát triển mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Bộ GTVT (Quy trình 01-ĐT) [H10.10.02.02]. Quy trình QT01-ĐT chi tiết về xây dựng, thiết kế, đổi mới CTDH gồm 10 bước theo lưu đồ với nội dung được mô tả rõ ràng và có biểu mẫu hướng dẫn kèm theo [H10.10.02.03]. Bước đầu tiên là ban giám đốc ra chủ trương xây dựng, điều chỉnh CTĐT, sau đó khoa chủ quản, khoa quản lý CTĐT lập nhóm chuyên gia, nhóm chuyên gia khảo sát nhu cầu đào tạo đến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động. Dựa vào kết quả khảo sát, nhóm chuyên gia xây dựng, rà soát khung CTĐT và khoa quản lý CTĐT tiến hành khảo sát CTĐT thông qua việc khảo sát đánh giá CTĐT đến các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp sau đó tổng hợp kết quả khảo sát theo mẫu quy định. Sau khi khoa quản lý CTĐT hoàn thiện khung CTĐT sẽ xây dựng đề cương chi tiết học phần dựa vào khung CTĐT đã hoàn thiện. Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành thẩm định CTĐT của khoa. Sau khi CTĐT đã được chấp thuận và

thông qua, Phòng Đào tạo ban hành chuẩn bị hồ sơ để Giám đốc ban hành quyết định kèm theo bộ CTĐT. Bước cuối cùng là Phòng Đào tạo lưu hồ sơ theo quy định.

Tổ công tác duy trì, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Học viện HKVN đã tiến hành rà soát, ý kiến và cập nhật quy trình vào các năm 2017 [H10.10.02.04] và 2019 [H10.10.02.05].

Như vậy, trong quá trình rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Học viện đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhưng chưa thực hiện khảo sát, lấy ý kiến cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các chuyên gia. Những đối tượng bên ngoài Học viện sẽ đánh giá được khách quan tính hiệu quả và hiệu lực của quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được Học viện xây dựng cụ thể qua việc ban hành quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT nhằm thống nhất về các bước tiến hành, chuẩn hóa việc xây dựng CTĐT.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được cải tiến thường xuyên, liên tục nhằm phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp trong quá trình rà soát quy trình xây dựng và phát triển CTDH chưa được tổ chức rộng rãi, thiếu việc khảo sát cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các chuyên gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy	Tiếp tục thực hiện tốt việc rà soát các quy trình phát triển	Phòng Đào tạo chủ trì	Năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	CTDH đã ban hành để đảm bảo quá trình phát triển CTDH đúng quy định và đạt hiệu quả cao.	phối hợp với Khoa KNN		
2	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH, cần thực hiện khảo sát, lấy ý kiến cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các chuyên gia	Phòng Đào tạo chỉ trì phối hợp với KNN	Quý II, năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được trình bày chi tiết trong Quy chế đào tạo của Nhà trường

Quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của sinh viên, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thể hiện tại: Điều 8, Chương III trong “Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam” [H10.10.03.01].

Để đánh giá một CTĐT cần các dữ liệu khảo sát đầu vào, các quy trình và các dữ liệu đầu ra. Dữ liệu đầu vào gồm CDR, CTĐT, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá. Các quy trình bao gồm quy trình giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Các dữ liệu đầu ra gồm kết quả học tập, mức độ đạt CDR của CTĐT [H10.10.03.01]. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh nội dung của CTĐT được quy định tại “QT01-ĐT: Xây dựng, điều chỉnh bộ Chương trình đào tạo” [H10.10.03.02] và được chỉnh sửa bổ sung tại “QT01B-ĐT: Xây dựng, điều chỉnh bộ Chương trình đào tạo” [H10.10.03.03]. Như vậy, quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, quy định đã được thay đổi ngày càng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Học viện.

Việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên được sử dụng để đánh giá thường xuyên các phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Học viện ban hành “Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên” [H10.10.03.04] và được chỉnh sửa, cập nhật theo “Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” [H10.10.03.05]. Mẫu phiếu lấy ý kiến sinh viên về giảng dạy môn học được quy định tại “QT05-KT: Lấy ý kiến sinh viên” [H10.10.03.06] gồm 20 câu hỏi, được chia thành 5 nhóm: “Nội dung bài giảng của giảng viên, phương pháp giảng dạy, tài liệu bài giảng môn học, tinh thần trách nhiệm của giảng viên và kiểm tra – đánh giá sinh viên”.

Sau mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL đều tiến hành khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy và đánh giá của giảng viên theo từng học phần và có báo

cáo kết quả khảo sát. Các hoạt động khảo sát này được thực hiện bằng phần mềm quản lý đào tạo dưới hình thức trực tuyến. Khi kết thúc mỗi học phần, để xem được điểm trang thông tin sinh viên, mỗi sinh viên đều phải trả lời các câu hỏi khảo sát liên quan đến quá trình giảng dạy của giảng viên, phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Kết quả khảo sát được đưa về cho bộ môn. Trong các cuộc họp định kỳ của bộ môn, chất lượng giảng dạy của các giảng viên cũng như các phản hồi từ sinh viên được đưa ra phân tích. Theo đó, giảng viên sẽ phát huy các điểm mạnh và cải thiện các mặt còn chưa phù hợp với sinh viên.

Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức 2 cuộc họp giữa Ban Chủ nhiệm Khoa, giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Ngoài ra, các bộ môn có tiến hành họp dự giờ để đánh giá quá trình giảng dạy của Giảng viên trong bộ môn, từ đó, bộ môn sẽ có ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn về mặt nghiệp vụ và chuyên môn. Các phiên họp chuyên môn đều được ghi trong biên bản họp bộ môn.

Bảng 10.3.1: Tỷ lệ hài lòng trung bình từng năm của sinh viên đang học ngành NNA về các phương pháp giảng dạy và kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)		
	2021-2022 2	2022-2022 3	2023-2022 4
1. Phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp để sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	89.53	89.69	90.95
2. Có nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	94.29	93.27	93.14
3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đúng thực chất người học	96.19	87.71	89.96

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)		
	2021-2022 2	2022-2023 3	2023-2024 4
4. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá công bằng	96.19	92.38	93.45
5. Cách thức công bố kết quả kiểm tra – đánh giá hợp lý	96.19	92.38	93.91
6. Thời gian công bố kết quả kiểm tra – đánh giá kịp thời để sinh viên thực hiện các hoạt động cải thiện việc học tập	85.71	88.69	91.06
7. Sinh viên dễ dàng thực hiện các thủ tục về khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập	87.62	84.76	90.17
8. Thời gian công bố kết quả khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập kịp thời để sinh viên thực hiện các hoạt động cải thiện việc học tập	94.29	88.34	91.25
9. Sau khi nhận được thông tin phản hồi về kết quả đánh giá (thường kỳ và kết thúc học phần), bạn đã tự lên kế hoạch cụ thể để cải thiện việc học tập	99.05	92.82	94.07
10. Sau khi bạn thực hiện kế hoạch để cải thiện việc học tập, kết quả học tập của bạn đã có tiến bộ	99.05	92.38	93.89
11. Hệ thống quản lý học tập (LMS) và quản lý nội dung học tập (LCMS) thuận tiện khi sử dụng cho việc học trực tuyến.	93.33	94.62	92.36
12. Phần mềm lớp học trực tuyến đáp ứng được yêu cầu trao đổi giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập.	91.42	91.92	93.14
13. Phương pháp kiểm tra - đánh giá trực tuyến đảm bảo công bằng	89.53	94.17	93.29

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ sinh viên hài lòng (%)		
	2021-202 2	2022-202 3	2023-202 4
14. Phương pháp kiểm tra - đánh giá trực tuyến dễ dàng thao tác.	97.14	90.58	91.89
15. Phương pháp dạy và học trực tuyến giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	92.38	92.38	90.96

Bảng 10.3.2. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên ngành NNA về các phương pháp giảng dạy và kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ giảng viên hài lòng (%)		
	2021-20 22	2022-20 23	2023-20 24
1. Các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập trong đề cương học phần đa dạng	66.67	100.00	100.00
2. Các phương pháp/hoạt động giảng dạy và học tập có hiệu quả để đạt chuẩn đầu ra của học phần	66.67	100.00	100.00
3. Nếu Thầy/Cô sử dụng thiết bị/chương trình chuyên dụng để giảng dạy, vui lòng làm khảo sát này: "Thiết bị/chương trình chuyên dụng được sử dụng trong giảng dạy và học tập có hiệu quả để đạt chuẩn đầu ra của học phần"	60.00	90.91	93.75
4. Hệ thống quản lý học tập (LMS) và quản lý nội dung học tập (LCMS) thuận tiện khi sử dụng cho việc dạy và học trực tuyến.	33.33	83.33	81.25
5. Phần mềm lớp học trực tuyến đáp ứng được yêu cầu trao đổi giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập.	33.33	75.00	87.50
6. Hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện đáp ứng được yêu cầu của giảng viên khi tổ chức các phương pháp/hoạt động dạy và học	16.67	90.91	87.50

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ giảng viên hài lòng (%)		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
để giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần			
7. Thầy/Cô sử dụng nhiều phương pháp đánh giá kết quả học tập người học	66.67	100.00	100.00
8. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập người học đảm bảo độ tin cậy, đúng thực chất	83.33	100.00	100.00
9. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập người học đảm bảo sự công bằng	83.33	90.91	100.00
10. Hình thức kiểm tra - đánh giá trực tuyến đảm bảo công bằng.	40.00	100.00	93.75
11. Hình thức kiểm tra - đánh giá trực tuyến dễ dàng thao tác	33.33	90.91	100.00
12. Hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện đáp ứng được yêu cầu của giảng viên khi tổ chức các phương pháp/hoạt động kiểm tra, đánh giá để đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần	16.67	91.67	93.75

2. Điểm mạnh

Quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, quy định đã được thay đổi ngày càng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đưa ra các ý kiến phản hồi, vẫn còn một số lượng nhỏ các sinh viên chưa thật sự nghiêm túc hoặc các ý kiến còn mang tính cá nhân, cảm tính và chưa khách quan.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy định rà soát quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá đa dạng, luôn nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá SV.	Khoa KNN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Tổ chức họp lớp để trao đổi, phân tích để nâng cao nhận thức cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ và nghiêm túc trong việc thực hiện trả lời các phiếu khảo sát của Học viện.	KNN chủ trì, phối hợp với Cố vấn học tập	Học kỳ 1, năm học 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Từ khi tuyển sinh năm 2021 đến năm đầu HK1 2023 Khoa NN có rất ít đề tài NCKH và công tác này được khuyến khích và đẩy mạnh từ HK2 năm học 2023 đến nay; trong đó giảng viên Khoa có 01 đề tài cấp HV và 2 đề tài do sinh viên ngành NNA đã đã nghiệm thu bảo vệ; 01 đề tài của GV và 03 đề tài của SV đã được thông qua và tiếp tục tiến hành nghiên cứu và hoàn tất trong năm 2025. Nội dung các đề tài NCKH của các giảng viên và sinh viên ngành NNA đăng ký đều thuộc lĩnh vực NNA và các đề tài về khảo sát, đánh giá, xây dựng mô hình nâng cao chất lượng.

Các đề tài NCKH sau khi được xác nhận có tính ứng dụng cũng được ứng dụng vào quá trình dạy và học. Cụ thể, đề tài “Ứng dụng AI vào hoạt động TBLT trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành” [H10.10.04.01] đã được ứng dụng vào quá trình giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành, đóng góp và sự đa dạng của hình thức học tập và đánh giá.

2. Điểm mạnh

KNN đã có những bước tiến trong việc tăng cường kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên và ứng dụng nhiều kết quả nghiên cứu khoa học vào việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn chưa có nhiều công bố mang các chỉ số cao của Scopus và ISI.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy tính thực tiễn trong các đề tài nghiên cứu khoa học của khoa KTHK góp phần thúc đẩy sinh viên trong hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học	KNN phối hợp với Phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên. Đẩy mạnh việc công bố NCKH ở các tạp chí Scopus và ISI	KNN phối hợp với Phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế	Học kỳ 2, năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Việc triển khai đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích nhằm xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ người học như: tư vấn người học, công tác người học, các hoạt động ngoại khóa được Học viện thực hiện theo các văn bản: Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017 của Bộ GD&ĐT [H10.10.05.01]; Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng đào tạo của khóa học ban hành kèm theo Quyết định số 257A/QĐ-HVHK ngày 31/3/2017; Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-HVHK ngày 30/7/2020 [H10.10.05.02]. Trên cơ sở đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích của Học viện, Học viện/Khoa/ngành đã tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ tư vấn SV, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa...đáp ứng yêu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Học viện.

Triển khai đánh giá chất lượng/mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích, Học viện giao cho Phòng KT&ĐBCL chủ trì điều phối công tác này. Phòng KT&ĐBCL tiến hành lập kế hoạch, điều phối nguồn lực, tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan tập trung vào đối tượng là sinh viên để đánh giá chất lượng và mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ do Học viện cung cấp. Người học được khảo sát ý kiến thường xuyên theo từng học kỳ hoặc theo đợt trong đó có nội

dung đánh giá sự hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Học viện đối với người học [H10.10.05.03]. Phòng TCHC, Phòng Đào tạo, Phòng TS & CTSV và Thư viện cùng các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho HV còn tiếp nhận ý kiến từ GV và chuyên viên, nhân viên thông qua các buổi họp, hội nghị do Học viện tổ chức hoặc trên hệ thống Base để kịp thời khắc phục và xử lý các vấn đề tồn tại. Về khảo sát các nội dung khảo sát tập trung vào một số vấn đề sau:

Về đánh giá chất lượng/mức độ hài lòng của bạn đọc đối với Thư viện:

Từ năm 2019, Học viện đã tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến đánh giá của giảng viên và người học bằng phiếu hỏi về "Công tác thư viện, tài liệu học tập và nghiên cứu". Kết quả khảo sát sự hài lòng được thể hiện trong bảng 10.5.1 dưới đây.

Bảng 10.5.1: Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV về “Công tác thư viện, tài liệu học tập và nghiên cứu”.

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ hài lòng (%)		
	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
20. Thư viện có thời gian hoạt động đáp ứng nhu cầu bạn đọc	83.81	87.44	92.04
21. Thư viện có số lượng chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu bạn đọc	82.86	87.89	90.33
22. Điều kiện vệ sinh, ánh sáng và nhiệt độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc	83.81	79.83	87.68
23. Thư viện có các thông tin hướng dẫn mượn trả tài liệu	90.47	91.48	93.13
24. Việc mượn, trả, gia hạn tài liệu của thư viện nhanh chóng	90.48	91.03	92.83
25. Có thể truy cập trên máy tính tại thư viện để biết các thông tin về tài liệu muốn mượn	91.43	90.13	92.20
26. Thư viện có đủ tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập	85.71	88.35	90.95
27. Thư viện có đủ tài liệu phục vụ cho nghiên cứu	86.67	87.45	90.17

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ hài lòng (%)		
	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
28. Tài liệu của thư viện được cập nhật	87.62	87.90	90.17
29. Chuyên viên, nhân viên thư viện hỗ trợ hiệu quả cho nhu cầu của bạn đọc	91.43	90.13	91.73

Về đánh giá chất lượng/mức độ hài lòng đối với hệ thống CNTT:

Từ năm 2019, Học viện đã tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến đánh giá của giảng viên, sinh viên, chuyên viên và nhân viên bằng phiếu hỏi về mức độ hài lòng đối với hệ thống CNTT hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát sự hài lòng được thể hiện trong bảng 10.5.2 dưới đây.

Bảng 10.5.2: Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV đối với hệ thống CNTT.

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ hài lòng c(%)		
	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
36. Hệ thống cổng thông tin sinh viên (sv.vaa.edu) cung cấp đầy đủ thông tin hỗ trợ các hoạt động học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	90.48	91.93	92.20
37. Hệ thống đào tạo trực tuyến đáp ứng được các hoạt động học tập và nghiên cứu	93.33	91.92	91.42
38. Chất lượng hệ thống internet (bao gồm cả wifi) đáp ứng được các hoạt động học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	77.15	82.51	85.50
39. Website cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết	94.28	90.13	91.57
40. Hệ thống công nghệ thông tin được sửa chữa kịp thời khi bị hỏng	83.81	86.54	90.01
41. Chuyên viên, nhân viên quản lý hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	94.29	88.79	91.26

Về đánh giá chất lượng/mức độ hài lòng đối với CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học:

Từ năm 2019, Học viện đã tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến đánh giá của sinh viên bằng phiếu hỏi về mức độ hài lòng về với CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học đối với các phòng học, phòng thực hành đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của các bài thực hành trong CTĐT và hoạt động NCKH tại Khoa. Từ năm 2021, sinh viên được khảo sát với “Phiếu lấy ý kiến sinh viên về hđ giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các đkht hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”. Kết quả khảo sát sự hài lòng được thể hiện trong bảng 10.5.3 dưới đây.

Bảng 10.5.3: Kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên về CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ hài lòng (%)		
	2021	2022	2023
	-	-	-
	2022	2023	2024
16. Phòng học đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng và nhiệt độ	67.62	82.51	89.55
17. Đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu	62.86	81.62	90.33
18. Các trang thiết bị được thay thế, sửa chữa kịp thời khi bị hỏng	69.53	78.47	87.99
19. Chuyên viên, nhân viên quản lý phòng học và trang thiết bị hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	81.91	90.14	90.64

Về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...):

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, Học viện đã tổ chức các khảo sát lấy ý kiến đánh giá của sinh viên bằng phiếu hỏi về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn

thể, các hoạt động ngoại khóa. Kết quả khảo sát sự hài lòng được thể hiện trong bảng 10.5.4 dưới đây.

Bảng 10.5.4: Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học đối với các dịch vụ tư vấn SV, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động ngoại khóa.

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ hài lòng (%)		
	2021	2022	2023
	-	-	-
	2022	2023	2024
XI. Công tác cố vấn học tập	96.19	94.96	93.33
XII. Công tác giáo vụ khoa	90.00	86.77	90.33
XIII. Công tác sinh viên	90.00	86.55	90.31
XV. Công tác hành chính một cửa tiếp người học	94.53	87.67	90.92
XVI. Công tác hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm và huấn luyện kỹ năng	92.07	92.75	91.26
XVII. Các hoạt động ngoại khóa, thi đua	93.33	91.48	92.00

Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ các bên liên quan, Học viện tiến hành rà soát, đánh giá nhằm đưa ra những giải pháp cải tiến dịch vụ hỗ trợ, nâng cấp CSVC và trang thiết bị và các tiện ích phục vụ hoạt động đào tạo [H10.10.05.04]. Những năm gần đây, các dịch vụ hỗ trợ và CSVC trang thiết bị của Học viện đã từng bước được cải tiến, mang lại sự hài lòng cho SV [H10.10.05.05].

Ý kiến đóng góp của SV, GV và CV, NV là căn cứ để các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ tái cơ cấu tổ chức, bố trí nhân sự, thiết lập cơ chế tiếp sinh, đề xuất mua sắm trang thiết bị, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ [H10.10.05.06]. Trong thời gian tới, Khoa tiếp tục đề xuất Học viện và các đơn vị cung cấp dịch vụ cải tiến dịch vụ, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị; đặt biệt là dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng là sinh viên khuyết tật, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Học viện như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác được cung cấp và đánh giá nhằm xác định mức độ đáp ứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng phục vụ thực hành của các phòng máy tính, máy tính tra cứu tài liệu ở thư viện chưa được như mong đợi do kinh phí của Học viện có hạn.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất mua sắm, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành máy tính, máy tính tra cứu tài liệu thư viện hiện đại hơn.	Phòng TCHC chủ trì phối hợp với bộ phận thư viện.	Năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các hoạt động đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Phòng KT&ĐBCL. Các đơn vị liên quan.	Năm 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện HKVN đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về các mặt hoạt động của Học viện, bao gồm:

(1) Các văn bản quy định về hoạt động thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan như: Quy định về tổ chức khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về tình trạng việc làm và chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐ-HVHK ngày 29/05/2017 [H10.10.06.01]; Mục “Khảo sát nhu cầu” và “Tổ chức hội thảo CTĐT” trong Phụ lục “Quy trình phát triển chương trình đào tạo” của Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện HKVN theo Quyết định số 640/QĐ-HVHK ngày 06/08/2019 [H10.10.06.02]; Mục “Khảo sát nhu cầu” và “Khảo sát CTĐT” trong QT01-ĐT “Quy trình xây dựng, điều chỉnh bộ chương trình đào tạo” theo Quyết định số 795A/QĐ-HVHK ngày 21/11/2021 ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Học viện Hàng không Việt Nam [H10.10.06.03]; Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan ban hành theo Quyết định số 544/QĐ-HVHK ngày 30/07/2020 [H10.10.06.04], Quy trình lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H10.10.06.05]; quy trình lấy ý kiến người học về khóa học [H10.10.06.06]; quy trình lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện hỗ trợ hoạt động học tập, NCKH và PVCĐ [H10.10.06.07]; quy trình lấy ý kiến chuyên viên, nhân viên về môi trường làm việc [H10.10.06.08]; quy trình lấy ý kiến giảng viên về môi trường làm việc [H10.10.06.09]; quy trình lấy ý kiến giảng viên về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H10.10.06.10]; quy trình lấy ý kiến sinh viên về cố vấn học tập [H10.10.06.11] theo Quyết định số 795A/QĐ-HVHK ngày 21/11/2021 ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Trong đó, Học viện phân công nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ thu thập thông tin phản hồi theo quy định, cụ thể: Trung tâm HN&TVVL (nay là Phòng TS&CTSV) có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển

khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình Giám đốc và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát: khảo sát cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm và khảo sát đơn vị sử dụng lao động [H10.10.06.01], [H10.10.06.04]. Các Khoa quản lý CTĐT, tổ soạn thảo và Phòng Đào tạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.06.02], [H10.10.06.03]. Phòng KT&ĐBCL có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình giám đốc và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát: khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo của khóa học; khảo sát sinh viên về các điều kiện hỗ trợ; khảo sát chuyên viên, nhân viên, giảng viên về môi trường làm việc; khảo sát giảng viên về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H10.10.06.04]; khảo sát sinh viên về cố vấn học tập [H10.10.06.11].

(2) Bộ phiếu khảo sát với các mẫu phiếu khảo sát, bao gồm: phiếu khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng chương trình đào tạo [H10.10.06.01]; phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo; phiếu khảo sát đánh giá chương trình đào tạo [H10.10.06.03]; phiếu lấy ý kiến về giảng dạy môn học [H10.10.06.05]; phiếu lấy ý kiến sinh viên về khóa học [H10.10.06.06]; phiếu lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện hỗ trợ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H10.10.06.07]; phiếu lấy ý kiến chuyên viên, nhân viên về môi trường làm việc [H10.10.06.08]; phiếu lấy ý kiến giảng viên về môi trường làm việc [H10.10.06.09]; phiếu lấy ý kiến giảng viên về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H10.10.06.10]; phiếu lấy ý kiến sinh viên về công tác cố vấn học tập [H10.10.06.11].

(3) Các hình thức thu thập thông tin phản hồi đa dạng gồm: hình thức trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo [H10.10.06.12], tổ chức hội thảo

[H10.10.06.13], sử dụng google form [H10.10.06.14], sử dụng email [H10.10.06.15] và liên lạc qua điện thoại.

Từ năm 2019 đến nay, căn cứ tình hình thực tế triển khai, các quy định về hoạt động thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan đã được rà soát, đánh giá:

Năm 2019, Tổ công tác duy trì, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 chủ trì, phối hợp cùng phòng Đào tạo thực hiện rà soát, đánh giá "Quy trình xây dựng bộ CTĐT" ban hành kèm theo Quyết định số 470/QĐ-HVHK ngày 08/6/2017 (bao gồm các hoạt động thu thập ý kiến các bên liên quan) để tiếp tục có những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn của Học viện và Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT [H10.10.06.16]. Năm 2020, các đơn vị có liên quan đã họp rà soát, lấy ý kiến thống nhất về hoạt động "khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan" và đề xuất Giám đốc ban hành văn bản quy định chung về các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan hiện đang được áp dụng tại Học viện [H10.10.06.17]. Năm 2021, Tổ công tác duy trì, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 chủ trì, phối hợp cùng phòng Đào tạo tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá lại "Quy trình phát triển CTĐT" ban hành theo Quyết định số 640/QĐ-HVHK ngày 06/08/2019 (bao gồm các hoạt động thu thập ý kiến các bên liên quan); để cập nhật "Quy trình xây dựng, điều chỉnh bộ chương trình đào tạo" ban hành theo Quyết định số 795A/QĐ-HVHK ngày 21/11/2021 theo quy định mới nhất của Bộ GD&ĐT tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về Quy định chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H10.10.06.18].

Trên cơ sở rà soát, đánh giá, Học viện đã thực hiện một số cải tiến các hoạt động phản hồi của các bên liên quan, như:

Năm 2019, Học viện đã ban hành Quyết định số 640/QĐ-HVHK ngày 06/08/2019 Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện HKVN thay thế cho Quyết định số 470/QĐ-HVHK ngày 08/6/2017

[H10.10.06.02]. Năm 2020, Học viện ban hành Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, ban hành theo Quyết định số 544/QĐ-HVHK ngày 30/07/2020, quy định cụ thể nội dung khảo sát, đơn vị chủ trì thực hiện và thời gian thực hiện. Trong đó, bổ sung thêm nội dung và mẫu phiếu khảo sát: khảo sát sinh viên toàn Học viện về các điều kiện hỗ trợ và khảo sát cán bộ, giảng viên và người lao động về môi trường làm việc [H10.10.06.04]. Đồng thời, mẫu phiếu khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo toàn khóa học cũng được bổ sung một số nội dung khảo sát về “Mục tiêu và chương trình đào tạo”, “Đội ngũ giảng viên”, “Thư viện”, “Nghiên cứu khoa học” và “Kết quả đạt được” [H10.10.06.19]. Năm 2021, Học viện ban hành Quyết định số 795A/QĐ-HVHK ngày 21/11/2021 về việc ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Học viện Hàng không Việt Nam, trong đó QT01-ĐT “Xây dựng, điều chỉnh bộ chương trình đào tạo” thay thế cho Quyết định số 640/QĐ-HVHK ngày 06/08/2019 [H10.10.06.20]. Trong đó, hai nội dung “khảo sát về nhu cầu đào tạo” và “khảo sát đánh giá chương trình đào tạo” sử dụng để xây dựng, phát triển CTĐT không thay đổi.

Học viện đã có văn bản quy định về các hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Tuy nhiên, các quy trình thực hiện chưa được tổng hợp đầy đủ trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

2. Điểm mạnh

Học viện đã thiết lập được cơ chế phản hồi các bên liên quan một cách hệ thống, được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến để thu được thông tin hữu ích cho việc cải tiến nâng cao hiệu quả và chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa được tổng hợp đầy đủ trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát để hoàn thiện, cải tiến các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến các bên liên quan	Phòng KT&ĐBCL; Phòng TS&CTSV; KNN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện, bổ sung đầy đủ các quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.	Phòng KT&ĐBCL	Năm 2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn 10 là một trong những tiêu chuẩn được Học viện quan tâm, với những điểm mạnh nổi bật sau:

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi đa dạng từ nhiều đối tượng khác nhau dùng làm căn cứ rà soát và phát triển chương trình cử nhân.

Chương trình đào tạo được cập nhật kịp thời theo văn bản mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Có quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTĐT theo định kỳ 2 năm/lần.

Có tổ chức hội thảo và lấy ý kiến của các BLQ tuy nhiên ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng chưa đa dạng và còn hạn chế.

Với việc cải tiến liên tục các quy trình chi tiết về xây dựng, thiết kế, đổi mới CTDH, Học viện đã tiến hành rà soát và điều chỉnh các CTDH từ đó các CTDH đã được cải tiến và đáp ứng cho nhu cầu dạy học.

Thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với Chuẩn đầu ra.

Có các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến việc dạy và học.

Các kết quả NCKH được thảo luận trong quá trình dạy học.

Sinh viên có tham gia nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của Giảng viên.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Học viện như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác được cung cấp và đánh giá nhằm xác định mức độ đáp ứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Học viện đã thiết lập được cơ chế phản hồi các bên liên quan một cách hệ thống, được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến để thu được thông tin hữu ích cho việc cải tiến nâng cao hiệu quả và chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Đã có đề tài NCKH ngành NNA được áp dụng cải tiến việc dạy và học các học phần chuyên ngành trong CTDH ngành NNA.

Bên cạnh đó, Học viện vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như:

Số lượng phiếu khảo sát ý kiến của đối tượng nhà tuyển dụng còn hạn chế. Chưa tiến hành lấy ý kiến của Tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Chưa lấy ý kiến phản hồi của các hội nghề nghiệp về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

Trong quá trình đưa ra các ý kiến phản hồi, vẫn còn một số lượng nhỏ các sinh viên chưa thật sự nghiêm túc hoặc các ý kiến còn mang tính cá nhân, cảm tính và chưa khách quan.

Số lượng đề tài NCKH của HV còn ít.

Chất lượng phục vụ thực hành của các phòng máy tính, máy tính tra cứu tài liệu ở thư viện chưa được như mong đợi do kinh phí của Học viện có hạn.

Các quy trình thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa được tổng hợp đầy đủ trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí Đạt (2 tiêu chí đạt 4/7 và 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Học viện HKVN đã xây dựng quy trình, phân công Khoa Quản trị kinh doanh và Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Học viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu về việc làm của sinh viên, định kỳ tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, cải thiện cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và CĐR, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng của KNN và Học viện nhằm thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Những vấn đề mà Khoa và Học viện quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm: tỉ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên cao học có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của sinh viên cao học và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quản lý tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp đúng hạn của các khóa đào tạo, giai đoạn KĐCLGD được Học viện thực hiện theo “ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 663/QĐ-HKVN-ĐT ngày 17/09/2014, “Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02/08/2021 và “Quy chế đào tạo trình độ đại học chính quy của Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 572/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 30/06/2023 [H11.11.01.01].

Mỗi khóa học, Học viện HKVN có quyết định phân công CVHT cho mỗi lớp [H11.11.01.02] theo đề nghị phân công của KNN. CVHT có chức năng theo dõi, tư vấn, hỗ trợ thông tin và định hướng cho người học quản lý học tập được thể hiện ở ”Quy định tạm thời về Công tác Cố vấn học tập tại Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 426/QĐ-HVHK ngày 20/07/2021 [H11.11.01.03]. Theo ” Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Học viện HKVN” ban hành kèm Quyết định số 145/QĐ-HVHK ngày 03/03/2021. Theo đó, Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học [H11.11.01.04], cập nhật sinh viên tốt nghiệp, thôi học của sinh viên ngành NNA.

Việc giám sát tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của người học được CVHT, chuyên viên của Phòng ĐT và có sự phối hợp với các Khoa để thực hiện. Sau mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học, bộ phận chuyên trách của Phòng ĐT sẽ thống kê: Số lượng sinh viên trúng tuyển và nhập học thực tế, số lượng sinh viên thôi học, tốt nghiệp từng năm, phân tích đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp từng năm. Theo đó, phân tích đối sánh tỉ lệ thôi học giữa các năm để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp phù hợp cho từng trường hợp nhằm hạn chế người học thôi học. Đồng thời, KNN hằng năm thông qua các cuộc họp chuyên môn và CVHT thông qua các buổi họp lớp tìm hiểu, phân tích nguyên nhân sinh viên có kết quả học lực yếu, nợ môn, thôi học và chậm tốt nghiệp để có giải pháp khắc phục.

Về tỉ lệ tốt nghiệp, do ngành NNA mới tuyển sinh từ 2021 nên chưa đủ thời hạn 4 năm để có sinh viên tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có quy định rõ ràng về thời gian tốt nghiệp đúng hạn cho các CTĐT; có phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trong giám sát tỉ lệ thôi học và số người học tốt nghiệp đúng hạn; Học viện có cơ sở dữ liệu về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp và được quản lý trên phần mềm quản lý đào tạo. KNN và CVHT đã đánh giá, phân tích, giám sát để đề xuất các biện pháp nhằm hỗ trợ kịp thời làm tăng tỉ lệ tốt nghiệp và giảm tỉ lệ thôi học của sinh viên ngành NNA

3. Điểm tồn tại

Chưa có số liệu sinh viên tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	KNN và CVHT tiếp tục thực hiện đánh giá, phân tích, giám sát để đề xuất các biện pháp hỗ trợ kịp thời làm tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành NNA.	KNN	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	CVHT tăng cường nhắc nhở sinh viên nên chủ động quản lý tiến độ học tập của chính sinh viên, chủ động trao đổi với CVHT để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp kịp thời đúng tiến độ.	KNN	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện Hàng không Việt Nam đã giao trách nhiệm cho Phòng Đào tạo chủ trì và chịu trách nhiệm theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên theo từng khoá học [H11.11.02.01] [H11.11.02.02]. Học viện sử dụng phần mềm quản lý PMT-EMS Education và phân quyền cho từng đối tượng quản lý ở mức độ khác nhau, nhờ đó khoa NN có thể theo dõi được thời gian tốt nghiệp của sinh viên trong khoa. Để quá trình theo dõi và thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học được chặt chẽ mỗi học kỳ, Học viện có ban hành quy định CVHT [H11.11.02.03] và phân công cố vấn học tập cho mỗi lớp [H11.11.02.04]. CVHT thực hiện các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, lắng nghe, tiếp thu ý kiến sinh viên về kết quả học tập. Từ đó, CVHT hỗ trợ, giúp đỡ để sinh viên cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp. Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa xác nhận kết quả học tập và tốt nghiệp của sinh viên. Sau đó, Học viện thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên và công bố thông tin chính thức trên phần mềm PMT-EMS để sinh viên tra cứu và phản hồi.

Về thời gian tốt nghiệp, do ngành NNA mới tuyển sinh từ 2021 mặc dù có sinh viên tốt nghiệp sớm nhưng vẫn chưa đầy đủ số lượng thống kê vì chưa đủ thời hạn 4 năm để có sinh viên tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa NN đã sử dụng phần mềm PMT - EMS Education để theo dõi giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên công khai và thường xuyên, quá trình học tập, tốt nghiệp của sinh viên được cập nhật chính xác, từ đó giúp đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời giúp sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa có số liệu sinh viên tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	CVHT tổ chức các buổi gặp mặt với SV năm cuối để tìm hiểu, giải đáp thắc mắc và kịp thời hỗ trợ SV để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	KNN	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Khảo sát tiến độ tốt nghiệp của sinh viên năm cuối.	KNN	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã giao cho Trung tâm Hướng nghiệp & tư vấn việc làm nhiệm vụ theo dõi thống kê tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp theo Quyết định số 747/QĐ-HVHK ngày 01/10/2012 [H11.11.03.01]. Đến 01/07/2021 Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sát nhập với Phòng Tuyển sinh thành Phòng Tuyển sinh & công tác sinh viên tiếp tục công tác khảo sát sinh viên tốt nghiệp. Đồng thời để có quy trình, công cụ, phương pháp và thiết kế bộ câu hỏi khảo sát Học viện đã ban hành Quyết định số 439/QĐ-HVHK ngày 29/05/2017 về việc tổ chức khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về tình trạng việc làm và chất lượng CTĐT [H11.11.03.02]. Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác...

Hàng năm, Trung tâm HN&TVVL/PhòngTS&CTSV đều lập kế hoạch khảo sát [H11.11.03.03] và tiến hành nhiều hình thức khảo sát: gửi email [H11.11.03.04] đính kèm phiếu khảo sát và gọi điện thoại trực tiếp.

Sau khi khảo sát kết thúc, Trung tâm HN&TVVL/PhòngTS&CTSV gửi báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp cho Bộ GD&ĐT theo công văn 3943/BGDĐT- GDĐH [H11.11.03.05] và gửi báo cáo tình hình khảo sát cho Học viện [H11.11.03.06].

Đối với ngành NNA, do mới tuyển sinh từ 2021, chưa đủ thời hạn 4 năm để có sinh viên tốt nghiệp nên chưa có số liệu.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống thu thập thông tin phản hồi về việc làm của SV tốt nghiệp như: Có phân công đơn vị chuyên trách theo dõi, liên hệ với NH đã tốt nghiệp, khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp; thống kê, lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm và cơ sở dữ liệu về việc làm của SV tốt nghiệp. Có công cụ khảo sát với quy trình phù hợp và thu được thông tin hữu ích cho việc cải tiến chất lượng nâng cao tỉ lệ có việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa có số liệu sinh viên tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tiến hành khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp về tình hình việc làm; thống kê, đối sánh, phân tích để có biện pháp hữu hiệu cải tiến tỉ lệ SVTN có việc làm	Phòng TS&CT SV	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại	Hàng năm sau khi kết thúc Khảo sát sinh viên tốt nghiệp Học viện sẽ tổ chức 01 buổi hội thảo thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.	Phòng TS&CT SV	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của người học tại Học viện HKVN được quy định tại Quy định quản lý hoạt động KHCN tại Học viện ban hành kèm theo các Quyết định số 447/QĐ-HVHK ngày 10/06/2016, số 950/QĐ-HVHK ngày 11/11/2020 và số 1180/QĐ-HVHK ngày 30/12/2022 [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03], gồm các loại hình sau: thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học người học, các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong, ngoài nước; tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng; tham gia thực hiện các đề tài NCKH cùng giảng viên; thu thập thông tin số liệu để thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp; công bố sử dụng kết quả NCKH.

Chiến lược phát triển Học viện HKVN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành năm 2014 [H11.11.04.04] xác định rõ mục tiêu phát triển KHCN trong từng giai đoạn cụ thể giai đoạn 2016-2020: “30-35 đề tài NCKH cấp cơ sở (bao gồm cả đề tài giảng viên và người học)”. Năm 2020, Học viện HKVN đã điều chỉnh và ban hành chiến lược phát triển đến năm 2030, trong đó xác định các chỉ tiêu chính cần đạt được về nghiên cứu khoa học trong từng giai đoạn 2020-2025: “Trong một năm có ít nhất 10 bài báo quốc tế SCI, ISI hoặc Scopus, 20 bài báo ISSN, 2 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, 10 đề tài cấp Học viện; doanh thu NCKH trên 20 tỷ đồng”, giai đoạn 2026-2030: “Trong một năm có ít nhất 20 bài báo quốc tế SCI, ISI hoặc Scopus, 50 bài báo ISSN, 5 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, 20 đề tài cấp Học viện; doanh thu NCKH trên 50 tỷ đồng”[H11.11.04.05]. Căn cứ vào đó, Giám đốc Học viện giao chỉ tiêu thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cho người học phù hợp với nhu cầu và các nguồn lực thực tiễn hàng năm [H11.11.04.06].

Việc thực hiện hoạt động NCKH của người học được các GV lồng ghép vào từng môn học/HP với hình thức báo cáo chuyên đề, tiểu luận môn học do SV thực hiện; mời các SV tham gia hội nghị, hội thảo liên quan đến lĩnh vực chuyên môn/ngành nghề nghiệp của SV; tham gia sinh hoạt học thuật của Khoa/Bộ môn; tham gia đề tài NCKH với GV; công bố khoa học (báo cáo kỷ yếu; bài báo); Toàn thể sinh viên phải thực hiện luận văn tốt nghiệp.

Phòng KHCN&HTQT, KNN có trách nhiệm theo dõi, giám sát đối với hoạt động NCKH của sinh viên. Theo đó việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của HV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình ISO [H11.11.04.07]. Dựa theo thông báo của Học viện, Khoa và bộ môn tiến hành thông báo để HV đăng ký tham gia. Các đề tài HV đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với giảng viên hướng dẫn, đề tài được hội đồng khoa học Khoa xét duyệt và Phòng KHCN&HTQT trình giám đốc kế hoạch thực hiện đề tài hàng năm. Các báo cáo kết quả nghiên cứu gửi về Khoa để nghiệm thu và Phòng

KHCN&HTQT để thực hiện thủ tục thanh toán. Báo cáo tổng kết đề tài NCKH của người học được lưu bản cứng tại khoa và Phòng KHCN&HTQT. Tuy nhiên trong giai đoạn đánh giá, chưa có đề tài nào của HV được thực hiện riêng mà HV chỉ tham gia NCKH cùng đề tài cấp cơ sở của GV.

2. Điểm mạnh

Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu và CDR của CTĐT.

Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học.

Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy định quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá các loại hình nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học.	Phòng KHCN&HTQT	Năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng nhiều hình thức như công bố bài báo, tham gia nghiên cứu cùng đề tài giảng viên ...	KNN	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng KT&ĐBCL và Trung tâm HN&TVVL/Phòng TS&CTSV là đơn vị xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai cũng như khảo sát, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất với các đối tượng: cán bộ nhân viên, giảng viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng đi kèm với quyết định và quy định cụ thể như sau: Quyết định số 439/QĐ-HVHK về việc tổ chức khảo sát cựu người học và nhà tuyển dụng về tình trạng việc làm và chất lượng CTĐT [H11.11.03.02], Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng đào tạo của khóa học ban hành (kèm theo Quyết định số 257A/QĐ-HVHK) [H10.10.06.02], Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (kèm theo Quyết định số 203/QĐ-HVHK) [H10.10.06.03], Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (kèm theo Quyết định số 544/QĐ-HVHK) [H10.10.06.08].

Bảng 11.5.2. So sánh kết quả khảo sát tỷ lệ hài lòng của sinh viên ngành NNA về hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm

Các tiêu chí khảo sát	Tỷ lệ hài lòng (%)							
	2021-2022		2022-2023			2023-2024		
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK3	HK1	HK2	HK3
Nội dung bài giảng của giảng viên	94.18	95.47	92.92	91.94	92.98	93.46	91.30	93.60
Phương pháp	90.0	94.9	92.69	91.5	92.9	92.8	91.5	92.9

Các tiêu chí khảo sát	Tỷ lệ hài lòng (%)							
	2021-2022		2022-2023			2023-2024		
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK3	HK1	HK2	HK3
giảng dạy	2	0		6	0	3	0	6
Tài liệu bài giảng môn học	96.4 4	97.0 1	93.63	93.1 4	94.7 4	95.1 0	92.4 4	94.1 0
Tinh thần trách nhiệm của giảng viên	95.9 3	96.1 6	94.05	92.9 2	93.9 8	94.5 7	92.1 5	93.8 5
Kiểm tra – đánh giá người học	97.9 2	97.4 0	93.49	93.3 9	94.0 8	94.4 3	92.5 2	94.1 7

Bảng 11.5.2 cho thấy, tỷ lệ hài lòng của người học ngành NNA về hoạt động giảng dạy của giảng viên luôn đạt được sự hài lòng từ người học với tỷ lệ luôn trên 90%.

Các kết quả thu được sau khi khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được Học viện và KNN sử dụng để làm cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng mọi hoạt động. Trên cơ sở đó, Học viện và KNN đã thực hiện các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng như: Trong các năm 2021,2022, 2023 đã tiến hành cập nhật, điều chỉnh CTĐT và điều chỉnh các đề cương chi tiết nhằm cập nhật các tài liệu, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả [H10.01.10], [H10.01.11], [H10.01.12], tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành phục vụ người học và giảng viên [H11.11.05.01], [H11.11.05.02],[H11.11.05.03].

2. Điểm mạnh

Học viện thực hiện rất nhiều khảo sát về mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên, giảng viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng lao động về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất. Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education để thống kê, tổng hợp, phân tích, xử lý, đánh giá kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học,

cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành NNA. Nhìn chung mức độ hài lòng các lần khảo sát khá cao.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng NH tham gia khảo sát ít nên kết quả chưa thể hiện độ tin cậy tuyệt đối.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education để thống kê, tổng hợp, phân tích, xử lý, đánh giá kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành NNA	Phòng TSCTSV, Phòng KTĐBCL, KNN	Hàng năm, từ học kỳ 3, năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích sinh viên làm khảo sát đầy đủ hơn	Phòng TSCTSV, Phòng KTĐBCL, KNN	Hàng năm, từ học kỳ 3, năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

- Học viện và KNN đã sử dụng phần mềm chuyên dụng quản lý đào tạo PMT - EMS Education để theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành NNA; thực hiện công tác thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo.

- Có bộ phận, quy trình theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT; tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập.

- Có số liệu tin cậy về việc làm của người học; định kỳ khảo sát người học tốt nghiệp về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

- Có quy định cụ thể về các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu và CĐR của CTĐT; phân công theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học; từ đó có đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của người học.

- Có bộ phận, quy trình tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các BLQ; sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như:

- Số lượng các NCKH do sinh viên thực hiện chưa nhiều

- Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp

- Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ.

- Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt (5 tiêu chí đạt 5/7 điểm).

PHẦN III. KẾT LUẬN

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành KNN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện HKVN, phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT ngành NNA trình độ đại học được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR được công bố đến người học trên website, và sổ tay sinh viên.

Bản mô tả CTĐT ngành NNA được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan có đầy đủ thông tin, bổ sung tiêu chí tuyển sinh, ma trận kỹ năng theo quy định. ĐCCT các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin và được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT và CDR. Bản mô tả CTĐT ngành NNA được công bố công khai rộng rãi, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

CTĐH ngành NNA được thiết kế dựa trên các yêu cầu CDR của CTĐT; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTĐH phù hợp với yêu cầu của CDR; nội dung chi tiết của từng học phần trong CTĐH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của từng học phần và có sự gắn kết của học phần với các học phần khác trong các khối kiến thức khác.

Học viện đã xác định rõ triết lý/mục tiêu giáo dục và gửi phổ biến tới nhiều bên liên quan ngoài Học viện gồm các đối tác, doanh nghiệp, chuyên gia, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ quan thông tấn báo chí bằng nhiều hình thức đã dạng. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên ngành NNA đối với hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy của giảng viên ở mức cao. Các hoạt động/phương pháp giảng dạy được rà soát đánh giá hàng năm để xem xét tính phù hợp với từng môn học, từng giai đoạn.

Học viện đã xây dựng nhiều quy trình về kiểm tra, đánh giá học phần và phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình....về kiểm tra, đánh giá đến sinh viên

qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Các học phần có nhiều hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá và được giảng viên sử dụng linh hoạt trong quá trình giảng dạy và thi kết thúc học phần. Kết quả đánh giá học tập được thông báo kịp thời đến sinh viên, điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi tra cứu, nhanh chóng nắm bắt thông tin về kết quả học tập.

Học viện đã và đang thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hằng năm Học viện đã xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng GV trong toàn HVHKVN với nhiều nội dung đa dạng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

Tỷ lệ GV/SV của ngành NNA trình độ đại học đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV Khoa NN được giám sát hằng năm qua bảng thống kê, báo cáo tổng kết năm học và phiếu kế hoạch hoạt động dự kiến của GV hằng năm học đối sánh với năm học trước để có cơ sở điều chỉnh.

Học viện có các tiêu chuẩn tuyển dụng GV và nhân viên phù hợp với nhu cầu. Các quy định, quy trình liên quan đến quản lý nhân sự của Học viện để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai toàn trường qua thông báo trên Base, Base inside. Học viện có các văn bản quy định về năng lực của đội ngũ GV và nhân viên thông qua các tiêu chí và được đánh giá bởi lãnh đạo đơn vị. GV được góp ý về chuyên môn và phương pháp giảng dạy lên lãnh đạo khoa. Học viện có chiến lược và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và nhân viên được triển khai thường xuyên và liên tục với nhiều hình thức đa dạng và hiệu quả.

Học viện đã thực hiện tốt việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên và nhân viên, thông qua đó giúp cho chất lượng đào tạo, NCKH ngày càng được nâng lên. Giai đoạn KĐCLGD, Học viện chưa xảy ra khiếu nại hoặc thắc mắc gì về kết quả đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng.

Học viện có hệ thống văn bản quy định các loại hình, khối lượng và hướng dẫn quy đổi các hoạt động NCKH cụ thể, rõ ràng và được công khai đến CB, GV, NV và người học nhằm xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành NNA.

Chính sách tuyển sinh của Học viện đa dạng và luôn được xác định rõ ràng theo kế hoạch, được công bố công khai và được cập nhật hằng năm trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu để ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn và có tính định hướng đối tượng tuyển sinh cao. Phương thức tuyển sinh được mở rộng, giúp cho thí sinh có nhiều lựa chọn. Quá trình rà soát đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hàng năm có đại diện đầy đủ các khoa, phòng liên quan. Chính sách tuyển sinh hằng năm đều được điều chỉnh căn cứ nhu cầu xã hội và kết quả khảo sát các bên liên quan.

Học viện sử dụng hệ thống cố vấn học tập, các quy chế, quy trình ISO để giám sát toàn bộ quá trình hoạt động và theo dõi tiến bộ trong học tập của sinh viên; theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác trên phần mềm quản lý đào tạo, dưới nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ tại Học viện đã giúp người học cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được sinh viên hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập. Người học cảm thấy hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện/Khoa.

Tỷ lệ hài lòng của giảng viên, chuyên viên, nhân viên và người học đối với môi trường, cảnh quan và các điều kiện hỗ trợ học tập ở mức cao.

Phòng làm việc rộng rãi, đủ phòng học cho nhu cầu về đào tạo. Thư viện có đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn tài liệu đầy đủ, được cập nhật hằng năm phù hợp nhằm đạt đến mục tiêu hỗ trợ tốt nhất cho người học, đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của giảng viên và sinh viên. Các phòng làm việc và phòng học được trang bị các thiết bị, công cụ phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Học viện có hệ thống thu thập thông tin và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức khác nhau. Việc thiết kế và phát triển CTDH được Học viện HKVN xây dựng cụ thể qua việc ban hành Quy trình phát triển CTĐT nhằm thống nhất về các bước tiến hành, chuẩn hóa việc xây dựng CTĐT/CTDH. Quy trình phát triển CTDH được cải tiến thường xuyên, liên tục nhằm rà soát, điều chỉnh, và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, quy định đã được thay đổi ngày càng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Học viện. Học viện đã thường xuyên rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá để có cơ sở cải tiến chất lượng hoạt động dạy và học. Các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Học viện của Khoa KTHK đều mang tính ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn của ngành hàng không. Các đề tài đều thúc đẩy sinh viên tham gia nhằm tạo hứng khởi trong việc học và nghiên cứu của sinh viên.

Học viện đã có quy định rõ ràng về thời gian tốt nghiệp cho các CTĐT; có phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trong giám sát các tỉ lệ thôi học và số SV tốt nghiệp đúng hạn; Học viện có cơ sở dữ liệu về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp và được quản lý trên phần mềm đào tạo. Khoa NN và CVHT đã đánh giá, phân tích, giám sát để đề xuất các biện pháp nhằm hỗ trợ kịp thời làm tăng tỉ lệ tốt nghiệp và giảm tỉ lệ thôi học của sinh viên ngành NNA. Học viện và Khoa NN đã sử dụng phần mềm PMT - EMS Education để theo dõi giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Học viện có hệ thống thu thập thông tin phản

hỏi về việc làm của SV tốt nghiệp, phân công đơn vị chuyên trách theo dõi, liên hệ với người học đã tốt nghiệp, khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp; thống kê, lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm và cơ sở dữ liệu về việc làm của SV tốt nghiệp. Trên cơ sở đối sánh cơ sở dữ liệu về việc làm của tốt nghiệp hằng năm, Học viện đã thực hiện nhiều biện pháp để hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho tốt nghiệp để nâng cao tỉ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp.

Học viện đã ban hành các quy định quản lý, giám sát các loại hình nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Học viện có hệ thống giám sát, theo dõi tiến độ thực hiện của đề tài, tổ chức đánh giá đề tài NCKH của sinh viên rõ ràng và chặt chẽ. Học viện thực hiện rất nhiều khảo sát về mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng lao động về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất. Các kết quả khảo sát cho thấy, CBGVNV và người học hài lòng với các hoạt động của Học viện.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

3.2.1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

CĐR của CTĐT ngành NNA trình độ đại học được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về các yêu cầu học tập, cũng như chuẩn bị cho các cơ hội nghề nghiệp trong nhiều lĩnh vực như thương mại, dịch vụ du lịch, và giáo dục sau khi tốt nghiệp.

Tuy nhiên, Chương trình đào tạo chưa chú trọng đầy đủ đến công nghệ dịch thuật và biên phiên dịch tự động, thiếu trang bị cho sinh viên các công cụ, phần mềm và kỹ năng cần thiết. Điều này có thể gây khó khăn cho sinh viên khi làm việc với công nghệ hiện đại sau khi tốt nghiệp.

CTĐT vẫn chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của cựu học viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng và doanh nghiệp qua các lần rà soát, điều chỉnh vì đây là khóa đầu tiên SV NNA tốt nghiệp. Do vậy, ngay sau khi thời điểm sinh viên khóa tuyển sinh năm 2021 tốt nghiệp, cần huy động nhiều hơn các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia để hoàn thiện hơn về đánh giá và cập nhập CTĐT.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành NNA có đầy đủ thông tin và được cập nhật hằng năm dựa trên cơ sở văn bản pháp lý, theo kế hoạch chung của toàn Học viện, theo đúng quy trình, từ việc rà soát thông qua thu thập thông tin từ các bên liên quan, đến xử lý thông tin và tiến hành điều chỉnh dựa trên kết quả thu được.

Năm 2022 và 2023, bản mô tả CTĐT chỉ được điều chỉnh nhỏ, không dựa trên kết quả khảo sát. Số lượng mẫu khảo sát rộng rãi các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, các chuyên gia và nhà tuyển dụng để đánh giá được hiệu quả sử dụng còn hạn chế.

Đề cương chi tiết các học phần mới vừa được cập nhật điều chỉnh nên chưa được đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng. Do vậy, trong năm học 2025-20226 Khoa cần thực hiện khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, các văn bản pháp lý để thực hiện việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Bên cạnh đó, định kỳ theo kế hoạch chung của Học viện Khoa cần bám sát các thông tin được cập nhật hàng năm theo quy định của Học viện để thực hiện điều chỉnh Bản mô tả CTĐT, ngày càng nâng cao chất lượng của CTĐT.

Tuy bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, dễ dàng cho các bên liên quan tiếp cận nhưng bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần lưu trữ ở Thư viện và ở Văn phòng khoa còn ít chưa thuận tiện cho đông đảo sinh viên cần sử dụng.

Thông tin về CTĐT ngành NNA được in chung với thông tin của các ngành khác đang được đào tạo tại Học viện trong Tờ rơi tuyển sinh, vì vậy nên thông tin chi tiết về từng chuyên ngành chưa được thể hiện đầy đủ.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cấu trúc chương trình dạy học tuân thủ theo các quy định hiện hành của Học viện Hàng không Việt Nam, đồng thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho sinh viên. Nội dung chương trình được sắp xếp khoa học, logic, có sự phát triển từ cơ bản đến nâng cao và đảm bảo tính tích hợp giữa các học phần, được thiết kế một cách hệ thống, đảm bảo sự hợp lý và tính nhất quán với mục tiêu đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh

Chương trình dạy học đã xây dựng rõ ràng các tiêu chuẩn đầu ra, từ đó tạo nên một khung chương trình đào tạo có cấu trúc logic, phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp của ngành. Tuy nhiên, trong quý IV năm 2024 có nhiều cập nhật mới về ĐCMH đặc biệt trong các môn học thuộc cơ sở ngành và chuyên ngành nên chưa triển khai được theo tiến độ thực tế; do vậy, cần điều chỉnh và cập nhật kịp thời sau khi các môn học được giảng dạy.

Các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá được áp dụng một cách hiệu quả, góp phần giúp sinh viên đạt được các tiêu chuẩn đầu ra theo đúng mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại liên quan đến việc tích hợp công cụ hỗ trợ giảng dạy và thu thập phản hồi từ các bên liên quan. Công cụ hỗ trợ giảng dạy chưa được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết.

Chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung của các học phần.

Số lượng CTDH quốc tế dùng để tham khảo khi xây dựng CTDH chưa nhiều.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tuy đã được phổ biến đến các bên có liên quan nhưng các doanh nghiệp trong ngành Hàng không chưa hiểu hoàn toàn triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện.

Các quy trình hướng dẫn thiết kế các phương pháp đánh giá chủ yếu trên giấy, việc triển khai đánh giá các kết quả các học phần trên máy tính chưa có nhiều tài liệu và chưa phổ biến.

Chưa có nội dung khảo sát về mức đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với các phương pháp giảng dạy. Đề cương chi tiết học phần chưa có hướng dẫn cụ thể nội dung việc tự học.

Thêm vào đó với đặc trưng riêng của ngành ngôn ngữ cần có sự kết hợp việc đánh giá giữa thuyết trình và vấn đáp, đóng vai, ... mà hiện không đánh giá được trên máy tính và tốn nhiều thời gian.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy trình hướng dẫn thiết kế các phương pháp đánh giá chủ yếu trên giấy, việc triển khai đánh giá các kết quả các học phần trên máy tính chưa có nhiều tài liệu và phổ biến.

Chưa có quy định về công khai đáp án sau, cũng như phương pháp đánh giá nhận xét rõ ràng sau mỗi kỳ thi kết thúc học phần lên trang thông tin sinh viên để sinh viên có thể kiểm tra, phản hồi được kết quả học tập của mình.

Số lượng câu hỏi của các học phần sử dụng ngân hàng câu hỏi còn ít, nên việc lựa chọn các câu hỏi để tổ hợp đề thi còn chưa đa dạng.

Học viện mới ba lần thực hiện khảo sát sinh viên về việc sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập nên chưa có nhiều dữ liệu phân tích.

Tồn tại một số trường hợp giảng viên chưa nhập điểm theo đúng thời hạn quy định làm ảnh hưởng tới việc phúc khảo của người học.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

HVHKVN chỉ quy hoạch giảng viên chung cho toàn HVHKVN, không quy hoạch riêng cho từng ngành/nhóm ngành đào tạo.

Các tiêu chí để đo lường về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cơ hữu chưa được cụ thể và tách biệt với các hoạt động chuyên môn khác.

Học viện gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự trình độ cao chuyên ngành hàng không.

Khung năng lực chưa gắn với chính sách lương nên hiệu quả đạt được chưa cao.

Số giảng viên Khoa NN tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ còn ít trong những năm qua; việc bồi dưỡng giảng viên ngoài nước còn hạn chế.

Việc lấy ý kiến của giảng viên đối với các chính sách của HVHKVN (đánh giá kết quả công việc, chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và bồi dưỡng, môi trường làm việc...) cần công khai hơn nữa để bảo đảm tính dân chủ trong việc góp ý các quy chế, quy định của HVHKVN.

Giai đoạn 2021-2023, GV của Khoa chưa thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, công bố quốc tế còn khiêm tốn, chưa có báo cáo tại các hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước; sản phẩm NCKH chủ yếu tập trung vào một số GV mà chưa có sự tham gia rộng rãi của các GV trong Khoa.

3.2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chỉ mới thực hiện ở người học, chưa lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên và chuyên viên, nhân viên trong toàn HVHKVN.

Năm 2023 thời gian tuyển dụng viên chức bị kéo dài do Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc ban hành trễ hơn so với dự kiến.

Một số tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa được rõ ràng, còn mang tính chất chung chung.

Trong giai đoạn 2019-2023, HVHKVN chưa có nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng về nâng cao năng lực của NV tại các khoa chuyên môn, Phòng ĐT, Phòng TS&CTSV để có thể hỗ trợ người học đạt hiệu quả cao hơn.

Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho đội ngũ NV còn hạn chế.

Việc lấy ý kiến của CB, GV, NV và người lao động đối với các chính sách của HVHKVN (đánh giá kết quả công việc, chính sách lương thưởng, phúc

lợi, đào tạo và bồi dưỡng, môi trường làm việc...) cần công khai hơn nữa để bảo đảm tính dân chủ trong việc góp ý các quy chế, quy định của HVHKVN.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Dù đã tổ chức lấy ý kiến hàng năm tuy nhiên các chính sách tuyển sinh vẫn cần điều chỉnh, thay đổi nhiều, chưa ổn định.

Học viện chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến, đánh giá của người học về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của trường, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hàng năm.

Vẫn còn một số sinh viên ngành NNA bị cảnh báo học vụ do kết quả học tập không đạt đủ yêu cầu theo quy chế đào tạo tín chỉ.

Học viện còn chưa có các câu lạc bộ học thuật chuyên ngành và câu lạc bộ khởi nghiệp cho SV nói chung và cho SV ngành NNA nói riêng.

Căn tin Học viện từ sau dịch Covid-19 tạm ngưng hoạt động nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu ăn uống cho người học.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù đã được đầu tư, trang cấp thường xuyên nhưng hệ thống thiết bị vẫn chưa đáp ứng kịp thời để phục vụ nhu cầu đào tạo ngày một mở rộng như hiện nay của HVHKVN.

Thư viện còn hạn chế về số lượng tài liệu điện tử NNA, chủ yếu bổ sung tài liệu dưới dạng giấy.

Một số trang thiết bị phục vụ dạy học cho ngành NNA đã và đang được sử dụng nhưng trong tình trạng lạc hậu hoặc hết thời hạn khấu hao. Chưa đầu tư được các trang thiết bị chuyên dụng phục vụ cho ngành NNA.

Kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế nên chưa mua sắm đồng thời nhiều thiết bị tin học mới, các trang thiết bị, phần mềm hiện đại trên thị trường.

HVHKVN chưa có nhiều phương tiện thuận lợi phục vụ đối với người khuyết tật.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng phiếu khảo sát ý kiến của đối tượng nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp trong quá trình rà soát quy trình xây dựng và phát triển CTDH chưa được tổ chức rộng rãi, thiếu việc khảo sát cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các chuyên gia.

Trong quá trình đưa ra các ý kiến phản hồi, vẫn còn một số lượng nhỏ các sinh viên chưa thật sự nghiêm túc hoặc các ý kiến còn mang tính cá nhân, cảm tính và chưa khách quan.

Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên chưa nhiều.

Chất lượng phục vụ thực hành của các phòng máy tính, máy tính tra cứu tài liệu ở thư viện chưa được như mong đợi do kinh phí của Học viện có hạn.

Các quy trình thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa được tổng hợp đầy đủ trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Chưa tổ chức nhiều các buổi họp, làm việc giữa ban giám đốc Học viện với các Khoa để hiểu rõ tình hình học tập của sinh viên và đưa ra những chỉ đạo, kế hoạch kịp thời và hiệu quả để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học của sinh viên.

Vẫn còn một số sinh viên tốt nghiệp trễ hạn do còn hạn chế về khả năng đọc các tài liệu bằng tiếng Anh.

Chưa tổ chức thường xuyên các hội thảo chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của sinh viên.

Chưa có số liệu đầy đủ, phù hợp để đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành NN với đơn vị ngoài Học viện.

Việc triển khai hoạt động NCKH của SV của ngành chưa đồng đều, chỉ tập trung vào một số SV; các loại hình SV tham gia NCKH chưa phong phú, chủ yếu là thực hiện đề tài cấp Học viện.

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người sử dụng lao động về mức độ phù hợp và khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT ngành NNA và khảo sát giảng viên, nhân viên về môi trường làm việc chưa được thực hiện thường xuyên.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.3.1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Lần rà soát, điều chỉnh CTĐT tiếp theo, Khoa NN xây dựng các biểu mẫu khảo sát phù hợp để có thể triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh một cách hợp lý.

Trong tương lai, chương trình sẽ tiếp tục hoàn thiện, không ngừng cải tiến để đảm bảo chất lượng và tính cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở rộng khảo sát các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng) để thu thập dữ liệu đánh giá hiệu quả của chương trình.

Học kỳ 2, Năm 2024, Khoa NN thực hiện kế hoạch mở thêm Ngành Ngôn ngữ Anh ứng dụng. Đối với 3 ngành hiện có: Tiếng Anh Hàng không, Tiếng Anh thương mại và Tiếng Anh Du lịch, năm 2024, Khoa đã tổ chức các hội thảo từ các chuyên gia và các Khoa liên quan: Khoa Du lịch và Dịch vụ thương mại hàng không, Khoa Quản trị kinh doanh để lên kế hoạch điều chỉnh cập nhật CTĐT chuyên ngành.

Quý 4 năm 2024 và quý 1 năm 2025 Khoa tiếp tục thực hiện, hoàn thiện các ĐCHP cho 4 chuyên ngành nêu trên theo hướng tạo điều kiện cho SV ngành NNA có thể kết hợp và chọn lọc để học lấy thêm các bằng đại học tại học viện với các Khoa tương thích như: Khoa Du lịch và thương mại hàng không, Khoa

quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại toàn bộ các ĐCHP còn lại.

Lập kế hoạch chi tiết phối hợp với các đơn vị mời chuyên gia đại diện doanh nghiệp trong và ngoài ngành Hàng không tham gia góp ý cho bản mô tả CTĐT.

Học kỳ 3, năm học 2024 – 2025, Khoa NN tổ chức rà soát đánh giá lại toàn bộ các đề cương chi tiết các học phần ngành KTHK với sự tham gia của các bên liên quan trong đó có ý kiến của sinh viên, chuyên gia và đơn vị sử dụng lao động.

Hàng năm Khoa NN kết hợp với Phòng Khảo thí và KĐCL Phòng Đào tạo tiếp tục tham khảo CTDH chuyên ngành tương đương tại các cơ sở đào tạo khác, tham vấn ý kiến của các chuyên gia GD trong nước để cải tiến CTDH.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Quý III năm 2024, Khoa NN bổ sung các công cụ hỗ trợ giảng dạy phù hợp với từng học phần vào đề cương chi tiết.

Quý III năm 2025, Khoa NN lấy ý kiến của chuyên gia trong ngành về nội dung của các đề cương cơ sở ngành và chuyên ngành.

Quý IV năm 2025, Khoa NN tham khảo thêm CTDH ngành KTHK từ các trường đại học trong nước và quốc tế.

Hàng năm, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH dựa trên các khảo sát ý kiến của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH để kịp thời có những điều chỉnh, tăng phần thực tập thực tế nhằm chuẩn bị tốt hơn cho SV khi gia nhập thị trường lao động. cải tiến đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học kỳ 1, năm học 2024-2025, Phòng TCHC gửi triết lý và mục tiêu giáo dục của Học viện tới các đơn vị liên quan, tổ chức hội thảo và quảng bá triết lý, mục tiêu giáo dục tới các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài ngành hàng không.

Học kỳ 3, năm học 2023-2024, Phòng KT&ĐBCL lượng phối hợp cùng Khoa KTHK bổ sung khảo sát về mức đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với các phương pháp giảng dạy.

Quý 3, năm 2024, Khoa NN bổ sung nội dung học viên tự học và hình thức đánh giá trong đề cương chi tiết.

Thông qua các phương tiện đa dạng và các cuộc họp, hội nghị giữa các bộ phận đơn vị trong và ngoài học viện, tiếp tục truyền thông và phổ biến sâu rộng về triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện tới các bên liên quan, trong đó lực lượng nòng cốt là cán bộ viên chức người lao động của học viện, đồng thời tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để ngày càng hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục và phù hợp với triết lý giáo dục đã đề ra của học viện.

Thực hiện quảng bá và truyền thông một cách rộng rãi và sâu sát các triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện tới các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, nhà khoa học trong và ngoài ngành hàng không, thông qua các hoạt động thực tế như hội thảo khoa học, hội nghị, tiếp xúc giao lưu, họp mặt, tọa đàm, workshop, ký kết hợp tác giữa Học viện và các đối tác, doanh nghiệp. Nhờ đó, Học viện và các bên liên quan này có cơ hội tiếp xúc, gắn kết gần gũi hơn, tạo điều kiện để họ hiểu biết cụ thể, chi tiết và sâu sắc hơn về triết lý, mục tiêu giáo dục của học viện, tranh thủ sự hợp tác và liên kết, để phát triển Học viện đi theo định hướng đã đề ra.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Quý IV, năm 2024, HV đã có những buổi tập huấn và cung cấp tài liệu hướng dẫn thiết kế phương pháp, công cụ kiểm tra/đánh giá trên máy tính.

Từ năm học 2024-2025 Khoa NN phối hợp Phòng KT&ĐBCL bổ sung quy định công khai đáp án các môn thi của kỳ thi kết thúc học phần, cũng như phương pháp đánh giá có thang điểm rõ ràng lên trang thông tin sinh viên (hoặc LMS) để người học có thể kiểm tra phản hồi về kết quả học tập. Hằng

năm, từ năm 2021, Khoa NN tổ chức rà soát, bổ sung thêm câu hỏi trong các ngân hàng câu hỏi.

Hàng năm, từ năm học 2024-2025, Phòng KTĐBCL thực hiện khảo sát sinh viên về cải thiện kết quả học tập và gửi báo cáo về Ban giám đốc và Khoa để có thêm thông tin đề ra các giải pháp giúp sinh viên cải thiện việc học tập.

Học kỳ 3, năm học 2024 – 2025, Khoa NN đôn đốc giảng viên thực hiện việc chấm thi và nhập điểm theo đúng thời gian quy định.

Quý IV, năm học 2025 Khoa bổ sung khảo sát về mức đánh giá mức độ chủ động của sinh viên đối với các phương pháp giảng dạy và khảo sát tính hiệu quả của các hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy trong CTĐT.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2024-2025, Phòng TCHC phối hợp với Khoa chủ trì dự thảo để trình Lãnh đạo phê duyệt kế hoạch rà soát các chỉ tiêu chiến lược và xây dựng cơ chế/chính sách, trong đó quy hoạch đội ngũ giảng viên riêng cho từng ngành/nhóm ngành đào tạo.

Quý 3, năm 2024, Phòng TCHC chủ trì dự thảo trình Giám đốc phê duyệt quy định về khối lượng công tác phục vụ cộng đồng của giảng viên và cách quy đổi khối lượng.

Hàng năm, từ năm học 2024-2025, Phòng TCHC thực hiện tốt việc truyền thông để tuyển dụng nhân sự trình độ cao ngành hàng không; tăng lương và thêm phúc lợi để thu hút nhân tài về phục vụ cho HVHKVN.

Quý 3, năm 2024, Phòng TCHC tổ chức lấy ý kiến GV về khung năng lực và việc triển khai KPI; điều chỉnh phù hợp, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa năng lực của GV và chính sách lương nhằm tạo động lực thúc đẩy GV hoàn thành công việc tốt hơn.

Hàng năm từ năm học 2024-2025, Khoa NN, Phòng TCHC, Phòng KHTC đề xuất các chính sách liên quan đến đào tạo và bồi dưỡng phát triển giảng viên nhằm khuyến khích giảng viên tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.

Hàng năm từ năm học 2024-2025, Phòng KT&ĐBCL rà soát, cập nhật và lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung câu hỏi để khảo sát GV, CB, NV mang lại hiệu quả cao cho việc cải tiến chất lượng của HVHKVN.

Hàng năm từ năm học 2024-2025, Phòng TCHC công khai các dự thảo quy chế, quy định trên website của HVHKVN sớm hơn để người lao động có thời gian tham gia ý kiến đầy đủ, kịp thời.

Hàng năm từ năm học 2024-2025, Phòng KHCN&HTQT, Hội đồng Khoa học & Đào tạo thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm tham gia đấu thầu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ để tăng số lượng các đề tài nghiên cứu trong năm của GV; xây dựng chính sách nhằm khuyến khích GV tham gia NCKH, mở rộng liên kết và hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc công bố quốc tế, thực hiện đề tài NCKH các cấp và tham gia các hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước.

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Từ năm học 2023-2024, Phòng KT&ĐBCL chủ trì thực hiện khảo sát định kỳ 1 lần/năm vào cuối mỗi năm học về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên với các đối tượng phản hồi rộng hơn.

Quý 3, năm 2024, Phòng TCHC rà soát các tiêu chí trong đề án vị trí việc làm, các tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí bổ nhiệm cho các vị trí cán bộ quản lý, hỗ trợ qua đó ban hành Khung năng lực cho từng vị trí nhằm hỗ trợ dễ dàng cho việc tuyển dụng và bổ nhiệm đối với đội ngũ chuyên viên, cán bộ quản lý.

Quý 3, năm 2024, Phòng TCHC rà soát, cập nhật và ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên trong các đơn vị của HVHKVN.

Quý 3, năm 2024; Phòng TCHC chủ trì phối hợp với Phòng KHTC xây dựng chính sách hỗ trợ và tăng nguồn kinh phí hỗ trợ nhân viên trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để trình lãnh đạo phê duyệt.

Hàng năm, từ năm 2024, Phòng TCHC xây dựng và công khai các dự thảo quy chế, quy định trên website của HVHKVN sớm hơn để người lao động có thời gian tham gia ý kiến đầy đủ, kịp thời.

3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hàng năm, từ năm học 2024-2025, Phòng TS&CTSV, Khoa NN đẩy mạnh phương thức xét tuyển sớm để đảm bảo gọi đủ số lượng trúng tuyển nhưng không làm giảm điểm trúng tuyển theo phương thức THPT.

Hàng năm, từ năm học 2024-2025, Phòng TS&CTSV tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của sinh người học về các tiêu chí, phương thức tuyển sinh chung của trường; phân tích, tổng hợp cơ sở dữ liệu và đưa ra đánh giá chung về sự điều chỉnh tiêu chí hàng năm như thế đã thực sự phù hợp và hiệu quả chưa.

Hàng năm từ quý III, năm 2024, CVHT Khoa NN hỗ trợ sinh viên lên kế hoạch học tập, tư vấn khối lượng học tập và phương pháp học tập phù hợp để giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập.

Từ năm học 2024-2025, Phòng TS&CTSV chủ trì; Đoàn thanh niên Học viện, Khoa NN phối hợp thành lập thêm các câu lạc bộ học thuật chuyên ngành và khởi nghiệp để tạo điều kiện cho SV tăng cường kỹ năng mềm và kỹ năng khởi nghiệp.

Năm học 2024-2025, Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các đơn vị có phương án sửa chữa, xây dựng nhà ăn/ căn tin để đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giảng viên và người học.

3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hàng năm, từ năm học 2024-2025, Phòng TCHC chủ trì phối hợp với Phòng KHTC rà soát thanh lý các trang thiết bị phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm hết khấu hao, lập dự toán kế hoạch mua sắm thay thế bổ sung các trang thiết bị mới.

Hàng năm, từ Quý III năm 2024, Thư viện rà soát, bổ sung sách mới theo đề nghị của khoa và nhu cầu sử dụng của người học nhằm hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Năm học 2024-2025, Phòng TCHC chủ trì phối hợp với Phòng KHTC hoạch định lại hệ thống công nghệ thông tin để lập kế hoạch tập trung đầu tư nâng cấp theo từng giai đoạn.

Năm học 2024-2025, Phòng TCHC lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học có lưu ý đến thiết kế phương tiện thuận lợi cho người khuyết tật.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Năm học 2024–2025, Phòng TCHC và bộ phận Thư viện đề xuất mua sắm, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành máy tính, máy tính tra cứu tài liệu thư viện hiện đại hơn.

Năm học 2024–2025, Phòng KT&ĐBCL hoàn thiện, bổ sung đầy đủ các quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Trong đợt điều chỉnh CTDH từ năm 2025 trở về sau, Khoa Ngoại ngữ tiếp tục phát huy thế mạnh của việc thiết kế CTDH dựa trên các yêu cầu CDR của CTĐT ngành NNA về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH với CDR.

Năm 2025, Khoa Ngoại Ngữ sẽ phối hợp với các phòng ban liên quan để thiết kế, công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT, thiết kế và in tờ rơi tuyển sinh riêng cho Khoa Ngoại Ngữ.

Từ năm quý 2025-2026 bổ sung thêm phần mềm hỗ trợ giảng dạy phù hợp với từng học phần vào đề cương chi tiết.

Quý 1 năm 2025, Khoa NN phối hợp với Công ty cổ phần đầu tư và giáo dục Vương quốc Anh - UK EDUCATION tổ chức hội thảo, có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và nhà tuyển dụng lao động tham gia đóng góp, rà soát và điều chỉnh CDR chương trình ngành NNA.

Quý 2 năm 2025 Khoa phối hợp với Khoa CNTT để tích hợp các công nghệ dịch thuật và biên phiên dịch tự động vào chương trình giảng dạy, bổ sung các khóa học về phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ.

Trong năm 2025, Khoa kết hợp với Khoa CNTT, phòng TS&CTSV và hợp tác với các đối tác công nghệ tiếp tục tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về công nghệ dịch thuật cho sinh viên và giảng viên.

Khoa tiếp tục phát huy và mở rộng việc hợp tác với các trường và học viện ở nước ngoài trong việc giao lưu và tạo điều kiện thực tập, trải nghiệm và tập huấn ở nước ngoài.

Tăng cường trao đổi giảng dạy và học thuật với các trường và các chuyên gia nước ngoài.

Hàng năm, từ năm học 2025-2026, Khoa NN đẩy mạnh việc khuyến khích GV và SV tập trung đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn liền với việc cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Hàng năm từ năm học 2025-2026, Phòng ĐT chủ trì, Khoa NN phối hợp tổ chức nhiều hơn các buổi làm việc giữa Ban Giám đốc Học viện với Khoa để hiểu rõ tình hình học tập của sinh viên và đưa ra những chỉ đạo, kế hoạch kịp thời và hiệu quả để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học của sinh viên.

Hàng năm, từ học kỳ III, năm học 2024-2025, Khoa NN chủ trì tổ chức các buổi hội thảo chuyên môn cho sinh viên NNA về các vấn đề học và đạt chuẩn đầu ra về các CC Tiếng Anh quốc tế, hoạt động ngoại khóa ứng dụng tiếng Anh vào thực tiễn để trợ giúp sinh viên NNA đủ chuẩn xét tốt nghiệp, quan trọng hơn là tăng cường khả năng tiếng ứng dụng, sáng tạo cho sinh viên ngành NNA trong thực tiễn.

Năm học 2025-2026, Khoa NN cùng với Phòng TS&CTSV tổ chức thêm các hội thảo thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Năm học 2025-2026, Khoa NN tìm kiếm và mở rộng các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế của các đơn vị liên ngành trong các lĩnh vực liên ngành có đặc trưng về hàng không.

Hàng năm, từ năm học 2025-2026, Phòng TS&CTSV, Phòng KT&ĐBCL, Khoa KTHK tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bao gồm cán bộ nhân viên, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp, nhà

tuyển dụng) vào cuối mỗi học kỳ hoặc cuối mỗi năm học, để làm cơ sở cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo ngành KTHK.

3.4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Hàng không Việt Nam

Mã: HHK

Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh trình độ đại học

Mã CTĐT: 7220201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					

<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,57	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5,00	5	100

Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,33	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,40	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,66	50	100

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Học viện Hàng không Việt Nam

Tiếng Anh: Vietnam Aviation Academy

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HVHKVN

Tiếng Anh: VAA

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Hàng không Việt Nam

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giao thông vận tải

5. Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 028.38442251 Số fax: 028.38447523

E-mail: info@vaa.edu.vn

Website: ww.vaa.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2006

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: năm 2007

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: năm 2011

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Ngoại ngữ

Tiếng Anh: Faculty of Foreign Languages

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa NN

Tiếng Anh: VAFL

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7220201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Cơ sở 2 – Học viện Hàng không Việt Nam; 18A/1 Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

18. Số điện thoại liên hệ: (028) 38442251;

Email: knn@vaa.edu.vn; Website: <https://vaa.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): năm 2021

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): năm 2021

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): năm 2022

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Ngày 24/3/1979, Trường Sĩ quan và Trung cấp nghiệp vụ Hàng không thuộc Tổng cục Hàng không Dân dụng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ – QP, của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng (tiền thân của Học viện HKVN ngày nay). Ngày 14/11/1994, Bộ trưởng Bộ GTVT ra quyết định số 2318/QĐ-TCCCB-LĐ chuyển đổi tổ chức “Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Hàng không” thành “Trường Hàng không Việt Nam” trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam ” thực hiện nhiệm vụ đào tạo bậc dưới đại học các nghề chuyên ngành hàng không: Kiểm soát viên không lưu; Khai thác cảng hàng không; Vận tải hàng không và điện tử viễn thông hàng không.

Ngày 17/7/2006, Học viện HKVN được thành lập theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường HKVN. Lúc này, Học viện HKVN có 03 khoa thực hiện đào tạo trình độ đại học: Khoa Không lưu, Khoa Vận tải Hàng không và Khoa Điện tử viễn thông Hàng không.

Năm 2021, Khoa NN được thành lập và được giao nhiệm vụ đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học (mã ngành 7220201)

Từ khóa tuyển sinh đầu tiên năm 2021 đến thời điểm 31/10/2024, quy mô đào tạo sinh viên trình độ Đại học chính quy ngành NNA là 1273 sinh viên, tổng số sinh viên tốt nghiệp là 1 sinh viên (1 sinh viên khóa tuyển sinh năm 2021 tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo 2021-2025).

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Học viện HKVN					
1	Chủ tịch Hội đồng Học viện	Trần Hoài An	1968	PGS. TS	0983204888	anth@vaa.edu.vn
2	Giám đốc	Nguyễn Thị Hải Hằng	1970	TS	0903926958	hangnth@vaa.edu.vn
3	Phó Giám đốc	Hà Nam Khánh Giao	1965	PGS. TS	0903306363	giaohnk@vaa.edu.vn
4	Phó Giám đốc	Cổ Tấn Anh Vũ	1971	TS	0908240006	vucta@vaa.edu.vn
	Khoa NN					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Phụ trách khoa KTHK	Nguyễn Thị Như Diệp	1976	TS	0919025079	diepntn@vaa.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
1.	Bí thư chi bộ	Trần Anh Tuấn	1990	ThS	0973389133	tuanta@vaa.edu.vn
2.	Chủ tịch công đoàn bộ phận Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Hạnh Minh	1982	ThS	0909582667	minhnh@vaa.edu.vn
3	Bí thư ĐTN khoa	Nguyễn	2004	SV	0977201020	2252210031@va

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	NN	Thảo Ly				a.edu.vn
III.	Các bộ môn					
1.	Phụ trách Bộ môn Năng lực giao tiếp	Trần Lê Tâm Linh	1972	TS	0973592084	linhtlt@vaa.edu.vn
2.	Phụ trách bộ môn Ngữ học và văn chương	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	1973	TS	0908611682	anhntn@vaa.edu.vn
3	Phụ trách bộ môn Tiếng Anh thương mại	Lê Hoàng Anh Tuấn	1988	ThS	0907090347	tuanlha@vaa.edu.vn
4	Phụ trách bộ môn Tiếng Anh Hàng không	Nguyễn Hạnh Minh	1982	ThS	0909582667	minhnhm@vaa.edu.vn
5	Phụ trách bộ môn Tiếng Anh Du Lịch	Hoàng Thị Thu Trang	1979	TS	0982142041	tranghth@vaa.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 1

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☐	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01 ngành.

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ Trong đó:			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	4	4
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	6	22	28
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	11	16	27

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn

	Tổng số	17	42	59
--	---------	----	----	----

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	06	01	04	0	01	0
5	Thạc sĩ	52	03	22	0	25	02
6	Đại học	01	0	01	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	59	04	27	0	26	02

hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 29 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	6	01	04	0	01	0	10.4
5	Thạc sĩ	1	52	03	22	0	25	02	59.4
6	Đại học	0,3	01	0	0	0	01	0	0
	Tổng		58	04	26	0	27	02	69.8

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9).

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư,	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	06		01	05	0	0	01	04	0
5	Thạc sĩ	52		15	37					
6	Đại học	01		01	0					
	Tổng	59		17	42					

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	17,9	0	5	0	0	2	3	0
5	Thạc sĩ	23	82,1	4	19	4	12	3	4	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	28	100%	4	24	4	12	5	7	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37,6 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 52,6%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21,1%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2021-2022		98					
2022-2023		155					
2023-2024		456					
2024-2025		564					

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học				
Trong đó:				
Hệ chính quy	98	155	456	564
Hệ không chính quy	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng				
Trong đó:				
Hệ chính quy	-	-	-	-

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT	Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
	Hệ không chính quy	-	-	-	-
	5. Học sinh TCCN				
	Trong đó:				
	Hệ chính quy	-	-	-	-
	Hệ không chính quy	-	-	-	-
	6. Khác ...				

trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học			
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT	Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
	1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	2.496	2.496	2.496	2.496
	2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	65	65	-	-
	3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	54	54	-	-
	4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,9	4,9	4,9	4,9

tham gia nghiên cứu khoa học.

	Năm học
--	---------

	2018-2 019	2019-2 020	2020-2 021	2021-2 022	2022-2 023
Số lượng (người)	0	03	0	10	04
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,0	2,0	0,0	4,7	1,2

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Đơn vị: người	Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
		2021-2 022	2022-2 023	2023-2 024	2024- 5
	1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	Năm tốt nghiệp		-
	2. Học viên tốt nghiệp cao học	022	023	024	25
	3. Sinh viên tốt nghiệp đại học				
	1. Số lượng người học tốt nghiệp (người):	-	-	1	
	2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số	-	-	-	
	Hệ chính quy	-	-	-	
	Hệ không chính quy	-	-	-	-
	4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng				
	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về	-	-	-	-
	Trong đó:				
	Chất lượng CTĐT:				
	A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện	-	-	-	-
	Hệ chính quy	-	-	-	-
	Hệ không chính quy	-	-	-	-
	CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐	-	-	-	-
	5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp				
	Trong đó:	-	-	-	-
	Chất lượng CTĐT:				
	A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện	-	-	-	-
	Hệ chính quy	-	-	-	-
	Hệ không chính quy	-	-	-	-
	CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điều	-	-	-	-
	CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐	-	-	-	-
	6. Khả năng người học trả lời đã học được	-	-	-	-
	những kiến thức và kỹ năng cần thiết				
	cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
	(%).				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:				
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.				
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).				
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.				
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐				

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
		2021-2 022	2022-2 023	2023-2 024	2024- 25
45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện	chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:				
	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				
	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				
	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				

CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng				
			2021-2 022	2022-2 023	2023-2 024	2024-2 025	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0,0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*		0	0	0	0	0,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	-	-	0	1	0.5
	Tổng			0	0	0.5	0.5

Cách tính: Cột 8 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng
Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5,5/19

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2021	0	0	0
2	2022	0	0	0
3	2023	0	0	0
4	2024	0	0	0
5	2025	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	1	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách	2,0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
	chuyên khảo								
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/19

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	0	
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	
	Tổng		0	0	0	0	0	

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

T	Phân loại hội thảo	Số lượng
---	--------------------	----------

T		Hệ số**	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	
	Tổng	0	0	0	0	0	0	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1/19

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2021-2022	0
2022-2023	0

2023-2024	0
2022-2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 7926

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 7.863 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 4728 m², Nơi học: 15322 m², Nơi vui chơi giải trí: 6868 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 15322 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,2 m²/NH

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 220

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 20

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 8

- Dùng cho người học học tập: 213

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

$$213/427 = 0,50$$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 18%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 72%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1170

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 30.31

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tốt nghiệp năm học 2024-2025:

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tốt nghiệp năm học 2024-2025:

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tốt nghiệp năm học 2024-2025:

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Tốt nghiệp năm học 2024-2025:

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

Tốt nghiệp năm học 2024-2025: triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Tốt nghiệp năm học 2024-2025:%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Tốt nghiệp năm học 2024-2025:%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5/ 28

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:
Năm 2024:triệu; năm 2025: triệu

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/28

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/28

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: ... /28

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 213/427

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,7 m²/NH.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,2 m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

**PHỤ LỤC 2: CÁC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ
ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ, NHÓM CHUYÊN TRÁCH**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1155/QĐ-HVHK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình
Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08/8/2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng, Khoa, Trung tâm, các tổ chức có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,KT&ĐBCL

GIÁM ĐỐC

TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH NGÔN NGỮ ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1155/QĐ-HVHK, ngày 09 tháng 9 năm 2024
của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Hải Hằng	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch
2	Cổ Tấn Anh Vũ	Phó Giám đốc Học viện, Trưởng Phòng Đào tạo	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Như Diệp	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch
4	Vũ Hoàng Minh	Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5	Nguyễn Nữ Tường Vi	Phụ trách Phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
6	Nguyễn Minh Tùng	Trưởng Phòng tuyển sinh và Công tác sinh viên	Thành viên
7	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	Chủ tịch công đoàn Học viện	Thành viên
8	Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thu Trà	Phụ trách Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Thành viên
10	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Trưởng Bộ môn Ngữ học và Văn chương, Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
11	Hoàng Thị Kim Quy	Thành viên Hội đồng Học viện	Thành viên
12	Nguyễn Thanh Hào	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
13	Nguyễn Tuấn Định	Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 1155/QĐ-HVHK, ngày 09 tháng 9 năm 2024
của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Như Diệp	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Trưởng Ban thư ký
2	Lê Hoàng Anh Tuấn	Trưởng bộ môn Tiếng Anh Thương mại, Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
3	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Trưởng bộ môn Tiếng Anh Tổng quát, Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
4	Phạm Thị Ngọc Oanh	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Thị Bình	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
6	Phan Thị Thu Hảo	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
7	Nguyễn Trường Thảo Nguyên	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
8	Nguyễn Thị Quế Anh	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
9	Nguyễn Hồng Hoàng My	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
10	Trần Thị Thảo Hiền	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 10 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1155/QĐ-HVHK, ngày 09 tháng 9 năm 2024
của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 8 người	Trưởng nhóm: Cổ Tấn Anh Vũ	Phó Giám đốc, Trưởng Phòng Đào tạo	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3 (3+3+3) TC1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; TC2: Bản mô tả chương trình đào tạo; TC3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. 2. Cơ sở dữ liệu: Từ 8 đến 21,25 đến 32
	Dương Gia Bảo	Chuyên viên Phòng Đào tạo	
	Dương Đan Thanh	Chuyên viên Phòng Đào tạo	
	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Trưởng bộ môn Tiếng Anh Tổng quát, Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Trưởng bộ môn Ngữ Học và Văn chương, Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Thu Vân	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Bùi Vũ Thế Đức	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Võ Thị Thu	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
Nhóm 2: 12 người	Trưởng nhóm: Nguyễn Thị Như Diệp	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Tiêu chuẩn: 4, 5, 8 (3+5+5) TC4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
	Nguyễn Hạnh Minh	Trưởng bộ môn Tiếng Anh Hàng không, Khoa Ngoại ngữ	
	Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng bộ môn Tiếng Anh Du lịch, Khoa Ngoại ngữ	

	Nguyễn Ngân Phương	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	TC5: Đánh giá kết quả học tập của người học; TC8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 2. Cơ sở dữ liệu: 22, 38, 39, 40, 43, 44
	Hoàng Thị Quỳnh Như	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Thúy Hằng	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Phạm Thị Ngọc Oanh	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	
	Nguyễn Trường Thảo Nguyên	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	
	Nguyễn Thị Hà	Phó Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	
	Ngô Thị Thanh Nga	Chuyên viên Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	
	Phùng Phương Anh	Chuyên viên Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	
	Thái Nguyễn Thị Như Hảo	Chuyên viên Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	
Nhóm 3: 12 người	Trưởng nhóm: Nguyễn Nữ Tường Vi	Phụ trách Phòng Tổ chức Hành chính	Tiêu chuẩn: 6, 7, 9 (7+5+5) TC6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; TC7: Đội ngũ nhân viên;
	Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng Phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất	
	Nguyễn Thị Bình Minh	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	
	Phạm Minh Tùng	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	

	Lê Thị Huỳnh Như	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	TC9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 2 Cơ sở dữ liệu: 23, 24, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 56, 57, 58, 59, 60, 61
	Phạm Thị Hương Giang	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	
	Bùi Thị Thuý Vy	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	
	Vũ Thị Mai Trung	Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	
	Ngô Cao Nghĩa	Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	
	Thân Văn Đức	Chuyên viên Phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất	
	Nguyễn Thành Tâm	Chuyên viên Phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất	
	Phan Thanh Mai	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	
Nhóm 4: 11 người	Trưởng nhóm: Trần Lê Tâm Linh	Trưởng Bộ môn Năng lực và Giao tiếp, Khoa Ngoại ngữ	Tiêu chuẩn 10, 11 (6+5) TC10: Nâng cao chất lượng; TC11: Kết quả đầu ra 2. Cơ sở dữ liệu: 42, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55
	Lê Hoàng Anh Tuấn	Trưởng Bộ môn Tiếng Anh Thương mại, Khoa Ngoại ngữ	
	Trần Lê Kim Ngân	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Phan Thị Thức	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Trần Hương Quỳnh	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ	
	Trần Ngọc Sương	Chuyên viên Phòng Đào tạo	
	Dương Gia Bảo	Chuyên viên Phòng Đào tạo	
	Phạm Thị Ngọc Oanh	Chuyên viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	

	Ngô Thị Thanh Nga	Chuyên viên Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	
	Vũ Thu Hà	Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	
	Trịnh Xuân Thu	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính	

(Danh sách gồm có 43 người)

Chú ý:

- **Tiêu chuẩn:** Là các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- **Cơ sở dữ liệu:** Phụ lục 7 về Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, quy định tại văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020, của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 783/HVHK-KH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các tài liệu hướng dẫn:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020, của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo về thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng

chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo công văn số 769/ QLCL-KĐCLGD về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1155/QĐ-HVHK ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam, Hội đồng gồm có 42 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ:

a) Ban thư ký:

- Điều phối chung công tác tự đánh giá CTĐT Công nghệ thông tin, trình độ đại học.

- Lập kế hoạch, theo dõi tiến độ thực hiện của các nhóm chuyên trách theo kế hoạch tự đánh giá.

- Kịp thời báo cáo Hội đồng tự đánh giá các vướng mắc, khó khăn để lập phương án giải quyết.

- Viết các phần nội dung trong báo cáo tự đánh giá:

+ Phần I. Khái quát;

+ Phần III. Kết luận;

+ Các cơ sở dữ liệu kiểm định thuộc Phụ lục 1 của báo cáo tự đánh giá (Phụ lục 7 của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020, của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo): Từ 1 đến 7, VIII;

+ Phụ lục 2 của báo cáo tự đánh giá: Các quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và nhóm chuyên trách;

+ Phụ lục 3 của báo cáo tự đánh giá: Kế hoạch tự đánh giá;
 + Phụ lục 4 của báo cáo tự đánh giá: Danh mục các hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu....

- Tổng hợp cáo báo tự đánh giá, danh mục minh chứng;
- Triển khai các công việc khác theo chỉ đạo từ Hội đồng tự đánh giá

b) Các nhóm chuyên trách:

TT	Tiêu chuẩn	Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1, 2, 3	Từ 8 đến 21,25 đến 32	Nhóm công tác chuyên trách 1	6 tuần	
2	4, 5, 8	22, 38, 39, 40, 43, 44	Nhóm công tác chuyên trách 2	6 tuần	
3	6, 7, 9	23, 24, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 56, 57, 58, 59, 60, 61	Nhóm công tác chuyên trách 3	6 tuần	
4	10, 11	42, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55	Nhóm công tác chuyên trách 4	6 tuần	

V. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
-----------	-------------------	----------------------	---	-------------------------------	----------------

1	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	- Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích, xử lý thông tin minh chứng. - Viết, chỉnh sửa báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn, danh mục minh chứng, cơ sở dữ liệu kiểm định. - In, phô tô tài liệu, minh chứng	- Nhân lực: Ngoài thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách, nhân sự từ các đơn vị có thể được huy động thêm tùy thực tế triển khai. - Cơ sở vật chất: Sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị. Các nhóm chuyên trách, các đơn vị có thể đề xuất thêm yêu cầu về cơ sở vật chất, trình Giám đốc phê duyệt. - Tài chính: Kinh phí từ nguồn do Học viện cấp, trên cơ sở các mức chi hợp lý cho từng công việc theo tờ trình Giám đốc phê duyệt	Trong thời gian viết Báo cáo tự đánh giá	
---	-----------------------------------	--	---	--	--

VI. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại, mã hoá và lập danh mục minh chứng. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được, yêu cầu các nhóm công tác điều chỉnh, bổ sung. Hội đồng lập Bảng

danh mục mã minh chứng tổng hợp cho báo cáo tự đánh giá sau khi các minh chứng đạt yêu cầu.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (đề riêng ở phần Phụ lục của báo cáo tự đánh giá).

VII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT trong 24 tuần. Chi tiết lịch trình như sau:

	Thời gian	Các hoạt động
	Tuần 1-2 02-15/9/ 2024	1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách 2. Phòng Khảo thí và ĐBCL dự thảo kế hoạch tự đánh giá 3. Họp Hội đồng tự đánh giá để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá • Phân công nhiệm vụ cho các thành viên • Thông qua Kế hoạch tự đánh giá 4. Hướng dẫn các nhóm chuyên trách về viết báo cáo tự đánh giá CTĐT 5. Trưởng nhóm chuyên trách họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên (thành viên phụ trách tiêu chí, tiêu chuẩn, phụ trách cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, tổng hợp tiêu chuẩn...). 6. Các nhóm chuyên trách làm việc cùng Ban thư ký và Phòng Khảo thí và ĐBCL về các nội dung cần trao đổi thêm (nếu cần, theo đề nghị từ các nhóm chuyên trách)
	Tuần 3-6 16/9-13/1 0/ 2024	1. Thành viên phụ trách tiêu chí: - Phân tích tiêu chí; tìm, thu thập minh chứng, mã hóa minh chứng, lập danh mục minh chứng, lưu trữ minh chứng. - Viết báo cáo tiêu chí. 2. Thành viên phụ trách cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng

	CTĐT (cơ sở dữ liệu) tìm thông tin để hoàn thành các nội dung cơ sở dữ liệu được phân công. 3. Trưởng nhóm chuyên trách họp nhóm để thảo luận, góp ý, chỉnh sửa báo cáo tiêu chí và cơ sở dữ liệu. 4. Thành viên phụ trách tiêu chí, phụ trách cơ sở dữ liệu chỉnh sửa, bổ sung báo cáo tiêu chí, cơ sở dữ liệu theo ý kiến góp ý đã được thống nhất. (Trưởng nhóm có thể tổ chức họp thảo luận, góp ý nhiều lần, tùy tình hình thực tế).
Tuần 7 14/10-20/10/ 2024	(Lần 1) Trưởng nhóm và các thành viên được phân công: - Tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết); - Tổng hợp danh mục minh chứng. - Rà soát và tổng hợp cơ sở dữ liệu. - Gửi báo cáo tiêu chuẩn, danh mục minh chứng, cơ sở dữ liệu về Ban thư ký
Tuần 8 21/10-27/10/ 2024	Ban thư ký: - Viết thêm các phần khái quát, kết luận, bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá... - Tổng hợp các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ sở dữ liệu, danh mục minh chứng các phụ lục.... thành dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1. - Gửi dự thảo lần 1 để Hội đồng tự đánh giá và toàn thể cán bộ giảng viên và người học góp ý (gửi thông qua Phòng Khảo thí và ĐBCL)
Tuần 9 28/10-03/11/ 2024	- Hội đồng tự đánh giá góp ý báo cáo tự đánh giá và gửi về Ban thư ký. - Ban thư ký tổng hợp các ý kiến góp ý gửi các nhóm chuyên trách

	Tuần 10-12 04/11-24/ 11/ 2024	Ban thư ký tiếp tục tổng hợp các ý kiến góp ý gửi các nhóm chuyên trách (Lần 2) Các nhóm chuyên trách: 1. Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo tiêu chí, minh chứng, báo cáo tiêu chuẩn, cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá. 2. Làm việc cùng Ban thư ký và Phòng Khảo thí và ĐBCL về các vấn đề cần trao đổi thêm (nếu cần thiết). 3. Gửi bản chỉnh sửa, bổ sung về Ban thư ký
	Tuần 13-14 25/11-08/ 12/ 2024	Ban thư ký: 1. Chỉnh sửa và tổng hợp dự thảo báo cáo lần 2. 2. Làm việc với các nhóm chuyên trách về các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung thêm (nếu cần thiết) 3. Gửi dự thảo báo cáo lần 2 lấy ý kiến Hội đồng tự đánh giá (gửi thông qua Phòng Khảo thí và ĐBCL).
	Tuần 15 09-15/12/ 2024	1. Hội đồng tự đánh giá góp ý báo cáo tự đánh giá và gửi về Ban thư ký. Ban thư ký tổng hợp các ý kiến góp ý gửi các nhóm chuyên trách
	Tuần 16-18 16/12/2024- 05/01/ 2025	Ban thư ký tiếp tục tổng hợp các ý kiến góp ý gửi các nhóm chuyên trách (Lần 3) Các nhóm chuyên trách: 1. Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo tiêu chí, minh chứng, báo cáo tiêu chuẩn, cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá. 2. Làm việc cùng Ban thư ký và Phòng Khảo thí và ĐBCL về các vấn đề cần trao đổi thêm (nếu cần thiết). 3. Gửi bản chỉnh sửa, bổ sung về Ban thư ký
	Tuần 19 06-12/01/ 2025	Ban thư ký: 1. Chỉnh sửa và tổng hợp dự thảo báo cáo lần 3.

		2. Làm việc với các nhóm chuyên trách về các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung thêm (nếu cần thiết) 3. Gửi dự thảo báo cáo lần 3 lấy ý kiến Hội đồng tự đánh giá (gửi thông qua Phòng Khảo thí và ĐBCL).
	Tuần 20 13-17/01/ 2025	1. Hội đồng đọc, góp ý và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. 2. Hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối
	Tuần 21-24 18/01-16/ 02/ 2025	Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá (để th/h);
- Các đơn vị (để th/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCL

GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của Học viện hàng không Việt Nam	11
Hình 1.2: Cơ cấu tổ chức của Khoa NN	18
Bảng 4.2.1. Tỷ lệ hài lòng của giảng viên về hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập	70
Bảng 4.2.2. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đang học ngành NNA về phương pháp giảng dạy của giảng viên	72
Bảng 4.2.3. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp ngành NNA đợt 10/2024 về hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên năm học 2023-2024	72
Bảng 5.3.1 Tỷ lệ hài lòng trung bình từng năm của sinh viên đang học ngành NNA về các phương pháp kiểm tra/đánh giá sinh viên của giảng viên sử dụng	90
Bảng 5.4.1 Đối sánh kết quả thống kê khảo sát SV về nội dung cải thiện việc học tập	93
Bảng 6.1.1. Chỉ tiêu tuyển dụng GV của khoa Ngoại ngữ hàng năm	101
Bảng 6.1.1. Cơ cấu đội ngũ GV của khoa Ngoại ngữ tính đến 30/10/2024	102
Bảng 6.1.2 Bảng thống kê giảng viên Khoa Ngoại ngữ giảng dạy ngành Ngoại ngữ từ 2019-2024	103
Bảng 6.2.1: Tỷ lệ GV/SV của ngành NNA giai đoạn 2021 -2024	105
Bảng 6.6.1. Kết quả thi đua khen thưởng GV Khoa NN (giai đoạn 2019-2024)	124
Bảng 6.7.1: Thống kê số lượng đề tài các cấp, hội thảo khoa học và bài báo giai đoạn 2021-2024 [H6.07.06.01][H6.07.07.01] [H6.07.08.01][H6.07.09.01].	129
Bảng 7.1.1: Số lượng nhân sự của các đơn vị	136
Bảng 8.1.1 Kết quả tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học 2019-2023 [H8.08.02.03]. [H8.08.02.04]	157

Bảng 8.5.1: Mức độ hài lòng của người học ngành Ngôn ngữ Anh đối với điều kiện phòng học, thư viện về đảm bảo chỗ ngồi, ánh sáng, vệ sinh	170
Bảng 8.5.2: Mức độ hài lòng của người học ngành Ngôn ngữ Anh đối với điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường; đảm bảo về sức khỏe và an toàn	171
Bảng 8.5.3: Mức độ hài lòng của chuyên viên, nhân viên và giảng viên ngành Ngôn ngữ Anh về môi trường làm việc	172
Bảng 9.3.1: Đầu tư CNTT trong giai đoạn từ năm 2019 – 2024	188
Bảng 9.4.2: Tỷ lệ hài lòng của giảng viên, chuyên viên/ nhân viên và sinh viên về hệ thống Ngoại ngữ	190
Bảng 9.5.1: Tỷ lệ hài lòng của sinh viên, giảng viên và nhân viên về điều kiện về không gian, cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe và an toàn	194
Bảng 10.3.1: Tỷ lệ hài lòng trung bình từng năm của sinh viên đang học ngành NNA về các phương pháp giảng dạy và kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của sinh viên	204
Bảng 10.3.2: Tỷ lệ hài lòng của giảng viên ngành NNA về các phương pháp giảng dạy và kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của sinh viên	205
Bảng 10.5.1: Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV về “Công tác thư viện, tài liệu học tập và nghiên cứu”.	211
Bảng 10.5.2: Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV đối với hệ thống CNTT.	212
Bảng 10.5.3: Kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên về CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học.	213
Bảng 10.5.4: Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học đối với các dịch vụ tư vấn SV, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động ngoại khóa.	213
Bảng 11.5.2: So sánh kết quả khảo sát tỷ lệ hài lòng của sinh viên ngành NNA về hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm	231